NĂM THỨ SÁU • #66 • OCTOBER 1994

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

NHẠC DÂN TỘC CẢI BIÊN VIỆT NAM

MIRANDA ARANA

MỘT CHUYẾN ĐI SĂN NHẠC Ở VIỆT NAM

PHILIP BLACKBURN • CUNG TIẾN *dịch*

BỐ CON

Truyện **TRẦN MỘNG TÚ**

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."
Tựa của **Trần Hồng Châu**
■ *185 trang. Giá $10.00*

Nửa Đời Nhìn Lại

Truyện của **Tiêu Dao Bảo Cự** (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

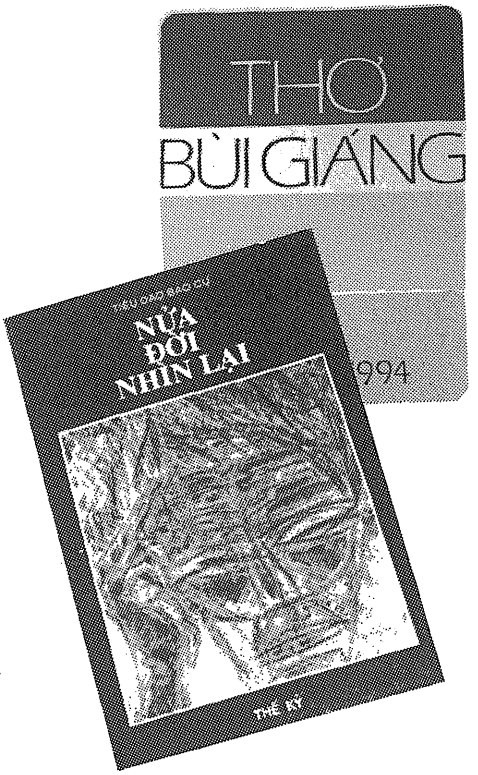

Tựa của **Đặng Tiến**. Bạt của **Hà Sĩ Phu**.
■ *340 trang. Giá $14.00*

Thơ Bùi Giáng

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá $8.00

Thư từ và ngân/lệnh phiếu (US$) xin đề THẾ KỶ, và gửi về PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684.
ĐT (714) 894-9021
FAX (714) 894-2752.

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO *PARIS BY NIGHT 26*

Thúy Nga Video hân hạnh kính mời quí khán thính giả trở lại phim trường SACRÉE SOIRÉE lộng lẫy nhất Âu Châu, với chương trình ca vũ nhạc tuyệt vời:

VIDEO

PARIS BY NIGHT 27

SACRÉE SOIRÉE 2

Điều khiển chương trình:
NGUYÊN NGỌC NGẠN

CHỦ ĐỀ: *tiếng hát với cung đàn*

NHẠC SĨ **VĂN PHỤNG**

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Châu Hà - Thanh Lan
Ý Lan - Ái Vân - Hương Lan
Dalena - Phi Khanh - Phương Hồng
Quế - Lưu Bích - Diễm Liên - Trang
Thanh Lan - Mỹ Lan - Phương Loan
Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy
Elvis Phương - Anh Khoa - Duy
Quang - Don Hồ - Quang Bình
Henri Chúc - Nguyễn Hưng
Chí Tài - Chí Thiện...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC

Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

The Company You Keep®

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
•Bảo Hiểm Nhân Thọ
•Bảo Hiểm Tàn Phế
•Bảo Hiểm Sức Khoẻ
New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

DỰ ÁN 20:

Chuẩn bị
kỷ niệm 20 năm
sống xa
quê cha đất tổ

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Đón Đọc

trần mộng tú
CÂU CHUYỆN
CỦA LÁ PHONG

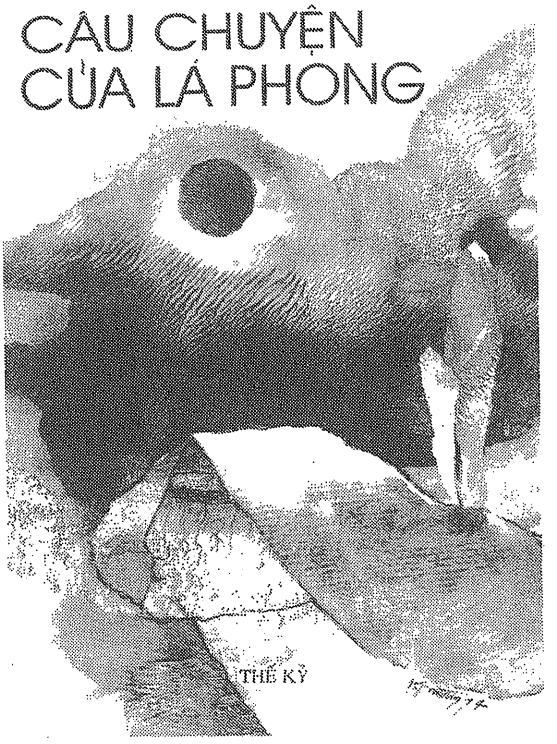

Tập truyện
Trần Mộng Tú
Bìa
Khánh Trường
Tựa
Nguyễn Xuân Hoàng
Bạt
Nguyễn Mộng Giác

Nhà Xuất Bản và Phát Hành THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY # A
GARDEN GROVE, CA 92643 - USA
TEL. (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

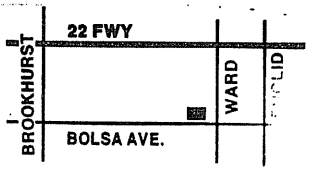

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
• CHẢ CÁ THĂNG LONG
• BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
• BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

ASIA BOOKS

720 Teresita Boulevard
San Francisco, CA 94127 (USA)
(415) 741-1532 (message)

Order your copies of these titles:

SAY IT IN VIETNAMESE, 1993 Reprint. A practical phrase book. $12.00
LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY, 1991 Reprint. Articles on Vietnamese language and society. $15.00
NHẤT THIÊN TỰ. THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS, 1989. Chinese characters with Vietnamese equivalents. $10.00
COLLOQUIAL VIETNAMESE. 1994 Reprint. The popular intermediate (second year) textbook. $23.00
**VIETNAMESE LITERATURE. A BRIEF SURVEY*. 1994. $12.00

* Order this item from SAN DIEGO STATE UNIVERSITY, BILINGUAL EDUCATION DIVISION. Attn Mr. Trần Cảnh Xuân, 9518 VERVAIN STREET, SAN DIEGO, CA 92129 (Telephone 619-484-4102).

All the other titles can be ordered from ASIA BOOKS.

Tranh bìa: *Nguyễn Thị Hợp*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Nguyễn Thị Hợp, Vũ Thái Hòa, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Hữu Nhật, Hiếu Đệ*
Hí họa: *Vẹt, Babui Mamburao 75, Hiếu*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, Trần Đại Lộc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm, Thúy Hằng*

MỤC LỤC
SỐ 66 . THÁNG MƯỜI 1994

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ
10 Ông Trần Quang Cơ viết những luận cứ sai lầm (*Vương Hữu Bột*)
14 Cuộc tranh luận quốc tế trong Hội nghị về Dân số của Liên Hiệp Quốc (*Quân Tử*)
17 Bàn thêm về "nhà nước pháp quyền" (*Trần Thanh Hiệp*)
57 Tạp ghi: Thánh chiến (*Vũ Quí Hạo Nhiên*)

ĐẶC BIỆT: NHẠC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM
28 Một chuyến đi săn nhạc ở Việt Nam (*Philip Blackburn, Cung Tiến dịch*)
35 Nhạc dân tộc cải biên Việt Nam (*Miranda Arana*)
41 Kế thừa di sản nhạc Việt Nam tại Mỹ (*Nguyễn Thuyết Phong*)
42 Câu chuyện âm nhạc truyền thống (*Ngô Đình Vận*)
75 Đông Tây giao hòa (*Phan Sinh*)

KHOA HỌC
22 Tiếng vọng: Chuyển động, sự sống và đại thế giới (*Nguyễn Kết*)
54 Hạt cơ bản và vi hạt Quác (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)
86 Điện toán: VNI-Word Tân Kỳ (*Vũ Tuy Hòa*)

VĂN HỌC
59 Tản mạn: Mưa và bốn người đàn bà nghe thơ (*Nguyễn Thị Hoàng Bắc*)
61 Câu chuyện thơ: Những tia lửa thơ bắn ra từ cơn múa thánh (*Hạ Long Lưu Văn Vịnh*)
63 Truyện: Bố con (*Trần Mộng Tú*)
69 Tản mạn: Cô Betsy (*Nguyễn Anh Tuấn*)
71 Truyện: Chuyện tình (*Trịnh Y Thư*)

THƠ
60 Tôi ra thành phố biển (*Vi Khuê*)
62 Tưởng như (Đoàn Nhật) Là em (*Lê Thị Thấm Vân*)
65 Mê hoặc trầm hương (*Thái Tú Hạp*)
66 Đà Nẵng dấu yêu (*Võ Đình Tuyết*)
68 Tiếng chuông chiều (*Nguyễn Anh Tuấn*)
70 Mùa chín biệt ly (*Xuân Bích*)
72 Tàu đêm (*Tuấn Huy*)
74 Hương trinh (*Lê Văn Lân*)

MỤC THƯỜNG LỆ
6 Thư toà soạn
7 Bạn đọc viết
8 Toà soạn và bạn đọc
80 Sách báo trong tháng
88 Vòng chân trời văn học nghệ thuật

ANH NGỮ / ENGLISH
45 Book review
46 Ann Phong's painting exhibit
47 Transplanting Vietnamese music to the United States (*Dr. Phong T. Nguyen*)
52 A musical safari to Vietnam (*Philip Blackburn*)

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Số báo này có một loạt bài đặc biệt về nhạc truyền thống Việt Nam. Nếu Giáo sư Nguyễn Thuyết Phong viết với văn phong hàn lâm, thì Ngô Đình Vận lại linh hoạt với thể ký sự, cùng nói về dân ca, dân nhạc Việt Nam trên đất Mỹ. Phan Sinh tường thuật, như một bản tin, một thể nghiệm giao hòa hai nền nhạc Việt và Mỹ trong buổi hội học do Pacific Symphony Orchestra và "Dự Án 20" tổ chức tại Trung tâm Nghệ thuật Orange County.

Có tới hai người Mỹ viết về nhạc Việt: Philip Blackburn viết bằng tiếng Anh và Cung Tiến chuyển ngữ; Miranda Arana viết thẳng bằng tiếng Việt — về nhạc truyền thống ở trong nước Việt Nam hiện nay.

*

Trong bối cảnh thay đổi cơ cấu quản lý tờ báo, chắc chắn sẽ có nhiều thay đổi về nhân sự, phương pháp phát hành, v.v. Thế Kỷ 21, qua sáu năm hiện diện, đã hình thành một phong cách riêng, một hướng đi riêng. Phong cách và hướng đi này được đông đảo bạn đọc và văn hữu chia sẻ, nên sẽ được duy trì. Những thay đổi nếu có sẽ chỉ làm cho tờ báo có thêm người tham gia viết, đọc và quảng bá.

Tòa soạn sẽ thăm dò để mời thêm nhiều văn hữu giữ các vai trò chủ biên các bộ môn; sẽ đón nhận các đóng góp về tin tức, thời sự ở nhiều địa phương, sao cho tờ báo phản ánh được sinh hoạt của các cộng đồng khắp nơi trên thế giới; sẽ tăng cường nhiều loại bài vở liên quan tới đời sống thường ngày; và sẽ kêu gọi tất cả các cộng tác viên, thân hữu và độc giả của tờ báo cùng làm công tác giới thiệu tờ báo với độc giả mới — chẳng hạn, ngay số này, Thế Kỷ 21 nhờ MỖI VỊ mời dùm MỘT độc giả dài hạn mới, chắc quý vị đã sẵn lòng giúp. Quý vị chỉ cần cho tên và địa chỉ, kèm theo vài dòng "mời mọc," gửi về tòa báo, chúng tôi sẽ gửi báo tới người được giới thiệu.

*

Cuối cùng, nhưng không kém quan trọng, tòa soạn xin thông báo: Thế Kỷ 21 dọn nhà!

Địa chỉ mới:
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove CA 92643
Điện thoại (714) 638-9510
Fax (714) 638-1944.

Từ nay, mọi liên lạc, tiếp xúc, xin quý vị đến hoặc gửi thư về địa chỉ này. Thế Kỷ 21 rất mong được đón tiếp các văn hữu, độc giả và thân chủ quảng cáo tại trụ sở mới (rất đẹp, trong một khung cảnh thanh lịch của một "old town", thành phố cổ, của Mỹ mà...như Tây!)■

Nên gửi báo sớm hơn

...Nhân đây chúng tôi cũng xin tòa soạn vui lòng gửi báo sớm hơn. Mấy tháng nay chúng tôi chỉ nhận được báo sau ngày 25 mỗi tháng. Chẳng hạn số 64, tòa soạn gửi ngày August 05 và đến Manila ngày August 27. Nếu có thể được mong tòa soạn gửi ngay từ ngày 01 mỗi tháng, để chúng tôi có thể nhận được báo sớm hơn độ một tuần.

Joseph Vu, SVD
Manila, Philippines

Báo chúng tôi gửi first class mà 22 ngày sau mới tới, thì hẳn có trục trặc nơi nhà Bưu điện. Mong rằng đó không phải chuyện thường xuyên! Về phần tòa báo, quả thật trong vài tháng qua có chậm trễ, vì lý do kỹ thuật: hoặc máy computer bị hư, hoặc (như tháng vừa qua) nhà in in ngược tranh bìa, phải in lại! Chúng tôi sẽ cố gắng để báo ra sớm hơn.

Ngoài ra, tháng vừa qua chúng tôi đặc biệt gửi cho các độc giả ở ngoài tiểu bang California, thay vì bulk rate, bằng hạng tư (mỗi tờ báo phải trả $1.05 tiền cước), để thử xem báo đi mất mấy ngày. Nhiều độc giả cho biết "nhận được sớm và báo không hư hao vì có bao thư, nhưng... tiếc tiền cước quá! Nhiều vị khác lại rất haon nghênh. Nếu quý vị nào đồng ý nhận báo gửi bằng hạng tư, xin trả thêm $8.00 một năm. Như vậy, giá báo dài hạn trong nước Mỹ có BA loại: (1)bulk rate: $32.40; (2)hạng tư: $40.40; (3)hạng nhất: $49.68.

Học trường Bưởi?

TK 21 số 63, trong bài "Về hạnh bố thí" của Du Li, tòa soạn có giới thiệu vài dòng về tác giả: "...Du Li là bút hiệu của Nguyễn Thị Phương Dung, sinh năm 1938 tại Hà Nội, thuở nhỏ học trường Bưởi..."

Các anh trong ban chủ biên phần lớn là cựu học sinh Chu Văn An, chắc biết trường Bưởi? Vậy, với tuổi của Du Li, không thể học trường Bưởi từ...thuở nhỏ được.

Lê Duy San
San Jose, California

Quả thật, tòa soạn sơ suất không nhuận sắc chi tiết này. Đúng ra phải viết là "học trường Chu Văn An, hậu thân của trường Bưởi" (vì trường đổi tên từ năm 1945). Cám ơn bạn Lê Duy San.

Sơn Điền tạ lòng tri kỷ

Tác giả Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh có vài hàng gửi độc giả Phan Văn Thiết như sau: "Tôi vì bận việc đi xa, mãi đến đầu tháng Chín mới trở về Orange County, được đọc thư của ông Phan Văn Thiết (Florida) trên TK 21 số tháng September 1994. Tôi xin cám ơn ông và xin cố gắng để đáp lòng tri kỷ."

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

Ao Bà Om ở đâu?

Trong truyện ngắn "Đà Lạt Chiều Buồng"(TK 21 tháng Tám), nhà văn Nguyễn Tấn Hưng viết Ao Bà Om ở Sóc Trăng.

Thực ra, Ao Bà Om ở Trà Vinh, cách tỉnh lỵ chừng sáu cây số về phía tây bắc. Chu Tử dùng Ao Bà Om làm bối cảnh cho tiểu thuyết gây xôn xao một thời là cuốn "Yêu."

Theo truyền thuyết, Ao Bà Om được đào bởi hàng ngàn phụ nữ người Khmer, và chỉ huy việc đào ao là Ba Om. Lúc ấy, vùng này còn là xứ Thủy Chân Lạp. Vị quan trấn nhậm muốn có một cái ao để tắm ngựa và voi nên tổ chức một cuộc thi đào ao cho hai toán thanh niên nam và nữ. Toán nữ thắng, có lẽ vì chăm lo đào; còn toán nam thua có lẽ vì không đào mà mải...nhìn đào.

Ngày nay, Ao Bà Om có thả sen, những cây cổ thụ quanh ao có cây to tới hai mét đường kính, rễ ở mé nước chằng chịt, chụp hình rất đẹp. Để chiêu dụ du khách, Trà Vinh (cũng có tên là Vĩnh Bình) có bốn câu thơ:

Bãi Ba Động nước xanh cát trắng
Ao Bà Om thắng cảnh miền Tây
Xin mời du khách về đây
Viếng qua mới biết chốn này thần tiên.

Tôi biết rõ những chuyện này vì Trà Vinh là quê tôi.

Trịnh Hảo Tâm
Fontana, California

Thạch Trung Giả có "tự sát" không?

Bài ký "Sáu khắc hồn tan" của Hồ Phổ Lại (TK 21 tháng Tám, trang 75) có câu: "Nhà văn Thạch Trung Giả đã tự sát trong trại học tập..."

Vì ký không phải là văn "hư cấu" mà là ghi chép sự việc có thực, nên tôi thấy cần lên tiếng đính chính. Sự đính chính này không làm giảm giá trị văn chương của bài ký.

Tôi là bạn thân của Thạch Trung Giả, cùng viết trong tạp chí Thế Kỷ xuất bản tại Hà Nội từ cuối 1950 (đầu 1951?) đến giữa (hay cuối) 1953.

Anh Thạch Trung Giả không hề bị đi "học tập cải tạo" và cũng không "tự sát." Tôi đi tù, anh vẫn ở nhà. Anh làm đám cưới cho con gái, có mời nhà tôi ăn cưới. Cuối năm 1979, tôi được "ra trại," đến thăm anh thì được con anh cho biết anh đã mất. Anh được hỏa táng ở Biên Hòa. Không thấy con anh nói anh bị tù cải tạo và tự sát trong trại tù.

Viên Phong
Boulder, Colorado

Xin cám ơn cụ Viên Phong. Nhân đây, tòa soạn cũng xin nói thêm để độc giả biết tờ Thế Kỷ ở Hà Nội đầu thập niên 1950 do một nhóm nhà văn, nhà thơ chủ trương, trong đó có Viên Phong, Triều Đẩu (tác giả các phóng sự xã hội "Trên vỉa hè Hà Nội" và "Trên vỉa hè Saigon"), Thạch Trung Giả, Bùi Xuân Uyên, Thượng Sĩ. Đầu thập niên 1960 lại có tờ Thế Kỷ Hai Mươi do giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch chủ trương.

Bài báo Xuân, tháng mấy?

Nếu gởi bài đăng báo Xuân thì phải gởi từ tháng mấy?

Mẹ tôi mới có tác phẩm "Na Uy và tôi," ra mắt đúng dịp sinh nhật thứ 70 của bà. Cháu thứ hai của chúng tôi là Dương Khoa đã dịch cuốn này sang tiếng Na Uy — món quà sinh nhật cháu tặng bà, rất được tán thưởng. (...)

Trương thị Kim Anh
Loddefjord, Na Uy

Xin chị và quý vị văn hữu gửi bài cho số Xuân từ...tháng này đi! Báo Xuân năm nay sẽ ra tháng Giêng 1995. Chủ đề: Hai mươi năm sống và viết bên ngoài nước Việt Nam.

Xin nói thêm về tác giả bức thư trên: Là con gái của nhà văn Nguyễn Thị Vinh, bà Kim Anh là vợ của kịch tác gia Dương Kiền, và là mẹ của nhà văn trẻ Dương Kim (đã có nhiều truyện dịch đăng trên TK 21).

Đổi tên tờ báo chăng?

TK 21 tháng Bẩy có một bài về Nguyễn Hữu Đang, tháng Tám có hai bài về Nguyễn Hộ. Cả ba bài đều hay, ngoại trừ quá cũ (các báo khác, kể cả báo biếu, đều đăng trước đó không phải mấy tuần mà là mấy tháng).

Có lẽ chúng ta nên đổi tên tờ báo chăng?

Không hiểu khi đăng lại như vậy TK 21 có "góp một phần phí tổn nhuận bút" cho các báo đăng trước, như đã từng nhắc nhở họ không?

Độc giả khó tánh ở DC

Cám ơn ông (bà?) "khó tánh." Nhiều khi TK 21 nhận được bài sớm, nhưng không đăng ngay. Tác giả hoặc người chuyển bài sốt ruột gửi cho báo khác mà TK 21 không biết. Tuy nhiên, có cái lạ là bài đăng ở chỗ khác không thấy dư luận xôn xao, mà TK 21 đăng thì thành... to chuyện.

Lại vấn đề..."Tuyệt đối bất nhị"!

Trong hai số báo liên tiếp, ông Huỳnh Hữu Cửu có đề cập vấn đề Tuyệt Đối Bất Nhị và được ông Nguyễn Hoài Vân ở Pháp góp ý. Tôi đồng ý với ông Nguyễn hơn là với ông Huỳnh.

Theo tôi, cái nhị nguyên luận và cái tuyệt đối hiểu theo khoa học Tây phương không thể dùng Thiền mà trả lời vì Thiền dựa trên những triết lý "siêu hình" kèm theo lối lý luận lưng chừng, vòng vo, không quả quyết, để tránh né vấn đề. Thiền không phải một hệ thống học thực nghiệm có quy tắc, phương pháp. (...)

Ông Huỳnh, trong bài "Con gà..." còn có một câu văn tối nghĩa vì một chữ "thật": "Tuyệt đối là hoàn toàn không thật có bất cứ một cái gì đối lại." Bỏ chữ thật đi, câu văn dễ hiểu hơn.

Ông Huỳnh nhấn mạnh nhiều lần chữ tuyệt đối, và cho rằng khoa học Tây phương chấp thật nên mới lúng túng. Vấn đề thật giả, đúng sai, không phải là vấn đề của khoa học. (...)

Nói nôm na, khoa học giúp con người giải được bài toán, và Thiền là một thứ tôn giáo giúp con người hết thắc mắc, ấm ức về việc không giải được bài toán. Thế thôi!

Xin hỏi thêm TK 21: Bài nói chuyện giữa Đạt Lai Lạt Ma và viện Niel Bohr, muốn đọc nguyên tác thì tìm ở đâu? Ông Nguyễn Kết dịch rất thoát, nhưng vẫn có những từ khó hiểu, vì cố dịch những chữ không nên dịch. Giảng cho người ta hiểu nó là gì, rồi cứ dùng nguyên chữ gốc, như Big Bang, TV, RAM, v.v... Ông Đỗ Thông Minh chuyển ngữ [danh từ điện toán] rất công phu, nhưng e rằng không phổ thông, khó dùng.

Lại hỏi thêm câu nữa: Tôi có thể mua trọn bộ TK 21 từ số 1 không?

Nguyễn h. Vũ
Chino Hills, California

Tòa soạn đã mạn phép cắt ngắn thư ông, mà vẫn còn dài. Nhiều vấn đề. Lại có nhiều...người ở trong nữa! Nhưng (tòa soạn) rất vui, vì thấy độc giả của mình theo dõi tờ báo rất kỹ.

Vụ ông Huỳnh và ông Nguyễn, chắc qua lại như thế cũng đủ rồi. Vụ Niel Bohr, để hỏi dịch giả Nguyễn Kết xem sao. Riêng với Nguyễn Kết, tòa soạn đã có thư riêng về việc ghi sai địa chỉ nên mấy tháng liền báo gửi đi cứ bị trả lại. Nay nhận được "tiếng vọng" mới biết địa chỉ mới, xin tạ lỗi lần nữa. Chuyện của ông Đỗ Thông Minh chắc còn dài, vì hiện đã có ba thư góp ý, mà số trang báo có hạn, phải gác lại. Báo từ số 1 còn, nhưng thiếu vài ba số, nếu ông Vũ mua, chúng tôi xin gửi ngay.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Nguyễn Anh Tuấn (*London, Anh Quốc*): Xin cám ơn các bài viết của anh. Cô Betsy đã đăng trong số này, các bài khác đang đọc. Mong tiếp tục nhận được thư và bài.

Trang Luân (*Pomona CA*): Cám ơn ông đã điện thoại thăm hỏi. "TPMKU" đã nhận được nhưng không đăng được. Mong các sáng tác khác. Thân ái.

Xuân Bích (?): Đã nhận được thơ, bài nào cũng dài. Đang đọc. Chúc vui luôn.

Nguyễn Trân (*Simi Valley CA*): Chúng tôi đã gửi ngay để bù số báo bị thất lạc. Mong ông nhận được tờ báo "không sứt mẻ". Kính.

Võ Đình Tuyết (*Hatfield PA*): Đã nhận được thơ. Sẽ đăng. Mong băng nhạc mau ra. Thân.

Trần Vĩnh Tường (*Huntington Beach CA*): Cám ơn đã cho bài. Đang đọc. PXĐ chia sẻ nhiều điều trong bài. Thân chào.

Dương Đoàn (*San Jose CA*): Có nhiều độc giả khác cũng đồng ý với ông về cách viết của ông Sơn Điền, "giản dị, vui và hấp dẫn." Cám ơn những lời khen về tờ báo. Thân chào.

Phạm Trọng Chánh (*Paris, Pháp*): Đã nhận được thư và bài. Sẽ đăng trong những số sau. Chúc vui. Thân ái.

Trúc Huy (*Montréal CND*): Đã nhận được bài sau. VNI đã ra software mới, giải quyết hầu hết những vấn nạn bạn nêu ra trong bài, nên có lẽ sẽ trích đăng một đoạn về đề nghị cách viết bớt mẫu tự, cho vui. Thân.

Trần Trung Tín (*Sunnyvale CA*): Sẽ đăng góp ý với ông Hiệp. Thân chào.

Tòa soạn đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc v.v...

Trần Văn Hương (San Jose, CA), Nguyễn Nga Mỹ (Indianapolis, IN), Trương Thị Kim Anh (Loddefjord, Norway), Phạm Ngọc Cường (Berlin, Germany), Phan T. Nguyen (San Diego, CA), Minh Phung Tompkins (Fair Oaks, CA), Vanessa Nguyen (Rosemead, CA), Vũ Quốc Liên (El Cajon, CA), Trịnh Bích Đào (Silver Spring, MD), Lý Trần Hưng (Carmichael, CA), Rev. Trần Cao Tường (Marrero, LA), Tân Văn Hồng (Santa Ana, CA, đổi địa chỉ), Nguyễn Thanh Quang (N. Potomac, MD, đổi địa chỉ), Phan Nguyen Barker (Kailua- Kona, HI), Nguyễn Thị Vân (Raiford, FL), Nguyễn Văn Hai (Louisville, KY), Phu Tan Nguyen (Orlando, FL), San Duy Le (San Jose, CA), Lê Long (Orlando, FL), Le Minh Tan (Placentia, CA), Lê Văn Ninh (Arlington, TX), Michael T.T. Bùi (Honolulu, HI, đổi địa chỉ), Minh Châu Gallagher (New York, N.Y.), Nghiêm Xuân Khuyên (Irvine, CA), Nguyễn Cẩm Huy (Rosemead, CA, đổi địa chỉ), Nguyễn Công Bằng (Landsdale, PA), Nguyễn Minh Hương (Porland, OR), Nguyễn Thanh Giản (Pinole, CA), Lê Đình Khôi (Santee, CA), Lại Mạnh Cường (Amsterdam, Nederland), Lê Công Yên (Philadelphia, PA), Đàm Quang Lâm (Philadelphia, PA), Ewing D. Diep (Shalimar, FL), Dương Phước Luyến (W. Palm Beach, FL), Anh Tôn Trang (Orlean, France), Đặng Quốc Anh (San Jose, CA), Paul Zielbauer (Huntington Beach, CA), Hoàng Tâm (McLean, VA), Phong V. Ho (Foxbro, Ma), Tuan L. Do (West Orange, NJ), Ngô Than (Chicago, IL), Trần Thị Trâm (Pacifica, CA), Tran Minh Le (Costa Mesa, CA), Lê Văn Đức (Munster, Germany), Lê Văn Đức (Van Nuy, CA), Hien Van Phan (Amory, MS), Tạ Xuân Khoa (Landsdale, PA), Khuu K. Thanh (Beaverton, Or), Lê Đình Duyên (Garden Grove, CA), Thưởng Như Lê (Canoga Park, CA), Trần Xuân Lợi (Thousand Oaks, CA, NĐT giới thiệu), Sy, Sue Sue & Oliver Luu (Laguna Niguel, CA), Nghiêm K. Lam (Altamonte Springs, FL), Ngô Thị Thân (Chicago, IL), Mai Anh Viet (Aloha, OR), Bùi Quang Hiền (Berlin, Germany), Hoang Thong Lap (Tallahasse, FL), Nguyễn Văn Thi (Richardson, TX, DC tặng), An N. Ho (WDSM, IA), Ton That Duy Anh (Baltimore, MD), Duong Doan (San Jose, CA), Nguyễn Hữu Thanh Lãng (Honolulu, HI), Trần Diệu Minh (Thousand Oaks, CA). ■

Bạn đã nồng nhiệt đón nhận những cuốn "đầu tay" của nhà Xuất Bản **Thế Kỷ.** Bạn không thể không đón đọc những cuốn sắp ra:

1. **CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG**, tập truyện của *Trần Mộng Tú*. Với bìa của *Khánh Trường*, tựa của *Nguyễn Xuân Hoàng* và bạt của *Nguyễn Mộng Giác*.
2. **ĐÀN BÀ**, tập truyện của *Hải Vân*. (Với truyện ngắn "Đàn Bà" đã đăng, và đã gây sôi nổi một thời, trên *Thế Kỷ 21* số ra mắt).
3. **VÙNG ĐÁ NGẦM**, tập truyện của *Hà Kỳ Lam*, bìa và phụ bản của *Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng*.
4. **ĐẤU CỜ TƯỚNG**, truyện vừa của *Stefan Zweig*, *Đỗ Quán Anh* phóng tác, đã đăng trên TK 21 năm 1989. Bìa và phụ bản của *Nguyễn Trọng Khôi*.

Nhà Xuất Bản và Phát Hành **Thế Kỷ**
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE, CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

ÔNG TRẦN QUANG CƠ VIẾT NHỮNG LUẬN CỨ SAI LẦM

VƯƠNG HỮU BỘT

Đầu thế kỷ hai mươi này, khi thanh niên Việt Nam bắt đầu có phong trào cắt tóc ngắn, họ đã bị các thế hệ cha anh kết tội nặng nề. Các người thủ cựu nói rằng tóc hay răng đều thuộc về thân thể do cha mẹ sinh ra, phải giữ gìn cho tới chết. Cắt tóc là bất hiếu, là phản bội tổ tiên, vì, các đàn anh nói, tổ tiên mình không cắt tóc, chỉ Tây phương mới có truyền thống cắt tóc! (Các phụ huynh quên rằng sử gia Trung Quốc thời xưa mô tả đặc tính của dân Việt là cắt tóc ngắn, vẽ mình, v.v...)

Nhiều chính phủ các nước tại châu Á cũng đang chống lại phong trào đòi hỏi nhân quyền và dân chủ của dân chúng nước họ, và họ tự biện minh bằng những luận cứ giống như vậy. Những luận điệu này được nhiều nước Á Châu chính thức công bố tại một hội nghị ở Bangkok năm 1993. Trong tuần báo Viễn Đông Kinh Tế (FEER), số ra đầu tháng Tám 1994, ông Trần Quang Cơ, thứ trưởng ngoại giao Việt Nam, lập lại một số trong các điều ngụy biện đó. Bài này nêu rõ các sai lầm của ông.

Ngụy luận thứ nhất: "Nhân quyền là một truyền thống trong văn hóa Tây Phương, không có sẵn trong văn hóa Á Châu. Dân Châu Á vốn có truyền thống kính trọng người nắm quyền binh."

Nói như vậy không khác gì bảo rằng người châu Á không có truyền thống uống Coca Cola cho nên không thể cho họ sản xuất và tiêu thụ thứ nước ngọt này! Trước đây hai thế kỷ, Coca Cola cũng không phải là một thức uống phổ biến ở nước Mỹ. Trước đây hai thế kỷ dân chủ và nhân quyền cũng mới bắt đầu trở thành một trào lưu tại Tây Phương. Nhưng dù ở phương Đông hay phương Tây, các nền văn hóa đều công nhận con người có những quyền cơ bản, và sự xác nhận các quyền đó đều nhằm hạn chế quyền hành của vua chúa và các người có chức vụ. Điều này thì Đông và Tây không khác nhau. Chỉ khác nhau vì trình độ văn minh cao hay thấp. Thí dụ quyền bảo vệ thân mạng và tài sản của người dân thì dù Đông hay Tây, khi đã có văn minh, đều công nhận. Việc hạn chế quyền hành của quan lại đã được nêu ra trong luật Hồng Đức, thế kỷ 15 ở Việt Nam, cũng như ở Anh quốc vào thế kỷ 17. Quyền phụ nữ được đối xử ngang hàng với nam giới cũng được tôn trọng trong luật Hồng Đức. Sự tôn trọng nhân quyền không tùy thuộc truyền thống Đông hay Tây mà chỉ tùy thuộc trình độ xã hội đã tiến bộ hay chưa. Khi xã hội tiến lên thì người dân biết đòi hỏi quyền làm người, và người cầm quyền tiến bộ cũng biết tôn trọng phẩm giá của người dân. Nhân quyền là biểu hiện của các phẩm giá đó. Nếu chỉ có dân chúng tiến bộ, ý thức về nhân quyền, còn người cầm quyền vẫn kém văn minh, thì sẽ có loạn. Phải chăng các chính phủ Việt Nam, Miến Điện, Trung Quốc muốn chứng minh với thế giới rằng nền văn minh tại Á Châu nay còn chậm tiến và thấp kém so với Tây phương hai thế kỷ trước?

Tôn trọng quyền bính cũng không phải là thói quen riêng của người châu Á. Trong lịch sử, người phương Tây cũng kính trọng nhà cầm quyền, còn kính trọng hơn cả dân Á Đông nữa. Quyền uy của vua chúa và giáo hội ở Âu Châu suốt thời Trung Cổ được coi là thiêng liêng và tuyệt đối. Trong khi ở châu Á, Mạnh Tử đã công nhận quyền khởi nghĩa để thay đổi vua quan từ năm thế kỷ trước công nguyên. Các nhà báo Tây phương thiếu hiểu biết thường nói đạo Khổng đề cao trật tự và uy quyền. Trật tự thì đúng, nhưng uy quyền tuyệt đối của vua quan thì sai. Chính tại Tây phương, ngay trong thời tư tưởng dân chủ phát sinh vẫn có các triết gia chủ trương vương quyền tuyệt đối. Trước khi Locke (thế kỷ 17) nêu lên các nguyên tắc của chế độ dân chủ thì cũng tại Anh quốc Robert Filmer còn bênh vực quyền thế tập của nhà vua một cách hùng hồn. Ngay đối với Hobbes, một triết gia tiên khởi của tư trào dân chủ, thì Dân ước (Social Contract) chỉ là giao ước giữa những người dân bị trị, vua không can dự.

Trong thực tế thì trước thế kỷ mười chín, chính nếp sống xã hội ở Á Đông tôn trọng nhân quyền và dân quyền hơn ở Âu Châu. Tự do tôn giáo luôn luôn được tôn trọng ở Á Đông suốt bao thế kỷ trong lúc bên Âu châu chính phủ hành hạ và thiêu sống những người khác tôn giáo. Nhân đạo nhất thì họ bắt dân ngoại đạo phải đóng tiền phạt nếu không đi lễ theo lệnh nhà Vua. Trong bộ máy hành chánh và tư pháp thì chính chế độ khoa cử để tuyển chọn người làm quan, từ thế kỷ thứ tám ở Trung quốc, thế kỷ mười một ở Việt Nam, là một định chế rất dân chủ mà Tây Phương tới sau thời cách mạng Pháp mới áp dụng. Ngay cả trong thời kỳ Anh quốc đã có nghị viện để chia quyền với nhà vua thì bốn trường dạy luật và đào tạo quan lại ở London cũng chỉ nhận con nhà dòng dõi quý tộc vào học.

Trong khi đó ở Việt Nam, con cháu nông dân, thợ thuyền, nhà buôn cũng có thể đi học, đi thi, thi đỗ thì làm quan, từ thời nhà Lý. Cũng tại các nước Đông phương trong triều đình mới có chức quan ngự sử để can gián vua và đàn hạch quan lại, nhiều vị quan đã đảm nhiệm chức vụ đó một cách dũng cảm, còn được sử sách ca ngợi. Ngay trong thời quân chủ cực thịnh ở Việt Nam, một người đàn bà có chồng bị bắt và xét xử oan là bà Bùi Hữu Nghĩa còn có quyền đi tới của nhà Vua đánh trống minh oan cho chồng. Truyền thống đó có phải là dân chủ và tôn trọng nhân quyền hay không?

Ngụy luận thứ hai: "Chủ nghĩa cá nhân, một yếu tố trong chế độ dân chủ, là một truyền thống của Tây phương, trong khi Á Đông đề cao cộng đồng, coi nhẹ cá nhân."

Luận điệu này có hai điểm sai. Thứ nhất là dân chủ và nhân quyền không nhất thiết phải đặt cơ bản trên chủ nghĩa cá nhân. Một xã hội dân chủ vẫn có thể theo các tiêu chuẩn chính trị của Khổng Tử: "... Thiên hạ vi công,... các thân kỳ thân, các tử kỳ tử, cử hiền dữ năng, giảng tín, tu mục" (Thiên hạ là của chung, ... coi người thân hay con cái của người như của mình, cử người hiền và người có khả năng, giảng chữ tín và tập sống thuận thảo.) Thứ hai, tư tưởng Đông hay Tây đều tìm cách cân bằng giữa cá nhân và cộng đồng. Thời xưa vai trò cộng đồng được đề cao hơn nên gây ra phản ứng đề cao cá nhân khi tư trào dân chủ phát khởi. Các triết gia cổ đại Hy Lạp thường chú trọng đến cộng đồng hơn cá nhân. Tác phẩm Cộng Hòa của Plato bàn về một cộng đồng hoàn hảo chứ không phải về những cá nhân. Tư tưởng đề cao cá nhân chỉ nổi lên nhờ những triết gia bên lề (Cynics và Stoics), địa vị của họ không khác gì Lão Trang và Dương Chu ở Trung Quốc. Thiên chúa giáo nêu cao vai trò cá nhân (tất cả bình đẳng trước Thượng Đế), nhưng trong thời trung cổ, giáo hội ở Âu Châu chắc chắn thua xa các tôn giáo ở Á đông khi nói đến địa vị của cá nhân trong cộng đồng. Chỉ từ thời cải lương tôn giáo ở Âu châu vai trò cá nhân trong tín ngưỡng mới lên cao. Trong khi đó học thuyết Lão Trang ở Á đông và Phật giáo rất phổ cập ở châu Á đều lấy cá nhân làm trọng tâm tu học, chứ không đề cao cộng đồng. Lão Trang đặt mỗi con người vào giữa cõi tự nhiên, các định chế xã hội đều đáng dẹp bỏ. Và Đức Phật dậy ai cũng có thể thành Phật. Vậy cá nhân có được đề cao hay không cũng không phải do truyền thống Âu Á khác nhau mà do ảnh hưởng của đời sống kinh tế và xã hội.

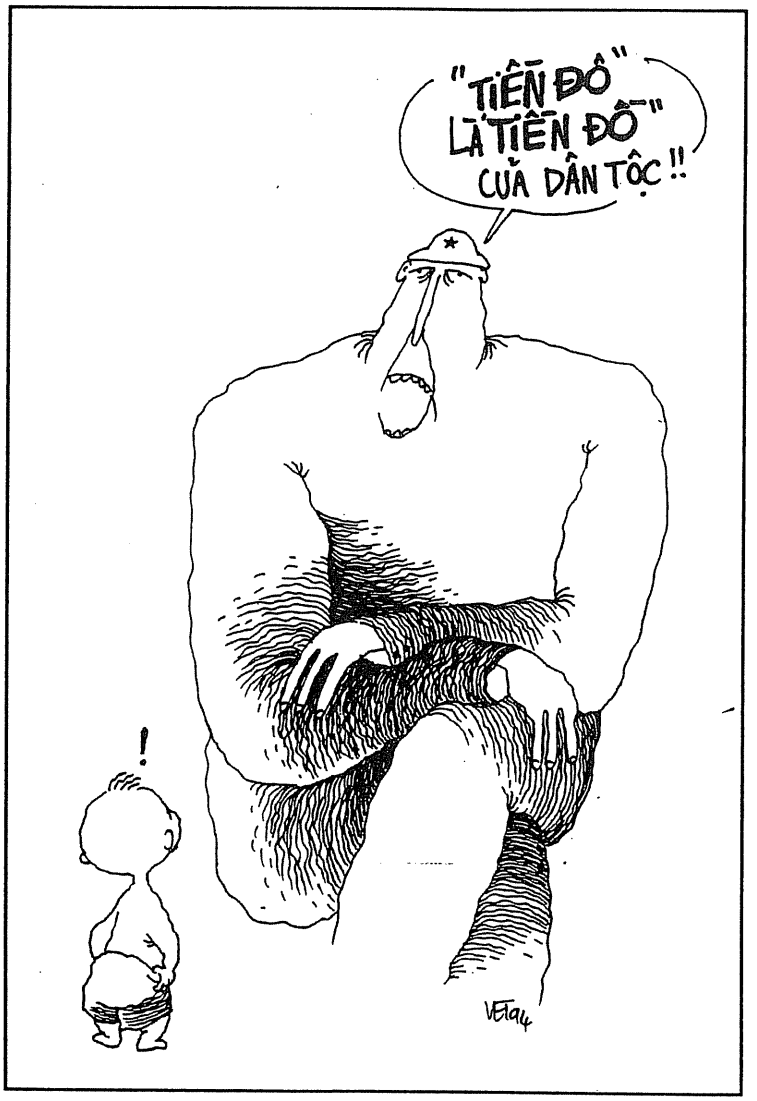

Vậy nói rằng Á châu không có truyền thống về dân chủ và nhân quyền như ở Tây phương là xuyên tạc cả một nền văn hóa. Các nhà báo thiếu hiểu biết ở Âu Mỹ có thể phạm lỗi lầm đó vì vô tình hay vì óc tự tôn chủng tộc. Nhưng các người cầm quyền ở Á châu mà nói theo như vậy là dốt nát và có tội bôi nhọ tổ tiên.

Điều đáng buồn cười là những người sử dụng luận điệu đó một cách ồn ào nhất lại là các người cầm quyền ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Họ bác bỏ những đòi hỏi về nhân quyền, lấy cớ quan niệm đó xa lạ đối với văn hóa châu Á. Nhưng chính họ lại nhập cảng và vẫn còn tôn sùng một chủ thuyết hoàn toàn là sản phẩm của Tây phương, mà nay chính Tây phương đang bỏ đi vì biết nó sai lầm, là chủ nghĩa Mác-Lê Nin. Chủ thuyết duy vật, và chế độ vô sản chuyên chính không có gốc rễ nào trong truyền thống ở châu Á, mà còn phản lại truyền thống tam giáo đồng nguyên ở Á Đông nữa. Thái độ đó thiếu tự trọng và thiếu hiểu biết.

Vậy nếu Dân chủ và Nhân quyền không thiếu trong truyền thống Á châu thì tại sao nhiều nước Á châu vẫn chìm trong đêm

tối của các chế độ độc tài lạc hậu nhất thế giới? Câu trả lời nằm trong các điều kiện lịch sử, và trình độ phát triển kinh tế ở các nước châu Á. Về mặt lịch sử, từ một thế kỷ nay nhiều nước Á châu đã phải lo trước hết vấn đề giành độc lập (Đại Hàn, Việt Nam) và áo cơm (Trung Quốc). Trong việc giành độc lập và cơm áo đó họ không may rơi vào vòng kiểm soát của những đảng độc tài và các chủ nghĩa ngoại lai mà họ phải cắn răng chịu đựng cho tới nay. Điều đó không có nghĩa là chế độ độc tài và chủ nghĩa độc tôn là do dân những nước trên lựa chọn. Mặt khác, tư tưởng tự do đã phát triển ở Tây phương trước Á châu vì cuộc cách mạng kỹ nghệ và việc phát triển ngoại thương ở đó đã tới sớm hơn vài thế kỷ.

Tóm lại, việc chống dân chủ và nhân quyền của một số chính phủ Á châu dùng luận điệu truyền thống văn hóa là sai lầm và không lương thiện.

Ngụy luận thứ ba là: "Người dân các nước châu Á không có tập quán dân chủ cho nên chưa thể mở cửa cho các thể chế dân chủ tự do, sợ chia rẽ và hỗn loạn."

Nói vậy cũng không khác gì bảo một người chưa có thói quen bơi lội thì không bao giờ nên xuống nước, hay một cô gái chưa bao giờ có bầu thì chưa có tập quán sinh đẻ, cho nên không thể lấy chồng, sinh con được. Thể chế dân chủ là kết quả của sự phát triển bình thường trong xã hội loài người. Sự biến chuyển từ trạng thái xã hội cũ sang một trạng thái mới bao giờ cũng gây ra những xáo trộn, có khi đau đớn, nhưng đó là hiện tượng tự nhiên trong quá trình tiến bộ.

Những người muốn duy trì chế độ độc tài bao giờ cũng coi đám dân bị trị như con nít chưa đủ trưởng thành, không đáng tin cậy. Họ cho rằng việc trị nước phải dành cho một nhóm người ưu tú mà thôi, để cho dân lựa chọn người cai trị rất nguy hiểm. Các nhà quý tộc thế truyền thường nêu lên luận điệu này để bảo vệ chế độ phong kiến. Ngay sau khi tư trào dân chủ đã lan rộng, các đảng phát xít cũng dùng những luận điệu tương tự (như của Nietzsche) để biện hộ cho quyền bính của họ. Và các đảng cộng

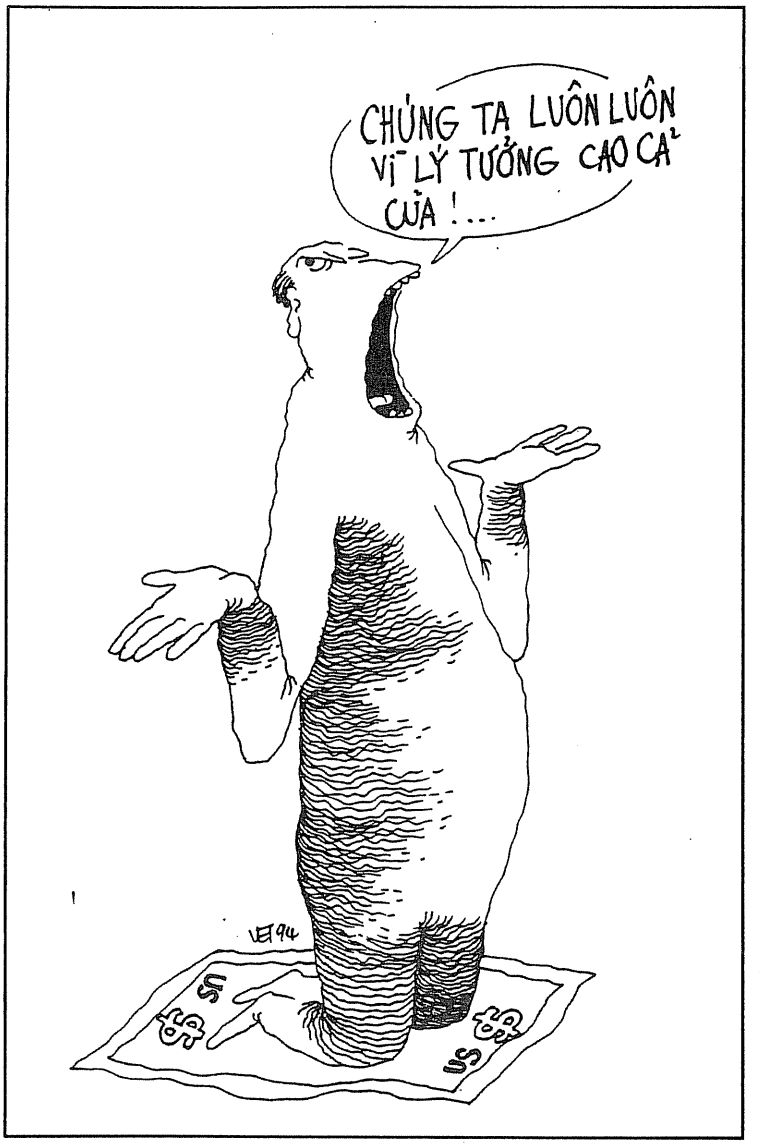

sản thì dùng chiêu bài giai cấp tiên tiến. Những luận điệu đó không thể thuyết phục được những người dân đã nếm thử mùi tự do dân chủ. Họ chỉ có thể duy trì sự ổn định bằng bạo lực của công an.

Nhưng sự phát triển kinh tế sẽ thay đổi thái độ của người dân. Chúng ta nhớ lại rằng tư tưởng tự do dân chủ phát triển tại Âu châu đồng thời với cách mạng kỹ nghệ và việc phát triển thương mại, cùng sự hình thành của một tầng lớp trung lưu ở thành thị. Các nước Á châu đang thay đổi với kinh tế thị trường và cũng đang chuyển hóa. Sự thay đổi diễn ra từ gốc rễ là gia đình. Trong mười năm qua số những vụ ly dị ở Singapore, Đài Loan và Hồng Kông đã tăng gấp đôi. Trong hai chục năm qua số ly dị ở Nam Hàn đã tăng gấp ba. Rõ ràng những cá nhân đang gia tăng ý thức quyền lợi của họ. Những chính phủ độc tài cũng không hữu hiệu trong việc bảo vệ trật tự. Từ năm 1992 sang 1993, số tội phạm của thanh thiếu niên ở Singapore tăng thêm 27% dù chính phủ độc tài ở đó tự coi là vô địch về bảo tồn đạo đức. Xã hội châu Á đang thay đổi từ cơ bản. Phát triển kinh tế đòi hỏi phải có một tầng lớp thị dân có học, và người dân có của và có học sẽ đòi hỏi tự do dân chủ vì nhu cầu sống của họ. Trào lưu đó không phải do truyền thống của khu vực văn hóa nào cả mà do sự phát triển tự nhiên của xã hội loài người. Những chính phủ độc tài đã cầm quyền nửa thế kỷ ở Á châu mà vẫn còn tuyên bố dân

nước họ chưa đủ trưởng thành để sống tự do dân chủ, tức là họ thú nhận chính họ đã kìm hãm sự phát triển và tiến bộ của người dân. Đó chính là một lý do nữa khiến họ nên tự đào thải và trả lại quyền cho dân nước họ.

Ngụy luận thứ tư là: "Chế độ độc tài duy trì tình trạng ổn định cần thiết cho việc phát triển kinh tế."

Các nhà trí thức Việt Nam như Hồ Hiếu, Lữ Phương đã nêu rõ sự sai lầm khi lẫn lộn ổn định chính trị và ổn định xã hội. Chính quyền độc tài duy trì được một tình trạng ổn định chính trị trên bề mặt nhưng đồng thời nuôi dưỡng một tình trạng bất ổn xã hội mỗi ngày thêm trầm trọng ở dưới đáy sâu. Sự ổn định trong chế độ công an chỉ làm lợi cho một thiểu số trong giai cấp được ưu đãi. Chính sách cởi trói kinh tế nhưng đóng cửa chính trị có hai tác dụng. Kinh tế thả lỏng sẽ giúp cho một số người làm giầu. Chính trị độc tài sẽ khiến cho chỉ một số người nắm quyền bính có cơ hội sử dụng quyền để làm giầu. Chính sách này càng kéo dài thì thiểu số ưu đãi trên càng củng cố địa vị ưu đãi của họ vững vàng thêm vì họ vừa có quyền vừa có tiền. Làm giầu nhờ quyền thế chứ không phải vì khả năng cạnh tranh, tất nhiên tạo ra và nuôi dưỡng tham nhũng. Do đó xã hội càng bất công và càng mất ổn định. Cứ kéo dài như vậy thì kinh tế sẽ ngưng tiến bộ và cách mạng bạo động sẽ xảy ra.

Kinh tế phát triển là nhờ người dân được các quyền tự do về kinh tế, như quyền hưởng hoa lợi do mình tạo ra, quyền tư hữu, quyền tự do cạnh tranh và quyền tự do ký giao kèo. Các thí nghiệm ở Trung quốc từ 1980 cho thấy khi người dân có một chút quyền tự do làm ăn thì họ sẽ cố làm giầu và nhờ thế nền kinh tế chung tiến bộ. Nhưng một chế độ độc tài sẽ dần dần ngăn chặn cả những quyền tự do kinh tế. Tham nhũng là một hình thức vi phạm tự do kinh tế vì kẻ này làm, người khác hưởng. Chế độ độc tài sẽ vi phạm những quyền tự do cạnh tranh, quyền tự do kết ước (chỉ một thiểu số được ưu đãi; và luật lệ, thủ tục thay đổi tùy tiện theo quyền lợi của thiểu số này), và ngay cả quyền sở hữu cũng có thể bị đe dọa vì các chính sách tiền tệ và thuế khóa tùy tiện. Nếu không có tự do chính trị thì tất cả các quyền tự do kinh tế có thể bị mất bất cứ lúc nào, kể cả quyền sử dụng và sở hữu tài sản do mình tạo ra bằng mồ hôi nước mắt. Chế độ dân chủ là một bảo đảm cho người làm ăn để họ yên tâm tiếp tục làm ăn. Khi người dân biết luật lệ, thủ tục sẽ do một chính phủ chịu trách nhiệm trước nhân dân, làm ra và thi hành, thì họ yên tâm rằng không ai có thể dùng quyền lực thay đổi bất ngờ, cướp giật của cải của họ. Lòng tín nhiệm trên rất cần thiết để người ta đầu tư, làm ăn lâu dài. Nếu không sẽ chỉ có các vụ làm ăn chụp giật, lấy lời mau, như đầu cơ nhà đất, mở dịch vụ du lịch, hay công nghiệp nhẹ do tư bản ngoại quốc cho thầu lại để lợi dụng nhân công rẻ. Ngay cả các người có quyền bính cũng mang thái độ ăn sổi ở thì trong hoạt động kinh tế. Trước tình trạng bấp bênh, họ không hoạch định và đầu tư lâu dài vào các công nghiệp dùng kỹ thuật cao, không chú tâm giáo dục, đào tạo kỹ năng và xây dựng hạ tầng cơ sở. Báo The Economist ngày 27-8-1994, trong bài Dân chủ và Phát triển Kinh tế (trang 15-17) đã dẫn chứng các nghiên cứu khoa học của ba nhà kinh tế chứng tỏ nền chính trị dân chủ là thiết yếu cho sự phát triển. Trên khắp thế giới, những nước có chế độ chính trị tự do hơn đều là những nước có trình độ phát triển cao hơn. Những nước độc tài nhất thường là những nước nghèo đói nhất. Một lý do chính là tự do chính trị giúp người ta tin tưởng rằng các quyền tự do kinh tế sẽ tồn tại lâu dài, nhất là quyền sở hữu và việc thi hành các giao ước thương mại. Bài báo này viết: "Tại sao tự do kinh tế lại khích động phát triển, điều này dễ hiểu. Bài học hiển nhiên qua sự sụp đổ của các chế độ cộng sản là một nền kinh tế muốn mở mang phải được phép phát triển tự nhiên theo quy tắc tự do cạnh tranh và tự nguyện kết ước... Câu hỏi là tại sao tự do chính trị lại gia tăng những lợi ích mà tự do kinh tế đã tạo nên. Câu trả lời có thể là tự do chính trị khích lệ các xí nghiệp và con người hành động như thể các quyền tự do kinh tế sẽ tồn tại lâu dài."

Người ta thường nêu thí dụ Đại Hàn, Đài Loan và Singapore để chứng tỏ các nước độc tài vẫn phát triển kinh tế. Có bốn điểm sai lầm khi dùng thí dụ này. Thứ nhất là các nước trên phát triển trong thời kỳ họ đều bị đe dọa về sự tồn tại của quốc gia họ. Đài Hàn và Đài Loan sợ bị cộng sản xâm lăng, Singapore thì mới lập quốc. (Thủ tướng Lý Quang Diệu đã khóc lúc báo tin Singapore bị trục xuất khỏi liên bang Mã Lai Á). Vì sống dưới các mối đe dọa như thế, dân các nước trên có một mối đồng tâm và tinh thần kỷ luật cao, một sự ổn định tâm lý xã hội vững vàng mà các nước khác ở Á châu hiện nay không có. Thứ hai, các nước trên đều hưởng những thuận lợi nhờ thời kỳ chiến tranh lạnh. Các nước Tây phương đã giúp đỡ họ phát triển để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản, với viện trợ hoặc ưu đãi. Ngày nay chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Thứ ba, các nước trên đều theo chế độ pháp trị, công nhận chế độ đa đảng, có đảng đối lập hoạt động, nhà nước không độc quyền về báo chí, xuất bản, không kiểm soát tất cả các công đoàn, hiệp hội, giáo dục, nghề nghiệp, tôn giáo, v.v... Tham nhũng có xảy ra nhưng là các ngoại lệ chứ không phải quy luật. Nghĩa là người dân ở các nước đó có thể tin tưởng rằng những quyền tự do kinh tế của họ có thể tồn tại lâu dài và được luật pháp bảo vệ. Họ không phải nuôi dưỡng các xí nghiệp quốc doanh ăn hại vì lý do đảng cầm quyền bám vào các xí nghiệp lỗ lã đó để nuôi đảng viên. Và điểm thứ tư cũng rất quan trọng, các nước trên không phải chịu đựng những di sản tai hại do những sai lầm của một chế độ cộng sản tạo ra, như ở Việt Nam.

Tóm lại, chúng tôi đã chứng tỏ các luận cứ mà ông thứ trưởng Trần Quang Cơ nêu lên là sai lầm. Đứng trên bình diện truyền thống văn hóa, tôn giáo, trên tình trạng xã hội và điều kiện để phát triển kinh tế, không có lý do gì để kìm hãm không cho dân nước ta được hưởng nhân quyền và chế độ dân chủ. Tạp chí Thế Kỷ 21 sẵn sàng đón nhận những ý kiến phản bác lại, của ông hay những vị chia sẻ lập trường với ông.■

CUỘC TRANH LUẬN QUỐC TẾ TRONG HỘI NGHỊ VỀ DÂN SỐ CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

QUÂN TỬ

Hội nghị Liên Hiệp Quốc lần thứ 3 về Dân Số và Phát triển đã họp từ ngày 5-13 tháng 9 tại Cairo, Ai cập và đã kết thúc. Hơn 176 nước đã tham dự với hơn 5,000 đại biểu, nhân viên Liên Hiệp Quốc (LHQ), báo chí, nhân viên hội thiện nguyện, v.v.

Để tránh họa bùng nổ dân số, Hội nghị Liên Hiệp Quốc cố tìm những giải pháp để làm chậm đà tăng gia dân số. Hội nghị đề cặp đến các vấn đề tài trợ các chương trình kế hoạch hóa gia đình và phá thai, giáo dục phụ nữ, v.v.. và điều này đã gây nhiều sóng gió và sự chống đối mãnh liệt của Vatican và các nước Hồi giáo.

Cuối cùng, Hội nghị đã thỏa thuận về việc kêu gọi bảo vệ và giáo dục phụ nữ, tránh phá thai thiếu an toàn, v.v nhưng vẫn để quyền cho các nước tự quyết định chính sách về dân số. Trên 180 nước đã chấp thuận, nhiều nước với nhiều sự dè dặt, ký bản đúc kết cho Hội nghị kêu gọi ổn định dân số vào mức 7.2 tỷ người trong 20 năm tới. Đây là lần đầu tiên hội nghị LHQ về dân số đã thành công trong việc lấy "consensus", chú trọng nhiều về việc cải tiến kinh tế, y tế và giáo dục phụ nữ hơn là chú trọng đến các con số.

Bài này phân tích những vấn đề chính về dân số và cho độc giả thấy tại sao có tranh luận. Trước hết là những quan niệm đối lập, và những nguyên do cuộc tranh chấp giữa hai phe và sau cùng là Kết quả và đóng góp của Cairo về dân số.

Vấn đề dân số

Từ khi nhà kinh tế gia Thomas Malthus viết cuốn Luận đề về Dân số (Essay on the Principle of Population) năm 1798 thì thế giới mới bắt đầu để ý nhiều đến các vấn đề dân số. Trong cuốn luận đề ông cho rằng dân số sẽ tăng theo cấp số nhân (geometric) còn việc sản suất lương thực chỉ tăng theo cấp số cộng (arithmetic). Sự khác biệt giữa tăng trưởng dân số và lương thực, sẽ gây nạn đói.

Theo thống kê của LHQ thì dân số thế giới hiện nay là 5.7 tỷ người và có thể tăng lên đến 12 tỷ người (trường hợp cao), 9.8 tỷ (trường hợp trung) và 7.9 tỷ (trường hợp thấp) vào năm 2050. Các con số thông kê của LHQ cũng còn cho thấy là dân số thế giới có thể lên đến 23 tỷ người vào cuối thế kỷ 22. Như vậy là mối họa bùng nổ dân số sẽ trầm trọng và phải lập tức hành động để tránh mối họa này (Xem hình).

Hình 1 (Tăng gia dự trù dân số thế giới)

Ta thấy ở đây có hai quan niệm khác nhau: (i) Sản suất lương thực không theo kịp tăng gia dân số và còn làm hại môi sinh và (ii) Sản suất lương thực nhanh hơn tăng gia dân số và chưa cần để ý đến việc dân số. Hai quan niệm này càng khác thêm khi đề cập đến các giải pháp.

Quan niệm gọi là bi quan

Theo Malthus và các người theo ông thì việc sản suất lương thực sẽ không theo kịp đà phát triển dân số. Theo những người này và gần đây, dựa trên các nghiên cứu của các nhóm như: Zero Population Growth, the Pew Global Stewardship Initiative, Population Council, Worldwatch Institute, v.v. thì việc tăng sản suất lương thực không thể thực hiện mãi mãi được so với cường độ gia tăng dân số.

Dựa trên các nghiên cứu về môi sinh tại Hoa kỳ, chính phủ Mỹ và Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ (USAID) cũng kết luận tương tự như vậy. Vậy theo những người này, nói tóm là nhóm chuyên gia Mỹ, thì vấn đề chính là phải cân bằng việc sinh sản /gia tăng dân số với khả năng sản suất lương thực. Việc tăng gia sản suất lương thực bằng cách khẩn hoang đất mới, phá rừng, tiêu thụ quá độ theo kiểu Tây phương, sẽ mang đến việc phá hủy môi sinh.

Dân số ít sẽ bớt tiêu thụ, do đó sẽ bớt hại cho môi sinh, điều đó chỉ có thể thực hiện bằng cách đẩy mạnh việc kế hoạch hóa gia đình, giảm cường độ gia tăng dân số. Do đó, chính phủ Mỹ, qua Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ và đẩy mạnh việc kế hoạch hóa gia đình tại các quốc gia chậm tiến để cân bằng gia tăng dân số với khả năng sản suất lương thực. Việc này được đẩy mạnh khi Tổng Thống Clinton nhậm chức. Phe Zero Population Growth, the Pew Global Stewardship Initiative, Worldwatch Institute, Population Council, v.v nói tóm là "Pro Choice" thắng thế, có thêm nhiều phương tiện, đã đẩy mạnh chương trình tài trợ của USAID cho các chương trình Kế Hoạch Hóa gia đình cho các nước chậm tiến.

Việc này là hậu quả của quan niệm của Population Council, theo đó, các gia đình có nhiều con có nhiều nguy cơ thiếu ăn hay thiếu giáo dục so với các gia đình ít con. Người ta ước hơn 350 triệu phụ nữ trên thế giới tại các quốc

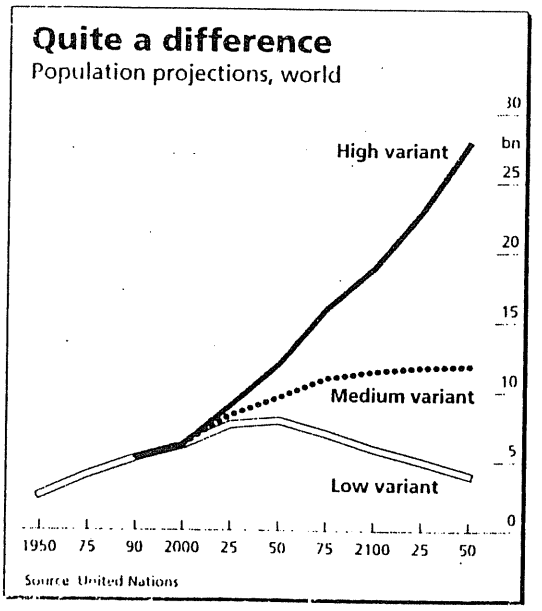

Sơ đồ 1

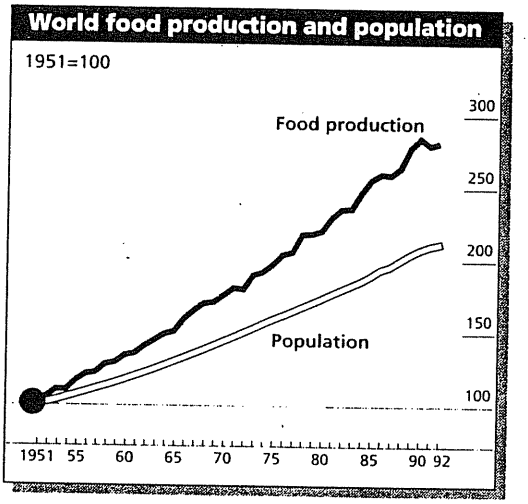

Sơ đồ 2

gia chậm tiến không sử dụng kế hoạch hóa gia đình vì thiếu phương tiện kế hoạch hóa gia đình, các nhóm này vận động giúp việc truyền bá rộng rãi các phương tiện kế hoạch hóa gia đình.

Những người này đã tham gia tích cực và ảnh hưởng nhiều trong việc soạn bản dự thảo kết thúc cho Hội nghị dân số. Bản dự thảo còn đề cập đến nền tảng gia đình bằng cách đề cặp đến hôn nhân, giáo dục về tình dục,...

Quan niệm gọi là lạc quan

Dự đoán nạn đói theo Malthus đã không xẩy ra. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa kỳ và các nghiên cứu nông nghiệp thì lương thực có thặng dư, giá cả ngũ cốc đã giảm trong 20 năm qua vì các kỹ thuật mới. Theo chuyên viên của viện nghiên cứu Hudson Institute thì các và nghiên cứu khác như của P. Waggoner thì trái đất đủ sức nuôi từ 400 đến 1,000 tỷ người (xem hình). Ngoài ra vì năng suất càng ngày càng cao cho nên giá ngũ cốc và sản phẩm nông nghiệp đã xuống.

Nông nghiệp và việc sản suất ngũ cốc đã vượt việc tăng gia dân số. Nhiều phát minh kỹ thuật về nông nghiệp cho phép việc tăng gia năng suất trong nông nghiệp. Trở ngại chính là thiếu đầu tư cho khảo cứu nông nghiệp và phần đông các trở ngại cho việc sản suất lương thực là do chính sách nông nghiệp hay chính sách phát triển không đúng. Vẫn có thể giải quyết được vấn đề lương thực cho một dân số gia tăng.

Hình 2 (Tăng gia dân số và tăng gia lương thực)

Dựa trên các nghiên cứu nông nghiệp, chính phủ Mỹ thời Reagan và Bush và chính sách của Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ (USAID) thời đó cũng theo ý đó. Ngoài ra phe này cũng ủng hộ "Pro Life" do đó đã không chú ý nhiều về vấn đề kế hoạch hóa gia đình và viện trợ cho các nước chậm tiến.

Việc tranh chấp tại Cairo

Tại sao, vì một bản đúc kết không có giá trị bắt buộc với các quốc gia, mà có cuộc tranh luận sôi nổi làm mất nhiều thì giờ cho Hội nghị? Tại sao Vatican và các nước Thiên chúa giáo (ủng hộ quyền phụ nữ, giáo dục và y tế) và các nước Hồi giáo (bảo vệ luật và phong tục Hồi giáo không muốn cho phụ nữ ra ngoài) lại bắt tay nhau để đòi thay đổi bản dự thảo đúc kết cho Hội nghị?

Việc tranh chấp tại Cairo là giữa hai quan niệm. Việc đòi thay bản dự thảo rất sôi nổi và làm mất nhiều thời gian. Các nước, các phe đều công nhận việc bùng nổ dân số là hiểm họa. Nhưng TRANH LUẬN LÀ VỀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIA TĂNG DÂN SỐ.

Các vận động hành lang của phe "Pro choice" muốn Hội nghị Cairo đi đến chỗ tuyên bố là VIỆC PHÁ THAI LÀ MỘT QUYỀN CĂN BẢN CỦA PHỤ NỮ. Ngoài ra họ cũng muốn các quốc gia tài trợ các chương trình Kế hoạch hóa gia đình và giáo dục phụ nữ để khuyến khích và dành quyền bình đẳng chính trị cho phụ nữ.

Vatican, các nước Thiên chúa giáo và Hồi Giáo cũng muốn kế hoạch hóa gia đình và việc giảm bớt mối đe dọa bùng nổ dân số. Nhưng, khác với nhóm trên, họ cho là giảm gia tăng dân số qua chính sách phá thai có thể mang đến nhiều lạm dụng và PHÁ THAI LÀ TRÁI VỚI ĐẠO LÝ.

Vatican phản đối và tố cáo mạnh mẽ là Mỹ có ý định áp đặt chính sách phá thai trên toàn thế giới và chính Phó Tổng Thống Al Gore đã phải đứng ra chính thức phủ nhận điều này.

Phe này sợ là các vận động Tây Phương có ý định áp đặt những lối sống và các giá trị vật chất của Tây Phương trên các nước chậm tiến. Phe này nghi Hội nghị chỉ là một "trường tranh chấp" cho hai phe "Pro life" và "Pro choice" của Mỹ áp đặt quan niệm của họ trên địa bàn quốc tế.

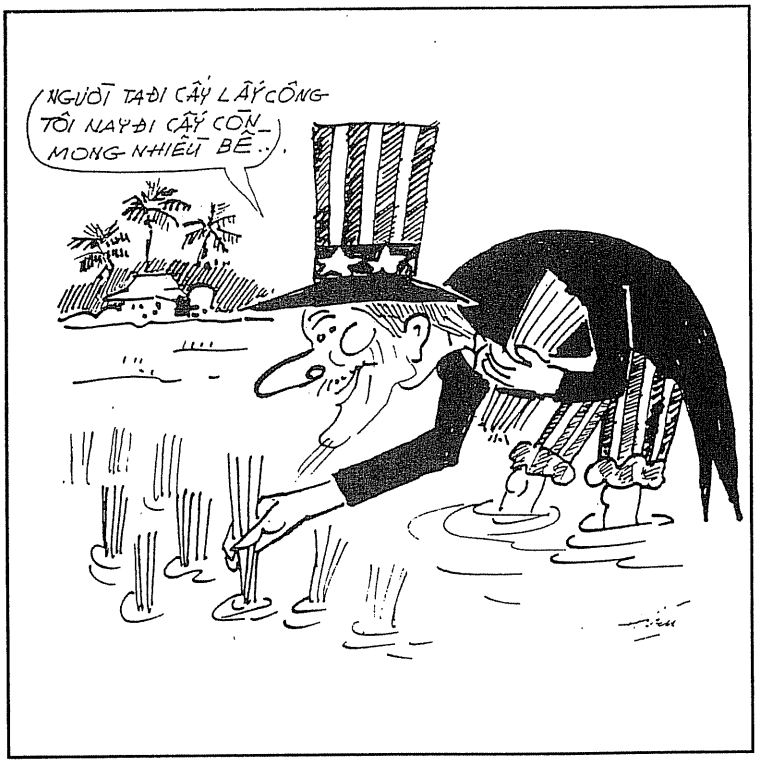

Họ sợ việc công nhận phá thai là một quyền của phụ nữ sẽ đi đến chỗ nhiều nước sẽ dùng bản đúc kết Hội nghị dân số mà áp đặt nhiều biện pháp khắt khe cho dân chúng, ngược với quyền quyết định của cá nhân vợ chồng. Ví dụ trường hợp Trung Quốc (chính sách một con cho mỗi cặp vợ chồng đã đi đến chỗ phụ nữ bị cưỡng bách phá thai nếu có hơn một người con) hay Ấn độ (thúc đẩy cột tử cung, v.v.).

Ngoài ra phe này muốn thay đổi lời lẽ trong bản dự thảo vì họ cho là nếu giữ nguyên lời lẽ bản dự thảo sẽ khuyến khích dân chúng có cuộc sống đồi trụy theo kiểu tây phương (hôn nhân đồng tình, làm tình ngoài hôn nhân, giáo dục tình dục cho trẻ vị thành niên, giảm giá trị của hôn nhân, v.v..) do đó cuộc tranh luận trở nên gay go.

Kết quả hội nghị cairo về dân số

Sau nhiều năm, tháng chuẩn bị và biên soạn bản dự thảo tại New York, các phe đã vận động NỔI VÀ NGẦM, với các nước tham dự. Lần đầu tiên các nước tham dự đã đi đến chỗ thỏa thuận bản khuyến nghị đúc kết Hội nghị thành chương trình dân số cho 20 năm tới (không bắt buộc nhưng là kim chỉ nam cho các vấn đề dân số) trên một số điểm chính. Một số quốc gia đã chấp nhận với điều kiện như Vatican, một số nước theo Thiên Chúa giáo và Hồi giáo. Bản khuyến nghị gồm những điểm chính sau đây:

PHÁT TRIỂN: Các chính sách về Dân số sẽ được "cài" trong các chương trình phát triển kinh tế. Điều này được mọi phe ủng hộ. Đây là điều mới.

PHỤ NỮ: Khuyến khích và dành quyền quyết định qua việc tăng giáo dục, y tế và bình đẳng chính trị cho phụ nữ. Vatican ủng hộ điều này nhưng các nước Hồi giáo có phần dè dặt.

PHÁ THAI: Việc phá thai không có thể dùng làm một chính sách kế hoạch hóa gia đình. Lưu ý các chính phủ là phá thai thiếu an toàn là một nguy cơ y tế công cộng. Đối với các nước mà việc phá thai không cấm, việc này phải được theo dõi kỹ càng bằng nhiều chương trình hậu counseling. Điều này gặp nhiều tranh luận nhất. Vatican và các nước Thiên Chúa Giáo dè dặt vì họ cho là phá thai là giết người còn các quốc gia Hồi giáo cho là việc này sẽ đưa đến việc khuyến khích làm tình ngoài hôn nhân.

SINH SẢN: mọi người có quyền có một đời sống tình dục an toàn và thoải mái. Các cặp vợ chồng hoàn toàn có quyền tự quyết định về khi nào và số con họ muốn có. Họ cũng có quyền tự chọn phương pháp kế hoạch hóa gia đình và các phương pháp khác...để điều hòa việc sinh sản. Phần này cũng được bàn cãi nhiều.

GIA ĐÌNH: Có nhiều hình thức gia đình khác nhau nhưng căn bản của xã hội là gia đình/hôn nhân. Điều này gặp nhiều tranh luận vì Vatican và các quốc gia Hồi giáo không chấp nhận các giá trị mà họ cho là "đồi trụy" của Tây phương như hôn nhân đồng tính, v.v cho là việc này sẽ đưa đến việc khuyến khích những giá trị vật chất Tây phương.

Kết Luận

Hội nghị đã cho thấy những khó khăn trong việc tìm giải pháp cho vấn đề dân số. Một số quốc gia Hồi giáo, Thiên chúa giáo và Vatican đã thành công trong việc thay đổi lời lẽ về việc "phá thai hay việc thiên về nếp sống vật chất Tây phương".

Nhiều nước cũng phải công nhận việc phá thai thiếu an toàn là một vấn đề y tế công cộng.

Dù sao đây là lần đầu tiên LHQ đã đi tới một thỏa thuận về dân số. Bài học ở đây cho thấy là trên lãnh vực quốc tế, nếu không để ý đến lời lẽ và không làm việc kỹ càng, nếu không tranh luận thì các nhóm lobbies (phe này hay phe khác) cũng sẽ có ảnh hưởng đến các nước chậm tiến bằng cách "cài nhiều điều khoản" trong những văn kiện của các Hội nghị quốc tế (như hôn nhân đồng tình, v.v) để đưa quan niệm của phe họ.

Bản đúc kết cuối cùng đã khác nhiều bản dự thảo được biên soạn tại New York. Từ bản đúc kết cuối cùng đến việc thi hành trên thực tế còn xa. Lời khuyến cáo về giáo dục phụ nữ, để cá nhân từng gia đình có thể tự quyết định và chọn lấy một cách có trách nhiệm về việc sinh sản là thành công lớn của Hội nghị vì nó cho thấy là phát triển kinh tế, giáo dục và gia tăng dân số phải liên kết với nhau. Đây là một bước tiến cho nhân loại.■

BÀN THÊM VỀ "NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN"

TRẦN THANH HIỆP

Nhân dịp tôi đọc tham luận bác bỏ việc dịch thành ngữ "Nhà nước pháp quyền," vì bản chất chuyên chế của "Nhà nước" này, ra pháp văn là État de droit, cựu khoa trưởng Vũ Quốc Thúc (trường Luật Saigon) có viết hai bài báo bằng tiếng Pháp đăng trên nguyệt san Tiếng Gọi Dân Tộc (Appel De La Nation), số 28 & 29 ấn hành tại Paris để nhận định về quan điểm của tôi đồng thời trình bày quan điểm của ông về vấn đề ấy, nhưng với một số kết luận không cùng chiều với tôi (thí dụ: "Ta hãy tạm coi là nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu này hãy còn xa vời nhưng không vì thế mà nhất định phủ nhận thiện chí của họ.") Hai bài báo tiếng Pháp sau đó cũng đã được cựu khoa trưởng Vũ Quốc Thúc dịch ra tiếng Việt (một vài đoạn chỉ phỏng dịch) để đăng trên một vài tờ báo Việt ngữ tại Mỹ.

Có nhiều thân hữu hỏi tôi: "Phải chăng như vậy là đã có mâu thuẫn về lập trường (không thấy nói lập trường luật học hay lập trường chính trị) giữa những người luật gia không cộng sản, đã có nứt rạn trong hàng ngũ người Việt hải ngoại chống độc tài toàn trị ở trong nước?" Xin nói ngay rằng sự mâu thuẫn giữa các luật gia là điều thường xảy ra trong ngành luật học Phương Tây, giả dụ có xảy ra giữa cựu khoa trưởng Thúc và tôi thì cũng không có gì đáng coi là không bình thường.

Nhưng sự thật, theo tôi, qua những ý kiến cựu khoa trưởng Thúc và tôi đã trình bày về hai loại Nhà nước "pháp quyền" và "pháp trị," giữa chúng tôi không hề có mâu thuẫn về lập trường luật học, chỉ có một số khác biệt trong cách đặt và cách nhìn vấn đề trên bình diện chính trị.

Bài viết này có mục đích nói rõ về những khác biệt ấy và từ đó bàn rộng thêm về thái độ — những luật gia không cộng sản nên có — đối với "Nhà nước pháp quyền."

Mấy điều chỉnh để giới hạn cuộc đối chiếu các ý kiến

"Nhà nước pháp quyền" là một thành ngữ mới xuất hiện trong ngôn ngữ chính trị cộng sản Việt Nam, chưa được định nghĩa ngay cả trong các từ điển cộng sản. Vì vậy đối với các luật gia không cộng sản, thành ngữ ấy chưa thể coi là một thuật ngữ chính trị đã có nghĩa ổn định.

Trong một cuộc hội thảo được tổ chức tại Paris hồi đầu tháng Tư dương lịch, đứng trên quan điểm luật học và dõi tìm tông chi của hai thành tố "Nhà nước" và "pháp quyền" của thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" — một Nhà nước chuyên chế — tôi khẳng định rằng không thể đồng hóa nội dung thành ngữ này với nội dung thành ngữ tiếng Pháp "État de droit", một Nhà nước dân chủ tự do.

Sau đó, trong những bài viết nhắc lại ở trên, cựu khoa trưởng Thúc tuy chia sẻ với tôi mối lo ngại về nội dung mập mờ của "khẩu hiệu Nhà nước pháp quyền," đã sửa đổi phạm vi nghiên cứu vấn đề này về nhiều mặt bằng cách một đàng thu hẹp vấn đề trong phạm vi từ ngữ, bỏ qua hiện tại để chỉ bàn về tương lai và trong viễn tượng đó, tạm coi "Nhà nước pháp quyền" là một "État de droit" đang thành, đàng khác hô hào và chỉ dẫn cộng đồng người Việt hải ngoại hành động để thúc đẩy "tiến trình xây dựng nền pháp trị ở quốc nội."

Điều nghịch lý là sự can thiệp của cựu khoa trưởng Thúc vừa làm cho vấn đề vài phần sáng tỏ thêm lại vừa làm cho vấn đề có nhiều chỗ tối đi. Vì là người đã nêu lên vấn đề, tôi tự cảm thấy có bổn phận phải thâu thập, càng nhiều càng tốt, những yếu tố thẩm lượng để dư luận nắm được vấn đề. Cho nên tôi đã viết một bài bằng pháp ngữ với độ dài tương đương với hai bài của cựu khoa trưởng Thúc nhằm xác định, trước dư luận người Pháp, lập trường của một luật gia không cộng sản chống lại, có viện dẫn lý do, "Nhà nước pháp quyền". Đối với dư luận Việt Nam, tôi xin tóm tắt những ý kiến tôi mới trình bày trong bài viết bằng Pháp ngữ về đề tài "Nhà nước pháp quyền" để bổ túc những ý kiến tôi đã phát biểu trước đây, luôn thể góp phần với cựu khoa trưởng Thúc làm sáng tỏ thêm vấn đề "Nhà nước pháp quyền," ít ra trong khuôn khổ cuộc đối chiếu quan điểm rất tình cờ giữa chúng tôi.

Tuy nhiên, vì những hạn chế khách quan (báo nào cũng muốn bài viết phải ngắn gọn nhưng lại không được khó đọc, khó hiểu trong khi vấn đề cần tìm hiểu lại rất mới, rất phức tạp!), người viết phải tự giới hạn, chỉ bàn vài điểm xét ra không thể bỏ qua được mà thôi.

1. "Nhà nước pháp quyền", xét về mặt "từ ngữ"

Cũng như toàn bài viết, đoạn góp ý này, không nhằm "tranh cãi" những ý kiến của cựu khoa trưởng Thúc, chỉ nhằm đưa thêm một vài điều liên quan đến vấn đề thảo luận, những điểm chưa được đề cập hoặc chưa được quảng diễn.

Cho là "khẩu hiệu Nhà nước pháp quyền đã gây ra một cuộc tranh cãi về từ ngữ," nhưng dường như muốn đứng ngoài cuộc

"tranh cãi" ấy, cựu khoa trưởng Thúc đã xác định trong bài viết bằng tiếng Pháp Vers la réalisation de l'Etat de droit au Viet Nam, đăng trên Tiếng Gọi Dân Tộc số 28, rằng "điều đáng cho chúng ta lưu tâm", đúng hơn, "là vấn đề ngữ nghĩa" (1).

Vô tình hay hữu ý, qua câu viết ngắn ngủi này, cựu khoa trưởng Thúc đã mở rộng thêm ra rất nhiều phạm vi cuộc "tranh cãi" vì ông đã gắn liền một vấn đề luật học với một vấn đề ngôn ngữ học (linguistique).

Thật vậy, nói tới ngữ nghĩa là phải nói tới ngữ-nghĩa-học (la sémantique), một bộ phận của ngôn-ngữ-học (la linguistique), môn này lại liên hệ tới các môn tín-hiệu-học (la sémiologie), ký-hiệu-học (la sémiotique)... Ngoài ra, việc một tác giả diễn tả ý kiến của mình bằng ngoại ngữ để trình bày về một vấn đề được bàn luận bằng tiếng mẹ đẻ đã đặt thêm ra vấn đề "dịch thuật". Sau hết, gián tiếp đồng hóa thành ngữ tiếng Việt "Nhà nước pháp quyền" với thành ngữ tiếng Pháp "État de droit" là đưa người đọc đến chỗ phải qui chiếu vào những kiến thức thuộc các môn ngôn-ngữ-học đối-chiếu, định-nghĩa-học. Như vậy e rằng, đối với người đọc, có thể làm cho vấn đề tối đi. Cho nên cần phải mang thêm đến những ánh sáng mới để đẩy lui những vùng còn tối, mở rộng những vùng đã sáng. Ở đây, tôi chỉ xin nói thêm - và rất sơ lược - về một vài điều liên quan đến ngôn-ngữ-học, nhưng trong khuôn khổ môn ngôn-ngữ-học pháp-lý (linguistique juridique), một môn học tương đối mới của đại học Pháp (hình như trước đây không được giảng dạy tại các trường Luật Việt Nam, tôi nói điều này với dè dặt sai sót).

Luật pháp trước hết là một vấn đề ngôn ngữ

Chúng ta nên cảm ơn cựu khoa trưởng Thúc khi ông lưu ý người đọc về mặt ngôn ngữ của luật học. Vì luật pháp là một ngôn ngữ riêng (langage), có nhiều khác biệt với tiếng nói chung, tiếng nói thường (langue commune, naturelle), ở mọi cấp độ, từ từ vựng qua ngữ nghĩa đến cú pháp, ngữ pháp, biểu văn v.v... Và ngôn ngữ có một chỗ đứng cực kỳ quan trọng trong luật pháp nếu không muốn nói rằng chính ngôn ngữ đã đẻ ra luật pháp; luật pháp, trước hết và trên hết là một vấn đề ngôn ngữ, được thể hiện trong thực tế qua ngôn ngữ.

Chỉ cần một thí dụ cũng đủ chứng minh điều này: Bộ Luật hình sự hiện đang được áp dụng trong nước, nói Điều 1 có ghi rằng "Bộ luật hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân (...), bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa (...), chống mọi hành vi phạm tội (...) Để thực hiện nhiệm vụ đó, Bộ luật quy định tội phạm và hình phạt đối với người phạm tội." Rõ ràng luật pháp được cộng sản làm ra là để bảo vệ những cái mà ngôn ngữ cộng sản gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ tập thể, trật tự pháp luật, tội phạm, hình phạt, người phạm tội. Điều nổi bật là những thứ này đều do ngôn ngữ gọi tên, trong thực tế chúng đã thay đổi nhiều lần từ nhiều năm nay nhưng "Đảng" vẫn giữ nguyên tên gọi cũ. Nói cách khác, chúng chỉ hiện hữu qua ngôn ngữ, không phải ngôn ngữ chung, ngôn ngữ tự nhiên, mà là ngôn ngữ riêng của "Đảng", được "Đảng" thông qua "Quốc hội" đưa ra áp đặt như một ngôn ngữ chung, do "Đảng" tự quyền, toàn quyền giải thích và áp dụng. Trước tòa án cộng sản, quan tòa, công tố viện, luật sư về hùa với nhau mà kết tội theo ngôn ngữ "Đảng," người bị coi là phạm tội. Các bị can trong vụ án Đoàn Viết Hoạt sự thực không phải là nạn nhân của luật pháp cộng sản mà là của ngôn ngữ cộng sản! Ai không tin điều này, xin hãy suy ngẫm về những cụm từ "chống Đảng", "chống cách mạng," "chống chế độ" là những tiếng có sức mạnh, sức nặng ghê gớm, đã cho "Đảng" quyền bách hại bao nhiêu người, kể cả những người cộng sản.

Để hiểu thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" phải đi sâu vào ngôn ngữ Cộng sản

Chính vì ảnh hưởng ghê gớm ấy của ngôn ngữ cộng sản mà tôi đã phải tìm hiểu kỹ càng thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" về mặt "ngữ nghĩa" (hay để dễ hiểu, tạm gọi là "từ ngữ" cũng được). Tôi quan niệm rằng trước khi là một vấn đề luật học, thành ngữ này đã là một vấn đề ngôn ngữ và muốn nắm được nội dung đích thực của nó, phải vận dụng một số tri thức về ngôn-ngữ-học và ngữ-nghĩa-học để tìm ra gốc rễ nó. Trong cách nhìn ấy, (xin bạn đọc rộng lượng cho phép tôi dùng một số tiếng chuyên môn nghe hơi lạ tai, vì tôi không có cách nào khác. Nhưng cũng sẽ là điều tốt vì trước lạ sau quen), tôi không thể đứng trong "trường-ngôn-ngữ" (champ sémantique) của một nhà luật học Phương Tây hay của một người thường mà phải đứng trong trường-ngôn-ngữ cộng sản để quy chiếu "mã-ngôn-ngữ" (code linguistique) cộng sản hầu "giải mã" (décoder) "lời truyền đạt" (message) "Nhà nước pháp quyền." Không được vậy, chắc chắn sẽ giải dịch sai cụm từ này. Cầm được trong tay bộ đồ nghề ngôn ngữ cộng sản mới hy vọng theo sát được quy trình (processus) "lập mã" (encodage) thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" để làm hiển lộ (nói theo lối cộng sản,"nêu bật") ngữ nghĩa đích thực của nó khi nó được đem ra dùng trong cộng đồng ngôn ngữ Việt Nam.

Xin mở một dấu ngoặc. Muốn nắm được ngữ nghĩa đích thực này thì phải rời bỏ được "nghĩa đen" (hay theo tiếng chuyên môn, "nghĩa cụ-tượng") của những chữ "Nhà nước", hiểu qua chữ tiếng Pháp État, chữ "pháp" là luật-pháp (droit) hay luật (loi), chữ "quyền" là quyền hành, quyền lực (pouvoir), uy quyền, quyền thế, chính quyền (autorité) để lên tới tầng "nghĩa bóng." Rồi lại phải đặt cả mấy từ họp thành thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" vào trong "ngữ cảnh" hay "văn cảnh" (contexte) để giải nghĩa nó cho đúng, trước khi phiên dịch nó ra ngoại ngữ. Vậy phải hiểu "Nhà nước pháp quyền" nhiều hơn cách hiểu đó là một "Nhà nước sử dụng quyền hành của mình qua các luật lệ và luôn luôn theo đúng luật lệ." Một "Nhà nước" chuyên chế luôn luôn áp dụng nghiêm chỉnh và theo đúng các luật lệ do mình đặt ra không thể coi là một État de droit được. Muốn xem nó có đích thực

là một État de droit hay không thì phải xét xem nó là loại hình (type) "Nhà nước" nào trong các loại hình "Nhà nước" đã được nghiên cứu, luật pháp nó áp dụng là loại luật pháp nào, có bản chất ra sao và được thi hành theo thủ tục như thế nào.

Hiển nhiên đó là những đòi hỏi phiền phức, khó chịu của ngôn-ngữ-học, là môn học vừa trừu tượng lại vừa chuyên môn. Nhưng không thể chỉ đáp ứng một cách đại khái. Huống hồ cộng sản, do bản chất toàn trị của nó, chủ trương phải hoàn toàn làm chủ quy trình giao tiếp bằng ngôn ngữ (communication linguistique). Khởi thủy, cộng sản, "người nói" (émetteur, ở đây chỉ nói riêng về khu vực luật pháp), bằng những trung gian (canal) có kiểm soát như "Đảng," "Quốc hội" v.v..., đưa ra những quy phạm (norme) được trình bày dưới dạng "lời truyền đạt" (message) cho những "người nghe" (destinataire) tiếp nhận. Nội dung của lời truyền đạt không còn là những nghĩa đen của các từ họp thành lời truyền đạt ấy mà là những nghĩa bóng của chúng, đã trở thành chất liệu riêng của thành ngữ. Muốn nắm được nội dung của thành ngữ do các chất liệu này quy định, "người nghe" (hay người nhận) phải quy chiếu vào "mã ngôn ngữ" mà tìm hiểu "lời truyền đạt." Tưởng cần nhấn mạnh rằng cộng sản bắt những "người nghe" lời truyền đạt phải hiểu nó đúng hệt như ngữ nghĩa cộng sản đã định trước, ngay từ khi bắt đầu truyền đạt. Không ai được thêm, bớt ngữ nghĩa định trước ấy, chỉ được "minh họa" chúng mà thôi! Thêm, bớt như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt v.v... là phạm tội và phải chịu hình phạt! (Đây không phải là một phát minh ghê gớm gì, những ai đã từng sống dưới chế độ cộng sản đều trực tiếp cảm thấy được điều đó, nhắc lại điều ấy với cách nói của ngôn-ngữ-học, ngữ-nghĩa-học bất quá chỉ là nói một cách có nhiều về lý thuyết mà thôi.)

Dưới khán pháp bắt buộc ấy, sau khi đặt thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" vào toàn cảnh ý hệ cộng sản biểu thị qua ngôn ngữ của cộng sản, tôi đã khẳng định trong bài tham luận hữu quan rằng không thể coi thành ngữ này là tương đương với các thành ngữ Phương Tây "État de droit", "Rechtsstaat," "Rule of law" vì Nhà nước cộng sản đương quyền ở Việt Nam vẫn là một Nhà nước giữ nguyên bản chất chuyên chế tuy không còn chính thức mang tên Nhà nước chuyên chính vô sản (2). Đó là điều cụu khoa trưởng Thúc gọi là "cuộc tranh cãi về từ ngữ."

2. Trong cuộc hội ý giữa cụu khoa trưởng Thúc và tôi về "pháp quyền," "pháp trị": không có mâu thuẫn, chỉ có khác biệt...

"Nhà nước pháp trị" là thành ngữ tiếng Việt trước đây vẫn được dùng để dịch thành ngữ tiếng Pháp "État de droit", dịch sát nghĩa đen vì dịch từng từ một. Bởi thế, nó chưa phải là một khái niệm luật học hay chính trị học có nội dung ổn định (3), nội dung của nó vẫn còn là nội dung mượn của thành ngữ État de droit. Do đó, dịch État de droit là "chế độ pháp trị" cũng tiện, dễ hiểu, nhưng cũng có điểm không ổn vì đối với luật học, chính trị học, Phương Tây "chế độ" thường được hiểu là một hệ thống định chế trong đó "Nhà nước" chỉ là một định chế. Vả lại, trong khái niệm État de droit, điều chủ yếu không phải là đặc tính của chế độ mà là mối tương quan giữa "Nhà nước" với "luật pháp" (hai thứ này có độc lập với nhau không hay chỉ là một thứ, "luật pháp" ở trên "Nhà nước" hay ở dưới"Nhà nước," làm sao để kiểm soát, ngăn chặn mọi lạm dụng của "Nhà nước" về mặt "luật pháp" v.v... ?)

Tại sao không nên dịch État de droit là "Nhà nước pháp quyền" mà chỉ nên dịch là "Nhà nước pháp trị"? Câu trả lời có thể thay đổi tùy theo tư cách chuyên ngành, chỗ đứng và cách nhìn vấn đề của người trả lời. Tôi xin trả lời với tư cách luật gia và đứng trên ba "lập trường" (xin hiểu từ này theo nghĩa rất thường của nó là "chỗ đứng để nhìn"): ngôn ngữ, luật học, và chính trị.

Không có mâu thuẫn hay khác biệt về mặt ngôn ngữ

Về mặt ngôn ngữ, việc trực tiếp hay gián tiếp đồng hóa thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" với Etat de droit có thể đặt ra một số vấn đề rắc rối; ở đây chỉ bàn sơ qua về vấn đề dịch thành ngữ này ra tiếng Pháp. Việc làm này chẳng mấy khó khăn nếu người dịch hoặc tự mình dịch hoặc dùng từ điển song ngữ Việt-Pháp. Giữa

DỰ ÁN 20

Thông báo về cuộc triển lãm mỹ nghệ phẩm (kỷ vật) thực hiện trong tù cải tạo

Để giới thiệu với quảng đại quần chúng Việt-Mỹ những sản phẩm tiểu công nghệ đã được thực hiện trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, thiếu thốn về dụng cụ cũng như nguyên liệu, trong các trại tù cải tạo từ năm 1975, Dự Án 20 và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ trân trọng mời quý vị có sản phẩm nói trên sớm gởi về:

"Dự Án 20" 14901 Moran St., Westminster, CA 92683

Xin ghi rõ mỹ nghệ phẩm tên gì, chế tạo bằng nguyên liệu nào, công dụng của nó, thực hiện bởi ai, thời gian nào và tại đâu?

Để tiện việc chuẩn bị, xin quý vị gửi về trước ngày 31 tháng Chạp 1994.

Ban tổ chức Dự Án 20 có thể thu xếp để triển lãm lưu động tại nhiều tiểu bang.

Những mỹ nghệ phẩm này sẽ được hoàn trả sau khi kết thúc Dự Án 20 vào cuối năm 1995.

Liên lạc: (714) 894-5630 — ÔÔ. Lê Văn Khoa, Vũ Duy Tự.■

tiếng Việt và tiếng Pháp vốn có sẵn những "từ" có thể coi là tương đương như "Nhà nước" = État và "pháp quyền" = droit (đọc Lê Khả Kế- Nguyễn Lân, Từ Điển Việt Pháp, NXBKHXH, Hà Nội, 1992), vậy "Nhà nước pháp quyền" là "État de droit" và, ngược lại, "État de droit" = "Nhà nước pháp quyền". Cách đối dịch theo từng từ một (mot à mot) và dựa sát vào nghĩa đen ở cấp độ từ vựng, giống như dịch "lune de miel" là "tuần trăng mật", không đạt tới được tầng nghĩa bóng, không bảo đảm tuyệt đối tránh được dịch sai. Dịch là thực hiện sự giao tiếp giữa hai ngôn ngữ, một đàng ngôn-ngữ-nguồn (langue source), đàng khác ngôn-ngữ-đích (langue cible), không giống nhau về nhiều mặt. Cho nên ngoài việc tìm sự tương đương về hình thức còn phải thâu thập đủ những thông tin về ngôn bản (texte) phải dịch để có được cả sự tương đương về nội dung. Từ ngôn-ngữ-nguồn, tiếng Việt, dịch thẳng thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" sang ngôn-ngữ-đích, tiếng Pháp, bằng thành ngữ Etat de droit mà không có một dè dặt nào là tương đương hóa cưỡng ép hai nội dung khác hẳn nhau, đúng hơn, trái ngược nhau! Đó là lý do tại sao đã có sự khuyến cáo không nên dịch như vậy. Về điểm này không có mâu thuẫn hay khác biệt giữa cựu khoa trưởng Thúc và tôi.

Không có mâu thuẫn hay khác biệt về mặt luật học

Về mặt luật học, quan điểm của tôi bác bỏ mạnh mẽ việc đồng hóa "Nhà nước pháp quyền" với khái niệm "État de droit" hay "Rule of law" đã được cựu khoa trưởng Thúc hoàn toàn tán đồng, như một đoạn ông đã viết cho thấy: "(...) Nếu áp dụng các tiêu chuẩn vừa rồi (đọc Trần Thanh Hiệp, bài báo đã dẫn ở trên) cho chế độ hiện hành tại Việt Nam thì hiển nhiên không thể coi là có État de droit hay Rule of law..." (đọc Vũ Quốc Thúc, Vấn đề luật pháp ở trong nước: từ "vô sản chuyên chính" tới "Nhà nước Pháp quyền", Thế kỷ 21, số 63, Los Angeles 1994). Tôi có mọi lý do để nói thêm rằng quan điểm này của chúng tôi cũng là quan điểm của tất cả các luật gia không cộng sản Việt Nam. Vậy về mặt luật học cũng không có mâu thuẫn hay khác biệt giữa cựu khoa trưởng Thúc với tôi.

Chỉ có khác biệt về mặt chính trị. Tại sao?

Về mặt chính trị, mối tương đồng này không còn toàn vẹn nữa. Cựu khoa trưởng Thúc trong phần còn lại của bài viết của ông (bài đã dẫn ở trên) đã chủ trì (soutenir) rằng:

"Tuy nhiên người ta có thể cãi lại ông Trần Thanh Hiệp là khẩu hiệu "nhà nước pháp quyền" không dùng để chỉ tình trạng hiện thời mà chỉ mục tiêu cần đạt tới. Điều quan trọng, theo chúng tôi, là chính quyền cộng sản có thực tâm hay không... Ta hãy tạm coi là nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu này hãy còn xa vời nhưng không vì thế mà nhất định phủ nhận thiện chí của họ" (VQT, bài báo đã dẫn ở trên). Trước đó, tác giả đã tự hỏi: "... tại sao từ ít lâu nay, chính quyền Hà Nội đã công khai chủ trương thực hiện một "nhà nước pháp quyền"? Phải chăng đã có một sự chuyển hướng về ý hệ và chính trị? Nếu quả thật chuyển hướng thì vì lý do gì?" (VQT, bđd).

Cựu khoa trưởng Thúc cho biết ông đã dựa vào ba cơ sở để nhận định. Đó là

a. "lời đoan quyết" của Bà Nguyễn Phước Đại, Cố vấn Pháp Luật cho Tổng bí thư Đỗ Mười, thành viên ban Cố vấn của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, chủ tịch Uỷ ban Trọng tài về các vụ tranh chấp liên hệ tới các cuộc đầu tư ngoại lai, theo đó danh từ "nhà nước pháp quyền" là dịch (TTH nhấn mạnh, để hàm ý rằng dịch và thi hành là hai việc khác nhau) ở các danh từ "rule of law" trong Anh văn và "état de droit" trong Pháp văn,

b. áp lực quốc tế và

c. sự biến chuyển tự nhiên của chế độ... (VQT, bđd).

Dù muốn hay không muốn, người ta cũng phải coi phần bài viết này không phản ánh quan điểm luật học mà chỉ phản ánh quan điểm chính trị của cựu khoa trưởng Thúc về "Nhà nước pháp quyền." Thật thế, luật học không lấy một "sự phỏng đoán" (nguyên văn: ta hãy tạm coi... VQT, bđd) làm đối tượng quan sát vì luật học có những đòi hỏi mỗi ngày một khắc khe về mặt phương pháp luận (méthodologie) cũng như khoa học luận (épistémologie). Huống chi qua những khái niệm và phương pháp mà cựu khoa trưởng Thúc vận dụng trong nhận định vừa kể chỉ toát ra một dự đoán (promostic) chính trị để phỏng đoán về tương lai đất nước. Với luật học không thể "tạm coi" là đã có Etat de droit, chỉ chính trị mới có thể tạm coi như thế. Ở điểm này giữa chúng tôi quả thật đã có khác biệt.

Cùng một lập trường chính trị nhưng khác cách nhìn vấn đề

Sự khác biệt này — tôi muốn nhấn mạnh — không phải là một sự khác biệt về lập trường chính trị. Cựu khoa trưởng Thúc và tôi đã cùng đi đoạn đường dân chủ tự do chống độc tài cộng sản dài gần nửa thế kỷ nay. Chỗ đứng (lập trường) của chúng tôi đã không có gì đổi khác. Nhưng tình thế, đang thay đổi theo chiều thuận lợi cho dân chủ tự do, có thể đã mang lại cho mỗi người một nhận định mới về thời cuộc và khả thế thực hiện dân chủ tự do.

Tôi tự nghĩ (không chắc tôi đã nghĩ đúng) là có lẽ cựu khoa trưởng Thúc, vì đánh giá cao áp lực quốc tế ngoài ra còn tin tưởng vào sự biến chuyển tự nhiên của chế độ, nên đã muốn, một mặt, khuyến khích mạnh mẽ nhà cầm quyền cộng sản trong nước đi vào con đường pháp trị tnực sự, mặt khác, thúc đẩy người Việt hải ngoại tích cực tham gia vào việc thay đổi xã hội bằng luật pháp, "con đường ngắn nhất để đưa tới sự thành lập một nền kinh tế phát triển, không lệ thuộc quá đáng vào ngoại quốc." Cách nhìn vấn đề như thế trước đây đã từng thấy có nơi các nhà lãnh đạo chính trị các nước lớn như cựu Thủ tướng Margaret Thatcher, Thủ tướng Helmut Kohl, Tổng thống Francois Mitterrand v.v...

Tôi không tự cho mình quyền chỉ trích cách nhìn thời sự như vậy nơi cựu khoa trưởng Thúc, vì tôi chắc rằng ông đã trù liệu được những điều kiện cần yếu để thực hiện dự kiến của mình, đã thấy rõ được đâu là khả thế chủ động chuyển hóa, bằng luật pháp, những người cầm quyền chuyên

chế quyết liệt chống "diễn tiến hòa bình" thành những người cầm quyền thẳng thắn chấp nhận sinh hoạt dân chủ.

Luật pháp, bảng chỉ đường cho chính trị

Riêng về phần tôi, dưới lăng kính luật học, tôi nhận thấy chế độ chính trị đương quyền ở Việt Nam vẫn còn mang đầy đủ những đặc tính của một chế độ chuyên chế cộng sản, thêm vào đó lại còn những đặc tính toàn trị của những chế độ phát xít, quốc xã. Tôi tự xét không có những điều kiện chính trị của những nhà lãnh đạo các nước lớn để vừa làm áp lực vừa thuyết phục nhà cầm quyền cộng sản tuần tự "cải tà quy chính" đi vào con đường pháp trị. Nên tôi không chọn giải pháp cầm cố hiện tại để đầu tư vào tương lai.

Nếu quả thật có thể trông đợi vào sự biến chuyển tự nhiên của một chế độ để cải tạo chế độ ấy nghĩa là nếu quả thật một chế độ sớm hay muộn tự nó cũng bị cải tạo thì tôi mong muốn chế độ đương hành ở Việt Nam sớm được cải tạo. Để mọi người nhận rõ được là có thể "sớm" tới mức nào, cần làm phát hiện càng đầy đủ càng hay, bộ mặt thực trước mắt của chế độ ấy: Xét về mặt luật học, chế độ đương hành ở Việt Nam vẫn là một chế độ đảng trị đứng trên luật pháp vì chuyên chế, độc đoán, coi rẻ tự do, dân chủ, nhân quyền, điên cuồng chống diễn tiến hòa bình, đa nguyên, đa đảng nên không ngần ngại lạm dụng luật pháp, công lực để đàn áp đối lập dù chỉ là đối lập ôn hòa. Điều này bất cứ một luật gia nào cũng phải tố cáo và lên án.

Mặt khác, các khái niệm "Rule of Law", "Rechtsstaat," "État de droit" là những chất liệu quý giá để thiết lập cho Việt Nam một "Nhà nước pháp trị." Lịch sử của những định chế này đã chứng tỏ rằng luật pháp và luật gia đã giữ một vai trò trọng yếu trong công cuộc xây dựng và hoàn mỹ chúng.

Bởi vậy, tôi muốn góp phần làm chính trị cho đất nước, đặc biệt trong vấn đề "Nhà nước pháp trị," với tư cách một luật gia và tôi đã lấy một thái độ ngắn hạn, không nhân nhượng, trước những tàn dư của chuyên chế. Thái độ này không tương phản với những thái độ chính trị mềm dẻo dài hạn, vì nó ở trên một bình diện khác.

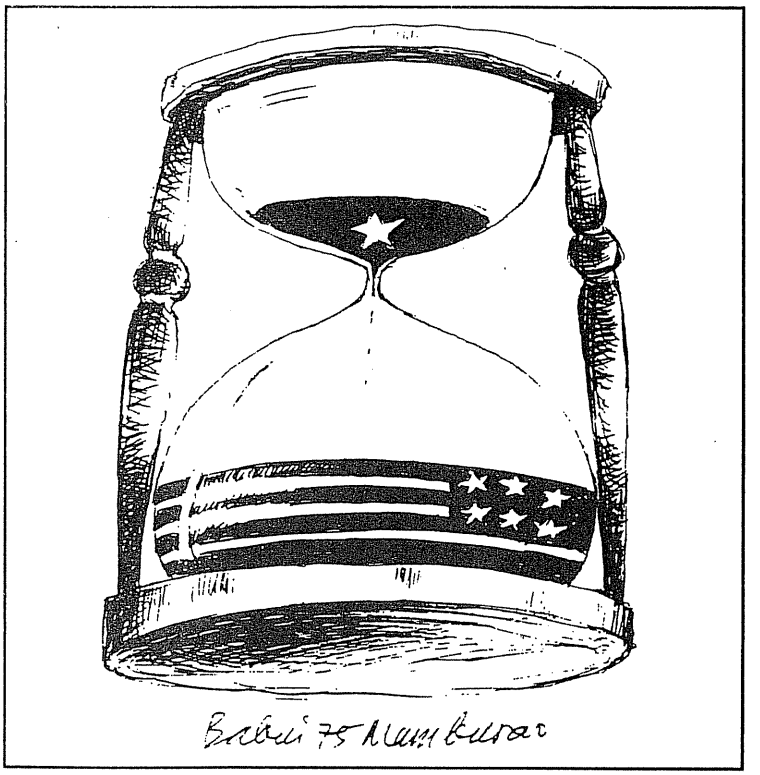

Các luật gia Việt Nam từ trên nửa thế kỷ nay chưa bao giờ có cơ hội đóng góp một cách độc lập vào việc xây dựng quốc gia. Họ luôn luôn bị chính trị, trong Nam cũng như ngoài Bắc, thao túng. Lúc này chính là lúc để các luật gia, ở cả trong nước lẫn ngoài nước, phá vỡ vòng vây giám hộ của chính trị, xóa bỏ những hình ảnh luật gia công cụ kiểu Phan Anh, Đỗ Xuân Sảng, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Thành Vinh, Trần Công Tường, Nguyễn Văn Sĩ v.v..., phát huy tác phong tranh đấu của những luật gia biết tự trọng Nguyễn Mạnh Tường, Trần Văn Tuyên, Lê Ngọc Chấn, Đoàn Thanh Liêm v.v... cùng nhau góp sức nhận lãnh thanh toán hồ sơ "Nhà nước pháp trị" để mở đường đi lên cho đất nước. Luật pháp với chính trị tuy liên hệ chặt chẽ với nhau nhưng lại phải biệt lập với nhau. Cứu cánh của luật pháp là "công lý," không phải là chính trị. Chức năng xã hội của luật pháp, như thời đại "Nhà nước pháp trị" đã vạch ra, là bảo vệ và bảo đảm cho Nhân Quyền trước đe dọa của Nhà nước.

Trên những cơ sở đó, luật pháp là bảng chỉ đường cho chính trị. Không có bảng chỉ đường luật pháp, chính trị sẽ trở thành mù lòa để chỉ còn là sức mạnh trần truồng, không che đậy, của bạo lực. Nếu luật pháp không là bảng chỉ đường để bắt buộc chính trị phải theo chiều của công lý thể hiện qua trật tự pháp lý thì không thể có "pháp quyền." Rất tiếc đó vẫn là trường hợp của "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam."■

(1) Nguyên văn tiếng Pháp "ce qui nous intéresse, c'est plutôt le problème sémantique", có thể dịch theo mấy cách tùy cách hiểu của người dịch. Không thấy chính tác giả VQT dịch câu này trong bài viết bằng tiếng Việt.

(2) Xin xem thêm Trần Thanh Hiệp, "Pháp quyền hay pháp trị?" đã đăng trên các nguyệt san Thông Luận (Paris), số tháng 5-94, Sóng (Toronto), Thế Kỷ 21 (Los Angeles), số tháng 6-94, Giao Điểm (Los Angeles), số tháng 7-94.

(3) Nội dung chế độ pháp trị ngày xưa của Trung Hoa khác hẳn nội dung của một État de droit ngày nay của Phương Tây. Ta cũng có thể nói nước Anh là một chế độ quân chủ trong đó có một "Nhà nước pháp trị."

CHUYỂN ĐỘNG, SỰ SỐNG VÀ ĐA THẾ GIỚI

Trả lời Bác sĩ Nguyễn Hoài Vân

NGUYỄN KẾT

Thưa anh Nguyễn Hoài Vân,

Cảm ơn anh đã lưu tâm đến bài góp ý và rất vui vì có dịp trở lại với một số điều chỉ được đơn giản nhắc đến vì giới hạn của bài ấy. Dưới đây tôi xin phép được ghi lại những câu hỏi và cố gắng trả lời theo kiến thức rất giới hạn của mình (tôi không nghĩ mình xứng đáng với danh xưng anh gọi!) Những câu trả lời sẽ dài, rất dài hơn mức cần thiết đối với người như anh. Thứ nhất vì hy vọng rằng nhờ thế mà các độc giả Thế Kỷ 21 cũng thấy hứng thú với câu chuyện anh đưa ra. Thứ hai, liên quan đến câu hỏi thứ ba, tôi muốn nhân tiện giải thích một vài thắc mắc được một số bạn trẻ đặt ra khi đọc tài liệu đăng trong các số báo trước, về cuộc đối thoại giữa Dalai Lama và các nhà khoa học Bắc Âu. Những gì tôi trình bày có thể có những sai lầm, khiếm khuyết và chủ quan. Tôi sẽ rất mang ơn nếu các khuyết điểm ấy được phê phán. Thân kính.

Theo thuyết tương đối, có phải khi một vi tử đi nhanh hơn tốc độ ánh sáng, thì vi tử đó đi ngược thời gian hay không? Khi đó sẽ có những nghịch lý như đến trước khi đi, và có phải vì vậy mà người ta đặt thành quy luật là: không có gì đi nhanh hơn ánh sáng?

1a. Tuy sự đối xứng của thời gian (: quá khứ giống hệt tương lai) có trong các phương trình chuyển động nhưng tôi nghĩ không vì thế mà các nhà vật lý thời Eisntein có thể nghĩ đến sự đi ngược thời gian và vì thế nên phải ngăn chận điều phi lý này bằng cách xem vận tốc ánh sáng như cao nhất. Khẳng định rằng vận tốc ánh sáng là giới hạn tuyệt đối của mọi chuyển động vật lý là của Eisntein; nó nằm trong hai định đề làm nên thuyết tương đối thu hẹp và có nghĩa là chỉ ánh sáng mới chuyển động với vận tốc ánh sáng, các vật thể (khối lượng lớn hơn khối lượng ánh sáng, tức là lớn hơn 0) sẽ không còn cấu trúc vật lý của chúng, bị chẻ thành mảnh vụn hoặc tan nát thành năng lượng khi vận tốc của chúng được đẩy lên gần vận tốc này. Khẳng định này dường như không dựa nhiều lắm vào thực nghiệm mà chỉ có do những suy nghĩ của Einstein về một số vấn đề triết lý của vật lý cổ điển. Nhưng nó được chứng thực nhiều lần kể từ lúc thuyết tương đối thu hẹp được công bố và hầu như đang xảy ra hàng ngày trong các phòng thí nghiệm vật lý năng lượng cao hiện nay.

1b. Để phác họa đại khái vì sao thuyết tương đối lại chứa đựng chuyện đi ngược thời gian dù nó xem vận tốc ánh sáng là cùng mức của chuyển động, trước hết chúng ta cần lưu ý rằng, theo thuyết tương đối, các khái niệm thời, không và chuyển động được định nghĩa trong tương quan với vận tốc ánh sáng như giới hạn tuyệt đối. Chúng ta có thể hình dung mình là, hoặc di chuyển với vận tốc của ánh sáng. Trong trường hợp đó, dù các nhà vật lý và bao kẻ phàm tục khác thấy rằng chúng ta có sinh, có diệt, có đến, có đi (mất 8 phút để rong ruổi từ mặt trời đến trái đất và khoảng 15 tỉ năm từ Big Bang đến nay!), có khác với các sự vật khác... nhưng chúng ta lại chỉ thấy vũ trụ là một khối không khác, không giống, không sinh, không diệt, và mình thì không đến, không đi, vừa có mặt mọi nơi nhưng cũng vừa không ở chỗ nào cả. Do đó mà chúng ta đồng thời nhìn thấy toàn thể mọi tiến trình khác biệt trong không và thời gian — sự kiện Phật đản sinh 2600 năm trước xảy ra đồng thời với và ngay bên sự kiện Chúa chịu nạn 600 năm sau, và giống như thế với tất cả những gì đã, đang và sẽ xảy ra trong mọi ngõ ngách của vũ trụ!

Hiển nhiên tôi đã mượn hình ảnh Phật giáo. Nhưng sử dụng thuyết tương đối để nói về thời, không gian và chuyển động ở trạng huống mà chúng không phải là những đại lực xác định (well-defined), không có ý nghĩa, giá trị như chúng ta biết, thì có lẽ trước sau gì cũng sẽ có cho mình một hình ảnh tương tự.(1)

1c. Điều quan trọng ở đây là, hình ảnh thực tại như thế không chỉ là cái thấy "chủ quan", bị quy định bởi hệ quy chiếu, của ánh sáng mà thôi. Thuyết tương đối tổng quát cho thấy rằng nó có ở những "nơi" như các lỗ giun (wormhole), những cấu trúc thời-không nối liền hai khu vực khác biệt của vũ trụ. Nói cách khác thời gian và không gian (như chúng ta biết) không có trong các cấu trúc đó. Lỗ giun như một khái niệm vật lý là do John Wheeler đưa ra. Khi thời-không bốn chiều được xem như một mặt phẳng hai chiều, mọi hiện tượng, sự kiện vật lý trở thành những chấm, điểm không độ lớn trên mặt phẳng đó. Tôi sinh ở Vũng Tàu năm 19... là một chấm. Tôi ở Berlin năm 1994 là một chấm

khác. Và cuộc đời tôi từ lúc mới sinh đến nay là một đường nối liền hai điểm này. Bên ngoài đường này không phải là cuộc đời tôi, và nói ở ngoài vũ trụ — bên trên hay phía dưới mặt phẳng thời-không — là vô nghĩa (theo định nghĩa, vũ trụ là cái chứa đựng mọi hiện hữu). Thế nhưng ngay "bên dưới" mặt vũ trụ phẳng phiu ấy lại có những đường ngầm, những ống nối liền hai điểm xa cách nhau trong không và thời gian, những lỗ giun trong đó thời và không gian không xác định.

1d. Và nếu bước xuống một lỗ giun mà hình hài vẫn còn nguyên vẹn thì khi trồi lên, trở về với thế giới bình thường, tôi có thể sẽ thấy thời gian từ lúc đi đến khi đến là 0, và nơi mình đến có thể là bờ sông Hằng 2600 năm trước, Jerusalem năm 3000, hoặc một góc vũ trụ xa thẳm mà đáng lý chúng ta không có cách nào đến được nếu chỉ di chuyển theo lối thông thường. Di chuyển thông thường là, để đi từ vị trí A sang vị trí B, tôi phải đi qua các điểm trung gian giữa A và B, và tôi phải mất một khoảng thời gian để thực hiện chuyến đi đó. Còn lọt vào lỗ giun thời-không rồi trồi lên đại khái là, biến mất ở New York và đồng thời với sự việc đó tôi hiện ra ở Paris. Có lẽ chúng ta phải đặt mình vào vị trí của người Tây phương, không tin là Chúa Jesus có thể biến hiện tùy ý, thì chuyện này mới đủ vẻ kỳ dị!

1e. "Nếu rơi xuống... mà hình hài vẫn còn nguyên vẹn" là chuyện không thể có trong thuyết tương đối. Nhưng vật lý lượng tử, lý thuyết căn bản nhất cho sự mô tả thực tại vật lý, lại nói rằng tuy dễ gặp nguy cơ tan xác nhưng một hệ vi tử + lỗ giun vẫn có cơ hội, dù rất nhỏ, để sống sót (M. Morris, K. Thorne, và U. Yurtsever 1988). Do đó mà chuyện "vượt thời gian" (time travel) là điều có thể đang luôn luôn xảy ra chung quanh chúng ta, trong thế giới của các vi tử. Và việc bẻ cong một lỗ giun này, biến nó thành một loại "đường ngầm thông vào quá khứ" trong đó thời gian và không gian là những đại lượng xác định là một cách với nó con người có thể đi ngược về quá khứ. Cách thứ hai là tìm ra các đường ngầm thiên nhiên mà thuyết tương đối cho rằng có.

Nhưng điều này nếu có thì cũng không có nghĩa là chúng ta có thể trở về quá khứ để thay đổi, ảnh hưởng đến một sự kiện lịch sử. Nếu một "đường ngầm thông vào quá khứ" được tạo ra năm 2000, thì sau đó (ví dụ năm 2060) chúng ta chỉ có thể quay về đến năm 2000 mà thôi, và — theo thuyết đa thế giới — sự việc trở về lại thời khoảng lúc chúng ta chưa sinh để ngăn chận những điều kiện khiến mình được sinh sẽ đưa chúng ta sang một thế giới khác, trong đó mọi sự mọi vật vẫn giống như cũ, nhưng cha mẹ chúng ta thì hoàn toàn là hai kẻ xa lạ, chẳng bao giờ ngờ rằng ở một thế giới kia hai người đang làm đám cưới và rồi sinh ra chúng ta!

2. Không nói đầy đủ về vấn đề đi ngược lại thời gian nhưng tôi hy vọng rằng trình bày ở trên có thể cho thấy rằng sự "vượt thời gian" và qua đó sự trở lại quá khứ là hệ quả tất nhiên của mô tả tiêu chuẩn trong đó vận tốc ánh sáng được xem như cùng mức của chuyển động vật lý. Chuyện lạ lùng này do đó không có liên hệ với giả thuyết chuyển động siêu quang hay nhanh hơn ánh sáng (superluminal velocity), cái được một vài nhà vật lý đưa ra trong mục đích giải thích một thí nghiệm lịch sử, thí nghiệm EPR do Einstein và hai cộng sự viên Podolsky và Rosen đưa ra năm 1935. Kể từ khi thí nghiệm này được thực hiện hoàn hảo lần đầu (A. Aspect 1982), các nhà vật lý bắt buộc phải chọn lựa, không còn có thể xem vật lý lượng tử như một phương tiện tính toán thuần tuý như trước đây. Và chuyển động siêu quang hoặc thuyết đa thế giới... vì thế được xem như lối thoát cho những ai không muốn hoàn toàn chấp nhận quan điểm "duyên sinh" của Bohr, theo đó các vi tử được xem như không có thực chất và tùy theo dạng thí nghiệm mà "hình tướng" và cách chuyển động của nó được thấy như thế này hay thế kia.

Nếu có dịp, tôi sẽ phác họa thí nghiệm "quan trọng vào bậc nhất của vật lý học" này và trình bày các đề nghị giải thích nó. Ở đây, điều đáng nói là giả thuyết siêu quang không được đa số chấp nhận; người ta không tin rằng nó khả dụng, đem đến những hiểu biết vật lý mới mẻ.

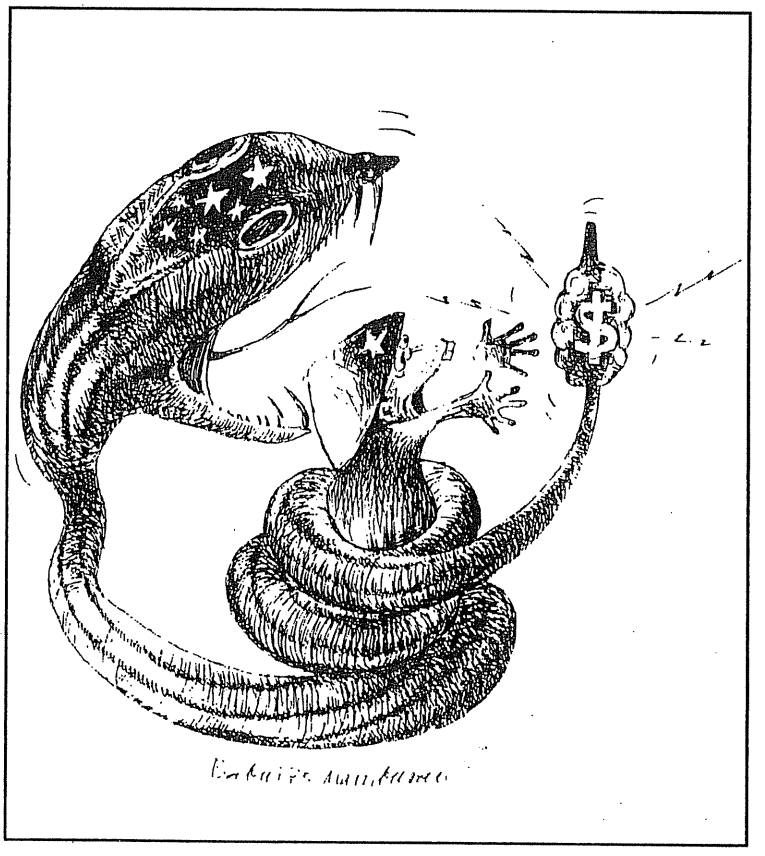

Một trong những biện minh cho tính bất phản hồi của thời gian ... [là]... "mức độ hỗn loạn" (entropie) của một hệ thống luôn gia tăng... Xã hội con người có giống như một hệ vật lý, có nhìn thấy mức độ hỗn loạn của nó ngày một gia tăng hay không? Nếu xã hội con người ngày càng ổn định, thì... một hệ thống lớn hơn, bao gồm xã hội loài người, thí dụ môi sinh trên địa cầu, sẽ bắt buộc gia tăng sự hỗn loạn, để trong toàn bộ sự hỗn loạn luôn luôn gia tăng, như nhiệt động học đã quy định? Nói cách khác, con người chỉ có thể tạo sự ổn định cho mình bằng cách gây hỗn loạn trong môi trường quanh mình?

1. Trước hết, xin thanh minh rằng trong bài Góp Ý... tôi đã không có ý nói rằng, theo tôi, thời gian chỉ có tính bất phản hồi mà thôi. Tôi nghĩ không ai dại gì phủ nhận quan niệm về thời gian của vật lý lượng tử. Tôi chỉ muốn nói, một số khoa học gia tin rằng nhiều vấn đề lý thuyết của vật lý có thể sẽ được giải quyết, trong ấy có nghịch lý vượt thời gian, nếu giả định về tính bất phản hồi của thời gian được đưa vào các phương trình chuyển động. Do không có ý định trình bày quan niệm thời gian của khoa học tự nhiên nên ở đây tôi chỉ có thể nói, điều này chỉ là một suy tính chưa có nội dung vật lý, nhưng nếu nó đúng thì chúng ta có thể sẽ thấy một quan niệm về thời gian theo đó trong "tầng bậc vi tế" thì thời gian được kết thành bằng những lượng gián đoạn và có tính tuần hoàn (như vật lý lượng tử hiện nay cho phép nói) nhưng khi "bước sang" thế giới thông thường của chúng ta thì nó lại trở thành một đại lượng liên tục và bất phản hồi (như trực giác và nhiệt động học cho biết).

2a. Để trở lại vấn đề chính mà anh nêu ra thì, như chúng ta biết, sự sống có những biểu hiện trật tự và ổn định (order, stability), là cái "ở" thật xa với điều gọi là cân bằng nhiệt động học, trạng thái trong đó entropy — ở đây, để không phải đi vào sự chi li, hãy cứ xem entropy là vô trật tự (disorder) (2) — của một hệ thống đóng/cô lập lên đến mức độ cao nhất. Vấn đề như thế là, nếu một hệ thống có sự sống, một "sinh hệ" được giải thích theo tư tưởng nhiệt động học, thì nó có mâu thuẫn hay không với sự luôn luôn gia tăng của entropy, như định luật II nhiệt động học cho biết?

2b. Câu trả lời là, một sinh hệ là một hệ thống mở, có sự trao đổi năng và chất với môi trường. Do đó, sự gia tăng phần năng và chất phế thải vô trật tự (tức là sự gia tăng entropy) của sinh hệ + môi trường có thể chỉ xảy ra ở ngoài môi trường mà không nhất thiết ở chính sinh hệ. Điều này không có gì mâu thuẫn, vì định luật II nhiệt động học trong trường hợp này chỉ nói đến sự luôn gia tăng entropy của toàn thể. Và chính vì thế, chính vì một sinh hệ thu nhận nhiên liệu từ môi trường và biết tống xuất ra các phế thải của mình mà sự sống có điều kiện để duy trì và phát triển: sinh hệ nào biết giữ lại ít và tống xuất nhiều sự vô trật tự là sống, ngược lại là đi dần vào sự cân bằng nhiệt động học, vào cái chết.

2c. Điều này hiển nhiên đúng với căn bản vật lý của sự sống nơi con người và xã hội — với sự tiếp nhận thực phẩm, nước, không khí, nhiệt lượng... và tống xuất các phế thải phân, nước tiểu, thán khí, khói độc, vân vân. Thế nên có thể nói sự sống, sự ổn định của con người được mua bằng giá của sự gia tăng entropy và theo đó sự chết dần của môi trường. Nhận thức này có lẽ ít nhiều từng được xem như "luận cứ khoa học" cho tư tưởng thống trị muôn loài và, như anh nói, "tạo sự ổn định cho mình bằng cách gây hỗn loạn cho môi trường quanh mình."

3a. Nhưng "môi trường quanh mình" hỗn loạn dần, chết dần thì sự sống nơi con người và xã hội người cũng không thể kéo dài — lấy gì để duy trì sự sống khi môi trường mỗi lúc một tàn tạ? Nhiệt động học trước đây không có câu trả lời thỏa đáng. Có lẽ do đó mà người ta đã bỏ ra vô số tiền của và trí não để chuẩn bị một chỗ ở khác ngoài trái đất, và một phần do đó mà nhiều người, kể cả một vài nhà nhiệt động học, cảm thấy hứng thú hơn với tư tưởng Ấn giáo, Phật và Lão giáo, những tư tưởng đòi hỏi con người chỉ nên xem mình như một phần của sự sống. Hiện nay thì khoa học này cũng đồng ý nguyên tắc đó.

3b. Trong ngôn ngữ của nó, điều này có nghĩa là địa cầu có sự sống, không phải là một khối đất đá cỏ cây không hồn phách nhưng là chất liệu cho sự sống, mà là chính sự sống, với sự đãi lọc, chuyển hóa năng và chất mà nó tiếp nhận và sự tống xuất các phế thải mà nó và các vi khuẩn sống bám vào nó (:người, thú, vân vân) đã làm ra trong việc duy trì sự sống. Ở đây vật lý lượng tử (!) đã giúp vào việc tìm kiếm một lý luận khoa học bằng một con toán đơn giản theo đó năng lượng mà địa cầu tiếp nhận từ mặt trời thì nhỏ hơn sự vô trật tự được tống xuất ra vũ trụ. Các nghiên cứu chi tiết hơn của Lynn Margulis và James Lovelock, tác giả thuyết Gaia, và các nhà khoa học khác cho thấy, địa cầu quả thật là một sinh hệ, là Mẹ Đất (Gaia).

3c. Điều phải làm do đó là hợp lực cùng địa cầu đẩy phế thải ra vũ trụ. Vũ trụ đang trương nở, như khoa thiên văn và vũ trụ học cho biết. Sự trương nở có nghĩa là mọi phân bố năng và chất trong vũ trụ ngày một xa nhau. Do đó mà vũ trụ có chỗ trống để cứ mãi tiếp thu những thứ đáng phàn nàn mà địa cầu và các thiên thể có sự sống khác thải ra, như định luật II nhiệt động học mong muốn.

Tất nhiên yếu tố căn bản cho việc "hợp lực cùng địa cầu..." không chỉ là các phương cách cụ thể mà khoa học chắc chắn tìm được, mà còn là nhận thức của con người. Trong một nhận thức như thế, con người chắc chắn không thể tìm kiếm sự ổn định cho mình bằng cách gây hỗn loạn cho người khác và cho môi trường — làm như thế chẳng khác gì chữa tay bằng cách cưa chân. Vấn đề là việc thay đổi nhận thức không phải chỉ đòi hỏi lý trí mà thôi — không phải chỉ vì biết rằng hút thuốc có hại mà tôi không hút nữa, hoặc không chỉ vì dạy về các tư tưởng cao siêu của nhân loại mà tôi trở thành nhà hiền triết.

4. Để phác họa đầy đủ về quan niệm sự sống nêu trên, tôi xin nhắc rằng, người ta chưa biết là vụ trụ sẽ tiếp tục trương nở mãi hay sẽ có lúc co lại. Nhưng cả hai đều có nghĩa là vũ trụ đang đi vào

cõi chết. Và sự sống địa phương (địa cầu và có thể những hành tinh xa xôi nào đó) góp phần đẩy mạnh tiến trình đó qua việc tống xuất các phế thải ra vũ trụ. Sự sống có do, nương tựa trên và làm tăng độ cho cái chết, có phần giống như tương quan giữa những bọt nước và dòng nước: cái bền vững, sự hiện hữu của bèo bọt có là do chuyển vận vô trật tự của nước, và tuy tương đối bền vững nhưng bèo bọt sẽ không còn nữa khi sóng yên gió lặng. Nhận thức bất cận nhân tình này có lẽ cũng làm phiền người theo "chủ nghĩa lạc quan," xem cái chết như xấu xa, đáng ghét và không nên có.

Đạo Phật có nói đến "năm trăm ngàn muôn triệu thế giới" (Kinh Pháp Hoa), có lẽ ý nói một con số rất lớn, vô lượng thế giới. Thế giới kinh Phật nói có thể coi như thế giới của khoa học gia hay không, và "vô lượng thế giới" của Phật có phải là thuyết đa thế giới ngày nay hay không?

1a. Trước tiên, có thể khẳng định rằng khoa học và đạo Phật gặp gỡ nhau ở nhiều nhận thức căn bản. Đó là điều mà những nhà khoa học và tư tưởng ngoại hạng như Eistein, Bohr, Jung... đã nhận thấy từ thuở Phật học ở tây phương còn phôi thai. Nói chung thì các nhà khoa học tự nhiên thuộc mọi xu hướng tư tưởng đều có thể thừa nhận như thế khi họ có dịp thảo luận với người Phật giáo, như chúng ta thấy trong cuộc thảo luận giữa Dalai Lama và các nhà khoa học Bắc âu đăng trong các số báo trước. Điều này chỉ trở nên quan trọng khi được liên hệ với hai sự kiện, a) giữa đạo Phật và tâm lý học cũng có nhiều điểm tương đồng, (3) và b) vũ trụ quan Phật giáo cho biết các tương đồng tâm lý học phải nhiều hơn so với trường hợp khoa học tự nhiên (4). Chúng làm chúng ta ngờ rằng sự gặp gỡ sở dĩ có là do căn bản thực nghiệm của đạo Phật chứ không phải là những trùng hợp ngẫu nhiên, và quả thật trong giới tâm lý học đã có những công trình cho biết rằng, đạo Phật trong căn bản là một truyền thống khoa học chuyên khảo sát tâm thức, Tâm lý học Giác ngộ (The Psychology of Enlightment) với công cụ khảo sát là chính tâm thức. (5)

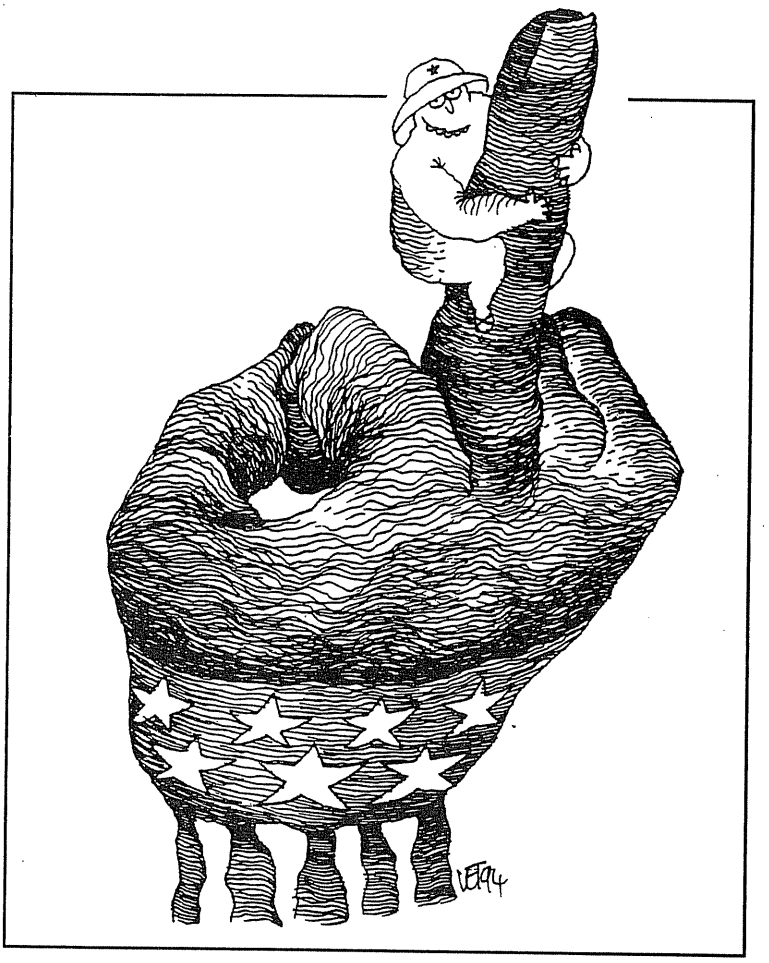

Tất nhiên đây không phải là quan điểm của số đông; khoa học tây phương cho đến nay vẫn làm việc với các phạm trù vật chất, và việc xem tâm thức như dụng cụ khảo sát là điều họ chưa thể chấp nhận được khi không hiểu nó là thế nào. Dù sao thì những nỗ lực nghiên cứu và áp dụng tâm lý học Phật giáo cho đến nay vẫn tiến triển thuận lợi và chúng ta có thể nghĩ rằng công thức "đạo Phật = triết học biến thành tôn giáo" hay "đạo Phật = một trong những triết học đã lỗi thời" rồi sẽ chỉ còn nơi những con người lỗi thời. Đạo Phật chắc chắn không chỉ là triết học, và khi những nguyên lý và phương pháp thay đổi nhận thức và hành xử của nó còn được tâm lý học quan tâm thì không thể nói là lỗi thời.

1b. Cuộc đối thoại kể trên cũng cho chúng ta thấy rằng cả người khoa học lẫn người Phật giáo đều không nghĩ rằng thế giới trong quan niệm khoa học tự nhiên và thế giới quan Phật giáo là một. Điều này rất có ý nghĩa. Nó là một trong các lý do khiến tôi đã chọn cuộc đối thoại đó mà không giới thiệu với độc giả Thế Kỷ 21 các đối thoại khoa học và đạo Phật, trong đó các nhà khoa học liên hệ tin rằng khoa học và đạo học rồi sẽ gặp nhau. Tôi nghĩ rằng một lý thuyết khoa học sẽ luôn luôn chỉ đủ rộng cho các hiểu biết thực nghiệm của nó, và không thể quá rộng để bao biện những gì nó không thể liên hệ với phương pháp luận của mình. Và nếu thế giới là thế giới trong sự khuôn nắn của nhận thức, nếu tùy thuộc vào phương cách nhận thức/khảo sát mà chúng sinh thấy, hiểu thực tại là thế này hay thế kia, như Phật đã nói với người phật tử và như Einstein và nhất là Bohr đã nói với người khoa học tự nhiên (6) thì khoa học tự nhiên, do làm việc bằng khung khái niệm bắt nguồn từ ngôn ngữ vật thể, nên thế giới trong nhãn quan khoa học tự nhiên sẽ chỉ thích hợp với việc chế tạo máy móc và sẽ không thoát khỏi cạnh cơ giới, vật thể. Trong khi đó đạo Phật do làm việc với các phẩm tính tâm thức nên mô hình Phật giáo không thể thích hợp để khảo sát, ví dụ, hành xử của một sinh vật nào đó.

1c. Lý luận trên không nhất

thiết chỉ có nghĩa là chỉ có duy nhất một thế giới (nhưng do sự sai khác trong dạng khảo sát/nhận thức mà nó được thấy như thế này hay thế kia). Kinh Pháp Hoa thì, như anh cho biết, nói đến vô lượng thế giới, và, tiếp tục áp dụng quan niệm nêu trên, tôi nghĩ rằng khoa học tự nhiên không thể bác bỏ quan điểm này: nó và các khoa học đặt căn bản trên phương pháp luận của nó chỉ thấy được những gì phương pháp luận này cho phép thấy, đó là thế giới của giác quan và các "dụng cụ nối dài giác quan." Ngoài ra, thì người thật sự khách quan không thể nói rằng, cái mình không/chưa biết được là cái không thể có. Và biết đâu những thế giới khác lại không nằm ở những nơi khoa học có thể biết là có nhưng không hiểu có gì (như black hole)?

Tất nhiên người ta có thể chống đối, rằng các thế giới của đạo Phật nguyên thủy và Đại thừa sơ thời là những trạng thái tâm thức chứ không là những thế giới hiểu theo nghĩa thông thường: Phật (Thích Ca) chỉ nói đến thế giới trong nhận thức của con người ("Thế giới là mắt và cái thấy, tai và cái nghe..."); Lục đạo, Niết bàn... như thế trước và trên hết là những "trạng thái nhận thức và tình cảm," và chuyện vô lượng thế giới là một sản phẩm tôn giáo thuần túy, được đặt ra do nhu cầu tín ngưỡng của đại đa số quần chúng. Nhưng đây là chuyện của các nhà Phật học. Sự giải thích kinh điển có những tiêu chuẩn chặt chẽ — ngay ở vùng đất xem thường lý luận mà đạo Phật Trung hoa cũng có các tiêu chuẩn "phán giáo" nhất định — và tôi biết là mình không nắm chắc các tiêu chuẩn này, không dám nói càn. Điều chắc chắn, tôi nghĩ, là thế giới nếu nhiều thì cũng không phải là thế giới theo thuyên giải đa thế giới, ít nhất là trong dạng hiện tại của nó.

2a. Thuyết đa thế giới (Everett III 1957) giải thích các hiểu biết của vật lý lượng tử theo hai tiền đề ít nhiều quen thuộc với tư tưởng tây phương nhưng lại đưa đến nhiều hệ luận rất lạ. Thứ nhất là vectơ trạng thái là phản ánh của chính hệ thống. Đây là sự trở về với quan điểm "duy toán" mà vật lý lượng tử à la Bohr đã phủ nhận, vì vector trạng thái hay hàm sóng là đại lượng toán học mà Bohr xem như chỉ cung cấp những thông tin về hệ thống và trạng huống thí nghiệm. Thứ hai là, phủ nhận thuyên giải chính thống, thuyết đa thế giới nói, vectơ trạng thái không sụp đổ khi hệ thống tương tác với máy đo. Sự sụp đổ của vectơ trạng thái là một vấn đề nan giải trong vật lý lý thuyết, và bằng tiên đề này thuyết đa thế giới đã giải quyết dễ dàng, bằng cách nói rằng vấn đề không có! Tiên đề này cũng phủ nhận cả sự bất phản hồi/gia tăng entropy mà Bohr nói (và sau này thực nghiệm đo được) là xảy ra khi hệ thống tương tắc cùng máy đo, xem như đó chỉ là cái thấy chủ quan của người quan sát!!

Hai tiền đề trên có nghĩa là thực tính của hệ, thực tại... chính là một cấu trúc toán học, và những gì thuyên giải tiêu chuẩn cho là có-thể-có-có-thể-không thì thuyết này cho rằng có thật, nhưng trong từng thế giới khác nhau. Thoạt tiên chúng ta có vô lượng thế giới giống hệt nhau và nằm song song với nhau, trong mỗi thế giới như thế có một phó bản của hệ thống và một phó bản của máy đo, và các thế giới này chỉ khác nhau khi máy đo tương tác với hệ thống, vì bấy giờ phó bản trong thế giới này nhận một giá trị khác với phó bản trong thế giới khác.

3b. Để minh họa, xin giả định là, tôi là một người thợ nề, và "tôi như người thợ nề" là kết quả của một chọn lựa, một quyết định sau khi đã kinh qua sự dằn co dữ dội, phân vân không biết mình có nên bỏ học nghề để học tâm lý học hoặc Phật học. Trong ngôn ngữ vật lý lượng tử tiêu chuẩn thì với sự dằn co, phân vân, tôi là một hệ thống không xác định, ở trong một trạng thái pha trộn, chồng chất giữa ba giá trị có-thể-có. Khi tôi có một chọn lựa, quyết định trở thành người thợ mộc, vật lý lượng tử nói rằng một phép đo đã được thực hiện, với nó hệ thống đã nhận, đã ở trong một giá trị xác định - trạng thái chồng chất [[tâmlý học gia-Phật học gia-thợ nề]] sụp đổ, trở thành [[thợ nề]].

Trong thuyên giải đa thế giới không có một mô tả gần gũi với đời sống như thế. Nó nói rằng trước tiên tôi chính là một pha trộn, vừa là thợ mộc vừa là Phật học gia vừa là tâm lý học gia, và khi cái quái-thể-tôi muốn trở nên bình thường, đơn giản, thì vũ trụ hoàn toàn đổi khác: trong một thế giới tôi trở thành thợ mộc, trong thế giới khác tôi là tâm lý học gia, trong một thế giới khác nữa tôi là nhà Phật học, và "cả ba" giống nhau ở chỗ hoàn toàn không biết rằng ở trong một thế giới khác mình đang làm một việc khác.

Nếu phải đưa ra một ví dụ thực tế hơn thì nằm song song với thế giới này là một thế giới trong đó Phật Thích ca không là Phật, thất bại trong việc tu tập hoặc không bao giờ nghĩ đến chuyện giải thoát, chỉ làm việc chăn dân trị nước, còn Chúa Jesus thì không bị khổ hình trên thập giá mà được người Do Thái xem là đấng Cứu thế, hoặc chỉ chăm chỉ làm nghề thợ mộc. Cũng có một thế giới khác, trong đó có Phật mà không có Chúa (vì Chúa được người Do Thái xem là đấng Cứu thế của họ, hoặc vì bận làm thợ mộc!) Và bên cạnh thế giới đó là thế giới trong đó có Chúa mà không có Phật (Phật thất bại trong việc tu tập, ví dụ). Tất nhiên chúng ta còn nghĩ ra vô số thế giới kỳ hình quái trạng khác, chẳng hạn thế giới trong đó Phật là Phật nhưng chẳng ai biết đến và Chúa là Chúa nhưng không có Thiên chúa giáo, vân vân.

3. Phác họa ở trên cho thấy nhiều khác biệt căn bản giữa thuyên giải đa thế giới và thế giới quan Phật giáo. Sự đồng nhất cái có và cái có-thể-có, cũng như quan điểm rằng hai thực tại biệt lập nhau nhưng cái này lại có ảnh hưởng toàn diện lên cái kia... là những điều bị các luận sư Phật giáo dẫn vào chỗ bế tắc. Đạo Phật đặc biệt cũng không cho rằng một khái niệm nào đó lại có thể dung chứa được toàn thể thực tại như chủ trương của thuyết đa thế giới — trước và trên hết vì những hệ luận phi lý của nó (để nói đại khái thì, nếu khái niệm Phật mà chứa đựng được Phật thì Phật vẫn còn bị ràng buộc, thì Phật đã không xưng "Kẻ đã đến và đi như thế", nếu Chúa mà chỉ như thuyên giải thần học thì Chúa nhỏ hơn thuyên giải đó, vân

vân), chứ không phải vì nó đối nghịch với luận điểm vô ngã của đạo Phật (7) (luận điểm này cho rằng, do thực tại thay đổi chuyển biến theo trạng huống, không có tự tính, bản chất cố định, nên không một khung lý thuyết nào có thể chụp bắt được nó). Ngoài ra thì chúng ta có thể đặt vấn đề với sự quan trọng của máy đo trong thuyết đa thế giới. Máy đo hay dụng cụ khảo sát trong vật lý không nhất thiết là máy, mà có thể là một nhánh lá, một ngọn cỏ (đối với một quang tử từ mặt trời, ví dụ). Nhưng khi vũ trụ chưa thành hình, khi chưa có cái gì gọi là một hiện tượng vật lý, thì, như nhà vật lý quá cố David Bohm đã hỏi, cái gì là máy đo để có Big Bang?

Đó là sự thẩm định giá trị chân lý. Như hệ luận của sự phủ nhận giá trị tuyệt đối của lý thuyết, đạo Phật xoay sang vấn đề thẩm định giá trị đạo đức, nói rằng cho dù một lý thuyết có hợp lý, hoàn chỉnh đến đâu đi nữa thì nó cũng không được chấp nhận nếu nó đưa đến những hệ luận bất thiện (:cái có hại về mặt tâm lý-đạo đức, hoặc cái chỉ lợi cho một phía, một khía cạnh). Sự đồng nhất cái có với cái có-thể-có và sự đồng nhất mô hình thực tại với chính thực tại... vì vậy cũng không thể chấp nhận ở phương diện này dù chúng đã làm nên một thuyên giải phù hợp với thực nghiệm vật lý. Vì cái trước phủ nhận chọn lựa và nỗ lực thực hiện chọn lựa đó (ai cũng có khả năng thành Phật = ai cũng là Phật). Còn cái sau thì tàng chứa trong nó mầm mống độc quyền chân lý — việc tin vào một quan điểm như thế rõ ràng đã chỉ tạo nên sự bất khoan dung, và ngoài ra thì vật lý lượng tử sở dĩ tiến triển đến trình độ hiện nay là do quan niệm Bohr chứ thuyết đa thế giới, giống như bao thuyên giải khác, chưa có đóng góp gì cụ thể.

30/8/94

1. Một vài năm trước, khi tôi nói về các đại lượng vật lý trong "cái nhìn" của ánh sáng, một người bạn người Đan (hiện đang ở Việt Nam nghiên cứu một loại cây cỏ chỉ có ở đó) quả quyết là tôi mô phỏng nhà vật lý John Gribbin (In Search of Schoedinger's Cat, 1985). Anh ta không thể tin rằng bấy giờ tôi đọc tác giả này. (Rất giỏi và được giáo sư hướng dẫn trông cậy, kỳ vọng, nhưng anh ta bỏ ngang vật lý để bắt đầu lại từ đầu với sinh học, chỉ vì không chịu được những cái ngược đời của vật lý lượng tử và thuyết tương đối!)

2. Hiện nay, nhiệt động học xem entropy như đại lượng biểu thị khả năng thay đổi của hệ thống. Định nghĩa này chính xác hơn "công thức" trước đây được nhồi nhét vào đầu sinh viên, entropy = vô trật tự/hỗn loạn. Vô trật tự/hỗn loạn theo đó chỉ còn là một phần, dù là phần nổi bật nhất, của entropy. Nếu sử dụng định nghĩa mới này và liên hệ nó với entropy như số đo của thông tin, trình bày của tôi sẽ trở nên dài hơn, nhưng căn bản lý luận vẫn không có gì thay đổi.

3. Ví dụ, xem G. Claxton (ed.), Beyond Therapy: The Impact of Eastern Religions on Psychological Theory and Practice (Wisdom Publications, London 1986). Một số công trình của tuyển tập này đã được Vũ Nguyên Khang dịch và đăng trên Giao Điểm và Chân Nguyên.

4. Ví dụ, xem bài của K. Wilber trong K. Wilber (ed.), The Hographic Paradigm and other Paradoxes: Exploring the Leading Edge of Science (Shambhala, Boulder 1980).

5. Trong tuyển tập Claxton (1986 (ct.3), nhà tâm lý J. Manné-Lewis cho thấy Phật giáo sơ kỳ là một khoa học tâm lý có khả năng làm chỗ quy hướng cho các xu hướng, trường phái tâm lý học hiện đại, một khuôn mẫu (paradigm). Một số các công trình liên hệ cũng có thể được tìm thấy từ phần tài liệu tham khảo của tuyển tập này.

6. Einstein được kể là nói rằng, "... Chính lý thuyết quyết định những gì chúng ta quan sát được."

7. Trong đạo Phật đúng ra không có chuyện bác bỏ một luận cứ của người khác bằng việc viện dẫn lời Phật. Như đã nói, phương cách tiêu chuẩn là, dẫn luận cứ đó vào ngõ cụt, cho thấy nó phi lý (prasangika). ■

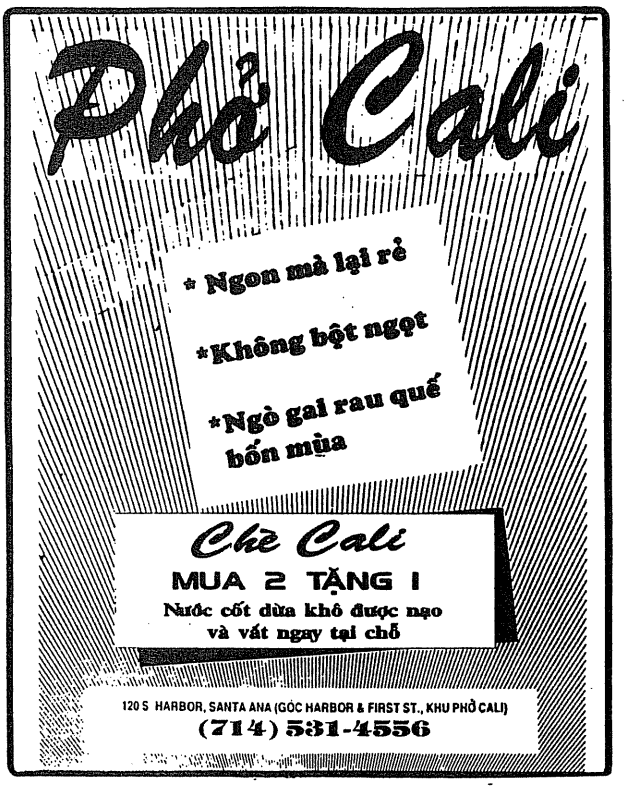

MỘT CHUYẾN ĐI SĂN NHẠC Ở VIỆT NAM

PHILIP BLACKBURN

MỘT

Chắc là vì bữa cháo lòng heo (có cả tiết) họ đã đãi tôi tại quán ăn Trường Âm nhạc Hà nội sau buổi tôi nói chuyện về âm nhạc thí nghiệm [1], mà ngày hôm sau, trên chuyến xe hơi lên Cao bằng, tôi đã bị đau kinh khủng. Tất cả những thuốc đau bụng Xôviết mà Hội Nhạc sĩ Việt Nam cung cấp cho tôi, và cảnh trí miền núi cao nguyên hùng vĩ khiến du khách phải sửng sốt, cũng không đủ làm tôi hết buồn nôn.

Hội đồng Văn hóa Á châu ["The Asian Cultural Council"] đã hỗ trợ chuyến thăm viếng bốn tháng của tôi tại Việt Nam đặng đại diện Diễn đàn Soạn nhạc gia Minnesota ["Minnesota Composers Forum"][2] với tư cách là tổ chức đầu tiên của Hoa Kỳ thiết lập liên hệ với giới nhạc sĩ Việt Nam.

Trạm ngừng thứ nhất lên vùng cao nguyên Việt Bắc là một quán trà của một thày phù thủy người Tày. Truyền thống không cho phép thày ăn thịt heo hay thịt chó (nếu có thì chắc tôi đã có thể học được vài bài học về cái món này cũng nên), nhưng vì chính sách mới của nhà nước [bài trừ mê tín dị đoan] đã khiến cho thày thất nghiệp, và đã có một hồi thày được chỉ định làm Giám đốc Văn hóa, và hiện nay thì cả ngày thày làm thơ bằng thổ ngữ Tày, và nhậu rượu đế (dù chưa ngâm xương rắn hay gạc nai).

Người kế vị thày, đương kim Giám đốc Văn hóa tỉnh Cao bằng, cách biên giới Trung Quốc lối 30 cây số, hoan hỉ giới thiệu tôi với các nhạc sĩ địa phương. Vị này đã bỏ thời giờ quí báu trông nom bốn quí phu nhân ("Thành quả quản lý vĩ đại nhất của ông ta", theo lời một nhân vật) đặng dàn xếp các buổi thâu băng với những ca sĩ trong vùng, vùng nổi tiếng về văn hóa đặc biệt của các dân tộc ít người. Bởi đều đồng lòng chống đối người Tàu (mới đây vừa sang chiếm mấy con đường núi và giết hại cả ngàn dân làng) nên các dân tộc thiểu số này bây giờ thân nhau đến nỗi họ hát bài hát của nhau mặc dù chẳng hiểu được tiếng nhau. Tôi thông cảm được vấn đề này lắm, bởi lẽ đường giây giao thông gần gũi nhất giữa chúng tôi là từ tiếng Tày qua tiếng Việt qua tiếng Pháp rồi mới qua tiếng Anh.

Thế nhưng các ca sĩ lại ở trong miệt núi, cách đó 20 cây số, xuống một con dốc núi mà xe *van* của chúng tôi đi không nổi (chả có đòn bẩy, cũng chả có bánh xe phụ). Tôi đành giao vấn đề lại cho các vị chủ không-biết-mệt của tôi thuộc Hội Nhạc sĩ VN, và đi ngủ sớm trong một căn phòng ít mấy ai dùng tại một khu nhà khách quân đội. Sáng hôm sau, cái xe Jeep Nga của ông Ủy viên Văn hóa được tuyên bố là không xài đặng cho du khách Mỹ, và rồi văn thư có ấn ký được gửi đi, và thế là một xe "Land-cruiser" Toyota của Liên Hiệp Quốc được gởi tới cho chúng tôi xài. Giá như không có sự giúp đỡ của họ, chắc tôi đã không thể ba hoa rằng tôi đã là người Tây phương thứ nhất được bước chân tới tỉnh Quảng Hóa.

Tại đó, một buổi trưa nồng tháng Mười Một [1993], lúc một bày con trẻ vừa đi nướng chuột đồng về, một nhóm ông lão lom khom, và kẻ bỏ đan, người ngừng hút thuốc phiện, kéo nhau tới nghe hai cặp trai gái Nùng hát suốt ba tiếng đồng hồ một loại ca lường thanh ["diaphonic chanting"] tuyệt diệu, gọi là *hà lêu*, trong vốn tiết mục của họ mang tên chung là *sli*. Hai cặp ca sĩ này ngồi trước một căn lều nhỏ, bận quần áo đen, đeo kiềng bạc. Mỗi cặp hát tức hứng một cuộc đối thoại bằng thơ, lúc trêu ghẹo, lúc đùa cợt, lúc tán tỉnh nhau, giọng hát ôm ấp lấy nhau như cặp tình nhân.

Điển hình là mấy câu trao đổi sau đây (dịch nghĩa từ tiếng Nùng):

Nam:
Vừa mới sơ giao mầm trúc xinh
Anh muốn làm quen với em
Một lòng muốn cùng em kết giao
Lo em chưa tin được lòng thành

[1] *Experimental music*, từ dùng để trỏ bất cứ nhạc phẩm nào đi ra ngoài truyền thống đã được tôn thờ, về phong cách, nhạc thể cũng như thể loại. Nó cũng khác với nhạc của đội ngũ gọi là "tiên phong" (*avant garde*), vì những người này vẫn còn sáng tác trong truyền thống và bên trong những đường dây truyền thông đã được chấp nhận, như nhà hát, những cuộc hòa nhạc, đại học, đài phát thanh, công ty sản xuất đĩa nhạc, v.v. Là một đặc tính của nhạc Mỹ và Anh (hơn là Âu lục), nhạc thí nghiệm đã bắt đầu với Charles Ives (1874-1954), nhà soạn nhạc độc đáo nhất của Tây phương trong thế kỷ này, với những thí nghiệm hồi đó coi là táo bạo (như đa chủ âm, vô chủ âm, không có nhịp bền, nhạc cụ phối hợp bất thường, nhạc công được phân bố tại nhiều vị trí khác nhau và khác thường, kỹ thuật "cắt dán"—*collage*—, v.v.) Thuộc trường phái này ở Hoa Kỳ phải kể Henry Cowell (1897-1965), John Cage (1912-1992), Henry Brant (1913-), và Cornelius Cardew (1936-1981). (*Lời Người Dịch*)

[2] Về tổ chức này, xin coi phần giới thiệu cuối bài.

Nữ:
Hai ta một lòng cùng kết giao
Thật lòng, chớ chê nhau
Bàn tay có ngón dài ngón ngắn
Ống đũa cũng còn chẳng đều nhau

Không mấy người Việt, và lại càng ít hơn người Mỹ, biết đến thể loại nhạc này, đã chỉ được truyền lại trong gia đình mà thôi. Xế chiều hôm đó tôi cũng được nghe các em nhỏ và thiếu niên hát *hà lêu*. Kiểu hát *sli* chẳng có lý do nào phải thay đổi từ thế hệ này sang thế hệ khác; thời gian vẫn cứ cần được ru dỗ trong lúc ta gánh gồng ra chợ. Nhưng ngày nay thiếu nhi miền này cũng còn học các bài hát Việt kiểu trữ tình hậu cách mạng nữa. Nhưng hiện tượng Michael Jackson thì [may thay!] vẫn chưa tới được miệt núi này.

Tại một khu tiền đồn quân sự gần Cao bằng tôi được gặp cụ bà Hoàng Xuân Đào, trạc 70 tuổi, thuộc sắc tộc người Dao Đỏ. Vì là người chót còn lại của bộ lạc nhớ được tiếng nói và các ca khúc, cho nên đôi khi cụ được mời hát trong những dịp hội hè; nhưng chừng nào cụ qua đời, thì cái truyền thống ca hát sắc tộc này chắc rồi sẽ cũng chấm dứt. Cũng vậy, vị Ủy viên Văn hóa địa phương còn nhớ các bài ca Tày kiểu *Lượn then* [3] ông hay hát hồi nhỏ, nhưng bây giờ không có dịp nào hát nữa. Nhận thức được rằng tính đa tạp của các nền văn hóa cổ truyền hiện nay đang có cơ biến mất, chính phủ VN đã quan tâm tới việc bảo tồn nó giữa cái lúc mà các lực lượng văn hóa khác đang bành trướng; "phát triển di sản" đã trở thành một lời hiệu triệu, là vì thế.

Có thể lần thứ nhất trong lịch sử VN, hiện nay đang có một hiện tượng kêu bằng khoảng cách thế hệ; nhờ những biện pháp cải tổ kinh tế và phương tiện truyền thông quốc tế, giới thiếu niên hậu chiến đang nắm trong tay một số dụng cụ nổi loạn như cưỡi xe gắn máy, bận áo và đeo kiếng mát của Không lực HK, hoặc xài một khoản tương đương với bốn tháng lương đặng mua vé đi nghe buổi hòa nhạc của Bryan Adams hay John Denver [hai ca sĩ "pop" của Mỹ] thảy đều là những hành động chắc chắn sẽ làm phụ huynh họ phải ngơ ngác. Trong các thế hệ lớn tuổi hơn thì tôi gặp rất ít người vẫn còn muốn thắt lưng buộc bụng hy sinh cho chủ nghĩa Cộng sản hơn là xông ra buôn bán lặt vặt kiểu tiểu thương, bằng vốn vay của bè bạn.

Đệm theo phát triển kinh tế là nhịp ảnh hưởng của người ngoại quốc. Nếu như trong phần lớn thời gian 2000 năm qua đã được xài vào công cuộc đẩy lui ngoại xâm, thì phần lớn hai năm vừa rồi lại được xài vào việc tán tỉnh họ quay trở lại. Trước kia, khi khối Xã hội chủ nghĩa Đông Âu chưa sụp đổ, thị trường hóa phẩm và văn hóa đã được bảo đảm; nhiều nhà soạn nhạc được gởi sang học các Âm nhạc viện ở Budapest, Sofia, Leipzig, Moscow, Leningrad,

PHILIP BLACKBURN, soạn nhạc gia và ca sĩ Mỹ, hiện là Giám đốc Dịch vụ Nhạc sĩ của Diễn đàn Soạn nhạc gia Minnesota, một tổ chức tư nhân vô vụ lợi. Ông đang có những hoạt động nhằm mục đích nối liên lạc giữa giới nhạc sĩ Mỹ và nhạc sĩ Việt, và đang có dự án gởi băng nhạc và sách giáo khoa âm nhạc về VN, cũng như khởi sự những cuộc thăm viếng trao đổi. Bắt đầu sáng tác từ năm 16 tuổi, Blackburn đã soạn những tác phẩm thí nghiệm cho các ban nhạc hỗn hợp và máy điện toán. Ông đã có trên 17 đĩa CD đọng với tư cách nhà soạn nhạc, điều khiển dàn nhạc và ca đoàn, nhà sản xuất, hoặc nhạc sĩ trình diễn, và nhiều xuất hiện trên đài phát thanh và truyền hình thế giới. Ông đã được trao tặng 7 giải thưởng về sáng tác và trình diễn, và từ 1989 tới nay là thành viên các tổ chức nhạc hiện đại như Dale Warland Singers (một ca đoàn chuyên nghiệp và chuyên về nhạc mới), Ex Machina Baroque Opera (một nhóm kịch nghệ cổ), và A Musical Summit (song ca nhạc Trung cổ và Phục hưng Âu châu). Cuốn "Enclosures: Harry Partch" của ông đang được nhà Lingua Press in và sắp xuất bản. Philip Blackburn tốt nghiệp Cử nhân và Cao học âm nhạc tại ĐH Cambridge, Anh quốc, Cao Học và Tiến sĩ Âm nhạc tại ĐH Iowa, HK. Ngoài âm nhạc, ông đã theo học hoặc tiếp tục nghiên cứu hiện tượng học, ngữ học, kịch nghệ, và nấu ăn (nhất là món chay). Mùa thu năm nay, đĩa CD đọng của ông mang tên "Người ngồi ru thời gian" sẽ được phát hành toàn quốc HK, với nội dung gồm những tuyển chọn nhạc cổ truyền VN, như nhạc Tài tử, Chầu văn, Dân ca Tày, Nùng, Mường, Ê-đê, và của nhóm Phù Đổng.

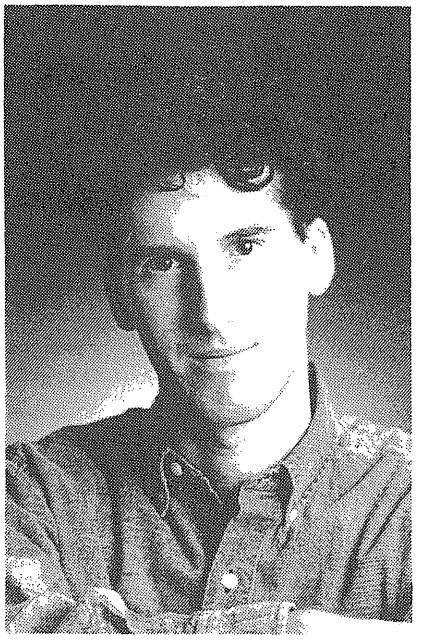

Philip Blackburn.

[3] "Lượn" (có nghĩa là "hát") là một lối hát ví, hát đúm, của trai gái Tày. Có nhiều loại: Lượn then, Lượn cọi, Lượn sương, Lượn sli, Lượn phuối pác... Trong những dịp sinh hoạt tập thể như làm đồng, rẫy nương, đi chơi xuân, ngày cưới, hội hè đình đám, trai gái Tày thường đi thành bọn gặp nhau hát Lượn để tỏ tình với nhau. Do tục lệ kết nghĩa giữa hai làng sắc tộc Tày đi đôi với lối hát Lượn này mà có giả thuyết cho rằng dân ca Quan họ Bắc ninh cùng chung một nguồn gốc với hát Lượn. Xem Nguyễn Văn Phú, *et al, Dân ca Quan họ Bắc ninh*, Nxb Văn hóa, Viện Văn học, Hà nội, 1962, tr. 57-58 (*LND*)

Karlmarxstad, hay Bắc kinh, và rồi về nước sau khi đã học những kỹ thuật bảo đảm phải có thể phục vụ chính nghĩa Xã hội chủ nghĩa. Thế nhưng, kể từ sau đó, ít người đã xuất ngoại, và nguồn kiến thức chủ yếu về những sinh hoạt văn hóa [âm nhạc] ngoại quốc hiện nay là những cuộn băng nhạc nhập cảng lậu, đôi khi là hàng mà nhân viên hải quan ăn cắp rồi đem ra bán lậu.

Qua các vị chủ của tôi — Hội Nhạc sĩ VN, một bộ phận của Bộ Văn hóa — tôi đã được tiếp xúc trên 400 nhà soạn nhạc, nhạc sĩ trình diễn, và nhạc học (một thành tích chưa hề ai có), được đi lại tự do, và được đặc quyền tham khảo những tài liệu bảo lưu nghiên cứu âm nhạc, khá nhiều nhưng cũng đang hư hao.

Ái Hoa chơi đàn nguyệt và Ban Nhạc Cung đình Huế.

Tại Viện Nghiên cứu ở Sài gòn, tôi nhận lời mời thử chơi một đống đá tảng nằm trong một góc phòng: đó là bộ đàn đá (đại loại như *xylophone*) làm cách đây 6000 năm. Đây là nhạc cụ cổ thứ nhì trên thế giới (bộ tương tự cổ nhất hiện nay ở Paris), và nghe vẫn như xưa: âm thanh ngân rền theo những tỷ lệ [tần số] thuần túy [4]. Khi nhấm vồ nặng gõ vào các vị trí đánh đàn đã nhẵn bóng, tôi đã cố gắng tôn trọng những bậc tiền bối dù không khỏi thầm hỏi rằng nhỡ mình đánh vỡ một phiến đá thì hậu quả sẽ ra sao.

Mấy nhà nhạc học lè phè ["laid-back"] ở Viện Nghiên cứu Sài gòn, trong đó có Lư Nhất Vũ và Thế Bân, phần lớn là nhạc sĩ miền Bắc được đưa vô Nam sau 1975 để trở thành nhà nghiên cứu [âm nhạc]. Sở nghiên cứu ở Hà nội coi bộ bề thế hơn nhiều. Tại đó, trong một ngôi chùa trống vắng, gió lùa, chỉ có một chiếc ghế gỗ, một cái bàn trống, một ngọn đèn tù mù, và một phiến tường mắc đầy giây điện. Bốn ngàn đĩa, hay băng ghi âm, nhạc cổ truyền được lưu trữ nơi đây, cứ mỗi lần chơi là thấy có gàu vung ra, từ mấy chục năm nay vẫn chưa được kê thành mục lục hay cho ai đụng tới. Bây giờ được thừa nhận là kho tài sản quí báu của quốc gia (bởi bao truyền thống có nhắc tới đã bị mất mát) chúng mới được nghiên cứu với điều kiện không cho phép sang băng ghi lại; bởi sợ rằng: (a) có thể ai đó sẽ kiếm bộn bạc nếu đem xuất bản ở ngoại quốc; (b) phẩm chất kỹ thuật của chúng dở phát ngượng nếu đem so với những đĩa Cô đọng ["Compact Disks"] hiện đại. Giải pháp [của Bộ Văn hóa] hiện nay là gởi cán bộ đi điều nghiên và ghi âm (mà chắc gì sẽ phát hiện được tất cả những truyền thống đã bị mất mát đó...). Cái trớ trêu là, chính tất cả những lý tưởng nhằm cải thiện đời sống nông thôn bằng cách kỹ nghệ hóa cũng lại làm gia tốc sự suy tàn của nền văn hóa cổ truyền bằng cách phá vỡ những cơ cấu làng mạc và lề thói sinh hoạt ruộng vườn.

Khi du lịch (bằng mọi phương tiện, từ xe đạp đủ loại cho tới xe hơi Mercedes) qua và chung quanh Hà nội, Huế, và Sài gòn, tôi đã có dịp lấy được một tổng quan về những sắc thái muôn màu muôn vẻ của âm nhạc và thái độ tồn tại trong nước. Ba thành phố này cũng có âm nhạc viện dạy cả nhạc cổ truyền VN lẫn nhạc cổ điển Tây phương; loại nhạc nói sau này đã có một chỗ đứng vững tại Việt Nam kể từ những ngày thuộc địa Pháp (thực dân Pháp đã tháo chạy năm 1954).

Hầu hết giảng sư các trường âm nhạc VN đã tốt nghiệp từ những âm nhạc viện ngoại quốc, một sự kiện có thể cắt nghĩa được tỷ lệ thần đồng [biểu diễn nhạc cụ] cao và cách tiếp cận đồng loạt khi diễn xuất kho mục tiêu chuẩn (từ Mozart tới Debussy). Cũng trong hệ thống này, nhạc sinh được coi như nhà nghề và được trả thù lao mỗi lần tập dượt hoặc biểu diễn. Rất ít sinh viên sáng tác nào có khả năng trả nổi phí tổn để cho chơi thử nhạc bản mới của mình, và việc thành lập một ban nhạc mới thì hầu như không bao giờ có được [5]. Cho nên, dù có nhiều tài năng trẻ, tại VN hiện nay chỉ có một dàn nhạc toàn-thời-gian duy nhất (được gọi yêu là "dàn nhạc tàn dư"), và đang có những bàn cãi sôi nổi về cách nâng cao phẩm chất của nó (chẳng hạn đưa sinh viên trường âm nhạc xâm nhập) mà không để cho nhiều nhạc công cũ phải ra ngoài đường. Vì số hành lang khách sạn chơi nhạc được thì có giới hạn, nên những sinh viên có móc ngoặc tốt đành phải "chịu lưu đầy ra ngoại quốc" để tiến thủ, trong khi số người còn lại phải chịu cảnh thất nghiệp chắc chắn.

Cứ kể với những điều kiện giảng huấn như thế (lớp học thiếu vệ sinh, đàn pianô cong oằn), ấy là không kể quán cơm dơ độc, thì tiêu chuẩn thành tích của Trường Âm nhạc Hà nội khá cao. Dưới sự giám

[4] Bộ đàn đá sáu phiến này, nghe qua cuốn băng *video* tác giả đã thâu và mang về, được chế tạo theo âm giai ngũ cung, điệu Vũ, *D—F—G—A—C—D*, và có những tỷ lệ như sau (kể từ phiến âm thấp nhất của âm giai ấy): 1:1, 6:5, 4:3, 3:2, 16:9, và 1:2. Nếu niên đại của nó ước tính đúng là 6000 năm, thì bộ đàn quả là một thành tựu vĩ đại của loài người về âm học ứng dụng, đi trước khám phá lý thuyết về quãng của Pythagoras (người Âu châu đầu tiên) tới cả 35 thế kỷ! (*LND*)

[5] Sự việc này chẳng riêng gì ở Việt Nam mà thôi! (*LND*)

đốc của Vũ Hương và Trọng Bằng, chính phủ đang cho xây một phòng hòa nhạc của trường. Sinh viên nào có vẻ sẽ không thành công làm nhạc sĩ dương cầm thì được khuyến khích trở thành nhà soạn nhạc. Họ được yêu cầu sản xuất tác phẩm có "chút gì của mình và chút gì có tính cách Việt Nam". Nghĩa là bắt chước nhạc thể và kỹ thuật Tây phương áp dụng vào chất liệu Việt Nam. Các yếu tố cơ bản gồm: ABA [6], Nhạc đề và các Biến khúc, và phong cách Glinka, Prokofiev, hay Saint-Saens (tùy theo giảng sư đã học ở đâu), tất cả được xài cho những giai điệu dân ca hoặc nhạc cổ truyền và viết cho các ban nhạc thính phòng đủ cỡ. Năm chót nhạc sinh phải soạn một khúc giao hưởng hay một hợp tấu khúc ["concerto"], thế nhưng chắc hẳn là chả khúc nào sẽ được biểu diễn cả.

Giáo sư sáng tác Trần Trọng Hùng đã thử giới thiệu với sinh viên mình những tác phẩm của Messiaen, Stockhausen, và Maurice Ohana (qua các băng nhạc gởi về từ Paris). Loại âm nhạc đại-khái-cập- nhật này từ Tây phương đã gây cảm hứng cho một số sinh viên thí nghiệm với kỹ thuật mới. Thế nhưng chỉ khi nào giới biểu diễn và nhạc công cũng được làm quen với các phong cách quốc tế này thì loại âm nhạc đó mới không bị cái cảnh cô lập và gây ngộ nhận.

Phân bộ nhạc cổ truyền của Trường Âm nhạc Hà nội đã có được một ảnh hưởng rất lớn đối với hướng đi của nền âm nhạc Việt Nam. Trong khi rêu rao là bảo tồn truyền thống cho những thế hệ tương lai, thì họ đã thành công trong việc biến đổi truyền thống đó tới cái mức mà chả một ai nhận diện được nó ra sao. Khi chấp dụng những kỹ thuật Xôviết chiếm đoạt rồi pha chế giai điệu [dân gian] và biên soạn chúng thành những thể nhạc đơn giản duy cho những tay thiện cầm, thì cái mục đích nguyên ủy của khúc nhạc đã mất đi rồi. Nhạc xưa nay vốn truyền khẩu nay lại được ghi âm và ấn định như khúc nhạc bảo lưu với một lối biểu diễn tiêu chuẩn. Loại "nhạc cải biên" này bây giờ trở thành bài bản chính thức của âm nhạc cổ truyền và nghe thấy trong băng, trên các đài truyền thanh và truyền hình và khách sạn cả nước. Một người bạn lên thăm Ban Mê Thuột hỏi các nhạc sĩ địa phương cảm tưởng ra sao về việc chiếm đoạt nhạc mình như thế. Mới đầu họ đáp khéo rằng người Hà nội quý trọng âm nhạc của họ như vậy là hân hạnh lắm chớ, nhưng riêng tư thì họ vô cùng bất mãn về thái độ khinh khi đó.

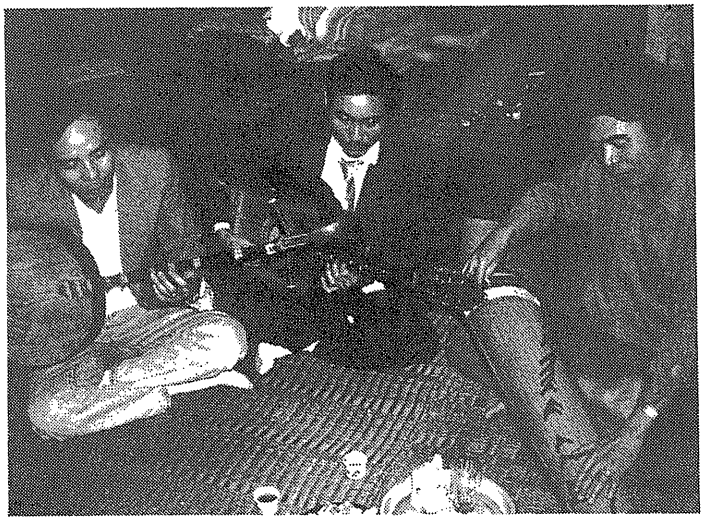

Ba nhạc sĩ "nhạc tài tử" tại Hà nội.

Một gia đình sáu anh em trai, Đức Lợi là thủ lĩnh, đã lập một ban nhạc cụ gõ ở Sài gòn lấy tên là Phù Đổng. Tất cả đều đã học nhạc tại Hà nội nhưng đã qua một thời gian sống ở vùng Cao nguyên Trung phần học các nhạc cụ các dân tộc thiểu số tại đó. Suốt 14 năm qua họ đã chơi nhạc với nhau và phát triển được một lối nhạc mới của họ, đôi khi dùng môtíp cổ truyền, đôi khi pha trộn tài tình các nhạc cụ "kỳ khôi": đàn đá, sáo Mèo, gồng Ê-đê, và xúc-xắc. Hơn hẳn các nhạc công "nhạc cải biên", mấy anh em này đã rèn lấy cho riêng mình một phong cách đặc biệt.

Mới đây tại Hà nội đã có những thí nghiệm thử áp dụng kỹ thuật chơi nhạc cụ Việt Nam vào chất liệu Tây phương, nghĩa là đảo ngược lại phương pháp thông thường xưa nay sử dụng kỹ thuật Tây phương (như hòa âm và các nhạc thể tiêu chuẩn) vào chất liệu VN (như dân ca). Thanh Hiền, một nhà nhạc học trẻ tuổi tại Trường Âm nhạc, đã phân tích một số quy luật biểu diễn tức hứng nhạc tài tử và đưa cho sinh viên môn sáng tác thử thích ứng chúng vào các điệu mới và các nhạc cụ tân thời. Nhạc sĩ vĩ cầm Đào Trọng Từ đã mở đường áp dụng kỹ thuật bấm ngón và kéo vĩ của đàn nhị vào vĩ cầm Tây phương (giống như biến đàn ghi-ta Tây thành nhạc cụ chơi nhạc vọng cổ), và đã tạo được một tác dụng tế nhị khác thường.

Tại Huế, nơi mà di tích vua quan còn thấy rõ trên mỗi nẻo đường mòn, mối quan tâm bảo tồn văn hóa địa phương lại còn lớn hơn nữa. Huế đã nhỡ tầu trong công cuộc đầu tư kinh tế của các đô thị lớn và đang trông đợi vào kỹ nghệ du lịch đặng có thể sống còn. Sau nhiều năm bất trắc, tổ chức UNESCO mới đây đã quyết định cho Huế cái cương vị là một di tích lịch sử, do đó có đủ điều kiện được tài trợ công tác bảo tồn những dinh thự nguy nga cho du khách sau này.

Nền nhạc của Huế cũng phong phú và độc đáo không kém; phần lớn kho mục biểu diễn xoay quanh việc giúp vui hay tế lễ của nhà vua. Phần nhạc tế đã được lọc đi đôi chút, nhưng phần còn lại được chơi đều đặn kể từ 1945 tới nay, khi mà du khách đã trở thành tân chế độ (có tiền chi thì có thể làm nhất dạ đế vương

[6] Ba đoạn nhạc xếp theo thứ tự A, B, rồi lặp lại A. (*LND*)

ngay). Thật vậy, ban tấu nhạc cung đình ngày nào cũng đóng phẩm phục ngồi chờ trong một căn phòng kế bên hoàng cung và hễ có du khách tới là kéo nhau ra trình diễn. Hiện nay có tới tám trường dạy trẻ em chơi loại nhạc và múa này, thế mà vị giám đốc còn hỏi tôi là ông ta nên làm gì thêm nữa.

Trong nền văn hóa hãnh diện này còn các thể loại nhạc khác nữa, như ca Huế, tuồng Huế, hát chầu văn, ngâm thơ, và tụng kinh như tại chùa Linh mụ. Có một số nhạc công đã ngoài 80 tuổi và hồi trước đã từng biểu diễn cho vua nghe. Hiện nay họ mở lớp dạy cho các thế hệ trẻ và bởi vì các thể loại này chấp nhận rất ít biến đổi hay tự do tức hứng, cho nên bài bản cũng như lối biểu diễn hầu như cố định. Ngôi sao chầu văn và ca Huế sáng nhất là Ái Hoa, một ca nương chạc tứ tuần, với một giọng hát lúc luyến láy, lúc rạn vỡ, nghe lai láng tình tứ. Trong số những nhà soạn ca khúc có Trần Hữu Pháp, Hà Sâm, và Nguyễn Khắc Yên mang màu sắc Huế vào giai điệu của họ, và lời ca chứa nhiều điển cố lịch sử (như vở nhạc kịch *Huyền Trân* của Trần Hữu Pháp viết cho đài phát thanh). Nhiều nghệ sĩ khác cũng đang lên ở Huế, như họa sĩ Nguyễn Duy Linh và Đặng Mậu Tựu; tác phẩm của họ mang hình ảnh những đồi nương chứa đầy kỷ niệm.

HAI

Đôi Rollerblades [patanh] đầu tiên vô Sài gòn Tháng Chạp 1993, gắn vào chân một thiếu niên vùng Brooklyn [ngoại ô Nữu Ước], tên là Victor. Tóc cắt kiểu hình kỷ hà, quái dị và di động như bay qua các đại lộ đông người, phóng tới đâu cũng khiến cho đám đông phải hốt hoảng rạt sang hai bên tới đó. Tôi gặp cậu này lúc cậu vừa ở sở cảnh sát về, sau bốn tiếng bị giữ lại để thẩm vấn. Tội danh gì? Tội dùng phương tiện di chuyển không thuộc bất cứ một loại xe cộ nào hiện có của loài người.

Bộ đàn đá Việt Nam.

Lần thứ nhất loại nhạc thí nghiệm Mỹ được giới thiệu cho giới nhạc sĩ chuyên nghiệp cũng như nhạc sinh ở Hà nội, Huế, và Sài gòn, nó cũng đã gây một sự xáo trộn tương tự; tôi cũng không hề chuẩn bị kế hoạch đối phó với tình trạng bất ngờ đó. Khúc *Giao hưởng Thứ Tư* của Charles Ives, viết cho ba ban nhạc với ba người điều khiển chơi *cùng một lúc*, đã khiến cho giới khán giả đó ngơ ngác theo đúng như ý của Ives, nhưng cho tới hôm nay đã trở thành một chuyện thường đối với tai khán giả Mỹ đã quen với hiện tượng đối chọi âm thanh ấy rồi. Tác phẩm *In C* ["Ở khóa Do"] của Riley và *Come Out* ["Đi ra"] của Reich khiến họ sững sờ, vì cứ còn chờ xem còn có gì tới sau những đoạn nhạc lặp đi lặp lại đó nữa không. (Có người kêu lên là "Như thế thì quá dễ" khi tôi tìm cách giải thích Chủ nghĩa Tối thiểu trong nhạc hiện đại). Nhạc soạn bằng máy điện toán cũng như tác phẩm *Ionization* ["Ion hóa"] của Varèse làm cho họ cười phá lên, và tôi lại phải giải thích rằng tiếng mèo gào trong tác phẩm này thực ra là tiếng còi báo động. Ngược lại cũng có những phản ứng tích cực hơn: các trích đoạn của Bobby McFerrin, Aretha Franklin, David Hykes, Lou Harrison, và Aaron Copland thảy đều được vỗ tay hoan nghênh bột phát.

Các câu hỏi được đưa ra nhiều nhất là: Có thật nghề nhạc sĩ ở Mỹ dễ sống không? Truyền thống nhạc Mỹ ra sao? Tổ chức vô vụ lợi là thế nào? Làm sao ngăn ngừa được sự xâm chiếm của Michael Jackson? Một lần, sau một buổi trưa dài tại Huế, có người biên vào giấy cho tôi câu hỏi bất thình lình, như trên trời rơi xuống: "Xin nói cho tôi nghe về LaMonte Young, Chủ nghĩa Tối thiểu, và Chủ nghĩa Hậu Hiện đại".

Ít ai có dịp nói chuyện với một người Mỹ (chắc chắn không phải là không sợ trả thù), và nếu có thì hầu hết là liên hệ với giới quân nhân hay buôn bán, cho nên nhiều người Việt tôi gặp hay tò mò muốn biết xem lối sống của tôi có phù hợp với hình ảnh của họ thường có hay không. Trước khi nói chuyện trước một cử tọa, tôi thường được giới thiệu là một người Mỹ "bình dân, đi lại bằng xe đạp, ở khách sạn rẻ tiền, và ăn chay tại các hàng quán lề đường", và ai cũng cố giấu sửng sốt.

Trong một cuộc phỏng vấn trên đài Tiếng nói Việt Nam tôi đã chuẩn bị để nói kỹ về phản ứng của tôi khi nghe âm nhạc Việt Nam. Thế nhưng người phỏng vấn lại chọn một chiến thuật khác và giới thiệu tôi là một nhà soạn nhạc chưa vợ, 31 tuổi, có bằng tiến sĩ, rồi đưa tôi một cây đàn ghi-ta long tai

DIỄN ĐÀN SOẠN NHẠC GIA MINNESOTA, thành lập năm 1973, là một trong ba tổ chức duy nhất ở HK (với hội "Meet the Composer", và "American Music Center") hiện nay có trên 900 hội viên trong và ngoài nước Mỹ,có mục đích phục vụ giới soạn nhạc nghệ thuật (không phải loại nhạc thương mại), với nhiều hình thức: kiếm phương tiện cho nhà soạn nhạc tiến thủ, như "đặt hàng", giới thiệu tới những tổ chức cấp học bổng hoặc cơ hội làm "nghệ-sĩ-tại-trú" ("artist-in-residence") trong các trường đại học, giới thiệu tới thính giả, kiếm "thị trường" cho những nhạc phẩm hiện đại, bằng cách tổ chức những buổi hòa nhạc, phổ biến trên các hệ thống truyền thanh, thâu và phát hành băng nhựa, cho vay vốn để thực hiện biểu diễn và thâu băng, vv. Hơn phân nửa thành phần Ban Quản trị và Ban Chấp hành tổ chức này là nhà soạn nhạc hay nghệ sĩ biểu diễn. Hàng năm Diễn đàn tổ chức 5 buổi hoà nhạc với các nhóm hoặc dàn nhạc nổi tiếng quốc nội và quốc tế, như Ban Tứ tấu Cleveland, Ban Nhạc cụ gõ Zeitgeist, Ban Tứ tấu Đàn dây Alexander, và Dàn nhạc Thính phòng Saint Paul. Cho tới nay Diễn đàn đã phát hành khoảng 20 đĩa Cô đọng cho tác phẩm của các thành viên (dưới nhãn hiệu "inova"). Mới đây giới nhạc sĩ VN ở Hà nội đã yêu cầu Diễn đàn thiết lập liên hệ với họ và tạo cơ hội cho họ học hỏi về âm nhạc hiện đại HK từ 50 năm qua. (Theo chiều hướng đó, trong bốn tháng từ cuối năm ngoái sang đầu năm nay Philip Blackburn đã được gởi qua VN tham quan sinh hoạt âm nhạc tại ba thành phố Hà nội, Huế, và Sài gòn, và các vùng thượng du Bắc và Trung Việt.) Địa chỉ liên lạc: The Minnesota Composers Forum, 332 Minnesota Street, Suite East 145, Saint Paul, MN 55101; giây nói:(612) 228-1407.

gãy ngõng và yêu cầu hát một ca khúc nào đó của tôi cho giới thính giả thiếu nữ toàn quốc nghe. "Tôi xin lỗi, nhưng tôi không thuộc vào loại người lấy vợ hay viết bài hát và tôi lại không biết chơi đàn ghi-ta (ngay là đàn có đủ hết các dây)". Sau khi nghe các băng nhạc thí nghiệm của tôi, thì không ai còn hỏi một câu nào khác.

Một phương pháp bắc cầu qua vực sâu quan niệm, luôn luôn thành công, là khi tôi hát mấy khúc ballad của sắc tộc thổ dân Mỹ Appalachia. Khi đếm số âm lên tới năm, thì dường như ai cũng thấy được cái bằng chứng là chúng ta cùng một loài, máu ta cùng đỏ như nhau và nhạc ta trong căn bản cùng ngũ âm như nhau.

Đặc biệt dân ca là một biểu tượng vô cùng mạnh mẽ cho căn cước Việt Nam. Cho nên cử chỉ thuận hòa tối hậu đối với tôi là khi nhiều nhạc công đàn bầu yêu cầu tôi cho họ một số dân ca Mỹ để họ học, để sau này khi người Mỹ tới nhiều hơn chúng tôi sẽ thấy thoải mái như ở nhà. Vì thế chớ ngạc nhiên nếu bạn nghe thấy các đoạn trong *We Shall Overcome, Hills of Galilee*, hay *Black Is the Color* ["Ta sẽ vượt qua", "Những ngọn đồi Galilee", "Đen ấy chính là sắc màu"] trong chuyến thăm VN nào đó trong tương lai.

Tới nay hình ảnh nhạc Mỹ đã được chắp nối từ một vài mảnh vụn mà người Việt có được: băng ghi âm trong phim *Gone with the Wind* ["Cuốn theo chiều gió"] và *The Sound of Music* ["Tiếng nhạc"]. Cuốn phim nói sau này đã gây nhiều chấn động khi được chiếu trên đài truyền hình quốc gia. Ngoài ra là những băng nhạc của The Carpenters, Odetta, Gershwin, Louis Armstrong, Mahalia Jackson, và The Platters. *Yellow Bird, Besame Mucho*, và *My Way* ["Chim vàng", "Hôn thương nhiều", "Đường tôi"] là các giai điệu thường được nghe thấy ở VN nhưng không lời ca. Nhờ sự *karaoke*-hóa mà một vài bài hát của Madonna và Roberta Flack, v.v., đang chóng trở thành tiêu chuẩn.

Nhạc phổ thông Mỹ được ưa chuộng phần lớn thuộc loại *pop-rock*; phong cách phổ biến nhất là loại bài hát yêu đương lĩnh kỉnh (có người gọi là *misery-pop*, "pop khốn khổ"). Nhạc *Heavy metal* ["kim khí độc", tên loại nhạc rock khuếch đại tần hài] và các loại nhạc khác làm huyết áp tăng thì chưa được chấp nhận mấy. Nếu muốn được nghe tất cả mọi ca sĩ Sài gòn trong một buổi tối, bạn chỉ cần ngồi nguyên tại một phòng trà nào có ban nhạc. Bạn sẽ thấy người nọ xếp hàng nối đuôi người kia lên sân khấu, hát hai bài, một chậm, một nhanh, và rồi nhảy lên xe máy tới một địa điểm khác để lặp lại cái tiết mục đó. Cách luân phiên này bảo đảm được tính cách biến đổi, chủ nghĩa bình đẳng, và cho phép mỗi ca sĩ hát được thật hoàn hảo và mỗi vài tháng chỉ phổ biến dăm ba bài thôi. Mấy nhà soạn ca khúc như Trịnh Công Sơn, Phạm Trọng Cầu, Diệp Minh Tuyền và Thanh Tùng (vị này quản lý sáu công ty thương mại đồng thời là một người viết bài hát và nhạc phim nổi tiếng) tụ tập được một bầy ca sĩ được ưa chuộng, sẵn sàng lăng-xê các bài hát mới cho mình trong cái đường vòng phòng trà đó.

Một buổi tối tại phòng trà Bách Diệp (lấy tên một cây cổ thụ che mái sân khấu) tôi thấy các ca sĩ tuổi từ 5 tới 50, nhiều người hát lại những ca khúc trước 1975 (chứng tỏ khí hậu chính trị hồi này đã thay đổi ra sao). Một cô bé 5 tuổi, trông dễ thương như Shirley Temple hồi nhỏ nhưng lại uốn éo nhún nhảy kiểu Madonna, đã làm khán giả ngồi im phăng phắc lắng nghe một bài em hát về tình thương yêu mẹ hiền, v.v., đến về sau mới biết là mẹ thiệt của em đã chết và hiện nay em phải cưu mang tới sáu anh chị em.

Ban nhạc [phòng trà] tiêu chuẩn gồm có ca sĩ (người duy nhất trên sân khấu ưa uốn éo), đàn ghi-ta trầm điện, và một hay hai bàn phím điện tử, được cả nước công nhận là dụng cụ tiết kiệm lớn nhất cả về sức người lẫn tiền bạc, bất chấp âm thanh [chướng tai] của nó. Thật vậy, tại các vùng nông thôn nào chưa có điện, bàn phím mang tay đó vẫn chạy được bằng pin rất là ngon lành. Việt Nam rõ ràng là thị trường cho loại nhạc cụ đó: tất cả mọi nút bấm tiết nhịp nhảy đầm rất hiếm khi xài ở nơi khác — *rumba, tango, bossa nova*, và *surf rock* — thì được dùng tưới-hột-sen ở xứ này.

Thể loại sáng tác duy nhất mang lại được nhiều hơn là một khoản tiền còm (tại một xứ không hề có vụ đặt hàng ["commission"], không hề có hội bảo vệ quyền biểu diễn hay luật bảo vệ tác quyền) là nhạc phim. Một trong số nhà soạn nhạc hàng đầu là Đặng Hữu Phúc, trước kia học ở Bắc Hàn và Pháp, và là chủ nhân xưởng MIDI [7] duy nhất ở Việt Nam. Tại Bình Nhưỡng ông kiếm khá tiền bằng cách sang/thâu băng video *karaoke*. Tại Hà nội ông viết nhạc phim với âm thanh rất phong phú của "dàn nhạc" máy MIDI. Tại Paris ông sử dụng các *samplers* [8] để soạn nhạc thí nghiệm theo phong cách Tây phương. Thế nhưng, theo ông thì "Chưa một ai ở Việt Nam đã nghe những tác phẩm thí nghiệm của tôi; chưa có thị trường. Dân chúng còn mải lo sao cho đủ cơm ăn áo mặc, chứ không ai cần đến cái thứ hàng xa xỉ là loại nhạc khó khăn ấy".

Tuy nhiên, kỹ nghệ phim xinê, được nhà nước bảo trợ, còn lâu nữa mới có người tham gia. Người ta pha trò thế này: Phim Mỹ thì đầy gái điếm, phim Nga thì đầy bạo động, phim Tàu thì không có gì khác hơn la *kung fu*, còn phim Việt Nam? Có thể chúng nghiêm túc và đúng đường lối nhất, thế nhưng không một ai biết đến chúng, bởi sau khi ở máy *camera* ra chúng đã đi thẳng vô nhà kho rồi.

Tại Việt Nam hôm nay còn có nhiều nhân vật và nhiều sinh hoạt âm nhạc muôn màu vẻ khác nữa, không nhắc đến được ở đây vì lý do giới hạn, như: những tiếng rao hàng rong ngoài phố phường, tiếng gõ xực-tắc rất nhịp nhàng của những xe bán hủ-tíu, tiếng còi của đủ loại xe cộ thổi lên một cách có tổ chức, người hát xẩm, rạp hát bội, tuồng, chèo, cải lương, và những tiếng cầu kinh Công giáo, Phật giáo, Cao đài giáo, v.v. và v.v.

Trong mọi chuyến du khảo của tôi tại Việt Nam, tuyệt đối tôi đã không hề gặp một thái độ kình chống nào hết dù tôi từ xứ sở "Xâm lược Mỹ" tới. Những ai biết Anh ngữ nhiều hơn là tiếng "*Hello*", thì hầu như phần lớn đã nói "*Let bygones be bygones*" ["Chuyện đã qua để cho nó qua đi"]. Có người nói đến sự phí phạm xương máu và của cải. Ngay lúc đến thăm nhà ai có đặt trên bàn thờ hình thân nhân bị Mỹ bắn chết trong thời chiến, chủ nhà cũng tế nhị tìm mọi cách đặng tôi đỡ ngượng ngùng. Câu giải thích phổ thông nhất về thái độ cởi mở hiện nay đối với việc người Mỹ quay trở lại là người Tầu đã từng chiếm đóng lãnh thổ VN còn lâu hơn người Mỹ nhiều, cho nên lòng căm thù cũng chỉ là theo tỷ lệ thôi [9]. Nhưng dù cho không có lời giải thích này hay không có những hình bóng $$$ trong ánh mắt người dân đi chăng nữa, thì người ta cũng đã thấy được khắp nơi một tinh thần lạc quan tiến tới nào đó.

Thế nhưng ngay giờ đây thì chứng nào vẫn tật nấy: những cuộn băng tôi thâu trong chuyến đi của tôi đã phải có sự cho phép của Bộ Văn hóa mới được đem ra khỏi VN. Một cuốn ghi lại màn pha trò chế riễu Lênin của một nhà báo nổi tiếng đã bị kiểm duyệt, chắc là do một anh cán bộ nhàn cư nào đó, nhưng lòng trung thành [với chế độ] lại lớn hơn tính hài hước của anh ta.

Trong căn phòng hậu thuộc ngôi nhà một giáo sư Anh ngữ, tôi đã liếc thấy câu này dán trên tường: "Tự do tư tưởng. Không ai cấm ta suy nghĩ bất cứ một tư tưởng nào miễn là ta đừng phát biểu nó ra". Tại thời điểm này trong lịch sử VN, thì những phát triển tư tưởng nghệ thuật bị ngăn cản chẳng những bởi lý do kinh tế, mà còn cả lý do ý thức hệ nữa. Với một nền kinh tế đang tăng trưởng 8% mỗi năm, thì cán cân thăng bằng giữa âm nhạc, tiền tài, và tư tưởng, giống như tình trạng lưu thông hàng ngày loạn cào cào kia, cũng đang bước vào một thời kỳ hỗn mang mà từ đó một trật tự mới có thể rồi đây sẽ hình thành.

Tháng Bảy 1994
(Cung Tiến dịch và giới thiệu)

Tìm đọc:

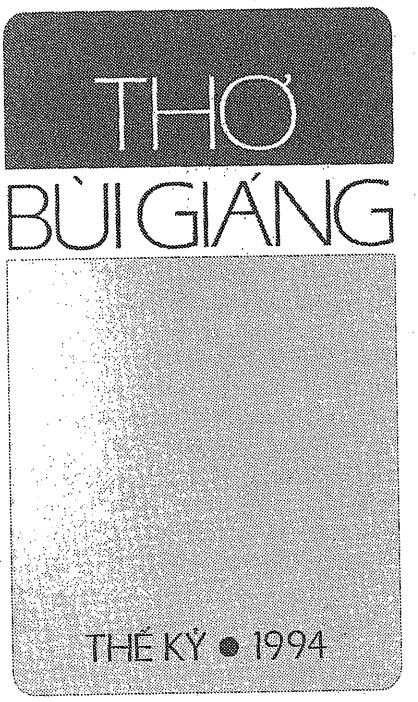

[7] *Musical Instrument Digital Interface*: Trỏ toàn bộ hệ thống các máy điện tử và điện toán dùng trong âm học và âm nhạc đặng phân tích, pha trộn, tổng hợp, và sản xuất nhạc thanh trên băng nhựa. (*LND*)

[8] Bộ phận một máy điện toán dùng trong âm học, có khả năng tính thành điểm những đặc tính của một dạng sóng, để tạo được âm thanh trung thực khi được khuếch đại và phát qua loa. (*LND*)

[9] Lập luận, còn phổ biến trong dân chúng VN, so sánh sự xâm lăng và đô hộ 1000 năm của Tầu với liên minh 10 năm của Mỹ (và các xứ đồng minh khác là Canada, Nam Hàn, Úc châu, Thái, Phi-luật-tân, v.v., tương tự như trong Cuộc chiến Vùng Vịnh mấy năm trước đây) snag hỗ trợ miền Nam trong cuộc nội chiến Nam-Bắc VN 1954-1975, một cuộc nội chiến chủ yếu có tính chất ý thức hệ — Chủ nghĩa Tự Do Dân tộc chống Chủ nghĩa Cộng sản Quốc tế, kinh tế thị trường chống kinh tế chỉ huy — chứng tỏ bộ máy tuyên truyền Việt Cộng đã thành công đến mức nào trong sự nghiệp đầu độc người dân và bóp méo lịch sử! (*LND*)

NHẠC DÂN TỘC CẢI BIÊN VIỆT NAM

MIRANDA ARANA

Nhạc dân tộc cải biên (1) hiện nay là một trong những thể loại nhạc Việt Nam được giảng dạy nhiều nhất ở phần lớn các trường nhạc Việt Nam. Sự ra đời và sự phát triển của nhạc dân tộc cải biên là kết quả của sự thành lập hệ thống nhạc viện theo mô hình Châu Âu, và việc sử dụng cách ghi âm, xướng âm cũng như sự áp dụng phương pháp giảng dạy theo kiểu phương Tây như là phương tiện chính để lưu truyền nhạc truyền thống Việt Nam. Từ cuối những năm 50 trở đi, các nhạc sĩ sáng tác đã được đào tạo theo hệ thống nhạc viện và được ảnh hưởng do sự trao đổi giữa các giảng viên âm nhạc của Trung Quốc và Liên Xô cũ, đã tạo ra thể loại nhạc truyền thống mới này, một thể loại kết hợp và pha trộn âm nhạc Việt Nam với nhạc cổ điển Châu Âu và sau này với nhạc pop/rock phương Tây về mặt cấu trúc, cách sử dụng nhạc cụ, hòa âm, thang âm bình quân, phong cách diễn, và cách biên chế dàn nhạc. Thể loại mới này đã được phổ biến ra do các nhạc viện ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế, và khoảng hai mươi trường văn hóa nghệ thuật trên toàn quốc. Các giáo viên và diễn viên trẻ được đào tạo do hệ thống nhạc viện này là những người dạy các học sinh thuộc thế hệ mới và được tham gia trong các đoàn do nhà nước và các tỉnh bảo trợ để đi biểu diễn phục vụ trong nước, xuất hiện trên truyền hình, trình diễn cho các đoàn đại biểu nước ngoài, và đi các nước khác vì mục đích quan hệ hữu nghị và vì mục đích trình bày những đặc trưng độc đáo và hay nhất của văn hóa Việt Nam.

Khán giả Việt Nam nghe loại âm nhạc truyền thống mới này có nhiều phản ứng khác nhau. Có người thích thú, tự hào về dân tộc Việt Nam, và cũng có người không quan tâm, cảm thấy chán, không thích vì họ coi âm nhạc này bị lai Tây và mất tính Việt Nam, cũng có người nói rằng việc nghe âm nhạc này là "một kiểu tra tấn" khán giả. Những người nước ngoài mà chưa nghe nhiều âm nhạc Việt Nam thường nhận xét rằng họ không thích việc điện tử hóa nhạc cụ, nhưng họ cũng tò mò và muốn xem một đoàn biểu diễn để biết về các nhạc cụ và âm thanh mới lạ. Vì thế, nhạc dân tộc cải biên rất phổ biến ở các khách sạn và hiệu ăn sang trọng, tạo nên ấn tượng đầu tiên đối với những người du lịch đến Việt Nam.

Lịch sử hoàn cảnh ra đời

Tư tưởng về âm nhạc, về mặt thẩm mỹ, cách thưởng thức và vai trò của âm nhạc trong xã hội đều bị ảnh hưởng của văn hóa và giáo dục của Pháp. Từ khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp, nhân dân thành thị đã coi âm nhạc phương Tây như là một mô hình cần thiết đối với sự phát triển âm nhạc của riêng mình. Do quan điểm này, nhạc dân tộc cải biên có nhiều nét hoàn toàn không giống các thể loại nhạc cổ truyền khác về nguyên tắc lý luận âm nhạc, kỹ thuật, phong cách biểu diễn, và cách hòa tấu.

Các nghệ nhân nghệ sĩ thuộc hệ nhạc cổ truyền thuần túy, như chèo, tuồng, ca trù, nhạc cung đình Huế, chầu văn, nhạc tài tử - cải lương, đã học và biểu diễn nhạc cụ của mình khác với cách của người học nhạc dân tộc cải biên. Theo kiểu chơi truyền thống, mô hình giai điệu và một trình độ sử dụng điệu thức và tiết tấu đã phát triển cao là cơ sở cho các nghệ sĩ sáng tạo. Mỗi nhạc cụ góp phần tạo nên những giai điệu ngẫu hứng riêng, tạo ra nhiều dị bản khác nhau. Những dị bản ấy luôn luôn tuân theo những nguyên tắc riêng của truyền thống trong từng thể loại. Những người chơi nhạc cụ dân tộc học chơi bằng cách bắt chước và thực nghiệm để phát triển khả năng ứng diễn và đối đáp một cách không gò bó nhưng đồng thời lại thích hợp với nguyên tắc. Khả năng này làm cho khán giả dễ đánh giá trình độ và tài năng của người chơi nhạc. Đối với một số thể loại đòi hỏi một trình độ hiểu biết cao, như hát ả đào và hát chèo, khán giả đánh trống để trình bày sự khen thưởng hoặc không hài lòng của mình. Không như các diễn viên phương Tây được đánh giá theo khả năng chơi đúng ý định chính xác của nhà sáng tác, một nhà chơi nhạc cổ truyền được đánh giá theo khả năng ngẫu hứng để tạo ra nhiều dị bản cá nhân hoàn toàn riêng, nhưng vẫn dựa trên nguyên tắc chung. Nhà sáng tác, nói chung, không quan trọng, và thường khuyết danh. (2) Các nghệ sĩ, theo truyền thống, luôn luôn mang trong mình chức năng sáng tác tại chỗ.

Với cách nhìn ở nhạc viện, "nhạc cổ truyền Việt Nam lộn xộn và không khoa học; vừa khó học, khó dạy và khó điều khiển. Nhạc cổ truyền đã thiếu cả phương pháp ghi âm chính xác, thang âm bình quân, hợp âm, và một dàn nhạc giao hưởng lớn như nhạc cổ điển Châu Âu." Những người sáng tạo nhạc dân tộc cải biên đã có ý định "khoa học hóa" nhạc cổ truyền để thích hợp với thời hiện đại, với quan niệm như vậy: họ đã ghi âm những dị bản cổ truyền ra để giảng dạy. Chính vì vậy, học sinh học ở nhạc viện chỉ biết chơi một dị bản. Do đó, sự phong phú và sinh động của nhạc cổ truyền đã bị triệt tiêu. Hơn thế nữa, bài bản được ghi âm thường không chính xác. Không thể hiện đúng tính chất của truyền thống. Cộng với sự thiếu hiểu biết về nhạc cổ

truyền của các giảng viên làm cho nhạc cổ truyền ở đây được thể hiện một cách phiến diện và ngày càng bị sai lệch so với truyền thống.

Sự hình thành và phát triển

Sự thành lập một dàn nhạc giao hưởng toàn sử dụng nhạc cụ Việt Nam tại Nhạc Viện Hà Nội vào năm 1960, theo mô hình của Bắc Kinh, là bước mở đầu của một giai đoạn thí nghiệm và phát triển nhạc dân tộc cải biên. Dàn nhạc này gồm có khoảng một trăm nhạc công, một phần được chọn từ khoa nhạc cụ dân tộc của Nhạc Viện. Phần còn lại là những người nghệ nhân học chơi nhạc theo truyền miệng ở ngoài Nhạc Viện. Cuối cùng, phần thứ hai bỏ dàn nhạc vì không thể thích hợp với yêu cầu của nhạc mới này, đặc biệt về việc thang âm bình quân hóa, và việc chơi theo nốt nhạc và không được ngẫu hứng. Vì sự vắng mặt của các nghệ nhân này, dàn nhạc giao hưởng đã tự do phát triển theo lối phương Tây và tập trung vào việc chơi những bài cổ điển Châu Âu, những sáng tác mới và những bài dân ca Việt Nam soạn theo kiểu mới.

Dàn nhạc giao hưởng này đã tồn tại đến năm 1965, và dừng lại do việc người Hà Nội phải thay đổi lối sống do chiến tranh. Trong những năm sau, hoạt động tại Nhạc Viện Hà Nội đã bị dừng lại, nhưng nhiều trường cao đẳng nghệ thuật vẫn được thành lập ở các tỉnh để phục vụ mục đích mở rộng kiến thức văn hóa. Kết quả của giai đoạn này là sự ra đời của nhiều tốp chơi nhạc cụ dân tộc theo kiểu mới để phục vụ yêu cầu của cách mạng, sự ra đời của nhiều hành khúc, và sự lắp ghép nhiều giai điệu dân ca với kiểu sáng tác và nội dung mới. Kể cả quân đội cũng thành lập nhiều tốp để động viên những người lính và phục vụ chiến đấu.

Sự tiến triển của nhạc dân tộc cải biên từ dàn nhạc lớn theo hình thức cổ điển đến đoàn gồm ít người theo hình thức thính phòng là một kết quả của giai đoạn này, một thời gian mà nhiều nhóm và tốp đã hình thành và trở thành kiểu phổ biến nhất của thể loại mới này. Hơn một chục đoàn ca múa nhạc ở khắp đất nước được nhà nước bảo trợ với mục đích mở rộng và phát triển nghệ thuật múa và âm nhạc của các vùng khác, và biểu diễn phục vụ theo những nội dung tư tưởng phù hợp với tình hình trong nước. Các thành viên của các đoàn này là những người tốt nghiệp các trường nghệ thuật và nhạc viện. Các đoàn này hiện nay vẫn tiếp tục những công trình khai thác và cải biên những nhạc cụ độc đáo của các dân tộc thiểu số dưới sự ủng hộ của nhà nước về mọi phương diện.

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, một số giáo viên của khoa nhạc cụ dân tộc ở Nhạc Viện Hà Nội đã thành lập nhóm Hương Sen, chuyên chơi những bài pop của Việt Nam và phương Tây bằng nhạc cụ dân tộc, mở đầu một phong trào dùng nhạc cụ dân tộc để chơi nhạc pop. Với không khí đổi mới và kinh tế thị trường, nhiều đoàn nhạc tư nhân đã được thành lập với tính chất gia đình để kiếm tiền bằng việc chơi nhạc dân tộc cải biên ở các nơi phục vụ người nước ngoài.

Nhạc cụ và trang phục

Tôi đánh giá nhạc dân tộc cải biên như là một sự duy trì hình thức của nhạc cổ truyền Việt Nam nhưng lại mất nội dung, cấu trúc, thang âm đặc thù dân tộc. Các nhà sáng tạo thể loại mới này đã quan tâm đến việc hiện đại hóa và khoa học hóa nhạc cổ truyền Việt Nam để nâng cao trình độ văn minh của nó theo tiêu chuẩn phương Tây. Đồng thời họ cũng quan tâm đến việc khai thác vốn văn hóa của các dân tộc trong nước bằng cách lựa chọn những nét đặc trưng. Một trong những tác động của quá trình này là tổng hợp hóa và bình thường hóa các thể loại làm một, làm cho các thể loại theo một mẫu chung và chỉ để lại hình thức bên ngoài.

Ví dụ rõ nhất về việc coi hình thức quan trọng hơn nội dung thể hiện ở các nhạc cụ và trang phục thường dùng để biểu diễn nhạc dân tộc cải biên. Mặc dù nhạc dân tộc cải biên rõ ràng có ảnh hưởng của phương Tây, các diễn viên và các nhạc công đều mặc quần áo rất "dân tộc." Khi trình diễn một nhạc cụ của một dân tộc thiểu số nào đó, các diễn viên mặc lộn xộn các kiểu quần áo dân tộc mang tính chất "bộ lạc." Họ đeo dải buộc đầu và tay theo kiểu "Tây Nguyên" và mặc váy theo kiểu người "H'mông." Họ kêu to và la hét để thể hiện tính chất của "người hoang dã." Khi họ chơi một bài của Huế, họ vội vàng đổi quần áo để trông giống các nghệ sĩ biểu diễn trong cung đình. Khi họ hát một bài dân ca quan họ, họ lại có vẻ như những liền anh liền chị nơi thôn dã. Nhưng các trang phục này bị "Hollywood hóa," điệu bộ hóa.

Mặc dù các nhạc cụ thường dùng để chơi nhạc dân tộc cải biên đều có hình thức bề ngoài rất bản xứ, gần hết đã bị cải biên đến mức không thể chơi thang âm và không thể trang điểm nốt nhạc như kiểu cổ truyền nữa. Các nhạc cụ cổ truyền thuần túy được thiết kế để có khả năng luyến láy, và chơi nhiều âm thanh không bình quân. Theo đòi hỏi của nhạc dân tộc cải biên, các nhạc cụ phải thực hiện thang âm bình quân và chơi được hợp âm. Điều này dẫn đến sự cải tiến của nhiều nhạc cụ để phục vụ mục đích trên. Chính sự cải tiến này là nguyên nhân làm mất đi các thang âm riêng của nhiều thể loại âm nhạc cổ truyền.

Các nhạc cụ dùng để chơi nhạc dân tộc cải biên có ba loại: nhạc cụ bản xứ bị cải biên, nhạc cụ phương Tây bị cải biên để có hình thức "dân tộc," và nhạc cụ bản xứ không cải biên nhưng lên dây khác hoặc áp dụng kỹ thuật theo kiểu mới. Sự cải biên nhạc cụ có mục đích như sau: thang âm bình quân hóa, mở rộng âm vực của nhạc cụ, tạo điều kiện chơi hợp âm và chuyển giọng theo hệ thống bình quân, làm âm lượng to hơn, nhấn mạnh sự độc đáo của hình thức dân tộc. Việc bình quân hóa và mở rộng âm vực của các nhạc cụ là một công trình cải biên hết sức quan trọng từ những bước đầu của sự phát triển nhạc dân tộc cải biên. Có rất nhiều công trình thử nghiệm cải biên nhạc cụ, nhưng trong những công trình ấy, chỉ có một phần nhỏ được sử dụng một cách phổ biến.

Các nhạc cụ truyền thống được cải biên và sử dụng trong nhạc dân tộc cải biên chiếm đa số

trong ba loại. Sáo trúc cải biên có mười lỗ, mỗi lỗ cho mỗi ngón tay. Sáo trúc cổ truyền có năm đến bảy lỗ. Sáo trúc mới chơi được gamme chromatique trong khi sáo trúc cổ lại chơi thang âm bảy bậc chia đều, không bình quân. Hiện nay có một bộ sáo trúc bảy lỗ được bình quân hóa, và mỗi ống trong bộ thiết kế theo một giọng điệu khác nhau, bắt đầu từ những bậc khác nhau.

Đàn tranh, mười sáu dây, đã cải biên bằng cách thêm tám dây và làm to hơn. Mục đích của sự cải biên này là để làm cho đàn tranh có giọng trầm, nhưng âm thanh của các dây thấp nghe không hay, cho nên đàn tranh kiểu nguyên bản vẫn được sử dụng nhiều nhất. Đàn tỳ bà, một nhạc cụ thuộc bộ dây có phím cao để luyến láy, rung, đã bị cải biên. Kiểu đàn mới có phím thấp hơn và gắn theo hệ thống bình quân để đánh hợp âm.

Một bộ đàn t'rưng cải biên, dựa trên một nhạc cụ cổ của người Gia-rai và Ba-na được coi là thứ nhạc cụ đặc trưng cho nền văn hóa thiểu số ở vùng Tây Nguyên. Đàn t'rưng nguyên bản gồm có năm ống hoặc mười ống tre sắp xếp theo một thang âm không bình quân có hình bậc thang, một đầu được tỳ vào một vật gì đó, và đầu kia do người chơi giữ. Người ta chỉ dùng một que bịt vải ở đầu để tạo âm thanh. Nhạc cụ cổ này là mẫu cho một bộ đàn t'rưng cải biên theo thang âm bình quân và chia làm ba thanh điệu: trầm, trung, và cao. Họ dùng chơi bộ này với hai chiếc que hai đầu. Nó được chơi rất giống một nhạc cụ thuộc bộ gõ của phương Tây.

Một trong số những nhạc cụ được khai thác từ các dân tộc thiểu số để làm phong phú cho tính đặc thù độc đáo của nhạc dân tộc cải biên là sáo H'mông. Nhạc cụ này có bộ phận lưỡi gà gắn lỗ thổi. Thang âm của nó đã được cải biên. Bản nhạc được chơi nhiều nhất trong những cuộc biểu diễn của nhạc dân tộc cải biên là "Hẹn hò" do Đinh Thìn sáng tác. Một loại nhạc cụ khác dựa trên k'lông pút của Tây Nguyên, thường được chơi trong những dịp mừng hội mùa, đã được cải biến và phổ biến rộng rãi. K'lông pút cổ chỉ có năm ống, trong khi loại đàn cải biên này có ít nhất 16 ống, và cũng được bình quân hóa.

Các loại nhạc cụ bản xứ được nối với các thiết bị phóng thanh là một cách cải biên nữa làm cho chúng có thể trình bày theo kiểu con-sẹc-tô. Trong khi phần lớn chúng được chơi với một máy micro ở ngoài, đàn bầu, đàn nhị, và đàn tranh được trang bị một bobine ở bên trong.

Đàn bầu, một thứ nhạc cụ được coi là đặc trưng của Việt Nam, đã trở thành đối tượng cho rất nhiều cuộc thí nghiệm. Ngoài việc điện tử hóa, người ta còn ghép phím, thêm một bộ phận tạo âm ở dưới chân, thêm dây, mỗi dây nối với một cần riêng. Nhưng cuối cùng, các thí nghiệm này đều đã thất bại vì không ai sử dụng nổi.

Nhạc dân tộc cải biên cũng sử dụng một bộ ba nhạc cụ dây gọi là đàn tứ tiểu, tứ trung, tứ đại. Thực chất đó là sự mô phỏng của mandolin, banjo, và đặc biệt là guitar bass được cải biên và thiết kế để làm cho bề ngoài trông giống những nhạc cụ dân tộc. Bộ đàn mới này lấy tên của một đàn bản xứ, tức là đàn tứ, một nhạc cụ bốn dây cổ truyền, và hình của đàn đáy, một nhạc cụ ba dây của thể loại ca trù có hình thang. Ba nhạc cụ mới này được sử dụng với mục đích tạo hợp âm. Phong cách của người chơi bắt chước phong cách của những diễn viên nhạc rock của phương Tây.

Đoàn ca múa nhạc nào chơi nhạc dân tộc cải biên thường có các nhạc cụ ở trên, cộng với các nhạc cụ không cải biên, như đàn tranh, đàn nguyệt, đàn nhị, tam thập lục, đàn bầu. Các nhạc cụ ấy, mặc dù không cải biên, nhưng chơi các bài sáng tác mới và bài phương Tây. Các diễn viên chơi nhiều kỹ thuật mới và bỏ nhiều kỹ thuật truyền thống.

Nhạc cụ phương Tây không cải biên nhưng thường sử dụng là bộ gõ phương Tây, đàn cello, đàn violin, đàn guitar bass, đàn piano, và đàn organ. Giọng hát của các ca sĩ thường được tăng âm hóa và "echo" hóa.

Âm nhạc

Hiện nay, các sinh viên của khoa nhạc cụ dân tộc tốt nghiệp với khả năng chơi các bài thuộc thể loại mới này một cách đúng và khéo léo. Họ đã học lý thuyết âm nhạc phương Tây và có nhiều kinh nghiệm hòa tấu theo kiểu dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc thính phòng Châu Âu, và dàn

DỰ ÁN 20

Thông báo về tuyển tập "Ngục Tù Ca"

Dự Án 20, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, Nhật báo *Người Việt* và Little Saigon Radio thực hiện một cuộc sưu tập và ấn hành một tuyển tập ca khúc được sáng tác trong các trại tù cải tạo từ 1975 đến nay. Để dễ phân loại, ghi chú và giới thiệu với giới yêu nhạc, xin tác giả cung cấp những dữ kiện sau đây:

1. Họ và tên, bút hiệu nếu có, tuổi, cấp bực/chức vụ năm 1975.
2. Địa chỉ đầy đủ và số điện thoại.
3. Bị cải tạo từ năm nào đến năm nào thì được ra.
4. Định cư tại Hoa Kỳ (hoặc một quốc gia khác) từ năm nào.
5. Một bản danh sách ghi tất cả ca khúc đã sáng tác trong trại và ghi tên trại, năm sáng tác và nội dung mỗi ca khúc.
6. Tuyển chọn tối đa ba ca khúc ưng ý nhất có nhạc và gửi về: Lê Văn Khoa, "Dự án 20," 14901, Moran St. Westminster, CA 92683.
7. Hạn chót để nhận ca khúc gửi đến: ngày 1 tháng Chạp năm 1994.
8. Ban tổ chức được trọn quyền ấn hành, phổ biến bằng những phương cách khác nhau tùy hoàn cảnh, thì giờ và địa phương mà ban tổ chức thu xếp được. ■

nhạc pop. Trong những bài họ biết chơi, khoảng 70% là bài sáng tác mới. Phần còn lại là những bài phương Tây, cả cổ điển và pop, và một số bài thuộc các thể loại cổ truyền của Việt Nam khác. Ví dụ, họ biết chơi một bài chèo, nhạc cung đình Huế, chầu văn, quan họ, cải lương. Mặc dù sự hiểu biết của họ về các thể loại ở trên rất bị hạn chế, họ cảm thấy rằng họ sẵn sàng có thể biểu diễn bài của mỗi vùng, nam bộ, trung bộ, bắc bộ, kể cả bài của mỗi dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, Việt Bắc. Các bài sáng tác mới mà dựa trên một hai giai điệu hoặc sử dụng một nhạc cụ cải biên của một vùng nào đó đều được giới thiệu như là bài của đúng vùng đó, mặc dù trong vùng đó không bao giờ có ai chơi bài đó cũng như không có ai chơi nhạc cụ đó, trừ các học sinh được học ở hệ thống nhạc viện.

Một cuộc biểu diễn tiêu biểu của **nhạc dân tộc cải biên** thường gồm có một vài bài sáng tác mới này, một số bài dân ca theo kiểu mới, một hai bài nước ngoài, như "Sakura" của Nhật, một ca khúc của một phim nổi tiếng, một bài dân ca của Nga, hoặc một bài cổ điển của Mozart, Chopin, Beethoven, Bach, vân vân... Nhiều bài sáng tác mới có ảnh hưởng rất rõ của nhạc cổ điển Nga. Các bài cổ truyền Việt Nam có tính chất buồn đều chơi với một nhịp độ nhanh hơn, vui hơn, hoặc được ghép lại với một chương nhanh.

Hình thức biến tấu, ba đoạn, và sonata là ba cấu trúc phương Tây thông thường nhất (3). Việc ghép lại hai phần tương phản về nhịp độ và giọng điệu là phương tiện chính thực hiện cấu trúc. Để thay thế cho cấu trúc truyền thống, như là lớp và câu, hay trổ, vân vân... các nhà sáng tác thường dùng kỹ thuật sáng tác có tính đơn giản và dễ đoán nhất, làm cho khán giả nào có kinh nghiệm nghe nhiều nhạc cổ điển dễ chán. Ngoài việc có một phần nhanh, một phần tương phản chậm, và sau đó quay lại phần nhanh, phần lớn các bài sáng tác mới đều có một cadenza để "triển lãm" một nhạc cụ riêng theo kiểu concerto. Phần cadenza thường trưng bày tất cả khả năng biểu hiện âm thanh của nhạc cụ ấy, từ những hợp âm rải, cho đến những tiếng động ngoài đời, như tiếng con chim, con khỉ, tiếng trống rung, tiếng ếch nhái, chó sủa, mèo kêu, vân vân. Nếu không có phần này, thì tác phẩm của họ được xem như mất đi một phần quan trọng.

Sự ảnh hưởng của nhạc dân tộc cải biên trong đời sống âm nhạc của xã hội Việt Nam

Trong những người học nhạc cụ truyền thống Việt Nam hiện nay, phần lớn là học sinh và sinh viên của hệ thống giảng dạy chính thức. Các học sinh và sinh viên tốt nghiệp với một văn bằng cho phép họ được giảng dạy ở một trong những trường học chuyên nghiệp nào đó, được ưu tiên đi biểu diễn ở trong và ngoài nước, được chơi trên đài phát thanh và truyền hình, và được nhiều người biết đến họ. Họ có quyền và điều kiện tối ưu cần có để khởi đầu nghề nghiệp của họ, kể cả việc quảng cáo, việc có một chỗ biểu diễn, việc có trang phục và thiết bị, vân vân. Họ được coi như là nghệ sĩ hiện đại, chuyên nghiệp, trình độ kỹ thuật cao, và chơi được nhiều thể loại. Họ được đại diện cho các nghệ sĩ chơi nhạc truyền thống Việt Nam, và được nhà nước cho tước vị như Nghệ Sĩ Ưu Tú, Nghệ Sĩ Nhân Dân, Nhà Giáo Nhân Dân, vân vân...

Ngược lại, các nghệ nhân và nghệ sĩ dân gian không được sự ưu đãi như những người được đào tạo ở trường học của nhà nước. Nói chung, khả năng và năng khiếu của họ không được sự công nhận, họ hầu như không được mời giảng dạy ở các trường học, và không có cơ hội để biểu hiện tài năng của mình với quần chúng. Họ thường bị coi là không có bằng cấp và không có khoa học. Vì vậy, những người thuộc thế hệ trẻ biết rất ít về các thể loại nhạc dân gian trừ nhạc dân tộc cải biên. Nói đúng hơn, họ đều tưởng là nhạc dân tộc cải biên là nhạc cổ truyền. Các sinh viên ở nhạc viện không biết ngẫu hứng là gì, đặc trưng thật độc đáo của âm nhạc cổ truyền là gì. Họ chỉ hiểu đơn giản nhạc dân gian là loại biểu hiện bằng nhạc cụ dân tộc. Cha mẹ mà phải chọn cho các con của họ học thể loại nào thì sẽ có rất nhiều lý do để chọn nhạc dân tộc cải biên hơn các thể loại cổ truyền khác do tương lai của việc học nhạc dân tộc cải biên sẽ có danh vọng và đi biểu diễn nước ngoài.

Các nhà âm nhạc dân tộc học và dân gian học của Việt Nam nhận xét rằng trong hoàn cảnh nông thôn, âm nhạc dân gian đóng góp nhiều chức năng xã hội khác nhau. Nó là phương tiện lưu truyền kiến thức thực dụng, tri thức địa phương, liên hệ với siêu tự nhiên, chữa bệnh, làm cho lao động có hiệu quả hơn, giao duyên và kết bạn, biểu lộ tình cảm, phê phán xã hội, vân vân. Mỗi bài hát dân gian nói lên một hoàn cảnh đặc biệt và đáp ứng một mục đích nhất định theo hoàn cảnh ấy. Những bài hát dân gian mà đã được các nghệ sĩ thành thị tập hợp lại để phổ biến đã mất đi tính tự nhiên của nó (tính nông thôn, nông nghiệp, lễ nghi, giao duyên, chữa bệnh, vân vân), và bị đưa vào một hoàn cảnh hoàn toàn khác. Hoàn cảnh mới này, gồm có sân khấu thành thị, trường đào tạo, hiệu ăn và khách sạn cho người du lịch, phương tiện thông tin quần chúng, ở nước ngoài, ở các cuộc thi, mang rất nhiều ý nghĩa, yêu cầu, và dự tính mới.

Để phục vụ chức năng xã hội mới này, nhạc truyền thống đã thay đổi rất nhiều. Chẳng hạn, trong một bài hát giao duyên, một đôi diễn chỉ là diễn viên, chứ thực ra không phải là hai người yêu nhau. Họ không cần có tài đối đáp, không cần gây ấn tượng một cách khéo léo. Các diễn viên chỉ cần hát lại nhạc của thể loại ấy là đủ. Kết quả là khi họ hát, họ chỉ biết hát một dị bản, không bao giờ thay đổi, và làm cho thể loại này mất đi tính chất đối đáp.

Vào tháng 11, năm 1993, đã có một liên hoan nhạc dân tộc thiểu số tại Hà Nội. Phần lớn những người diễn viên tham dự đều được đào tạo ở Hà Nội hoặc ở một trường nghệ thuật của tỉnh. Giọng hát của một ca sĩ Chàm không thể nghe rõ được do giọng của người phiên dịch sang tiếng Việt ất đi, làm cho lời của người phiên dịch quan trọng hơn cả giọng hát, làn điệu, và lời ca của người Chàm.

Trong các lễ hội mùa Xuân, như các lễ hội ở Bắc Ninh (Hà Bắc), quê hương của quan họ, các ban tổ chức thường thuê các nhóm quan họ chuyên nghiệp của tỉnh đến hát. Hiện nay, những người hát quan họ chuyên nghiệp chỉ hát những bài tiêu biểu theo kiểu nhạc dân tộc cải biên, được các nhạc cụ như guitar, đàn nguyệt, sáo trúc đệm mặc dù theo phong tục truyền thống không bao giờ có nhạc cụ đệm nhạc. Họ lên một thuyền, trang phục sang trọng, nhưng rất khó có thể nghe thấy gì vì thiết bị tăng âm thật khủng khiếp. Đối với họ, quan trọng nhất là hình thức. Đồng thời, người địa phương biết hát theo kiểu dân gian càng ngày càng ít, vì họ không được coi là chuyên nghiệp, không được sự khuyến khích, không được mời biểu diễn, cho nên rất hiếm có dịp nghe kiểu hát cổ. Việc không sử dụng tài năng dân gian của địa phương làm cho những người có năng khiếu này không thể phát triển năng khiếu ấy được.

Việc biểu diễn nhạc dân gian chuyển từ các nghệ sĩ dân gian sang các nghệ sĩ thành thị chuyên nghiệp là kết quả của nhạc dân tộc cải biên. Âm nhạc không còn là sở hữu của các nhà chơi nhạc thôn quê vì nó đã chuyển chức năng trước đây của nó sang một vai trò mới được đẻ ra dành cho thính giả thành thị. Các nhà sáng tác và chơi nhạc hiện nay phải là "chuyên nghiệp." Chính thức có quyền hành động như là các nhà đại diện văn hóa, giới thiệu âm nhạc của dân tộc, một nền văn hóa tập thể, một thành quả của sự hội tụ của toàn bộ khả năng âm nhạc của nhân dân Việt Nam, bao gồm cả các dân tộc thiểu số, như một nền âm nhạc độc đáo khác biệt với các dân tộc khác. Sự đồng hóa của các truyền thống âm nhạc là một phần của quá trình xây dựng một nhà nước hiện đại.

Nhạc dân tộc cải biên thực sự bắt đầu ngay khi Việt Nam nổi lên trên sân khấu thế giới như một quốc gia dân tộc với biết bao khát vọng là tự khẳng định tính độc đáo chính trị và văn hóa của mình. Trong **nhạc dân tộc cải biên,** giống như người ta dịch các bài hát của các ngôn ngữ thiểu số sang tiếng Việt để cho khán giả thành thị Việt Nam, họ cũng dịch các thể loại nhạc cổ truyền trong nước sang ngôn ngữ bình dân quốc tế, sử dụng âm điệu và hình thức nhạc phương Tây. Bằng cách này, họ cho rằng họ đã trình bày trước thế giới loại âm nhạc dân tộc chính thống và có thể tham gia vào cộng đồng âm nhạc toàn cầu với tư cách là thành viên hợp pháp.

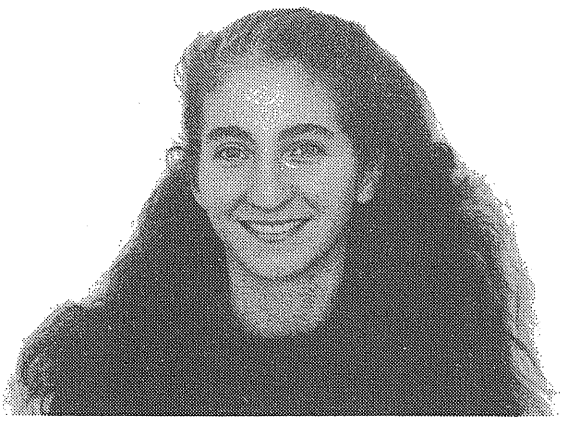

Miranda Arana, 28 tuổi, có bằng BA về Southeast Asian Sudies, hiện đang học cao học về dân tộc nhạc học (ethnomusicology) tại Wesleyan University (Middletown CT). Đã ở Phi Luật Tân năm năm, trong đó ba năm làm việc trong trại tị nạn Việt, Miên, Lào ở đảo Bataan. Học nhạc ở Eastman School of Music (Rochester NY). Từ 1977, sử dụng sáo (flute) tham gia các ban nhạc cổ điển và dân nhạc ở Mỹ và Phi Luật Tân. Học đàn tranh với giáo sư Nguyễn Văn Châu (Ban Dân Nhạc Lạc Hồng) và gia đình Võ Văn Trưng. Dạy Anh văn tại Đại học Hà Nội trong hai năm — trong thời gian này nghiên cứu âm nhạc Việt Nam, đi nhiều nơi trong nước, và học tiếng Việt. Liên lạc: Miranda Arana, World Music Program, Dept. of Music, Wesleyan University, Middletown CT 06459.

Phong trào không chấp nhận nhạc dân tộc cải biên

Nhạc dân tộc cải biên đã trở nên một loại nghệ thuật có tính chất quần chúng của Việt Nam hiện nay, một thứ nhạc nền (Muzak) của chủ nghĩa dân tộc, biểu hiện những điều có thể xảy ra khi những giá trị văn hóa của một quốc gia được tập hợp lại với nhau để tạo nên một đặc tính dân tộc, nhấn mạnh sự quan trọng của toàn bộ hơn từng phần. Kết quả cuối cùng là một sự thống nhất về văn hóa, để tạo nên "niềm tin và sức mạnh." Nó đã tạo ra một hình thái văn hóa mới mà trước đây chưa có. Xu hướng này đã trở thành đề tài trong rất nhiều cuộc tranh luận trong những năm gần đây do sự nới lỏng trong chính sách đối với các nhà tư tưởng và tri thức từ năm 1986.

Những cố gắng trong việc ngăn cản ảnh hưởng của **nhạc dân tộc cải biên** và bảo tồn nhạc dân tộc cổ truyền một cách thực sự đang ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Gian Việt Nam đã chú trọng nhiều hơn đến việc phát huy và bảo vệ những giá trị văn hóa tinh thần. Hay gần đây, người ta tìm cách thành lập một hội nghệ sĩ dân gian và bàn về việc mời những nghệ sĩ dân gian vào nhạc viện để biểu diễn, để cho các sinh viên được tiếp xúc với những cách chơi các nhạc cụ và những tác phẩm âm nhạc thật truyền thống. Một số giáo viên âm nhạc đang quan tâm đến việc tạo ra cho sinh viên những cơ hội hiểu biết thêm về nhạc dân gian ở ngoài chương

trình học của họ. Môn "âm nhạc dân tộc cổ truyền Việt Nam" mới được đưa vào chương trình giảng dạy ở nhạc viện. Một câu lạc bộ đã được thành lập để cho sinh viên được học và chơi nhạc tài tử và để làm quen với những nghệ nhân xuất sắc của loại hình âm nhạc truyền thống. Trường Nghệ Thuật Quân Đội Hà Nội đang có ý định thành lập một khoa âm nhạc truyền thống, tìm kiếm sự giúp đỡ và cộng tác từ các nghệ sĩ dân gian và những thành viên của Viện Nghiên Cứu Văn Hóa Dân Gian Việt Nam để tạo ra một phong trào học và dạy nhạc dân tộc cổ truyền thuần túy, không như **nhạc dân tộc cải biên.** Ở Trường Nghệ Thuật Nha Trang, một cán bộ của phòng giáo dục và đào tạo đã mời các ca sĩ và nhạc công biểu diễn và dạy hát Bài Chòi, một loại hình âm nhạc địa phương ở trong trường.

Rất nhiều sinh viên không còn hứng thú trong việc học **nhạc dân tộc cải biên.** Sự thất vọng của họ xuất phát từ kinh nghiệm biểu diễn của bản thân họ. Họ đã mất quá nhiều năm để hoàn thiện khả năng chơi loại hình âm nhạc này và cuối cùng đã nhận ra rằng rất ít người ưa thích nó, và thậm chí còn có rất nhiều người chê bai nó. Họ cảm thấy thất vọng bởi những phản ứng của người Châu Âu và người Mỹ khi những người này đến Việt Nam để tìm kiếm những tài năng âm nhạc cho việc biểu diễn ở nước ngoài. Các sinh viên này cảm thấy rất ngượng ngập và bối rối khi những người nước ngoài đề nghị họ bỏ những thiết bị âm nhạc hiện đại và những thứ nhạc cụ phương Tây để chơi cái gì đó thực sự thuộc về dân tộc. Sau nhiều năm chơi những thứ mà họ nghĩ là nhạc truyền thống, họ nhận được những lời phàn nàn rằng đó chẳng phải là truyền thống tí nào. Thứ nhạc này nghe ầm ĩ và mang xu hướng phương Tây hóa, không giống như âm nhạc truyền thống Việt Nam thuần túy. Việc những sinh viên này thấy chán nản và có cảm giác bị lừa dối là hoàn toàn dễ hiểu. Đây là một khuynh hướng tư tưởng mới ngày càng phổ biến trong Nhạc Viện và Trường Nghệ Thuật Hà Nội. Nhưng họ hầu như không có cơ hội để được học trực tiếp các nghệ nhân.

Ngày nay, phần lớn những người dân thành thị chỉ có thể được biết đến đàn nhị, đàn tranh, đàn nguyệt, sáo trúc và các nhạc cụ truyền thống khác nhau qua việc xem biểu diễn nhạc dân tộc cải biên trên ti vi hoặc nghe những chương trình ca nhạc dân tộc phát hàng ngày trên đài. Phần lớn thế hệ trẻ không hề được biết rằng những nhạc cụ như đàn tứ tiểu, tứ trung và tứ đại là những nhạc cụ mới được cải biên lại từ các nhạc cụ phương Tây, như mandolin, banjo... và lấy mẫu hình của đàn đáy và tên của đàn tứ thuần túy, hai nhạc cụ thật truyền thống mà có lẽ họ chưa bao giờ nhìn thấy. Âm thanh mang tính truyền thống đã bị mất, chỉ còn lại một dáng vẻ. Nhạc dân tộc cải biên luôn luôn được giới thiệu như âm nhạc dân gian Việt Nam thuần tuý, hoặc như dân ca của một vùng nào đó, mặc dù tất cả đều bị cải biên theo xu hướng Âu hóa. Họ cho rằng loại âm nhạc này đã đại diện cho tất cả, nhưng trên thực tế, không thể coi nó như là một loại âm nhạc đại diện cho dân tộc Việt Nam bởi một lẽ tất yếu nó mang trong mình những yếu tố cơ bản của truyền thống âm nhạc Tây Phương. Theo ý nghĩa này, những nhà chế tạo ra nó đã thất bại trong ý định của họ về việc khoa học hóa nhạc truyền thống. Với tư cách nhìn của dân tộc nhạc học, **nhạc dân tộc cải biên** là một hiện tượng giao hoan giữa âm nhạc cổ truyền Việt Nam và âm nhạc Châu Âu.

Nhạc dân tộc cải biên đã thất bại trong việc thu hút sự chú ý của khán thính giả Việt Nam. Âm nhạc Việt Nam truyền thống chỉ hấp dẫn khi nó chứa đựng sự ngẫu hứng và sinh động. Trái lại, khi nó trở nên cứng và đơn điệu, nó không tạo nên được một sự hứng thú đối với người nghe.

Kết luận

Tóm lại, **nhạc dân tộc cải biên** là một hiện tượng mới trong lịch sử âm nhạc Việt Nam, như nhạc "cải cách" trong những năm 30 của thế kỷ này. **Nhạc dân tộc cải biên** là kết quả của sự ảnh hưởng phương Tây và ý muốn hiện đại hóa và khoa học hóa nhạc cổ truyền của các nhạc sĩ cận đại. Hơn nữa, **nhạc dân tộc cải biên** là kết quả của quan hệ giữa chính trị và nghệ thuật. Từ cách nhìn của một nhà dân tộc nhạc học, **nhạc dân tộc cải biên** không có tính chất "khoa học" như những người tạo ra nó đã muốn. Đó là vì nó không hề kế thừa tính truyền thống của các thể loại cổ truyền. Thực ra, nó là sự pha trộn của nhiều thể loại khác nhau, với một phần đáng kể là các thể loại âm nhạc phương Tây. Vì **nhạc dân tộc cải biên** được các giáo viên giảng dạy và những cán bộ cấp cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói chung coi là nhạc cổ truyền của Việt Nam, do vậy nhạc dân gian bị hạn chế rất nhiều, đến mức nhiều thể loại truyền thống đã và sắp bị mất hẳn. Đây là điều rất đáng tiếc vì nền âm nhạc thế giới sẽ mất đi sự đóng góp độc đáo của âm nhạc cổ truyền Việt Nam.■

Chú thích

1. Trong bài "Nhạc cải biên," tạp chí Âm Nhạc số 4 (1993): 19-20, Phó Giáo sư Vũ Nhật Thăng đề nghị tên "nhạc cải biên" hoặc "nhạc dân tộc kiểu mới" để nói về thể loại mới này. Việc đặt tên mới này là vì thể loại âm nhạc mới này vẫn đang được gọi là nhạc dân tộc truyền thống, nhưng trong thực tế nó đã khác nhiều với nhạc dân gian, nhạc cổ truyền. Theo Vũ Nhật Thăng, có ba loại nhạc thuộc họ "cải" đã ra đời lần lượt với chu kỳ khoảng ba chục năm. Đó là cải lương, cải cách, và cải biên. Trong ba loại "cải" này, cải lương là "cải" duy nhất có thể xếp vào truyền thống cổ.

2. Về những ý kiến này, xin đọc Phó Giáo Sư Nguyễn Thụy Loan, "Họ Xự Xang... Đánh giá và sử dụng ra sao?" Âm Nhạc số 2 (1993): 6-10.

3. Hùng Tuấn Lê, "Music and Politics: A Socio-Musical Interpretation of Aspects of the Dan Tranh Zither Compositions in Southern Vietnam since 1975," trong New Perspective on Vietnamese Music, biên tập do Phong T. Nguyễn (Yale Southeast Asia Studies, Lac-Viet Series No. 14, 1991), pp. 79-89, và Lê Tuấn Hùng, "Preservation and Development of Music for Traditional Instruments in Vietnamese Musical Institutions between 1954-1991," Nhạc Việt: The Journal of Vietnames Music, vol. 1, No.1 (Fall 1992): 42-49

KẾ THỪA DI SẢN ÂM NHẠC VIỆT NAM TẠI MỸ

GSTS NGUYỄN THUYẾT PHONG

Kent Sate University

Từ hai bàn tay trắng, các thuyền nhân, và những người đi theo chương trình đoàn tụ gia đình, bắt đầu đặt chân đến nước Mỹ từ tháng Tư năm 1975. Họ ngỡ ngàng trước cuộc sống mới, một nền âm nhạc mới, rất xa lạ. Tuy nhiên, biến cố này đã dẫn đến một sự kiện đặc biệt: sự du nhập âm nhạc truyền thống Việt Nam vào nước Mỹ. Đây là một sự kiện có giá trị về văn hóa cho xã hội của người Mỹ cũng như cộng đồng Việt Nam tại Mỹ.

Sự chuyển tải truyền thống âm nhạc Việt Nam vào xã hội Mỹ bắt đầu ngay từ những ngày cơ cực nhất trong cuộc sống tha hương. Từ những dày vò về một quê hương, về những người thân để lại phía sau, từ những va chạm thực tế văn hóa Mỹ, âm nhạc trở thành một phương tiện tế nhị bày tỏ nỗi ray rứt tình cảm ấy. Nó đến từ những gì còn đọng lại trong ký ức. Bằng mọi hình thức, các loại ca diễn, chế tác, hay chỉnh đốn nhạc cụ thành nhạc cụ dân tộc (trường hợp đàn ghi-ta móc phím) lần đầu tiên thấy xuất hiện tại Mỹ. Việc tự diễn, cũng như các buổi diễn nhạc trong phạm vi gia đình, thân hữu và phục vụ cộng đồng bắt đầu hình thành.

Song song với loại tân nhạc phổ thông thường được biết qua giới báo chí, quảng cáo, và phát hành băng nhạc, nhạc truyền thống đến với công chúng rất sớm bằng cải lương, nhạc tài tử và nhạc lễ Miền Nam, nhạc Huế, dân ca và ngâm thơ. Âm nhạc nghi lễ tôn giáo (Phật Giáo, Cao Đài, Công Giáo, Hòa Hảo, và Chầu Văn) cũng là một khía cạnh đáng kể.

Sân khấu cải lương một thời đã thu hút hàng ngàn khán giả qua các nghệ sĩ tên tuổi. Mặt khác, các nhóm đờn ca tài tử ở San Jose, Minneapolis/Saint Paul, Washington, D.C., và vài nơi khác vẫn âm thầm hoạt động trong phạm vi gia đình, bè bạn trong các buổi họp mặt cuối tuần.

Tiến hành dự án nghiên cứu âm nhạc Việt Nam tại Mỹ (dưới sự bảo trợ của Social Science Research Council, New York, và National Endowment for the Arts, Washington, D.C.), năm 1987-88 chúng tôi đã tiếp xúc, ghi âm nhiều nhóm nghệ nhân quán triệt nhiều bài bản truyền thống (cổ nhạc) đến mức làm chúng tôi hết sức ngạc nhiên. Họ đem theo vốn dân tộc và tình yêu quê hương nồng nhiệt không kém các loại nhạc khác.

Dân ca và ngâm thơ ít khi đứng riêng các buổi trình diễn tân nhạc. Bắt nguồn từ nông thôn Việt Nam, tiết mục dân ca mới (tức có nhạc tây đệm theo) khá gợi nhớ quê hương. Trong khi ấy, ngâm thơ là những sáng tác có sức sống thực tiễn.

Các hình thức lễ nhạc tôn giáo mang màu sắc tín ngưỡng Việt Nam gồm Phật Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo và Chầu Văn. Nghi lễ Phật Giáo trở thành một nhu cầu tâm linh, một điểm tựa cho không biết bao người trong cộng đồng. Chùa chiền được xây dựng, cũng là nơi sinh hoạt âm nhạc thiền môn bằng các thể tụng niệm. Vài chùa cũng ứng dụng thể tán (bài hát ca ngợi), một thể nhạc rất đặc sắc của Phật Giáo hòa quyện vào âm nhạc truyền thống Việt Nam. Cũng như nhạc dân tộc, các giai điệu Phật Giáo, Hòa Hảo. Cao Đài, và Chầu Văn tiến hành theo nguyên tắc ứng dụng điệu thức ai, xuân, đảo, oán, và còn thêm vào yếu tố thiền.

Âm nhạc truyền thống Việt Nam không những thể hiện trong cộng đồng địa phương mà hiện nay còn được giới thiệu vào các nhạc hội dân ca dân nhạc và các buổi trình diễn thính phòng Mỹ.

Các nghệ sĩ, nhạc sĩ bắt đầu dạy nhạc trong cộng đồng rất sớm dưới hình thức tư gia (Việt Hùng, Vị Thủy, Tám Trí, Ngọc Dung, Kim Oanh, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Văn Châu, v.v.). Đấy là phương pháp truyền đạt vốn cũ đến thế hệ mới có hiệu quả. Đồng thời, bắt đầu từ năm 1987, chúng tôi thực hiện được việc giảng dạy chính quy tại các viện đại học Mỹ xen kẽ vào việc giảng dạy môn Âm Nhạc Thế Giới. Hai hình thức huấn luyện được áp dụng: (1)thể nghiệm nhạc truyền thống Việt Nam trong hệ thống giáo dục Mỹ, và (2)nghiên cứu cho các luận văn, luận án liên quan tới nhạc Việt Nam.

Việc kế thừa nền âm nhạc truyền thống Việt Nam đã thực sự tiến hành tại Mỹ từ gần 10 năm qua. Tuy nhiên, sự hội nhập nhạc truyền thống Việt Nam để trở thành một loại nhạc Mỹ-Việt không phải là chuyện dễ, vì nền âm nhạc Việt Nam là một cây đại thụ cắm rễ sâu ít nhất từ 2,000 năm qua trên quê hương cũ, trong khi nơi miền đất mới nhiều người vẫn chưa xem là quê hương. Những nét ưu việt, đặc thù của Hoa Kỳ là sự tiếp nhận nhạc truyền thống Việt Nam như một yếu tố rất mới (đôi khi rất nồng nhiệt) vào xã hội Mỹ đa sắc, đa nguyên, đa chủng. Nói tới âm nhạc Mỹ cũng phải để cập đến thành tố nhạc của người Mỹ bản địa đến đây từ 27,000 năm qua, của người Mỹ gốc Âu từ thời Henry Ainsworth (1570-1623) mang theo những thánh ca, dân ca Anh, hay nhạc của các cộng đồng di dân khác. Âm nhạc của người Việt ở Mỹ chắc chắn sẽ đóng góp vào nền văn hóa mới này những sắc thái độc đáo và phong phú ngay cuối thế kỷ 20 này.■

CÂU CHUYỆN NHẠC TRUYỀN THỐNG

"Ai đưa con sáo sang sông, để cho con sáo..."

NGÔ ĐÌNH VẬN

Dáng dấp con sáo

Sinh mệnh của dòng dân nhạc Việt Nam, ở một số khía cạnh, đã giống như thân phận của loài sáo là loài chim mà ca dao Việt Nam đã có câu ví von "hót như sáo."

Sáo không những đã hay hót mà lại hót hay nữa. Ở Việt Nam người ta có thể nghe được tiếng hót của loài chim này ở bờ tre, khóm chuối, bụi dứa, cành đa, vườn ổi... lúc sáng, ban trưa, buổi chiều, để nhận biết rằng nơi ấy, chỗ này đang bình yên, êm ả, vì sáo không thể hót ở những vùng bất an, đầy náo động được. Tiếng sáo hót lên là dấu chỉ của thanh bình, yên tĩnh.

Dân nhạc là hồn tính của cả một dân tộc trên suốt chiều dài của dòng lịch sử nhân loại. Ca dao, một thể loại quan trọng bậc nhất của dân nhạc Việt Nam, cũng có nhiều câu nói lên tính hay ca hát của người dân:

"Hát cho chó cắn, bò lồng,
Hát cho con gái bỏ chồng mà theo.
Hát cho chó cắn, mèo kêu,
Hát cho ông lão trong lều bò ra."

Hay là:

"Đố ai ngồi võng không đưa,
Ru con không hát anh chừa rượu tăm.
Đố ai chừa được rượu tăm,
Chừa ăn thuốc chín, chừa nằm chung hơi.
Có tôi chừa được mà thôi
Chừa ăn thuốc chín, chung hơi chẳng chừa."

Tuy nhiên các đặc tính của cả người và chim cùng sống ở một xứ nông nghiệp hiền hòa ấy đã không thể tránh được cái thuyết "tài mệnh tương đố" mà thi hào Nguyễn Du đã chọn làm chủ đề triết lý cho cả cuốn văn vần Đoạn Trường Tân Thanh tức là truyền Kiều với những câu mở đầu:

"Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng."

Có thể Trời ghen với cả người và chim nên dân Nam đã phải trải qua biết bao nhiêu cuộc bể dâu trong kiếp sống. Những con sáo hay hót cũng dễ rơi vào cảnh bất hạnh vì loài người thích bẫy để bắt nó đem nhốt vào lồng. Quái ác hơn, người còn bầy ra cái trò chơi dạy cho sáo tập hót tiếng người.

Người đè sáo ra, cạy mỏ, bóp cho lè lưỡi rồi cạo lột, nhét ớt bắt sáo ăn rồi sau đó dạy cho sáo học "ngoại ngữ" với mấy câu xã giao như "lậy ông, lậy bà, lậy cô, lậy cậu..."

Người nước Nam cũng vậy, trải qua rất nhiều thời kỳ đã bị rơi vào cảnh đô hộ, do đó rất ít khi nói được, hát được, chính tiếng lòng của mình.

Người dân luôn bị rơi vào cái cảnh gian truân, sống sót được đã là may mắn lắm rồi, thì cái hồn tính của dân tộc ấy là dân nhạc có bị mất mát, suy trầm cũng là điều dễ hiểu.

Chim và người ở nước Nam có vẻ khắng khít với nhau trong nhiều tình huống. Dân chúng cả nước ưa ngâm, ưa lẩy Kiều vì thấy câu chuyện bi phẫn này có cái bóng dáng của chính đời mình trong đó. Truyện kể một người con gái tài sắc mà luôn phải chịu cảnh đọa đầy, luân lạc.

Trong khi các con sáo bất hạnh bị nhốt trong lồng chỉ tìm cách sổ lồng mà bay.

Lý con sáo là một bài ca ngắn, bình dân. Có người giải thích Lý có cái nghĩa là nói về, nói về chuyện con sáo:

Ai đưa con sáo sang sông
Để cho con sáo sổ lồng bay xa."

Câu chuyện thật đơn giản, không biết ai đặt ra. Dân ca làm gì có tác giả. Dân ca là sự đóng góp của đại chúng. Không có xuất xứ rõ rệt, chưa ai có thể tìm tòi cho ra cái gốc tích, ngọn ngành "Rằng Là" ai, ở đâu, gặp hoàn cảnh gì mà đã lý tới chuyện con sáo.

Căn cứ vào việc thấy miền Nam hay Lý lắm nên người ta đoán rằng Lý xuất phát ở miền Nam, miền Nam ở đây lại phải hiểu là phía Nam của nước ta thời Trịnh Nguyễn phân tranh, từ 1533 đến 1788.

Lý con sáo giản dị, ngắn gọn nhưng đã được phổ biến trên khắp cả nước Việt Nam, tùy theo địa phương, đã thêm bớt những chữ đệm vào để cho thích hợp với thổ âm và lối hát của từng vùng.

Có thuyết còn nói rằng bài Lý Con Sáo Quảng (Quảng Nam) đã được vua Quang Trung Nguyễn Huệ chọn làm bài hát quân hành để cho quân sĩ của ngài nức lòng trên đường di chuyển mau lẹ ra Bắc mà quên bớt mệt nhọc. Dân cả nước Nam từ lâu rồi đã khát khao Tự Do, Thanh Bình, có thể đây cũng là một nguyên do khiến bài Lý Con Sáo đã được phổ biến sâu rộng trong dân gian, truyền từ đời này sang đời khác.

Dư luận bình thường, khi lý về dân nhạc Việt Nam hay nói rằng cái di sản ấy lớn lắm, nhưng lại mất mát quá nhiều, và tới "giờ đây" chỉ còn lối hơn 100 thể điệu với cả ngàn bài dân ca lời lẽ khác nhau.

Công việc tìm tòi dân ca Việt Nam thật giống như cảnh đi tìm kho tàng báu vật với một con số phỏng định tượng trưng nhưng thực tế thì chỉ thấy còn vài chục thể điệu cho các bài hát cũ. Chẳng hạn Trống Quân chỉ có một thể điệu dùng để hát cho tất cả các câu thơ theo lối lục bát.

Thoạt nghe việc đi tìm kho tàng dân nhạc Việt Nam, ai cũng cho là đáng làm. Nhưng đi sâu hơn một chút thì quả là một vấn đề vạn nan, rắc rối. Lớp bụi dĩ vãng quá dầy khó tìm ra được chân và giả.

Nội mấy câu ru cháu thôi cũng khó mà biết được thế nào là đúng hay sai.

"Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về
Bắt được con chuối, con trê
Xách cổ lôi về cho cái ngủ ăn...

Câu này đúng hay sai không ai có thể biết được, bởi vì trên sách vở đã thấy có tác giả viết:

"... Bắt được mười tám con chắm, con trê..."

Con số 18 có ưu thế để cho cái ngủ ăn không hết nhưng lại có nhược điểm là cá chắm không ở đồng sâu mà nuôi trong ao.

Lại có sách ghi:

"... bắt được con cá trê râu..."

hay *"... bắt được con cá rô, trê..."*

Ngay cả cử động của cái tay đưa cá về nhà cũng có nhiều khác biệt tùy theo tâm tính của người bắt cá và tình trạng sức khỏe của các con cá bị bắt! Có sách thì viết *"túm cổ đem về"*, có sách ghi *"Nắm cổ lôi về", "Xách cổ đưa về."*

Câu nào là chính bản, câu nào là phụ bản, vả lại biết đâu tác giả của câu ru đó đã không có khuyết điểm. Cho nên cái việc "tam sao thất bản" là điều khó lòng tránh được.

Cụ Diệu Thư, 83 tuổi, quê ở Hải Dương, hiện cư ngụ tại Westminster, khi nghe chuyện tìm kiếm dân ca, đã đưa ra lời khuyến khích "việc làm này hay nhưng con đường thì hiểm hóc, gian nan lắm, không cẩn thận dễ bị rơi vào lệch lạc."

Nhạc sĩ & cổ nhạc Tám Trí biểu diễn nhị (đờn cò)

Hiểm hóc, gian nan thế nào thì có chuyện cụ thể chứng minh ngay. Cụ Trần Thị Sương sinh năm 1912 tại Liễu Nha, Mỹ Lộc, Nam Định, bút hiệu Từ Phương, tác giả của một tập thơ và cũng là người em kết nghĩa của cụ Á Nam Trần Tuấn Khải ngày trước, hiện ở Westminster, đã đưa cho chúng tôi một tập vở viết tay với 1161 câu ca dao, tục ngữ, rồi nói "chưa có hết đâu, tôi ngồi không, buồn nên viết lại..."

Cụ Từ Phương tiếp "chuyện ca dao đúng là hiểm hóc, khó khăn lắm." Chẳng hạn như bài ca dao:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đi lấy chồng, anh tiếc lắm thay.
Thoạt vào anh nắm cổ tay
Sao trước em trắng mà rày em đen.
Hay là lấy phải chồng hèn,
Cơn sống canh mặn nó đen mất người.
Ba đồng một mớ trầu cay
Sao anh không hỏi từ ngày còn không
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu;
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra..."

Bài ca dao này, bình thường thì có vẻ là một bài hát thuần túy huê tình, diễn tả sự đối đáp của một cặp trai gái bị rơi và cảnh ngang trái, nhưng cụ Từ Phương lại cho biết ngay từ năm 1949, khi ở Hà Nội, cụ đã được đọc trong một cuốn sách ghi rằng bài ca dao này có gốc từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Đây là việc Chúa Trịnh (không rõ chúa nào) thấy ông Đào Duy Từ vào Nam giúp Chúa Sãi nhà Nguyễn làm được nhiều việc lớn nên đã tiếc, bèn truyền cho một vị đại quan đặt ra các câu đồng dao dạy cho trẻ con hát mà dụ ông Đào Duy Từ trở về đất Bắc.

Ông Đào Duy Từ do đó cũng đáp lễ bằng cách làm lại đồng dao để trả lời Chúa Trịnh.

Cuộc đối đáp bằng đồng dao rất thi vị này đem ghép lại thành một bài ca.

Chuyện "Trèo lên cây bưởi" còn tiếp nối khi phe Bắc đưa ra câu đồng dao đánh vào nỗi nhớ nhà của những kẻ tha hương với câu:

"Có ai về tới đường Trong,
Nhắn nhe bố Đỏ (họ Đào nên gọi là đỏ) *liệu trông đường về,*
Ham danh lợi bỏ quê quán tổ,
Đất nước người dù có như không."

Tới nước này thì ông Đào Duy Từ phải quyết liệt, dứt khoát trả lời:

"Có lòng thì giã (tạ) ơn lòng
Anh đừng đến nữa mà chồng em ghen."

Trên đây cũng chỉ là một thuyết về chuyện Trèo Bưởi mà thôi, có người cho rằng đem đối chiếu với văn phong của ông Đào Duy Từ có phần lạc giọng. Vậy biết thế nào là thực, là hư.

Lại còn cái giai thoại về bài ca dao đầy tính khêu gợi nữa:

"Lấy chồng từ thuở mười lăm,
Chồng chê tôi bé không nằm với tôi.
Đến khi mười chín, đôi mươi
Tôi nằm dưới đất chồng lôi lên giường
Một rằng thương, hai rằng thương,
Có bốn chân giường gãy một còn ba.
Ai về nhắn với mẹ cha
Chồng tôi nó đã giao hòa với tôi."

Cụ Từ Phương nói rằng bài ca dao này đã được giới đi làm Cách mạng chống Thực dân Pháp giải thích là vào năm 1919-1920 các bậc tiền bối Tăng Bạt Hổ, Tôn Thất Thuyết, Phan Bội Châu, và Nguyễn Thượng Hiền, lúc đó đang hoạt động ở bên Tầu, làm ra. Nhóm bốn người qua Tầu vận động Tầu giúp Việt Nam từ 1915 nhưng Trung Hoa cứ lờ đi mãi tới năm 1919 thì Tàu mới ve vãn với nhóm này để mưu hợp tác chống thực dân Pháp ở vùng biên giới Hoa Việt, nhưng lúc đó cái "chân giường bị gẫy" là cụ Nguyễn Thượng Hiền đã mất ở bên Tầu.

Sở dĩ các cụ trong nhóm Cách mạng này phải đặt ra bài ca dao khêu gợi đó là nhằm mục đích tránh sự theo dõi của mật thám Pháp mà vẫn gửi được tin tức ở hải ngoại về cho các đồng chí ở quốc nội.

Giáo sư Lưu Trung Khảo hiện cư ngụ ở Newport Beach, cũng xác nhận với chúng tôi rằng "quả thực tôi đã nghe được cái giai thoại này trong các giới hoạt động chính trị lúc trước."

Tìm kiếm tài liệu dân ca Việt Nam về các mặt lịch sử, văn học, thể điệu, kỹ thuật... đều gặp khó khăn chẳng khác nào chuyện đi tìm cố nhân thất lạc:

"Tìm em như thể tìm chim
Chim ăn bể Bắc đi tìm bể Đông."

Thăm hỏi qua Houston, tiểu bang Texas, chúng tôi được giới thiệu để tiếp xúc với cụ Nguyễn Văn Hòa. Cụ Hòa 86 tuổi, quê ở Thái Bình, đã cho biết rằng "tìm kiếm dân nhạc làm gì, mất mát quá nhiều, đời tôi nhiều lần chạy giặc, có ngờ đâu về già lại phải lưu lạc ở cái xứ lạ quê người này."

Nói là nói thế, nhưng rồi sau đó cụ Hòa lại khuyến khích cứ gắng làm đi, nhiều người làm thì biết đâu câu chuyện "con sáo" không có ngày mọc lại lông cánh mà bay.

Cụ Hòa tâm sự là trong thời Việt Minh chiếm Thái Bình, các loại dân ca, các loại hò hát, ở vùng quê của Cụ đều bị liệt vào loại ca hát phong kiến, lạc hậu, ăn bám sức lao động. Đường lối triệt để bài phong (bài trừ phong kiến) của Việt Minh đã giết hết những gì là Truyền Thống, nhất là cuộc Cải Cách Ruộng Đất từ năm 1954 đến năm 1956.

Theo cụ Hòa thì những gì gọi là dân ca, dân nhạc miền Bắc còn sống sót được ít nhiều là do cái tập thể di cư gần một triệu người miền Bắc đã đem vào miền Nam trong số đó phải kể đến thành phần Văn Nghệ Sĩ Cổ Nhạc.

Một nghệ sĩ Cổ nhạc nhà nòi của đoàn hát gia tộc ở Hải Phòng là ông Lữ Liên cũng di cư vào Nam dịp đó. Ông Lữ Liên, 77 tuổi, gốc Hà Nam nhưng sinh ra tại Hải Phòng, là người xử dụng nhiều loại nhạc cụ cổ như đàn tranh, đàn sến, đàn bầu, hiện cư ngụ ở Nam California.

Kể lại dĩ vãng của một nghệ sĩ cổ nhạc suốt đời lận đận theo đuổi tổ nghiệp, ông Lữ Liên nói "bàn tới dân ca, dân nhạc của mình thật đau lòng, gần như cổ bản không còn gì cả. Xứ sở chúng ta gặp quá nhiều cảnh tang thương, đã thế trong giới nghệ sĩ của ta lại có nhiều người vì lầm lẫn đã nhúng tay vào việc làm mất đi tính cách truyền thống."

Ông Lữ Liên tâm sự "bây giờ chúng ta còn tìm đâu ra được một người biết chơi đàn đáy, một loại nhạc cụ đặc thù của ngành hát ả đào theo đúng tiết điệu cổ bản."

Một trong những người lầm lẫn làm hại cho dân nhạc, dân ca lại là nhà sưu khảo kiêm nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. Ông Lữ Liên nói "ông Khoát sau thời kháng chiến đã từng tập họp các bô lão lại để được nghe các vị tiền bối truyền cho các thể điệu, các cổ bản. Nhưng ông Khoát lại biến cải đi rất nhiều. Ông Khoát có sự lầm lẫn lớn là ông tưởng như vậy là bảo tồn được dân nhạc truyền thống nhưng làm như vậy đã khiến những gì là cổ bản, bị lệch lạc đi nhiều, từ đó các nhạc sĩ tân nhạc cứ dựa vào lối dân nhạc cải biến này và coi như đó là nhạc truyền thống của miền Bắc."

Về hoạt động của các Văn nghệ sĩ Cổ nhạc di cư vào Nam, ông Lữ Liên cho biết thời đó chính sách của Đệ Nhất Cộng Hòa có nâng đỡ và khuyến khích việc bảo tồn cổ nhạc vì thế các ông Văn Thuật, Nguyễn Đình Tòng, Nguyễn Tiến Đức đã tụ họp được các nghệ sĩ cổ nhạc để có ba chương trình hát cổ bản trên đài phát thanh quốc gia, ấy là chưa kể tới nhiều chương trình cổ nhạc miền Nam nữa.

Tuy thế, theo ông Lữ Liên, vì hoàn cảnh xã hội Việt Nam lúc đó ồ ạt chạy theo trào lưu mới, phần khác ngành cải lương được dân chúng thích hơn nên các ban hát chèo, hát Bộ, ca Bắc, ca Huế, ca Nam theo cổ bản đã bị lấn át. Phần khác, vì vấn đề muôn thuở là kiếp người không qua khỏi được cái vòng sinh lão bệnh tử nên các nghệ sĩ cổ nhạc đã mất đi, đem theo cả cái di sản quý báu của ngành nhạc truyền thống."

Theo nhạc sĩ Lữ Liên "trải qua biết bao nhiêu tai họa của cả dân tộc, bây giờ người ta chỉ còn thấy những gì là dân nhạc truyền thống ngày ngày trôi vào dĩ vãng, mờ ảo như một hình bóng chập chờn..."■

(Còn tiếp)

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates: inside the US $28.00 a year (bulk rate), $43.00 a year (first class); outside the US: see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to:

Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

ISSN 1056-4640

BOOK REVIEW

Studies on Vietnamese Language and Literature: A Preliminary Bibliography, by Nguyễn Đình Thâm. Cornell University, Southeast Asia Program, 1992. 227pp. $15 paper.

Nguyễn Đình Thâm gives his book the subtitle "A Preliminary Bibliography" and refers to it as a "work in progress." He is much too modest. His bibliography of works on Vietnamese language and literature, and also on the language and literature of Vietnam's ethnic minorities, contains over 2,500 entries and is an extremely useful tool for scholars interested in Vietnamese studies.

This reference work, however, lists only works in Western languages— mostly in English and French, but some in Russian, BUlgarian, German, and other languages. Since crucial research is often written in Vietnamese, and never translated, this work is obviously not a complete list of writings on each topic. Nevertheless, Nguyễn Đình Thâm has assembled a surprising number of works in Western languages — more works than I knew existed. One value of this collection is that it provides a convenient overview of Western scholarship in Vietnamese studies. One learns, for example, that the Tale of Kiều (ca. 1800), Nguyễn Du's famous verse narrative, has been translated not only into French and English, but also into Bulgarian, Greek, German, Polish, Romanian, Slovak, and Swedish. One learns also that apparently not one of Nhất Linh's (1906-1963) novels has been translated into any Western language, although his novels were tremendously popular and influential in the 1930s and 1940s and continue to be read today.

Works are classified under four major headings: Vietnamese Language, Vietnamese Literature, Vietnamese Folk Literature, and Ethnic Minorities Languages and Literatures. Within these major divisions works are arranged alphabetically by author. An index of names is included at the end of the volume. The Vietnamese Language section includes subsections labeled "General," "Bibligraphy and Reference," and also subsections for the different fields of linguistics — grammar, phonetics, sociolinguistics, and so on. The literature section is subdivided into "General," "Bibliography & Reference", "Collections", "Literary Studies", "Individual Authors & Works — Studies & Translations", "Literary Works Written in English & French by Vietnamese Authors", "Literary Works about Vietnam by Foreign Authors", and "Juvenile Literature".

The third section, Vietnamese Folk Literature, contains subsections on general and bibliographic works and literary studies and also subsections on different types of folk literature: narrative (tales, legends, myths), lyrics (songs, ballads, lullabies), sayings (proverbs, riddles, rhymes, and ditties), and "folklore life" (religions, manners, and customs). The works in the final section relating to ethnic minorities are arranged by language groups: Mon-Khmer, Tiberto-Burman, Malayo-Polynesian, and Viet-Muong.

The weakest subsection is the one called "Literary Work about Vietnam by Foreign Authors". Only eighty-seven works are listed — but there are thousands more. Sandra M. Wittman lists over 1,700 in Writings About Vietnam: A Bibliography of the Literature of the Vietnam Conflict (Boston: G.K. Hall, 1989). The choices, too, are odd. Several obscure works that have drawn no critical attention are listed but well-known works like Michael Herr's Dispatches and Tim O'Brien's Going After Cacciato are missing. Perhaps Nguyễn Đình Thâm

ANN PHONG'S WORKS AT GRIFFIN FINE ART GALLERY

What: Ann Phong: Recent Work solo exhibitions

Who & Where: at Grriffin Fine Art

1640 Pomona, Costa Mesa, CA 92627. (714) 646-5665

Media Contact: Meg Linton (714) 646-5665

When: September 17- October 23, 1994

Opening Reception: Sat, Sept. 17 from 6pm-midnight

Gallery Hours: Thurs, 6pm-11pm; Sat. 10am-5pm;

Sun. 12pm-5pm; and by appointment

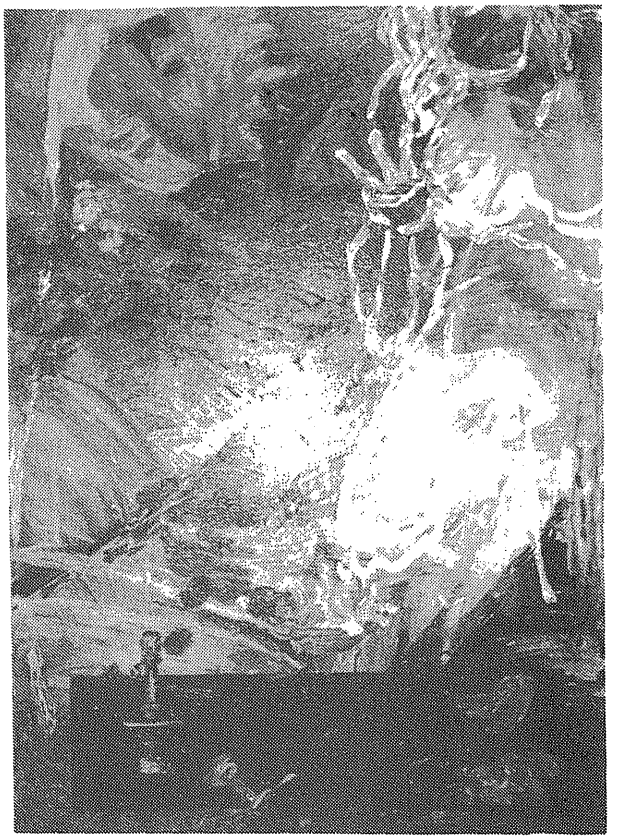

"Yesterday and Today," acrylic on canvas, by Ann Phong, 1994.

Background:

This new body of work by Orange County artist, Ann Phong, reflects on her experiences in Vietnam, her escape from a communist country fourteen years ago and the difficult process of assimilation to the American society. The work in this exhibition is dealing with tough subject matter, but is handled so beautifully with a lush thick palette of dark reds, deep blues, and shocking yellows. Phong uses thin and thick layers of pigments, water color, magazine cut outs and powerful energetic brush strokes. She mimics chaos onto canvas and swirls in ghostly images of people in flight. Phong's paintings are emotional bursts of color combined with the intense subject of matter of war. Phong's work is internationally recognized in connection with the exhibition New Generation: Vietnamese American Contemporary Art held at CSU Fullerton's Main Art Gallery last Spring. ■

concluded that works in this category would appeal more to scholars in American or French studies than to scholars in Vietnamese studies, clearly his primary audience.

Inevitably this reference work will be compared to David G. Marr's recently published bibliography Vietnam, volume 147 in Clio Press' World Bibliographical Series (Oxford, 1992). The two books, however, differ greatly in focus. While Nguyễn Đình Thâm concentrates on language and literature, Marr surveys works in many areas — travel, flora and fauna, cuisine, and science and technology, for example, as well as language, literature, history, and politics. Marr provides useful annotations for his entries, a feature missing in Nguyễn Đình Thâm's work. Marr, however, includes only about 125 entries on language and literature as compared with Nguyễn Đình Thâm's 2500. But the difference that may prove crucial, at least for potential purchasers, is price: Marr's work sells for $110! at $15, Nguyễn Đình Thâm's volume is a real bargain.

John C. Schafer
Humboldt State University
CROSSROADS
Vol.8, Number 1

TRANSPLANTING VIETNAMESE MUSIC TO THE UNITED STATES

by Dr. Phong T. Nguyen

Kent State University

The events of April 1975 caused the departure of more than two million Vietnamese who fled from the socialist regime newly installed in South Vietnam. They were known as "refugees" or "boat people." Leaving Vietnam's shores they were terrified by the high seas and pirates. Many of them were robbed, raped, killed, abducted, or drowned. Arriving at Southeast Asian refugee camps, survivors were more or less traumatized. Some spent several years in transit situations in refugee camps in the Philippines, Indonesia, Malaysia, Thailand, or Hong Kong.

After being processed through immigration procedures, they were admitted to the United States, France, Australia and other Western countries.

According to a national survey in 1989 (World Refugee Survey 1990: 34), there are more than 1,250,000 Vietnamese who have come to the United States. This also includes those who, more fortunately, arrived through the arrangement between the United Nation's High Commission on Refugees and the Vietnamese government called "Orderly Departure Program" (ODP). This immigrant population, "refugee" (i.e., "forced migrants") or ODP people, is now integrated into American society and most of them have become American citizens or are in the process of becoming naturalized. Important areas of concentration of Vietnamese immigrants are found in California and Texas. The rest have adjusted to their new lives in about ten other states, particularly around Washington, D.C., and in the Northwest.

Based on my field research undertaken in the Vietnamese immigrant communities of the United States between 1987 and 1989 and the author's collection (Phong Nguyen Collection) at the Library of Congress and Kent State University's Ethnomusicology Archive, I will discuss the transplanted music and, by extension, a transplanted way of life.

Who are the artists

Stepping down from boats or planes these refugees and ODP people were first not identified as artists. No Vietnamese was admitted to the US as an artist, but rather on the basis of humanitarian acceptance. Only after they have been settled with a job, which is new to them but helps their families to survive, do musicians, singers, actors, actresses, and amateurs become active again. These jobs which require several months or even some years for training, have, in fact, no relation to their musical careers at all: they are factory workers, sales people, cake makers, nail-care specialists, hair dressers, cafe or restaurant owners, businessmen, real estate brokers, secretaries, newspaper writers, audio visual producers, etc..

For musical events, artists are individually invited. Artists and amateurs performing traditional music and theatre are usually formed into ensembles or families. There are several groups found from East to West coasts of the American continent.

Most musicians and singers are now serving Vietnamese communities on what I call "the continental rim" stretching from Orange County and San Jose (California), to Seattle (Washington), the Minneapolis-Saint Paul area (Minnesota), Washington, D.C., and Houston (Texas). The professional groups and ensembles also follow the current and work in more extended areas: Hai Trang's family in Orange County, Vo Van Trung's family in Los Angeles, and Nguyen Dinh Nghia's family in Washington, D.C., performing in their neighboring towns or statewide, and the Phong Nguyen Ensemble (with a special selection of artists from different states) performs nation-wide. These singers, actors, actresses, musicians, composers, and amateurs laid the foundations for the transplantation of Vietnamese music to America. Most remarkably, this transplantation profoundly expresses a background in Vietnamese traditional music which is characterized by distinct repertories, instruments, singing styles, ways of notating music, ideals of sound, and secrets of performance practice.

Genres

A variety of musical genres is performed: folk songs, chamber music, theatre, Buddhist chant, Caodaist chant, Hoahaoist chant, temple ritual chant, possession chant, the Catholic mass, popular songs, and Western dance. Two fundamental aspects of Vietnamese immigrant music are the importance of the tonal language for songs and the modal systems for traditional instrumental music. Together, they blend to form a music primarily melismatic and ornamented. In Vietnam, regional accents result in distinct songs from the North, Cen-

ter, and South. Musical sounds now heard in Vietnamese American communities are then a combination of various genres present in both rural and urban societies.

The folk songs called (I)dan ca, which were originally peasants' songs, moved into urban communal activities and onto the stage several decades ago and are now sung in many concerts of both traditional and "popular" [Westernized] music in America. They were short occupational or entertainment songs which still thrive among the public because of their sweet melodies and vernacular language accessible to everybody.

The *nhac tai tu* or *don ca tai tu* ("Music of Talented Men," of the South) is an entertainment music still preserved as a traditional practice in California and elsewhere. Its purpose is to entertain a select group such as a private gathering of connoisseurs and friends with music and songs of Southern Vietnam. This music is highly organized in a modal system called *dieu* which branches out into the *nam, bac,* and *oan* nuances called *hoi.*

Tonal systems are built of five- or seven-note scales with specific intervals. A *nhac tai tu* melody is presented with embellishment of the notes based on the concept of *dieu* or *hoi* and is highly expressive (Nguyen 1986: 61-2). The lyrics of a song change, while the main melodies maintain their fixed schematic frame over which improvisation is made.

The characteristics of *nhac tai tu* are also found in *cai luong* [reformed] theatre. This genre may be considered an extention of the *nhac tai tu* through the process of theatricalization, achieved by adding the choreographic and acting techniques of *hat boi* or classical theatre. The reformed theatre was born in Vietnam in 1917-1918 when *nhac tai tu* chamber songs were illustrated by acting and dancing (Tran 1970: 86).

Cai luong is the best known South Vietnamese form of theatre in contemporary Vietnam. The others are *hat cheo* or traditional Northern folk theatre and *hat boi* or classical theatre. *Cai luong* is the only Vietnamese theatre performed in the United States, having become immediately popular in 1975. Depressed by feelings of being exiled in a new land while nostalgic for the homeland, numerous refugee artists--even those who were not experienced with *cai luong* art before--formed troupes in California and Texas to entertain their compatriots throughout the Unites States and have now produced several audio and video tapes.

Generally, *cai luong* encompasses an almost unlimited number of topics. Besides national topics, inluding social [earlier times or contemporary], religious, and historical stories, a *cai luong* play may also be based on Roman, Greek, Arab, Indian, Chinese, or Japanese tales. Such a variety satisfies the contemporary desire for quick scenic changes. It is of interest that new plays have been written and produced while the training of actors and actresses continues by Vietnamese immigrants.

The favorite song of Vietnamese immigrants is likely the above-mentioned *Vong Co* [Longing for the Past] of the *nhac tai tu* and *cai luong* repertoires. As one refugee put it, "It's a tremendous aspect of the culture" (Bamboo 1986: 3). This is no longer the simple song composed about 1919-1920 by Mr. Cao Van Lau (Tran 1970: 115-7), but a song type varies which ever changing lyrics and extends from two measures for each phrase to 32 measures for each section. To many Vietnamese Americans, *Vong Co* is *cai luong*, and vice versa! Most performers in a play should sing at least a section of it to please the audience. The song is based on a rather sad mode, *ai-oan* mode, featuring seven tones of a non-tempered scale.

Tam Tri, a master in Dan Nhi, is playing beautifully Norman Hughes' violin: an experiment in blending East and West in music.

Presently, the best known instrument for playing or accompanying the *Vong Co* is, surprisingly, the Western electric "rock" guitar called *ghi-ta* or *luc huyen cam* [six-stringed instrument]. Musicians in California or elsewhere hollowed its neck between frets to facilitate deep pressing of the strings for ornamentation. Its history goes back to 1920 when the "*guitare espagnole*" [Spanish guitar] was first adopted into the *nhac tai tu* (Vien San Khau 1984: 32). At any rate, the melody heard from this instrument is certainly Vietnamese.

After a long period of being eclipsed by the Chinese video movie market, since early 1980 a remarkable attempt to preserve this art form has been made by a group of artists living in California who in Spring 1988 organized a joint tour of senior actors and actresses from both France and the United States which travelled to California, Oregon, Washington D.C., and elsewhere. On May 22, 1988, at the Convention Center in Anaheim, California, *cai luong* was successfully performed for an audience of about 7000 people (Cf. Kich Anh Magazine No. 86). This movement bodes well for the revival of the *cai luong* art in the United States.

Regarding religious music, the chanting of Buddhist texts, the sutra, is commonly practiced in about 60 Vietnamese temples from the East to West coasts of the United States. While other singing styles have become extremely rare, the *tung*, or cantillation style, is commonly known to Buddhists. The *tung* is constructed in 4- or 5-tone scales of various regional forms and modal systems, the *thien* [meditation] and *ai* [lamentation] being best known. A Buddhist ceremony, such as the *Le Phat Dan* or anniversary of the Buddha's birthday, may attract thousands of participants. On this occasion, music festival are often organized in the temple yard or in a public auditorium nearby. Chanted texts in romanized characters have been reprinted in fairly extensive quantities (over 100 volumes) for services. Because Buddhism is a major religion in Vietnam and has a remarkable history of nearly 2000 years, it is generally considered a cultural shelter for many.

Smaller groups of believers of South Vietnam's Cao Dai and Hoa Hao religious sects practice their rituals in San Jose, Orange County (California), Seattle (Washington), Washington, D.C., and some other cities.

Though little known as a music tradition, the *chau van* (possession ritual) chanting and dancing are also found in some temples on the West Coast, and in Texas. Their possession rituals, called *hau van* or *chau van* [dance and chant of sacred texts], feature mostly trance and dance. The singing presents several interesting modes (*the, phu*) and is accompanied with live or pre-recorded music. The *chau van* originated in Northern Vietnam and has a connection with tribal rituals such as those of the Muong and Tay ethnic groups.

These religious practices which more or less relate to Buddhism originated in local areas in Vietnam.

Stepping into another world of sound, one can find a genre which may be called "modern," "new," or "Westernized" music. Though these terms seem confusing, they all correctly define what is called *tan nhac* and which burst into existence about two decades after *cai luong* theatre. It takes its origin from French and Latin romantic song during the period of French colonization (Le 1970: 63). This new genre used Western instrumentation and Vietnamese lyrics. Certain tunes may have been borrowed from folk and traditional music. Several songs of the *dan ca* (folk songs) category are now sung in the *tan nhac* style, and have therefore lost the traditional characteristics described above. This new and acculturated music may be considered a fresh current attempting to please seekers of easy-listening music in the Western way. *Tan nhac*, a new and fashionable genre, has become today the most popular music heard in Vietnamese communities. It is sung in concerts and at dances which feature both American and European rhythms. Combos of electric guitars and keyboards are used in most concerts (see Reyes Schramm 1986). "New Wave" rhythm has now become a burning hit with young people.

Songs, originally, in Vietnamese or translated versions of American, French, Chinese and even Japanese songs are presented on audio and video tapes. There are about ten major tape producing companies dealing successfully with this kind of music. Abundant and luxurious advertisements are found in Vietnamese magazines. A number of choruses have also been founded. *Ban Hop Xuong Ngan Khoi* is very active in southern California (see *Ban Hop Xuong Ngan Khoi*). The Vietnamese Catholic Church has support from American Catholics and the Vatican. The Catholic mass is of the Roman Catholic character and the music is thus based on the Western idiom interms of instruments and harmony. the words, however, are in Vietnamese.

Another aspect I haven't discussed is compositions by Vietnamese Americans who were trained in Western music at American institutions. Their contribution includes the use of Vietnamese cultural metaphore and the insertion of traditional music idioms into their works.

Teaching Vietnamese music

Regarding teaching Vietnamese music in the United States, there is no official institution which aims at training students for professional degrees. And it seems not time for it yet. Private teaching, however, though rare, is found in Vietnamese-American communities. In order to preserve them, traditional music and theatre are taught both privately and in classes. Students are required to give small rewards to the teachers. The teaching not sponsored by the community budget and takes place during the teacher's available time found after work.

While there are about ten musical instruments played by Vietnamese musicians, the most popular instrument is the *dan tranh* zither and the abovementioned *ghi-ta*. Singing classes take place and are informal. Many students are young: from seven to twenty years old. Their programs of learning include mostly pieces rearranged from folk tunes. But those who learn the *cai luong* theatre are often older, averaging from twenty to forty-five. In a way, this fact supports the theory that the *cai luong* art is too difficult for the very young who are not yet interested in the art tradition, or only appeals to pupils who became familiar with it when they were in Vietnam. Private practice and rehearsals are fre-

quently the case within family groups who, because of family ties or professional secrets, do not wish to teach their art to "outsiders." Besides private teaching in the Vietnamese communities, Vietnamese music ensembles have also been taught by Dr. Phong T. Nguyen in academic institutions or with support of State Arts Councils. Though the teaching was limited to Quarter or Semester offerings on the basis of 50 minutes per week, it was a rare opportunity for graduate/undergraduate students to become acquainted with this music newly transplanted to America. Related to this practical training, American scholarship in Vietnamese music has gradually strengthened. At least one Ph.D. dissertation and two Master's theses have been completed since 1975; a professional journal (*Nhac Viet*--The Journal of Vietnamese Music), books in both English and Vietnamese, and articles on Vietnamese music have been published. Supporting and encouraging the growth of that scholarship is the International Association for Research in Vietnamese Music. This organization, whose aim is to foster an understanding of Vietnamese musical culture, informs members of musical events and publishes significant research results (see IARVM).

Kim Dong is playing Dan Bau (one string), and Ngoc Thanh, "hollowed" guitar.

Performance Context

Performance of Vietnamese music in the U.S. is nonetheless a challenge. Generally one does not have the chance to perform a specific genre for a specific audience. Rather a mixture of musical genres is found on most major concerts: *cai luong* theatre follows or interrupted by popular songs, folk songs are mixed with popular songs, theatre with chamber music and folk songs. There are both old and new kinds of music. At any rate, the Vietnamese audience in the United States is of all tastes and all ages. Good commercial benefits are gained from big concerts which gather as many as over fifty artists as did an event in 1990 at the 7000 seat-Anaheim Convention Center.

At the same time, this fact raises difficulties for smaller communities who want to invite famous artists for small audiences.

The performance context of 20th century Vietnamese music is a crucial issue. Urbanization, modernization, Westernization and, particularly, an internationalized war all deeply changed the social values in this primarily agricultural country. Wartime material damages caused a cultural crisis. In fear of technological and, curiously, "cultural" (as some put it) backwardness, there emerged the idea of self-survival by adaptation, a most characteristic attitude of any people victimized by war (Nguyen 1989: 89-104). During the French colonial period in pre-1955, the importing of Western songs, musical instruments and performance media was significant. In most cities, stage performances used a new strategy to draw the attention of a larger public by including all kinds of music, comedies and magic tricks.

The *nhac tai tu* and *dan ca* were therefore introduced to the stage. The *ca ra bo* (singing with gesture), a pre-*cai luong* form, is a new concept which is quite similar to the Japanese enka. In contrast to the traditional sitting position in chamber music (that still persists in the *hat a dao* and *ca hue*), people now seem to favor a modern illustration of the words by Western kinds of "action" as seen in the musical. Today a singer prefers to stand before a mike with background decoration. Electric amplification has become so ingrained that even a San Jose *nhac tai tu* (chamber music group) and most traditional musicians around the American continent require it.

All these changes and adaptations were being made before immigration to America. Generally speaking, pre-1975 music continues to be a model for new songs, both traditional and modern, in America. While pre-1975 songs are still much favored by the majority of members of the communities, new songs and theatrical plays are composed dealing

with social, political, revolutionary (anti-communist) and educational matters. Life in exile and love of the native land are recurrent themes in these songs. Few concerns directly relative to American matters are heard. Contradictorily, Rock and Pop

Carl St Clair, Pacific Symphony Orchestra conducter, is examining the Dan Sen played by Bao Chau, at the Vietnamese and American music workshop, in Orange County, California.

most concern Vietnamese-American parents who do not want their children to become too "Americanized." This is not because of the fact that it is "American" or "music" but rather because of its attendant "musical behavior." Therefore, if there is any change in Vietnamese music in the U.S., it relates more to Westernized popular music than to traditional music.

In contrast to the traditional chamber music which lies in a substratum of the Vietnamese American population, European popular dance and *ao dai* (Vietnamese dress) fashion shows are the most favor of community musical activities. For these events, costly concerts of Rock and popular songs are held. Electric guitars and keyboards, "New Wave" rhythm, compact discs, and video tapes dominate the whole commercial market. These offer the most exciting opportunities for young singers to become known. Remarkably, these shows have recently had an influence in Vietnam. In response, a new political and economical policy called *doi moi* (change, renewal) has been instituted by the Socialist government of Vietnam.

*

Like the music of any other part of the earth, that of the United States has allure and enchantment. Various music cultures were brought to America in different historical periods, for different reasons, and by different ethnic groups. Twenty-seven thousand years ago the music of the [American] Indians who migrated from Asia was transplanted to the New World (Hamm 1983: 4). Now near the end of the twentieth century, musics from across the Pacific, such as that of the Vietnamese, have arrived to the same soil. Linking the present with the past is the European-American music which formed in the age of Colonization. Would it be true that the Pilgrims' psalms, hymns, and spiritual songs of the time of Henry Ainsworth (1570-1623) (ibid. p. 25) and the Vietnamese refugees' songs and music make this a musical refugee land? In fact, this is the place where not only East meets West, but also East meets East. Though music of the Vietnamese immigrants still sounds exotic to American ears, it is now part of the multicultural American society.

Acknowledgements

The author wishes to thank his informants from the traditional music groups of San Jose, Santa Ana (California), Minneapolis-St. Paul (Minnesota), and Washington, D.C. I am particularly grateful to Viet Hung, Tam Tri, Thu Van, Pham Duy, Kim Oanh, Nguyen Dinh Nghia, Thanh Thuy, Hoang Oanh, Kim Tuyen and my friends for their valuable information and assistance.

References

Bamboo - A Newsletter of the Refugee Arts Group (Boston, Massachusetts). Fall 1986.

Ban Hop Xuong Ngan Khoi. Contact: 14265 Brookhurst St., Garden Grove, California 92643.

IARVM (The International Association for Research in Vietnamese Music). Contact: P.O. Box 16, Kent, Ohio 44240.

HAMM, Charles. Music in the New World. New York, London: W.W. Norton and Company, 1983.

Kich Anh (Westminster, California), No. 86. 1988

LE Thuong. "Thoi Tien Chien Trong Tan Nhac" [Pre-war Tan Nhac Music], in Nhac Tien Chien, Saigon: Ke Si, 1970: 62-70.

NGUYEN Thuyet Phong. The gioi am thanh Viet Nam (The World of Vietnamese Music). San Jose: Hoa Cau, 1989.

----- Restructuring the Fixed Pitches of the Vietnamese Dan Nguyet Lute: A Modification Necessitated by the Modal System." Asian Music 18-1 (1986): 56-70.

Refugee: A World Report. Edidted by Lester A Sobel. New York: Facts On File, 1979.

REYES SCHRAMM, Adelaida. "Tradition in the Guise of Innovation: Music Among A Refugge Population." In Yearbook for Traditional Music (1986): 91-101.

TRAN Van Khai. Nghe Thuat San Khau Viet Nam [Theatrical Art of Vietnam], Saigon: Khai Tri, 1970 Vien San Khau.

Nhung Van De San Khau [Problems of Theatre], Volume IV, Hanoi. 1984.

World Refugee Survey, 1989 in Review. Washington, D.C.: American Council of Nationalities Service, 1990.■

A MUSICAL SAFARI IN VIETNAM

PHILIP BLACKBURN

ONE

Accompanied by food poinsoning and the Vietnamese Musicians' Association I took a trip to Cao Bang Province to record the folk music of ethnic minorities living near the Chinese border. My mission was to represent the Minnesota Composers Forum, the first U.S. musical organization to establish links with its counterparts in Vietnam. The trip was funded by a grant from the New York-based Asian Cultural Council.

The area, which is home to many different ethnic minorities, was quite inaccessible; I was told that I was the first westerner ever set foot in Quang Hoa, a town of 60,000 people. There I heard Nung couples singing a style of improvised poetic dialogue known as *sli*. At a nearby village I heard an elderly Red Dao woman sing; she says she is the last of her tribe and her language and customs will die with her.

In this remote area there is little evidence of the generation gap that is hitting the cities; Western fashions are in demand and few people still prefer to tighten their collective belts for the sake of Communism. Traditional culture though is being targeted for preservation throughout the country.

At the Saigon Research Institute I was allowed to play the 6,000 year old stone lithophone (the oldest instrument in the world). The atmosphere at the Hanoi Research Institute was less permissive; I was allowed to listen to some of their treasured recordings of disappearing traditional music.

The Conservatories in Hanoi, Hue, and Ho Chi Minh City are based on the Eastern European models and teach both traditional and Western Classical music. Despite poor facilities there are many talented students who graduate with little chance of a job. The composers are preoccupied with the task of forging a national style which combines the best of Western and traditional idioms. This folk revival has yet to produce many devotees. One percussion group from the south, *Phu Dong*, however, plays new music energetically on instruments from the Central Highlands and are popular on TV. Others in Hanoi are opening up new musical directions by adapting *Tai Tu* chamber music and modifying violin technique.

In Hue traditional imperial culture is being actively preserved in anticipation of the arrival of tourist dollars. People of Hue are proud of their strong identity and the many customs, including food, language and the arts, are in a healthy state.

At Hue Conservatory, December 1993. Philip Blackburn with Vietnamese musicians Tran Huu Phap, Ha Sam and Nguyen Khac Yen

TWO

Like the arrival of a bizarre teenager from New York causing problems on the streets of Saigon, so there was much discussion when I introduced American experimental music to Vietnamese students and professionals. Some was difficult to appreciate (like Minimalism, Electronic, and Chance music) while others were more appealing (like Aaron Copland and Aretha Franklin).

Common questions included: Is it easy to be a musician in America? What is the American tradition? How do we prevent Michael Jackson?■

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* **Divine Word College Seminary** ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* **Associate Program** là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

HẠT CƠ BẢN VÀ VI HẠT QUÁC (QUARK)

(BÀI I)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Từ hơn hai chục năm nay, ngành "hạt cơ bản" (elementary particles) của khoa học Vật lý đã có những phát triển rất mạnh. Nhất là hồi cuối tháng 4 năm 1994, khi các giới khoa học vi hạt dưới nguyên tử (subatomic) loan báo tìm thấy hạt quác (quark) cuối cùng là hạt Top (ngọn), người ta coi đây là thêm một bước tiến rất quan trọng trên con đường dài để tìm giải đáp cho một câu hỏi thắc mắc nhất cho loài người, kể từ thời trước Công Nguyên: Vật chất trên cõi đời này do những cái gì tạo thành?

Nhưng "hạt cơ bản" là cái gì? Mọi thứ vật chất mà ta thấy như sinh vật, thảo mộc, đất, đá, kim loại cho đến nước, lửa, và cả không khí hay các vì sao trên trời ví thử như một tòa lâu đài, thì "hạt cơ bản" chính là những viên gạch nhỏ xây thành tòa lâu đài đó.

Từ đầu thế kỷ này, sự hiểu biết thông thường là vật chất do nguyên tử tạo thành. Khốn thay nguyên tử cũng không phải là hạt cơ bản, không phải là viên gạch xây dựng thành tòa lâu đài vật chất. Bởi vì viên gạch đó lại do nhiều hạt nhỏ hơn (vi hạt) tạo thành và nhất là quanh viên gạch còn có vữa, vôi cát, để chúng dính vào với nhau.

Để nhìn rõ hơn vấn đề, chúng ta hãy điểm qua vài giòng lịch sử về sự tiến hóa của tư tưởng con người trong môn học này.

Khả phân và bất khả phân

Ở bên Á Đông, cách đây khoảng 3000 năm, vũ trụ quan của người Trung Quốc đặt căn bản là trong trời đất hỗn mang "lưỡng nghi sinh thái cực" và thái cực sinh tứ tượng cùng ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Triết lý cổ đó coi căn bản của vật chất là ngũ hành.

Khoảng 500 năm trước Công Nguyên, triết học Tây phương ở Hy Lạp đặt nền tảng suy luận trên căn bản thực tiễn và cụ thể hơn.

Nhà hiền triết Hy Lạp Aristotle quan niệm thuyết "tứ hành," ông tin rằng mọi thứ vật chất trong vũ trụ đều do bốn nguyên tố căn bản tạo thành. Đó là đất, không khí, lửa và nước. Bốn thứ này trộn lại với nhau thành các thứ mà ta thấy. Ông còn nêu ra hai cái "lực" tác động trên tứ hành. Đó là lực "trầm" (gravity) làm cho đất và nước nặng chìm xuống và lực "bổng" (levity) làm cho không khí và lửa nhẹ bay lên.

Thế nhưng "tứ hành" đó do cái gì tạo thành?

Aristotle tin rằng vật chất là liên tục, không có bộ phận rời, nghĩa là người ta có thể chia nó nhỏ hoài đến vô cùng tận, không thể có thứ "hạt" vật chất nào mà đến cùng là không chia ra được nữa.

Nhưng cùng thời với Aristotle, lại có một trường phái thứ hai, tuy nhỏ hơn, đứng đầu là nhà hiền triết Democritus, cho rằng mọi thứ vật chất đều do các hạt nhỏ li ti họp thành, các hạt đó là cơ bản, không thể chia nhỏ thêm được. Democritus gọi các hạt đó là atom. Theo từ ngữ Hy Lạp chữ atom có nghĩa là bất khả phân, không thể chia nhỏ được nữa. Ngày nay, chúng ta dịch atom là nguyên tử, cũng dựa theo ý nghĩa hạt căn nguyên của vật chất.

Quan niệm của Democritus dựa trên một triết luận đơn giản: Thí dụ có một người sống muôn tuổi, thọ ngang trời đất, ông ta cầm một con dao, lấy ra một cục đá, rồi chặt cục đá làm đôi. Kế tiếp ông ta lại lấy nửa cục đó chặt ra làm đôi nữa, và sau đó lại lấy phần nửa vừa có, chặt làm đôi nữa... cứ thế mãi, chặt hoài cho đến ngày tận thế.

Vì cứ mỗi lần chặt lại có một nửa, vậy nếu cứ chặt hoài, không lẽ đến một lúc nào đó, cả hai cục chót đều biến mất? Vì thế bắt buộc là đến một thời điểm nào đó, ông ta đạt đến một cục không thể nào chặt ra làm đôi được nữa. Democritus gọi cục đó là bất khả phân (atom).

Cố nhiên đó chỉ là những lý thuyết, hàng chục thế kỷ qua đi, cả hai trường phái suy luận của Hy Lạp có vẻ chìm dần vào bóng tối, vì người ta không có cách nào kiểm chứng lý thuyết nào là đúng.

Nhưng vào đầu thế kỷ 19, khoa học ở Âu Châu đã được đặt trên những cơ sở thực nghiệm vững chắc, nhất là về Lý và Hóa. Năm 1803, nhà vật lý và hóa học người Anh là ông John Dalton vạch ra rằng vì các chất hóa học khác nhau, đều do các liều lượng hóa chất nhiều ít khác nhau họp thành, nên chỉ có thể giải thích rằng các hóa chất đó đều do các nguyên tử kết hợp với nhau thành các phân tử, để tạo ra.

Dù vậy hai trường phái khả phân và bất khả phân vẫn tiếp tục, cho đến đầu thế kỷ 20, thuyết nguyên tử luận (atomism) được xác nhận. Những khám phá liên tục từ cuối thế kỷ 19 đã cho thấy vật chất quả do các nguyên tử tạo thành. Nhưng hình dạng nguyên tử như thế nào?

Năm 1905, khi nhà bác học Einstein đưa ra thuyết tương đối, người ta đã nghi rằng nguyên tử cũng không phải là viên gạch cơ bản. Bởi vì trước đó mấy năm, khi môn điện học ra đời, nhà bác học Anh Thomson đã chứng minh rằng trong vật chất còn có những "mảnh" nhỏ hơn nguyên tử. Đó là điện tử (electron) mà khối lượng của nó còn nhỏ hơn cả ngàn lần khối lượng nguyên tử nhẹ nhất là khinh khí.

Nhưng phải chờ đến năm 1911, những cuộc thí nghiệm của nhà bác học Anh Ernest Rutherford mới cho thấy lần đầu tiên rằng nguyên tử quả có những cấu trúc nội tại của nó. Sơ khởi người ta hiểu rằng nguyên tử có một cái nhân, gọi là hạt nhân, và xung quanh hạt nhân có những điện tử.

Nguyên tố đơn giản nhất trong trời đất là khinh khí và các nguyên tử của khinh khí chỉ gồm có một hạt trong hạt nhân gọi là proton (nhất tử) mang dương điện và một điện tử mang âm điện quay xung quanh.

Từ đó người ta còn biết thêm các nguyên tố nặng hơn, phức tạp hơn đều có hạt nhân gồm hai thứ vi hạt tạo thành. Một là proton và hai là neutron (trung hòa tử).

Như vậy hạt cơ bản tạo thành nguyên tử là ba thứ proton, neutron, và electron chăng? Còn lâu mới đến chỗ cuối của đường hầm.

Những máy đập hạt

Từ khoảng thập niên 20 của thế kỷ này khi môn học vật lý lượng tử bắt đầu thành hình, cấu trúc của nguyên tử phức tạp hơn nhiều chớ không phải chỉ gồm có ba viên gạch cơ bản là nhất tử, trung hòa tử và điện tử.

Đẳng thức E=mXcXc của nhà bác học Einstein đã được xác nhận thêm một cách khủng khiếp bằng các vụ nổ bom Nguyên tử trong cuộc Đệ Nhị Thế Chiến. Chiến tranh vừa chấm dứt, các nhà bác học đã dấn bước mạnh thêm đi tìm các hạt cơ bản của vật chất.

Phương pháp tìm kiếm khởi đầu là dùng những máy gia tốc hạt (particle accelerator) cho hạt chạy thật nhanh, rồi cho nó va chạm vào nhau cho bể nát ra để xem bên trong nó có gì. Cũng giống như hai chiếc xe hơi chạy ngược chiều trên xa lộ, xe càng chạy mau đụng đầu vào nhau, càng nát ra như... cám. Vì thế các máy gia tốc hạt ngày nay còn được gọi là collider (máy đập hạt.)

Nói chuyện đập hạt nghe thật dễ dàng, tưởng tượng như ta cầm cái búa đập xuống hạt gạo, hạt đậu bể nát ra. Nhưng cũng không quên ta đang nói đến vi hạt dưới cỡ nguyên tử. Những hạt này nhỏ như thế nào?

Trước hết hãy nói đến tòa lâu đài bự là ... nguyên tử. Nếu nguyên tử được hình dung như trái cầu tròn thì đường kính của nó là một phần 10 triệu của mi-li-mét — nghĩa là một ly tây chia ra con số 1 với 7 con số zero ở sau. Nhưng ta đâu có đập nguyên tử, ta đập cái nhân nhỏ xíu của nó. Đường kính của cái nhân này là một phần 1.000 tỷ của mi-li-mét — nghĩa là một ly tây chia ra con số một với 12 con số zero ở sau. Như vậy nếu đem những cái nhân chắp thành hàng dài thì 1.000.000.000.000 hạt nhân mới dài được bằng một mi-li-mét. Cỡ nhỏ của nó là như vậy.

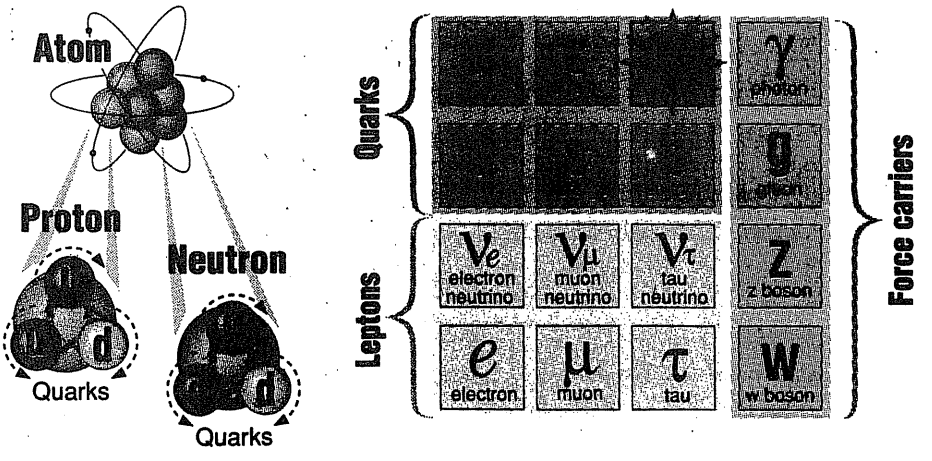

Những vi hạt "quác" trong proton và newtron

(Chúng tôi rất tiếc vì máy computer đánh chữ của nhà báo không có chương trình ghi các phương trình toán học và các ký hiệu toán cấp cao, bởi vậy bình phương của hằng số ánh sáng phải ghi thô thiển là "CXC", cũng như không có những ký hiệu lũy thừa (exponential) để ghi các con số cấp vũ trụ vĩ mô hay cấp nguyên tử vi mô. Sử dụng lối viết một con số dài ngoẵng với cả chục số zero ở sau vừa bất tiện lại vừa dễ gây nhầm lẫn).

Làm cho các vi hạt nhỏ xíu này chạy nhanh rồi nhắm cho chúng đâm đầu vào nhau không phải là chuyện khó. Gay go nhất là vấn đề năng lượng (energy).

Ở đây một hậu quả của nguyên lý bất định Heisenberg đã đóng một vai trò quyết định: "lãnh vực khảo sát càng nhỏ bao nhiêu, thì năng lượng cần đến càng phải lớn bấy nhiêu. Khi khảo sát lãnh vực bên trong của một vật nhỏ không thể tưởng tượng là hạt nhân nguyên tử, năng lượng cần đến để đập nó ra xem phải lớn đến khủng khiếp.

Trong máy gia tốc, năng lượng cần để đập hạt chính là tốc độ của nó. Năng lượng đó là động lượng (momentum), ký hiệu toán vật lý là p = V X m. Như đẳng thức này cho thấy vận tốc càng tăng, năng lượng của nó càng lớn.

Muốn khảo sát một vật vĩ mô như cục sỏi, ta chỉ cần dùng một búa tạ dáng cho nó một nhát là cục sỏi vỡ tan. Nhưng muốn khảo sát một vật vi mô như hạt nhân — và vi hạt bên trong hạt nhân — ta phải dùng một cái búa năng lượng ghê gớm, nghĩa là gia tốc cho hạt chạy nhanh gần bằng tốc độ ánh sáng.

Làm cho vi hạt phóng đi là do điện năng. Muốn cho các vi hạt chạy nhanh gần bằng tốc độ ánh sáng, người ta phải dùng sức điện mạnh đến hàng tỷ watt, nhất là phải dùng đến những đường hầm dài cả chục cây số để lùa nó gia tốc với những kỹ thuật rất phức tạp. Máy đập hạt lớn nhất thế giới ngày nay ở Âu Châu, thuộc Trung Tâm Khảo Cứu Hạt Nhân (CERN). Ở Mỹ cũng có những máy sấp sỉ, chỉ có điều đáng tiếc là vì thấy quá tốn tiền (14 tỷ đô la), Quốc Hội Mỹ mới đây đã hủy bỏ công việc xây dựng đang dở dang của một máy đập hạt vĩ đại ở Texas, có tên là máy siêu dẫn siêu đập hạt (SSC = Superconductor supercollider). Nếu có dịp, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề collider với những chi tiết kỹ thuật.

Ngoài những máy đập hạt do người chế tạo, trên thượng tầng không khí địa cầu cũng có những hiện tượng đập hạt. Đó là những tia thường được gọi là "vũ trụ tuyến," ngày đêm liên tục đánh vào trái đất, khi đến bầu khí quyển ở thượng tầng bên ngoài, nó đập phải các nguyên tử và phân tử của không khí, khiến các hạt này bị bể tan, vũ trụ tuyến thật ra cũng là những vi hạt bay trong vũ trụ với tốc độ kinh hồn, nên sự xuyên phá của nó rất mạnh. Như vậy dùng máy móc đưa lên thượng tầng không khí để quan sát và chụp hình các vụ đập hạt thiên nhiên cũng đã góp phần vào việc khảo sát cấu trúc nội tại của các vi hạt.

Những vi hạt truyền lực

Ngày nay, người ta đã biết ngoài ba loại hạt bên trong nguyên tử là proton, neutron và electron, còn có hàng trăm hạt cơ bản khác nhau. Các nhà vật lý thường gọi đùa đây là sở thú, vì ở cái "công viên cơ bản" này có hàng trăm loại thú khác nhau, chớ không phải chỉ có ba.

Nhưng với ba hạt vật chất cơ bản lúc đầu, tại sao con số lại tăng ghê gớm như vậy?

Bởi vì đa số là "hạt năng lượng," mà năng lượng và vật chất chỉ là một.

Chúng ta hãy nhìn vào phương trình Einstein E = m X c X c là thấy ngay. Ở đây E là năng lượng, m là khối lượng (vật chất) và c là hằng số tốc độ ánh sáng.

Toán học sơ đẳng cho thấy một khi năng lượng bằng với khối lượng nhân cho bình phương vận tốc ánh sáng thì điều đó chỉ có nghĩa là một khi năng lượng tăng thì khối lượng cũng tăng hay ngược lại cũng vậy. Người ta gọi đó là năng lượng tỷ lệ thuận với khối lượng. Điều đó cũng có nghĩa là vì tốc độ ánh sáng là hằng số (không thay đổi) nên trong phương trình nói trên, năng lượng và khối lượng (vật chất) có thể trao đổi với nhau mà vẫn giữ nguyên được ý nghĩa của phương trình. Lấy khối lượng nhân cho hằng số (C bình phương) là thấy năng lượng. Ngược lại lấy năng lượng chia cho C bình phương là thấy khối lượng.

Bởi vậy nếu hỏi cái gì tạo thành mọi vật trong trời đất này, người ta phải trả lời: vật chất và năng lượng.

Nhưng vật chất — dù do các hạt cơ bản họp thành — còn dễ thấy và dễ hiểu. Còn "hạt năng lượng" cơ bản là cái gì, nó đóng vai trò gì trong sự hình thành của vật chất? Những vi hạt cơ bản về năng lượng đó thật ra chỉ là những hạt truyền lực (messenger particles). Lực gì vậy?

Để trả lời câu hỏi này, chúng ta hãy bắt đầu trả lời bằng câu hỏi thông thường nhất: Đó là do "lực tương tác." Tại sao làn sóng truyền thanh truyền hình tỏa ra trong không gian được, và tại sao điện dương hút điện âm cũng như cực nam châm hút nhau? Đó là do "lực tương tác."

Và quan trọng nhất cho đề tài vật chất là tại sao điện tử quay xung quanh hạt nhân để thành nguyên tử, và tại sao bên trong hạt nhân, các vi hạt proton và neutron gắn vào với nhau? Đó là do "lực tương tác". Nếu không có những lực đó thì vật chất như ta thấy không thể thành hình.

Những hạt truyền lực chính là những vi hạt có vai trò truyền các "lực tương tác đó." Và không có cái lực đó thì trời đất vũ trụ này không thể có.

Các nhà triết học thời xưa nói "nồi canh" vũ trụ gồm có các thứ như "ngũ hành" hay "tứ hành," coi như mắm muối, thịt cá hay rau cỏ. Nhưng khoa học hiện đại nói: Còn gồm... "năng lượng" nữa. Không có thứ năng lượng này thì không nấu thành nồi canh.

Trong bài tới chúng tôi sẽ đề cập đến "bốn lực tương tác" của vũ trụ vật chất, trước khi nói đến những hạt "quác" kỳ lạ của vật chất hữu hình và những hạt truyền lực vô hình, vô sắc. ■

SƠN ĐIỀN
NGUYỄN VIẾT KHÁNH

THÁNH CHIẾN

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Nhân đọc **Chuyện Một Chuyến Trở Về** của Lê Hoàng Ân đăng trên *Thế Kỷ 21* số tháng Bảy, tôi chợt nhớ đến một chuyện xảy ra ở Mỹ cách đây khoảng hai năm. Hai chuyện ấy có dính gì đến nhau?

Chuyện của anh Lê Hoàng Ân như thế này: Anh từ Hoa Kỳ về Việt Nam, ở Thành Phố Hồ Chí Minh một thời gian xong anh đi Hà Nội để gặp một số người có hẹn trước. Anh đến phi trường Hà Nội, mặc quần đùi và áo thun có in hàng chữ *"Little Saigon Tet Festival."* Rồi anh bắt đầu chạy bộ chung quanh phi trường. Công an thấy lạ, bắt anh để tra hỏi. Họ soát hành lý của anh. Họ tìm tòi trong máy vi tính cá nhân của anh mang theo (tôi thắc mắc không hiểu trong lúc anh đi *jogging* thì ai trông đồ cho anh để khỏi bị mất cắp?)

Cảm thấy "bị sỉ nhục trước sự vô lý" của nhóm công an, anh "nhất định tranh cãi với họ." Anh "la hét và đấm đá để chống lại." Kết quả là anh bị giam, bị còng tay, bị bỏ vô nhà thương điên, bị ép uống thuốc an thần, và cuối cùng thì gia đình anh ở Mỹ phải gom góp một số tiền khá lớn nộp cho công an mới chuộc được anh ra.

Đó là chuyện anh Lê Hoàng Ân, có thể nói là gồm ba yếu tố: Yếu tố thứ nhất là công an quấy nhiễu (*police harassment*), yếu tố thứ hai là công an hành hung (*police brutality*), và yếu tố thứ ba là tham nhũng. (Nếu anh có tội thật thì tại sao thấy có tiền thì lại thả anh ra? Nếu anh không có tội tại sao lấy tiền của anh? Mà món tiền đó bây giờ đi đâu rồi?)

Còn chuyện ở Mỹ thì đơn giản hơn, mà kết quả cũng không ghê như chuyện của anh. Đó là chuyện của hai người bạn tôi, cả hai đều là người Mỹ, một người gốc Nhật, tên Al, người kia gốc Mễ, tên Carlos.

Lúc chuyện này xảy ra, cả hai đang là luật sư sắp ra trường.

Một mùa hè rảnh rỗi, Al và Carlos rủ nhau đi Texas chơi. Hai người đi bằng xe của Carlos, một chiếc xe "classic": Mustang đời 69 được sửa rất kỹ và trông dáng rất đẹp. Đang đi qua sa mạc tiểu bang Arizona (lúc Al và Carlos kể đến đây tôi chợt tưởng đến cảnh hoang vu trong phim *Thelma & Louise*), một chiếc xe cảnh sát bỗng xuất hiện rồi theo dõi hai người. Được cỡ mươi phút, xe cảnh sát hụ còi, bắt chiếc Mustang ép vô lề. Một người cảnh sát bước ra. Mỹ trắng, đàn ông, không cao lắm, cỡ 1m80 (5'9''), tướng khỏe nhưng hơi phệ, không đội mũ, mắt đeo kính mát gọng bạc đúng kiểu cảnh binh.

Bước tới bên chiếc Mustang, người cảnh sát đòi xem bằng lái xe và thẻ đăng bộ xe. Carlos hỏi, "Có chuyện gì vậy, ông sỹ quan?" thì ông sỹ quan trả lời "Không có gì cả, chỉ xét chơi thôi!" (*Nothing's wrong, just checking.*) Lấy bằng lái xe và thẻ đăng bộ xe, ông sỹ quan trở vô xe của mình, làm cái gì đó không biết, rồi trở ra trả cho Carlos rồi hỏi hai ông luật sư sắp ra trường:

"Hai đứa bay ("you boys") đi đâu đó?"

"Tụi tôi đi Texas. El Paso, Texas."

"Thật vậy sao? Tụi bay đến đó làm gì?"

"Chẳng làm gì cả, chỉ đi chơi thôi."

"Tụi bay ở đâu tới vậy?"

"Chúng tôi đến từ Los Angeles, California."

"Thật vậy sao? Tụi bay có mang ma túy thuốc phiện gì không?"

"Không có đâu!"

"Tao khám thùng xe tụi mày, có được không?"

Al và Carlos gật. Người bạn dân lục thùng xe xem xét một hồi, cám ơn, chào, rồi cho phép Al và Carlos đi.

Đó là chuyện ở Mỹ. Thế thì hai câu chuyện có dính dáng gì với nhau? Có thể có người đã đoán ra được rồi, nhưng nếu chưa thì xin nghe tôi kể tiếp mẩu đối thoại giữa tôi và Al thì sẽ rõ.

Lúc Al và Carlos kể lại câu chuyện trên, Al vẫn còn hậm hực lắm. Tôi nghĩ chắc hẳn anh ta giống như anh Lê Hoàng Ân, cảm thấy bị sỉ nhục trước sự vô lý của người cảnh sát.

Al lại tiếp:

"Dĩ nhiên lý do nó bắt tụi tao đứng lại là vì nó thấy tụi tao một là hai thanh niên da màu, một La-tinh, một Á Châu, nó nghĩ là một thứ mồi dễ ăn!"

Tôi hỏi:

"Ừ thì biết thế, nhưng tại sao tụi bay lại đồng ý cho nó soát xe?"

"Giỡn! Không cho nó khám nó lại lôi thôi!"

"Lôi thôi gì? Nó làm gì được mày mà mày sợ?"

Carlos cướp lời tôi:

"Mày thật ngây thơ. Nếu nó thò tay vô túi lấy ra một bao bạch phiến (*cocaine*) rồi nó nói là tìm thấy trên ghế sau trong xe tao, có phải chết tao không?"

"Làm gì có chuyện đó!"

"Tại sao lại không? Nó mà thấy tao có thái độ bất hợp tác là nó làm tiêu đời tao luôn." (Chỗ này tôi dịch thoát nghĩa, nguyên văn Carlos nói tiếng Anh là "*Look, if I didn't cooperate he would fuck me over.*")

"Nhưng nó nói gì thì nó nói, còn có tòa xử nữa chứ!"

"Xử thì xử, ra tòa nó vẫn nói láo thì tao làm gì được?"

"Nó nói láo thì nói, chắc đâu nó đã thắng."

"Thí dụ như tòa xử cho tao vô tội, cũng đâu đã sung sướng gì khi bị nhà nước lôi ra tòa. Hơn nữa, bồi thẩm đoàn hay tin cảnh sát lắm chứ!"

"Vẫn biết thế, nhưng tụi mày là dân trí thức, sắp ra luật sư, mày có bằng cử nhân của Harvard, Al thì Berkeley, không lẽ bồi thẩm đoàn không tin mày."

"Mày nghĩ vậy, chứ tao thấy khác. Tao lo là bồi thẩm đoàn sẽ tin người cảnh sát dân địa phương, còn hơn là hai tên da màu ở đâu đó tới. Mang tiếng Los Angeles đã tệ rồi, lại còn học ở thủ đô tội lỗi Berkeley và Harvard. Thế là chết. Mấy anh nhà báo lại được dịp kêu ầm lên rằng thì là 'trí thức cũng dính vô thuốc phiện.'"

Carlos nói có lý. Tôi phải chịu. Cuộc chiến tranh chống ma tuý—*the War on Drugs*—lại nhặt thêm hai nạn nhân đạn lạc.

Đó là hết chuyện ở Mỹ. Hai câu chuyện giống nhau ở chỗ cùng có cảnh sát lạm quyền quấy nhiễu và cùng có đương sự vì lý do gì đó bị cảnh sát ghét (trong trường hợp anh Ân, vì anh có những cử chỉ lạ lùng, trong trường hợp Al và Carlos, vì họ không cùng màu da với người cảnh sát).

Thế nhưng vẫn có người không cho là người cảnh sát Mỹ trong chuyện Al và Carlos đã làm gì sai cả. Họ cho rằng người cảnh sát ấy là một người cảnh sát tận tâm trong nghề, chịu khó điều tra một vụ tình nghi. Nhưng nếu nói vậy thì lúc công an Việt Nam lục soát đồ đạc anh Lê Hoàng Ân, chẳng phải họ "tận tâm điều tra" hay sao?

Tôi lại nhớ đến vụ Rodney King bị cảnh sát Los Angeles đánh. Đã có biết bao nhiêu người góp ý rằng những người cảnh sát ấy vô tội vì nếu ông Rodney King đừng cưỡng lại cảnh sát thì đã chả bị đánh! Nói như vậy thì chẳng lẽ là anh Lê Hoàng Ân có lỗi vì đã cưỡng lại những hành động vô lý của công an? Ai ai cũng phải như Al và Carlos, ráng nhịn khi dân quyền bị cảnh sát vi phạm?

Có lần tôi đọc một bản án, tội nhân tên là Ramirez, chắc hẳn là một người gốc La-tinh. Trong bản án ấy quan tòa ghi là ông Ramirez đang lái xe thì cảnh sát bắt dừng lại vì ông Ramirez trông giống "týp" người buôn ma tuý ("*fit the profile of a drug dealer*"). Tôi thắc mắc, cái "týp" đó là gì? Một thanh niên La-tinh lái xe đẹp? Một thanh niên La-tinh lái xe xấu? Một thanh niên gốc Á đi chung xe với một thanh niên La-tinh? Trong vụ án đó thì ông Ramirez có tội thật. Nhưng trong cơn si mê của cái gọi là cuộc chiến chống ma tuý, có bao nhiêu Al và Carlos bị chà đạp dân quyền vì cảnh sát "tận tâm điều tra" bắt lầm còn hơn bỏ sót?

Các cuộc "Thánh Chiến" thì ở đâu cũng có thể có, dù là Iran (chống tà đạo), Hoa Kỳ (chống ma tuý), hay Việt Nam (chống phản động). Một khi mục tiêu của cuộc Thánh Chiến đã làm lóa mắt mình rồi, thì mình không còn thấy được những sai lầm trong biện pháp áp dụng nữa. Trong những năm đầu của chương trình học tập cải tạo, có một số người miền Bắc thực sự tin rằng đó là một chính sách khoan hồng của nhà nước, có ích cho những người đi cải tạo, vì họ đã tin rằng cuộc nội chiến hai mươi năm là một cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam.

Tôi mong rằng chúng ta đừng vội vã lăn xả vào các cuộc Thánh Chiến của người khác. Tôi cũng mong rằng nước Việt Nam trong tương lai sẽ không bị lâm vào một cuộc Thánh Chiến nào nữa, và mong sao người Việt Nam sẽ cưỡng lại nếu các vị lãnh tụ tương lai lại tìm ra được một Ác Quỷ nào đó để chống lại.■

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Nơi tụ hội của văn nghệ sĩ thuộc mọi bộ môn (nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trình diễn, văn chương và học thuật): Phòng triển lãm, quầy sách báo, phòng hội thảo, sân khấu bỏ túi...

Hội viên* được đọc sách báo Việt, Anh, Pháp (tại chỗ) miễn phí; mua các sản phẩm và dịch vụ của Hội được bớt 10%. Uống cà-phê, nghe nhạc, và chuyện trò với bạn bè trong không khí văn nghệ, thanh lịch, và ấm cúng.

11022 ACACIA PARKWAY #A,
GARDEN GROVE CA 92640 USA
(góc đường Main, gần ngã tư Euclid và Garden Grove, đậu xe ở Public Parking phía sau — vào lối đường Main.)
TEL (714) 638-9510.
FAX (714) 638-1944

* Hội viên đóng niên liễm $30.00 (sinh viên và cao niên $20.00). Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 nhập Hội được trừ 10% trên tiền mua báo.

MƯA VÀ BỐN NGƯỜI ĐÀN BÀ NGHE THƠ

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Trời mưa, trong căn nhà kiếng trông ra vườn cây, bốn người đàn bà đang nghe thơ. Trời mùa hè mát lạnh, cái lạnh gây gây khiến mọi người rùng mình dễ chịu. Ngoài kia mưa vẫn rì rào, rơi rơi. Bây giờ họ đã đọc sang bài thơ thứ tư của hai người trước và người thứ ba đang hắng giọng, nhấp thêm một ngụm cà phê, thứ cà phê trong suốt đen quánh rót vào những chén tách bằng sứ men xanh, màu xanh thanh nhã lờ mờ những dấu hoa văn vàng chạm nổi. Nơi các miệng tách vướng những vệt son mờ đỏ ửng. Người thứ ba hơi khẽ nhăn mặt vì cà phê đến cốc thứ hai đã bắt đầu nghe mùi đắng, hay là thôi, chẳng nên đọc thơ nữa mà tốt hơn, có lẽ nên lấy cái bút nguệch ngoạc đôi hàng?

Mấy câu thơ viết thầm trong trí phân vân, trong khi miệng lại đọc một bài thơ khác, khiến giọng đọc thơ của chị không được tập trung cho lắm, nghe ra như có vẻ ngơ ngẩn mất hồn. Nhà thi sĩ chủ nhân tinh ý đoán chừng cử tọa đã mệt mỏi và hơi buồn ngủ, nên chị vội chuyển để tài sau khi giọng ngâm rời rạc kia vừa dứt:

"Bây giờ chúng ta nghỉ một lát, ăn trưa nhẹ, rồi sẽ trở lại, có lẽ ai nấy đều đã đói lắm rồi..."

Bốn người đàn bà đều nghĩ thầm tương tự như nhau (như những người tuy tuổi tác, bề ngoài, vóc dáng không có gì giống nhau, đôi khi trong một phút bất ngờ nào đó, ý nghĩ họ lại bỗng đụng đầu nhau):

"Hằng hai tháng mới gặp nhau, không dễ gì có lần gặp lại dễ chịu như thế này!"

Bầu không khí bỗng nhiên yên lặng đột ngột. Cả bốn người đàn bà cùng yên lặng nghe mùi hương cây cỏ xông lên, dường như là mùi gỗ mục, dường như là mùi hoa úa, trong khi tiếng mưa vẫn thì thầm

róc rách đệm nhạc cho những dòng thơ nghe thầm lại của mỗi người. Nỗi say mê thầm kín thơ của mình, nỗi say mê gần như nghẹt thở khiến mỗi lần nghe thơ mình đọc lên, cho dù là do chính mình hay bất cứ ai đó đọc, cả bốn người đàn bà đều cùng nghe trái tim mình đập mạnh, luống cuống, hẫng đi ba bốn nhịp. Mặt mọi người bỗng đỏ đỏ lúc đỏ đỏ lúc xanh. Có người ngâm nga như hát, có người đọc rì rầm như tiếng cầu kinh, người khác thì lại chậm rãi nhấn từng câu từng vần...

Câu chuyện trao đổi trong buổi ăn trưa rời rạc không liền vào nhau được, có lẽ vì mỗi người đang mải mê theo đuổi những ý tứ riêng tư. Tiếng nhai thức ăn nhỏ nhẻ, mọi người đều thanh lịch giữ gìn, tiếng muỗng nĩa chạm vào nhau khe khẽ, hình như cũng gây ảnh hưởng ít nhiều tới cách ăn uống im lặng của người chồng của nhà thơ nữ chủ nhân.

Thi sĩ chủ nhân có lẽ tính toán đúng, vì sau bữa ăn mọi người nom có vẻ tỉnh táo hẳn ra. Và bây giờ là thời gian sẵn sàng để đón nghe đọc thơ chị. Bao giờ cũng vẫn là bắt đầu bằng cách từ chối một cách lúng túng cố hữu, các bạn thơ khác phải lên tiếng nài nỉ đôi ba phen và có lẽ bỗng dưng mọi người đều nghĩ thầm và đều thấy mọi sự kỳ cục, nên lại càng ra sức năn nỉ. Bài thơ có những câu thơ dài làm chị gần như hụt giọng, chị lúng túng thì thầm đọc lại, rồi cười một tiếng nhỏ trong cổ họng như để phân bua tạ lỗi.

Chín bài thơ của bốn người đàn bà làm thơ được chia nhau không đều, hai người trước đọc bốn bài, hai người sau đọc năm bài, nhưng thực sự thì vẫn y nguyên là bốn thế giới riêng biệt. Mọi người mơ hồ nghe người khác đọc, hát, nói, rồi ngâm. Kinh nghiệm chung của bốn người đàn bà trong nhóm là mỗi khi vừa tự đọc lại thơ mình trước nhóm vừa lắng nghe, mỗi lần đọc là mỗi lần họ lại ngạc nhiên không hiểu cái

VI KHUÊ

TÔI RA THÀNH PHỐ BIỂN

Thành phố biển như ngọc trời rắc đổ
Nhà chen nhau xúm xít tự sum vầy
Chim chẳng hẹn cũng theo về hội tụ
Trên cây-cầu-xuôi-ngược lá không bay

Lá không bay vì Thu nào đã tới
Chỉ hiu hiu thầm gió lén mơn hoa
Nghe mát lạnh cả hoa đồng cỏ nội
Giữa trời xanh sơn thủy với giang hà

Lá không bay, nhưng những con diều giấy
Thả đầy trời chới với giữa không trung
Kéo theo cả rùa cua nghêu cóc nhái
Làm trẻ con túa lại nhảy reo mừng

Đường ra biển những vai trần cháy nắng
Những chân trần công chúa lót trân sa
Những màu nâu ướp thắm thịt da ngà
Và áo tắm: bướm vàng xanh trắng đỏ...

Nước thì xanh, xanh màu xanh ngọc bích
Đại dương vào, cuồn cuộn với phong ba
Sỏi nằm sấp dưới sâu, nào thấy bến
Thấy bờ đâu. Trời biển vốn bao la!

Im lặng quá dưới mặt trời hiển lộng
Tưởng chừng như không một tiếng động nào
Đàn trẻ Việt cố tìm không thấy bóng
Con dã tràng (nghe chuyện kể từ lâu)

Chim hải âu từng đàn bước chậm rãi
Như triết nhân suy gẫm chuyện đời dài
Cứ chốc chốc gật gù. Chim đứng lại
Mổ mồi ngon. Rồi đứng lặng yên nhai.

Lòng phố thị — một con đường thẳng rộng
- Vịnh bên này biển lớn ở bên kia -
Có tất cả nhu cầu cho sự sống
Của người đi ra biển mốt mai về...

*

Một phố biển trong trăm ngàn phố biển
Một bình yên trong vạn nỗi bình yên
Người bạn Mỹ cười trên trang sách mở:
"Mai ta về... lại khổ với đời điên!"

Mây trắng đục lặng lờ trôi, biến mất
Nước một màu bên lớp sóng bạc đầu
"Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc"
Câu thơ Đường ai viết đã thiên thâu...

Thành phố biển
Ocean City
17.8.94

tứ thơ ấy của riêng mình nó đến lúc bất chợt nào, thật lạ lùng, thật ngơ ngẩn và thú vị một cách dễ chịu. Những nỗi khúc mắc tự tạo của cuộc đời, một mối tình xa xưa cứ duy trì vương vấn như chút hương tàn còn vướng vất cánh hoa khô, những nẻo đường vòng vèo, vắng vẻ, vật vờ, mất hút trong trí nhớ bỗng hình như cục cựa. Trí tưởng tượng bỗng như say ma túy và dường như đang được kích động.

Mưa vẫn dịu dàng rơi, những cơn mưa hè khi không đi với những cơn sấm động thường vẫn luôn luôn là những cơn mưa hiền lành dễ thương. Và cái nhu cầu đến với nhau đôi khi, đọc cho nhau nghe những bài thơ dù cũ dù mới của bốn người đàn bà mơ mộng, với sự hiện diện đầy đủ của chồng con bên bốn cuộc đời lặng lờ chấp nhận, (đôi khi người đàn bà có giọng đọc thơ như tiếng cầu kinh cũng có mơ màng đến bất toàn như một vị chua đáng thèm nhưng rồi lại rùng mình ê ẩm) cũng dễ thương nhè nhẹ như những cơn mưa.

Người chồng của nữ thi sĩ chủ nhân, người đàn ông duy nhất im lặng tham dự những buổi nghe thơ một cách chăm chú và khiêm tốn nhất cũng chính là người thu được nhiều lợi nhuận nhất trong các buổi họp mặt. Vốn là con người học khoa học, ông không mấy quan tâm nghiên cứu thơ và cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc làm thơ, ông vừa chăm chú nghe ngóng những giọng đọc khác nhau của các bà mỗi người mỗi vẻ, vừa ngắm nghía vẻ mặt hồng hào hạnh phúc của vợ mình lẫn các bạn gái của bà. Có một cái gì xinh xắn, ngộ nghĩnh quá đỗi, giống như bầy gà mái con đỏ con vàng bên vườn hàng xóm xúm xít, rỉa lông, vỗ cánh, sởn sơ làm dáng, rồi khe khẽ kêu lên cúc cúc cúc, người chủ nhà gà trống như ông thật cầm lòng không đậu.

Buổi nghe thơ như thường lệ chấm dứt ở những bức hình lưu niệm. Bốn người đàn bà nghiêm trang nhìn thẳng vào máy ảnh không chớp mắt, những bàn tay có những ngón tay trắng muốt lấp lánh những chiếc nhẫn ngọc màu xanh đỏ bao giờ cũng thân ái khoác lên vai nhau. ■

7/94

NHỮNG TIA LỬA THƠ BẮN RA TỪ CƠN MÚA THÁNH

Giới thiệu thơ Jalal al-Din Rumi (1207-1273)

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

Thi hào Ba Tư được thế giới Hồi Giáo xưng tụng là tôn sư Rumi, Mevlânâ Rumi, Mevlânâ có nghĩa là tôn sư, Rumi là "Roman" chỉ địa danh vùng Byzantine khi xưa. Ông da dẻ xanh xao gầy yếu, chỉ có cặp mắt sáng mạnh như thôi miên, ưa mặc áo thụng xanh và quấn khăn mầu xám.

Con người ăn nói nhỏ nhẹ này đã để lại cho hậu thế vài ngàn bài thơ viết theo thể tứ tuyệt Roubayat rất thịnh hình thời đó, và nếu Đại tuyển tập Mathnavi được gọi là bộ kinh Koran của tiếng Ba Tư (gồm sáu cuốn dài cả thơ lẫn văn), thì Đại bộ DIVAN TABRIZ gồm trường thi trữ tình (odes) và nhất là tứ tuyệt, mới thật sự phản ảnh trái tim thi nhân, tự do phóng khoáng, không bờ không bến.

Nhưng Rumi không dám ký tên thật trên Đại bộ DIVAN TABRIZ mà lại đề tên Tabriz, một du sĩ (derviche errant) mà ông đã hạnh ngộ, một tu sĩ đã đốt cháy lên ngọn đèn siêu linh trong ông, đã đưa ông vào tông môn Sufi, một phái Hồi giáo "áo len" (Suf là tấm áo giản dị khoác trên mình tín đồ) thường bị phe chính thống lên án.

Tông phái Sufi là tất cả nguồn cảm hứng của Rumi và gia đình ông. Vì theo đạo Sufi nên cha ông bị phái Hồi giáo chính thống đuổi ra khỏi quê hương Balkh, cả gia đình phải di cư sang mãi Konya, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Rumi sống ở đây, thay cha giảng đạo và chết ở đây năm 1273.

Một tâm hồn thơ như Rumi tất không thể gò bó trong giáo điều chật hẹp, ông tìm thấy trong môn phái Sufi những nét nhân bản tâm linh, huyền diệu và thanh khiết. Môn phái Sufi chống lại giáo lý duy lý, đề cao thể nghiệm cá nhân như là pháp môn nối kết với Thượng đế. Trong Sufi có những dấu ấn của truyền thống Zarathushtra, của Ky tô giáo, của triết lý Vệ đà Ấn Độ... và rất có thể của Phật giáo, cũng có các tu sĩ đi du hành như khất sĩ Phật giáo, cũng có tu viện để tập thiền (meditation), tập sống khổ hạnh, từ bỏ thế tục để hòa điệu với siêu linh qua thánh lễ, thánh ca và nhất là múa thánh: các tín hữu múa luân vũ quanh tôn sư theo thế "Luân tinh chầu nhật", múa tới lúc hồn và xác nhất thể thăng hoa nhập một với thánh thể. Đây chính là cơn say sưa của tâm hồn, cơn lên đồng của xác thịt, để con người bốc từ thế gian lên thiên giới.

Những vần thơ của Rumi là những tia lửa xẹt ra từ cơn say sưa lên đồng ấy. Nó là tình yêu cuồng nhiệt, là say đắm thân xác, là hiến dâng, là tình thương lý tưởng, là cơn mê trừu tượng thiên đình, là hoan lạc, là gặp gỡ, là chia ly... là đôi môi ngọt như mật, là áng tóc huyền hoặc... "tình yêu là yếu tính của con người, nó làm các nguyên tử nhẩy múa gây giông tố đại dương..."

Đối với Rumi, cái tiểu ngã là tình yêu và cái đại ngã cũng là tình yêu... "là một đại dương không bờ mé, từ một con sóng đẻ ra muôn ngàn con sóng... có khi gọi là rượu, rượu vô hình, có khi gọi là ly say, có khi gọi là cạm bẫy, có khi gọi là con mồi..." Phối hợp giữa tiểu ngã Yêu và đại ngã Yêu tạo thành Thiên đường, chia cắt giữa tiểu và đại là Địa Ngục, là tan vỡ nguồn sống huyền diệu của vũ trụ.

1646 bài tứ tuyệt đã được con cháu của thi hào cho in lại vào năm 1894. Dịch giả Assâf Hâlet Tchélébi đã tuyển dịch 275 bài sang Pháp ngữ năm 1946 ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ để giới thiệu với Âu Châu.

Chúng tôi phỏng dịch sang Việt ngữ vài bài tiêu biểu, sau khi đối chiếu với các bản Anh ngữ của R.A. Nicholson, J. Kritzeck và H.A.R. Gibb.

*
* *

Hỏi ống sáo, cớ sao than
Người không có lưỡi kêu van thế nào?
Sáo rằng người ở chặt trúc cao
Ta xa cây mẹ đời nao nao buồn.

Đêm rằng ta bạn tửu đồ
Cố tri của trái tim thờ lửa men
Ví dù số mệnh đánh ghen
Không tình, Thần Chết ta bèn tới ngay!

Biển dâng giông bão ái tình
Mây kia rắc ngọc xuống hình bóng ai
Tình em sấm sét địa đài
Bốc lên làn khói Thiên Thai bay về.

Khuyên giải ích chi khi ta đã mê tơi trong tình yêu, kẹo đường ích chi, khi ta đã nếm chất độc ân ái, có kẻ nói:

"Hãy cột chân hắn lại"
— Con tim lồng lộn cuồng điên, buộc gót ích cho ai!

*

Dường như không phải mùa Xuân, có lẽ chỉ là mùa mới,
mắt thế nhân, nỗi hoan lạc niềm riêng,
cỏ cây nhảy múa nhịp thiêng
mỗi một cành giữ thăng bằng không ngả không nghiêng.

*

Ngàn mũi dao tình ái
đâm vào tâm mạch
để lấy ra
chỉ một giọt tim ai!

*

Một lần say hỏi tôn sư đâu tá
lằn ranh nào giữa Có và Không?
Tôn sư: "Con hãy yên lòng
Thoát qua bể khổ thấy dòng Hữu, Vô"

*

Từ hư vô
đoàn lạc đà chuyên chở tình yêu khởi hành
Men Hợp Hòa
đốt muôn thuở đêm nay
Ly rượu say Đạo Yêu không cản cấm
Uống mềm môi tới tận sáng Hư vô!

*

Tấm thân trần tục này là ánh sáng linh diệu
Thiên thần giận ghen vì chói sáng quang minh;
Loài quỷ sứ có khi tránh xa sợ hãi
Cũng trong ta ô trọc chửa thân mình!

*

Ta say hồ mắt yêu tinh
Sao em nỡ chặn bước tình khát khao
Ta chưa thỏa thích môi đào
Xin em hãy đắm ta vào suối tiên.

Je suis ivre de ton regard sorcier,
Pourquoi me repousses-tu, quand je viens dans ton quartier?
Je ne me rassasierai jamais d'y tremper mes lèvres;
Mieux vant que tu me jettes dans ton ruisseau. ■

Mùa Hè Lửa Đỏ 1994

Địa chỉ mới! Địa chỉ mới!
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE, CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

ĐOÀN NHẬT

TƯỞNG NHƯ

Tưởng như đi xa mãi
Tưởng như không trở về
Tưởng bỏ cuộc mê mải
Rời giọt lệ lê thê

*

Tưởng trời đã tuyệt tích
Ở tận cùng mung lung
Tưởng đất đã tịch mịch
Ở nắng gió cõi không

*

Tưởng mọi điều không thật
Tình ảo ảnh hão huyền
Tưởng thâu thôi chất ngất
Hồn cũng thôi tỉnh điên

*

Tưởng nỗi đau trong suốt
Không thấy lối đi về
Ngày quạnh hiu phía trước
Tưởng là cõi u mê

*

Tưởng ngủ dưới chân cỏ
Thở bằng nỗi vô cùng
Tưởng như nghe rất rõ
Tiếng người gọi rưng rưng...

LÊ THỊ THẤM VÂN

LÀ EM

Này anh,
Em không phải nói rằng em yêu anh
Em không phải nói rằng em nhớ anh
Em không phải nói rằng em cần anh
Mà em sẽ,
Làm cho anh yêu em
nồng nàn, say đắm
trên từng ngày
còn lại
đời anh
ở trần gian này.

BỐ CON

TRẦN MỘNG TÚ

Đạt không muốn tham dự tí nào vào cuộc leo núi ngày hôm nay nhưng cũng phải đi. Chú Dũng đã bỏ ra cả ba tuần lễ để sửa soạn cho cuộc leo núi của cả bốn người. Đạt, chú Dũng, Bố và Bác Phan (bạn của bố). Sở dĩ có cuộc đi chơi chung ngày hôm nay là do ý tốt của chú Dũng. Chú muốn cho Bố con Đạt có dịp làm lành với nhau, thông cảm nhau hơn, nhất là trò chuyện cùng nhau. Vì không trò chuyện thì làm sao mà thông cảm được.

Đạt 25 tuổi, anh đã dọn ra ở riêng cả mấy năm nay rồi. Anh ít khi ghé về thăm nhà, trừ những ngày giỗ, ngày tết chú Dũng gọi, kéo anh về. Vào những ngày thường nếu có muốn về thăm mẹ thì anh cố tìm những lúc bố vắng nhà, anh tránh không muốn gặp mặt bố, tránh nghe những lời đay nghiến, trách móc (hơn là dậy dỗ). Mẹ anh rất buồn nhưng bà gần như bất lực trước cả chồng, lẫn con. Bà chẳng khuyên bảo được gì cả và chẳng ai chịu nghe bà. Mỗi lần Đạt về bà không dám nói nhiều vì sợ Đạt lại tránh nốt cả mẹ mà không về nữa. Rồi mỗi lần bà khuyên chồng nên chiều theo ý con thì ông Tâm lại giận bà suốt mấy ngày. Thật ra giận bà chỉ là một cái cớ để ông trút ra cái giận với chính mình là bất lực với con trai. Ông đặt bao nhiêu kỳ vọng vào con, ông sang Mỹ cũng vì con nhiều hơn là vì mình, ông muốn Đạt học hành đến nơi, đến chốn theo tiêu chuẩn của ông, ông không muốn Đạt thành một ca sĩ như Đạt đang là bây giờ. Mỗi lần ông nói:

"Con có biết ca hát là vô loài không? Người mình không ai trọng cái nghề này cả."

Đạt luôn luôn cãi lại:

"Quan niệm của Bố là một quan niệm Việt Nam cổ xưa rồi. Ở Mỹ nghề nào cũng trọng cả. Ca sĩ còn kiếm nhiều tiền hơn bác sĩ, còn được hâm mộ yêu mến hơn luật sư, kỹ sư."

Ông Tâm giận run người, ông đã nhìn thấy cái mầm mống (mà ông cho là) hư đốn của Đạt ngay từ khi Đạt còn ở Trung học. Đạt thông minh nhưng không chuyên cần về học hành, anh chỉ cốt sao học cho đủ điểm trung bình, thời gian còn lại anh hát xướng với bạn bè, học đánh trống, đánh đàn. Trời phú cho Đạt tiếng hát hay, anh hát cả ngày như con chim, anh hát lúc ăn, lúc đi ngủ và ngay cả trong lúc học. Năm anh học lớp 11 Bố anh gọi anh ra nói:

"Khi bố còn trẻ, bố thi Tú Tài I, Tú Tài II bố đều đậu hạng Bình, như thế có nghĩa là khi con tốt nghiệp Trung học, con phải xếp hạng nhất, nhì, hạng danh dự trong lớp, vì con là con của Bố."

Rồi ông nói thêm:

"Thông minh như con thì phải học cái nghề nào cho nó đáng một chút. Bố nghĩ là con nên học Y khoa hay học Dược khoa như bố trước kia."

Đạt chỉ vâng dạ cho xong để khỏi phải nghe Bố giảng dậy thêm nhưng trong thâm tâm anh anh luôn luôn phản đối, anh tâm sự với chú: "Con không phải là bản sao của Bố con, con không cần phải đứng đầu lớp, con đủ điểm ra trường là tốt rồi. Tại sao Bố con cứ phải bắt con học giỏi như hồi Bố con còn trẻ. Nếu những giấc mơ làm luật sư, bác sĩ của Bố con ngày xưa ở Việt Nam không thực hiện được vì một lý do nào đó thì cũng không phải là một cái cớ để bắt con thực hiện hộ Bố bây giờ. Trời cho con giọng hát, con chỉ muốn hát, con không muốn làm việc ngoài khả năng của con."

Đạt ra trường với một số điểm khiêm nhường vừa đủ. Anh chưa muốn tiếp tục vào Đại Học ngay bây giờ, anh 18 tuổi rồi, anh có quyền lựa chọn. Anh đi theo những ban nhạc nhỏ địa phương hát cho những nhà hàng ăn Mỹ có ca nhạc giúp vui, hát cho những ban nhạc Việt Nam, ở các đại hội, dạ vũ, đám cưới, đám tiệc. Anh ghi tên tham dự các cuộc tuyển

lựa ca sĩ và anh trúng tuyển. Tên anh được nhiều người biết đến, ái mộ. Thế là ông Tâm từ con, ông không muốn nhìn mặt con nữa. Đạt dọn ra ở riêng với bè bạn. Bao nhiêu giấc mộng lớn, mộng nhỏ của ông Tâm kỳ vọng ở con, bỗng tan ra thành mây bay theo, biến mất vào tiếng hát của Đạt.

Đem vợ con sang Mỹ ông chỉ mong cho Đạt lớn lên, có một chút công danh với đời, cái công danh mà ông không thực hiện được cho cá nhân của mình khi còn trẻ. Vì hoàn cảnh gia đình thanh bạch, ông đang học Dược năm thứ ba thì cha mất, ông phải bỏ học, đi làm phụ với mẹ nuôi một đàn em, rồi ông bị động viên, cho dù ông có làm đến "chức Tá" trong quân đội đi nữa thì ông vẫn không được xếp vào hàng khoa bảng trí thức, đó là một điều ông ấm ức suốt cuộc đời ông. Nếu bây giờ Đạt có được cái nhãn hiệu bác sĩ, luật sư thì ông ít ra cũng thỏa mãn được phần nào cái giấc mơ ngày xưa của mình. Làm bố một ông bác sĩ không vinh dự bằng trăm lần làm bố một anh ca sĩ hay sao? Ông đâu có cần Đạt phải kiếm được thật nhiều tiền bằng cái nghề tàn mạt đó. Rồi mười, hai mươi năm nữa, liệu Đạt còn tiếng hát trong trẻo như bây giờ để tiếp tục cái nghiệp cầm ca hay không? Ông đã thấy cảnh các ca sĩ về già rồi. Làm sao mà giữ được cái thanh âm réo rắt của một con suối đã cạn nước chỉ còn trơ lại những tảng đá thời gian!

Chú Dũng của Đạt thì khác hẳn người anh, ông quan niệm công danh một cách nhẹ nhàng, có cũng được, mà không cũng chẳng sao, miễn mình thấy hạnh phúc trong cái môi trường mình đang sống. Ông Dũng lại có một chút máu văn nghệ trong người, ông làm dăm ba bài thơ đút túi, gặp bạn bè thì lấy ra bắt bạn phải nghe, nghe rồi khen hay chê cũng được nhưng phải ngồi im nghe ông đọc hết bài thơ đã. Ông bảo bạn:

"Có khi bạn nghe cả bài thơ chỉ có một câu bạn thấy được, rồi trông câu đó chỉ có một chữ hay. Vậy bạn phải nghe cho hết bài đã, chứ vừa nghe mấy câu đầu thấy thường thường bạn đã chê ầm lên rồi thì đâu có được."

Ông Tâm quý em nhưng không hợp với cái tính nghệ sĩ của em, ông khen một cách châm biếm:

"Cả bài thơ của chú ấy, chỉ có một chữ hay, đó là chữ 'gàn' ".

Nhưng ông biết con ông và em ông thân với nhau nên ông đành xuống nước nhờ em:

"Nó nghe chú hơn nghe cha, chú phải khuyên nó bỏ nghề hát xướng, đi học lại cho tôi."

Ông Dũng phản đối nhẹ nhàng:

"Em sẽ khuyên cháu ghi tên học lại bán thời gian, bỏ học ngay khi mới hết Trung học là một điều không nên, nhưng cháu không nhất thiết phải bỏ nghề hát của cháu. Trời phú cho con chim Hồng, chim Tước tiếng hót hay thì anh phải cho nó hót, anh không thưởng thức thì có rất nhiều người thưởng thức."

Ông Tâm đỏ mặt vì tức giận nhưng ông cố dằn xuống:

"Chú biết là nhà mình không có mả làm ca sĩ, nó là con tôi, nó phải có địa vị trong xã hội."

Ông Dũng cười:

"Anh ơi! Địa vị là cái gì? Chẳng qua chỉ là những kẻ háo danh đem xưng tụng, tặng lẫn cho nhau mà thôi. Nghề nào cũng có cái cao trọng riêng của nghề đó. Cái xã hội được hoàn thành nhờ tất cả mọi tầng lớp trong đó chứ không riêng một cá nhân nào. Ông Bác sĩ cũng cần cô y tá, cần thư ký, rồi cần cả ngay đến người lao công. Ông chủ xây cất thì cũng phải cần đến thợ hồ, thợ mộc, thợ điện v.v... Họ phải nương dựa vào nhau thì mới làm trọn được công việc từ khởi sự cho đến hoàn thành. Làm xong công việc thì cũng phải đi ăn, đi chơi giải trí. Lúc đó họ đi tìm nhà hàng để thưởng thức những món ăn ngon (cám ơn người đầu bếp, người dọn bàn), đi tìm đến nhạc hội, đến phòng trà để nghe tiếng đàn tiếng hát (cám ơn người ca sĩ, nhạc sĩ). Nhờ những phút giải trí đó mà họ phục hồi được những lao tâm lao lực sau những lúc làm việc vất vả. (Hơn thế nữa tiền bạc cũng nhờ đó mà luân lưu từ tay người nọ đến người kia). Em thử hỏi anh nếu không có những người thợ phụ thì bằng cách nào người thợ chính hoàn tất công việc của mình một cách tốt đẹp được."

Ông Tâm bực tức cãi ngang:

"Được, chú cho con chú làm thợ phụ, làm lao công, làm đầu bếp, làm ca sĩ. Thằng Đạt nhà tôi phải là thợ chính, nó không chịu học làm bác sĩ, dược sĩ như tôi muốn thì ít ra nó cũng phải làm ông kỹ sư hay ông thầu khoán. Tôi nhất định không chấp nhận một thằng con ca sĩ. Một là nó gọi tôi bằng cha, hai là khi tôi chết, tôi không cho nó về nhìn mặt, thế thôi."

Ông Dũng vẫn từ tốn trước cơn nóng giận của anh:

"Để em đọc cho anh nghe một đoạn thơ này

Những đứa con của anh không phải là của anh đâu

Chúng là những đứa con của chính cái đời sống cưu mang chúng

Chúng đến (với thế gian) qua anh chứ không phải bởi anh

Mặc dầu chúng ở bên cạnh anh nhưng chúng không lệ thuộc vào anh

Anh có thể cho con anh tình yêu của anh nhưng không thể cho chúng tư tưởng của anh

Bởi vì chúng có tư tưởng riêng của chúng

Anh có thể cư trú thân xác con anh chứ không thể ẩn trú linh hồn của chúng

Vì linh hồn chúng (sẽ đến) ở riêng trong căn nhà của ngày mai, mà nơi đó anh không thể nào ghé vào thăm được, ngay cả trong những giấc mơ của anh

Anh có thể cố gắng để hòa đồng với con chứ đừng đòi hỏi chúng phải giống hệt mình

Anh là cái cung, và từ cái cung đó những đứa con anh như những mũi tên sống động được bắn đi (1)

Ông Tâm cắt ngang:

"Xin chú dẹp những câu thơ gàn dở của chú đi, nếu biết thế này thì tôi đã ở lại Việt Nam cho xong."

"Dù anh có ở đâu chăng nữa, mà anh không chịu tìm hiểu con, không chịu tôn trọng quyền tự do cá nhân của con, anh vẫn mất cháu như thường."

Ông Tâm hỏi lại:

"Thế ngày xưa Bố Mẹ mình có phải tôn trọng quyền tự do của mình không? Hay là các cụ bảo sao mình phải nghe tăm tắp."

"Anh ơi! Ngày hôm qua không phải là ngày hôm nay, chứ đừng nói đến ngày xửa ngày xưa nữa.

Và giáo dục văn hóa ở Mỹ không phải là giáo dục văn hóa ở Việt Nam."

Ông Tâm hằn học:

"Thế hóa ra bây giờ chú cũng mất gốc như nó à. Tôi không nói với chú nữa, chú làm sao cho nó ghi tên đi học lại thì chú làm."

Ông đứng phắt dậy, đi vào buồng đóng sập cánh cửa sau lưng. Ông Dũng chào chị dâu, đi về, ông hứa với chị là ông sẽ cố gắng khuyên cháu đi học lại.

Mà ông cố gắng thật, ông khuyên được Đạt ghi tên đi học bán thời gian ở Đại học, nhưng môn học mà Đạt ghi tên lại một lần nữa làm ông Tâm thất vọng. Anh ghi tên vào lớp "Lịch Sử và Văn Hóa Á Đông" khi ông Dũng đến khoe với anh về công lao thuyết phục cháu đi học lại của mình thì ông Tâm chỉ ngồi lặng đi trong ghế. Mộng có con làm Bác sĩ, Dược sĩ của ông không bao giờ còn thực hiện được nữa. Chắc là ông sẽ chết với nỗi ấm ức của mình. Ông tịnh khẩu với vợ con và cả họ hàng. Ông Dũng biết anh giận nhưng cứ lờ đi, ông vẫn cứ đến thăm anh chị. Ngày giỗ, Tết ông mang vợ con ông về, ông đi kiếm Đạt bắt về cùng với vợ con ông. Ông cứ gợi chuyện nói với anh, sai Đạt và vợ con ông săn sóc anh. Ông Tâm không làm cách nào tịnh khẩu được mãi ông đành phải ậm ừ, trả lời dóng một với mọi người nhưng nhất định với con thì không. Ông tránh mắt đi nơi khác mỗi khi chạm phải mắt con. Còn Đạt thì cũng cố gắng không hỏi han cha và chỉ quanh quẩn bên mẹ cho hết buổi. Thật ra Đạt không phải là đứa con ngỗ nghịch muốn làm trái ý Bố nhưng anh mê ca hát quá, anh thấy ngay lúc này mình không thể nào ngưng ca hát được, âm thanh như một con chim nhỏ lúc nào cũng nằm sẵn trong thanh quản anh, lúc nào cũng muốn vỗ cánh bay ra bắt anh phải đứng thẳng lên để hát, làm sao mà anh có thể ngồi xuống, im lặng, tập trung tư tưởng với những công thức khô khan, nhất là Bố anh lại muốn anh học về Y khoa thì không có cách nào vừa gõ nhịp trống vừa thổi kèn mà học được ngành này. Anh nghe chú ghi tên đi học lại (sau cả sáu, bảy năm không đi học) anh chọn một môn học không làm anh nhức đầu mà còn giúp cho tâm hồn anh phong phú hơn. Anh hỏi ý kiến chú Dũng thì được chú ủng hộ anh hết mình. Anh biết là cha anh không vui nhưng anh không thể nào làm khác được. Anh không được trời phú cho cái khả năng đi học cái ngành mà cha anh chọn. Anh tự hỏi trong đầu anh cả trăm lần mỗi khi anh đứng trước gương "Tôi có khuôn mặt và cái mũi của cha tôi, cả cái miệng cười mọi người cũng bảo là của cha tôi. Nhưng tôi, không phải là cha tôi, tôi là một cá nhân riêng, tôi là một phần tử tách liệt ra ngoài cha tôi. Tại sao cha tôi lại cứ bắt tôi suy nghĩ như cha tôi suy nghĩ, bắt tôi yêu thích những điều cha tôi yêu thích, mà quên hẳn đi tôi có tư tưởng và ước vọng riêng của tôi. Cha tôi đâu có phải là một chương sách mà khi đặt lên máy chụp, ấn cái nút chạy ra một bản sao là tôi. Một bản sao, giống y như bản chính từ dấu chấm đến dấu phẩy. Tôi có cá tính của riêng tôi và tôi muốn được tôn trọng. Tôi không có bổn phận phải hoàn thành cái mộng ước mà thời son trẻ của cha tôi không thực hiện được cho chính mình. Bổn phận làm con của tôi là kính yêu ông lúc ông còn trẻ và săn sóc ông lúc ông về già. Tôi không có tham vọng lấy những cái bằng cấp mà trước kia cha tôi không có cơ hội lấy được. Có ai làm ơn cắt nghĩa hộ cha tôi những điều này."

Anh biết là Bố anh rất thương yêu anh, yêu thương một cách quá đáng và độc tài. Ông muốn

THÁI TÚ HẠP

MÊ HOẶC TRẦM HƯƠNG

thả mây cuối phố em qua
vừng trăng trên tóc quỳnh hoa chỗ nằm
lược là vô tận hỏi thăm
hương bồ kết nở trăm năm môi cười
hoa cam hoa bưởi ngậm ngùi
đã xa cố quận một đời viễn phương
bao giờ trầm ngát rừng hương
quế cay nồng tỏa suối nguồn thảnh thơi
ta về hát giữa lệ rơi
đại hồng chung điểm một thời xuân xưa

GIỮA NÚI MÙ SƯƠNG

tưởng rằng ngồi đỉnh núi cao
ngó quanh quẩn đá chiêm bao giữa trần
người hun hút thẳm phù vân
trăng xanh mấy thuở võ vàng suối khe
tiếng chim nào hót nhiêu khê
còn đau xót mãi trời quê giọt sầu
tâm trời vô lượng như nhau
mà sao chỉ thấy một màu tang thương
lên cao giữa núi mù sương
gối lên đá hát vọng tương ngộ về...

VÕ ĐÌNH TUYẾT

ĐÀ NẴNG DẤU YÊU

Thân tặng anh Phạm Xuân Đài
Kỷ niệm ngày ra mắt sách "Hà Nội Trong Mắt Tôi"
14 tháng 8 tại Philadelphia

Chiều con phố tan trường vang guốc nhỏ
Sông Hàn vui Mẹ quẩy gánh qua đò,
Hương nắng ấm nghe từng trong da thịt
Mùi Quê Hương ngào ngạt gió thơm tho.

Đường phượng vĩ qua cầu vồng Thống Nhất
Em đi về áo lụa trắng trinh nguyên,
Anh lính chiến hành quân xa trở lại
Rũ bụi vương hồn dịu mát thiên đường.

Những hàng quán lọ chai nghèo xơ xác
Dáng ai gầy nhưng tình cả đại dương,
Đi qua rồi lòng nặng trĩu xót thương
Mùa chinh chiến mảnh vườn quê hoang phế.

Ngày vẫn thấy Trường Sơn cao sừng sững
Chí kiêu hùng dựng Nước của Tiền Nhân,
Ơn mưa móc nghìn năm từ Sông Núi
Thấm thịt xương nghĩa Mẹ bọc Tiên Rồng.

Đã lâu lắm không về thăm Cố Quận
Cổ Chàm xưa còn nhuộm vẻ điêu tàn,
Đường Quang Trung em đi chiều mưa ướt
Mái trường xưa còn nhớ bước chân hoang?

Đã lâu lắm không về thăm Cố Quận
Bước chân người còn dấu Ngũ Hành Sơn,
Từng bậc đá trăng soi hàng thế kỷ
Vạn mùi hương trầm thoảng ở Miếu Đường!

Đã lâu lắm không về thăm Cố Quận
Tuổi đang xanh nay đã thoáng về già,
Chiều sông Hàn còn lơ lửng tiếng ca
Cô gái nhỏ chèo đò qua bến vắng?

anh phải cắt tóc theo ý ông, mặc những cái quần, cái áo do chính ông mua theo tiêu chuẩn của ông, ông bảo như thế mới nói lên được tư cách của con người. Nhưng đây lại là tư cách của anh. Anh đâu đã đến cái tuổi lúc nào cũng phải chải một đường ngôi thẳng tắp, và mặc áo sơ mi có cổ cứng, rồi phải dắt áo vào trong quần, đi giầy da buộc giây cẩn thận. Tóc anh để dài chấm vai, quần áo anh rộng thùng thình cho thoải mái, và điều này đã làm Bố anh xấu hổ, lúng túng khi phải bất đắc dĩ giới thiệu anh với bè bạn của ông. Đã có lần sau khi người khách ra về anh bị Bố anh gọi ra trách mắng, anh đã nổi giận hét lên:

"Don't judge the book by its cover. (Bố đừng xét đoán nội dung quyển sách qua cái bìa.)"

Cha anh quát to hơn anh:

"Không được nói tiếng Mỹ trong nhà này. Một cái bìa sách lem nhem không bao giờ lại có được một nội dung tốt."

Anh đã nhiều lần ôm mặt khóc nức nở vì cái khoảng cách càng ngày càng thăm thẳm giữa Bố con anh. Khoảng cách giữa Bố con anh là một đại dương mà cái cầu bắc qua để nối liền hai bờ đối với anh nó giống như cây cầu trên vùng nước mặn Puget Sound ở nơi anh cư ngụ. Cây cầu đó có tên là Deception Bridge. Nó lúc nào cũng ở trong một vùng mờ mờ, ảo ảo do hơi nước mặn bốc lên che phủ. Thoáng trông thấy một đoạn của khúc cầu, thoáng biến vào hơi nước, có khi đi trên đó mà tưởng như lái xe lao xuống biển vì không nhìn thấy đoạn cầu trước mặt, rất hiếm khi nhìn thấy cả cái cầu. Không lẽ Bố con anh suốt đời không bao giờ nhìn thấu đáo được lòng nhau! Anh sang Mỹ từ lúc năm, sáu tuổi làm cách nào mà anh có thể nói trôi chảy tiếng Việt khi anh muốn diễn tả một điều gì, những đối thoại thông thường bằng tiếng Việt hàng ngày anh đã tự cho mình là khá lắm rồi. Bố anh có đòi hỏi quá đáng hay không? Hay là lỗi tất cả đều do anh?

*

Ngọn núi Rainier cao 14,000 bộ Anh, chú Dũng dự tính sẽ lái xe từ chân núi lên khoảng 6,000 bộ, rồi sẽ bắt đầu leo bằng chân khoảng 4,000 bộ nữa là đến nơi có thể hạ lều ngủ qua đêm. Muốn leo 4,000 bộ đó phải mất ít nhất là năm tiếng đồng hồ. Từ nhà khởi hành đến chân núi, cho đến chỗ độ cao có thể cắm lều nếu đi từ chín giờ sáng thì sẽ leo lên đến nơi vào khoảng năm giờ chiều. Ngày mùa hạ dài, dư đủ thời giờ cắm lều trước khi mặt trời lặn.

Ngọn núi Rainier có hình dáng như ngọn núi Phú Sĩ bên Nhật, trên đỉnh núi quanh năm có tuyết phủ, lên cao 10,000 bộ nhìn lên khó phân biệt được trên đỉnh núi đó chỗ nào là mây chỗ nào là tuyết. Nhất là về chiều lúc mặt trời lặn, hay là buổi sáng khi mặt trời mọc. Cả ngọn núi như phủ

trong một đám sương hồng. Cư ngụ ở tiểu bang Washington mười mấy năm nay, hầu như năm nào ông Dũng cũng đi leo núi, ông rủ bè bạn, rủ con, rủ cháu cùng đi. Có khi không rủ được ai thì ông đi một mình. Đạt cũng đã hai, ba lần đi với chú, nhưng năm nay, lần đầu tiên ông Dũng rủ được cả hai cha con ông Tâm cùng đi, ông lấy làm hài lòng lắm, mặc dầu ông Tâm vẫn lầm lỳ ít nói, nhất là không nói với Đạt.

Họ lên đến nơi, giở lương khô ra ăn, dọn dẹp cho bằng phẳng một khoảng đất đủ để cắm hai chiếc lều thì cũng vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn. Không ai bảo ai, cả bốn người đều ngưng tay, đứng lên ngắm mặt trời đang từ từ leo xuống núi. Họ đang đứng ở một vị trí mà nhân gian dưới kia không có ai tham dự, nếu nhân gian có nhìn lên thì chỉ thấy bốn người như bốn cây thông nhỏ mới mọc lên ở ngang eo núi. Họ quên cả việc phải cắm lều trước khi trời sập tối, họ mải mê nhìn lên ngọn núi đang từ từ chuyển từ mầu hoàng kim chói chang sang mầu hổ phách trong suốt, rồi từ mầu hổ phách lại đổi sang mầu hỏa hoàng, rồi cứ thế nhạt dần nhạt dần. Mặt trời lúc vừa hạ thấp xuống đỉnh núi một chút thì chỉ to bằng một đóa hướng dương, cái đóa hoa đó càng xuống thấp càng phóng đại ra, bây giờ thì nó giống như một cái mâm đồng treo lơ lửng trong không gian bằng một sợi giây vô hình không biết sẽ đứt xuống lúc nào. Ông Dũng với kinh nghiệm của người leo núi nhiều năm vội thức tỉnh mọi người:

"Chúng ta phải dựng lều ngay bây giờ đi kẻo chốc nữa sẽ không thấy đường."

Mọi người vừa bắt tay vào việc vừa trò chuyện, ông Tâm vẫn là người ít nói nhất. Ông chỉ miễn cưỡng trả lời khi Đạt hỏi ông một điều gì. Đã năm, sáu năm nay rồi ông chẳng thế nào trò chuyện thân mật được với con. Ông nhận lời đi leo núi có cả Đạt cùng đi hôm nay là một điều hy hữu cho cả hai người. Đạt cũng đâu có muốn phải đối mặt với Bố trong một cái không gian bao la mà cái không khí lại vô cùng chật hẹp giữa Bố và con, anh lúi húi một mình cắm cái lều cho anh và chú Dũng, còn chú Dũng thì cắm cái lều cho ông Tâm và ông Phan. Đạt thấy ngứa ngáy trong cuống họng, anh thấy hình như có cánh chim đang vỗ trong thanh quản mình, anh dừng tay, ngửa cổ, cất cao tiếng hát:

Chiều buông, một mình trong cõi vắng cỏ cây cũng u buồn. Đời ta mù mù như sương khói lạnh heo may từng giờ. Còn ai quanh đây với ta ngoài mảnh hồn đã rơi theo chân ngày (2)

Khi anh hát, anh không nhìn thấy điều gì, vật gì chung quanh anh cả. Anh không thấy nét mặt rạng rỡ của chú Dũng, vẻ chăm chú lắng nghe của bác Phan, nét mặt cau lại của bố anh. Anh miên man hát, tiếng hát của anh bay lên tận đỉnh núi rồi tan vào trong đám mây hồng. Con chim Hồng, con chim Tước trong thanh quản anh đang đập cánh bay vụt ra ngoài, nó bay cao quá, anh cứ ngửa cổ đuổi theo cánh chim, anh bước, bước vòng theo sườn núi, anh hát, tiếng hát bay bổng tuyệt vời

Còn ai quanh đây với ta ngoài mảnh hồn đã rơi theo chân ngày.

Bỗng một tảng đá dưới chân anh lún xuống, cả thân người anh chao nghiêng đi, anh giơ tay ra với vào vách núi, anh không nắm được gì cả ngoài một nắm không gian, anh lăn xuống, đá lăn theo anh, tiếng hát của anh biến thành một tiếng kêu thất thanh:

"Chú Dũng!"

Ông Dũng nghe tiếng kêu đầy hãi hùng của cháu, ông lao tới như một mũi tên, ông không thấy Đạt đâu cả, những tảng đá nhỏ vẫn còn lăn xuống theo Đạt, ông ngó theo. Đạt đang nằm kẹt giữa hai vách đá ở một khoảng sâu độ 20 thước, cả nửa người anh, từ bụng xuống gần như chôn kín trong đá, máu chảy đã thấm ra ngoài ống quần, trên ngực anh cũng có một tảng đá nằm hết hai phần ba ngực về phía trái tim, nhưng đầu và mặt anh thì hình như không bị gì cả, anh như nằm gối lên một tảng đá. Ông Dũng định tìm đường bước xuống kéo cháu lên nhưng ông vừa bước thêm một bước nữa thì đá dưới chân ông lại lăn thêm xuống, Đạt kêu vọng lên:

"Đừng chú, chú đừng xuống nữa, đá sẽ chôn cháu mất."

Ông Tâm và ông Phan cũng đã chạy đến nơi khi nhìn thấy Đạt nằm kẹt giữa hai vách đá dưới đó ông Tâm bỗng thấy hai đầu gối ông mềm nhũn xuống, ông khuỵu chân trên mặt đất hỏi em:

"Làm thế nào bây giờ hả chú?"

"Bây giờ chỉ còn cách hai người ở đây với cháu, em sẽ đi xuống chân núi gọi nhờ điện thoại của mấy ngôi nhà dưới đó lấy trực thăng cấp cứu đem cháu lên. Vì tuy chỗ cháu ngã không sâu lắm nhưng mình không xuống được, mình bước động một bước là đá lăn theo."

Ông Tâm hỏi với giọng đầy lo lắng:

"Từ đây xuống chỗ để xe đã mất năm tiếng đồng hồ, lại còn lái xe xuống chân núi, liệu chú về còn kịp không?"

Ông Dũng trấn an anh:

"Em sẽ cố gắng đi thật nhanh, hơn nữa mình leo xuống thì dễ hơn leo lên. Anh và bác Phan tìm cách nói chuyện với cháu."

Ông Dũng nói xong lao ngay xuống núi, không kịp đem theo gì cả, ông Tâm phải nhờ bạn mang hai cây đèn pin chạy theo sau. Hai người đi rồi ông mới thấy nỗi sợ hãi, trống trải bao quanh mình. Ông nằm sát xuống mặt đất, thật nhẹ, sợ đá lăn theo, ông nhoài đầu xuống phía con gọi:

"Đạt ơi! Đạt ơi!"

Tiếng Đạt "Dạ" vọng lên.

"Con có đau nhiều không?" Ông hỏi con rất nhẹ nhàng (ông cũng ngạc nhiên với chính mình).

"Hình như con gẫy cả hai chân bố ạ, máu ra nhiều lắm."

"Chắc không phải gẫy xương đâu con, chỉ dầm dập thôi, họ bó bột vài tháng là khỏi. Tảng đá trên ngực con có nặng không?"

"Nặng lắm bố ạ."

Im lặng một lúc, ông không biết nói gì với con nữa, đã lâu lắm rồi ông không nói với con, bây giờ muốn nói mà không nói được. Ông ngước nhìn mặt trời, mặt trời đã yếu lắm rồi, ánh sáng vàng úa hắt bên sườn núi, ông lo lắng nói xuống với con:

"Để bố đốt sẵn hai cái đèn dầu trước khi trời tối."

Ông đốt được hai cây đèn đem đến gần miệng vực thì trời đã nhá nhem, ánh sáng của hai cây đèn hắt xuống vực lờ mờ. Ông nhìn không còn rõ rệt mặt mũi Đạt

NGUYỄN ANH TUẤN

TIẾNG CHUÔNG CHIỀU

Tôi muốn về thăm phố cũ quê tôi,
Khi tiếng chuông chiều ngân vang trước ngõ,
Những chiếc thuyền câu đánh cá trở về,
Những đứa trẻ thơ chạy ra đón mẹ,
Tiếng chuông chiều sưởi ấm cả thôn quê.

ÁNH TRĂNG THANH

Hôm nay em đến bắt đền anh,
Sao để cho em ngủ một mình,
Tỉnh giấc mơ màng nghe gió thoảng,
Quờ tay chỉ thấy ánh trăng thanh.

TIỄN BẠN

Buồn sao một tối thứ Năm,
Đường ra bến cảng âm thầm tiễn nhau,
Xạc xào gió vuốt cành lau,
Trùng dương sóng vỗ một màu xanh xanh.

nữa, chỉ thấy Đạt cũng giống như một trong những tảng đá bên dưới vực, ông sợ hãi gọi:

"Đạt ơi! Con còn tỉnh chứ?"

Tiếng Đạt yếu ớt vọng lên:

"Dạ, con đây."

Ông Tâm muốn nói với con bao nhiêu điều nữa mà ông không biết bắt đầu thế nào. Ông ân hận cả mấy năm nay không nói với con, những lúc nhìn rõ được mặt con thì chẳng thèm nhìn. Ông chốc chốc chỉ còn biết gọi:

"Đạt ơi! Con còn tỉnh chứ?"

Tiếng Đạt vẫn yếu ớt vọng lên, ông biết là con ông còn sống. Bóng tối càng lúc càng dầy đặc, hai người đàn ông vẫn chưa trở lại, ông Tâm ngước nhìn lên trời cố lắng nghe xem đã có tiếng động của trực thăng đến chưa? Ông nghĩ đến một sự hy sinh đổi chác với Thượng Đế, ông lẩm nhẩm cầu nguyện, mặc cả với Thượng Đế. Nếu như Đạt còn sống trở về bình an với vợ chồng ông, ông sẽ không bắt Đạt phải học hành theo ý ông nữa, ông sẽ cho Đạt tự do trong nghề ca hát của anh, anh chẳng cần phải đậu cho ông mấy cái bằng cao học, tiến sĩ gì cả. Ông lập đi lập lại lời cầu khẩn của ông, chốc chốc ông lại cúi xuống gọi con:

"Đạt ơi! Đạt ơi! Con còn tỉnh không?"

Đạt "Dạ" tiếng "Dạ" rất mơ hồ.

Ông run rẩy, nước mắt ông trào ra, ông muốn làm lành với con trước khi nó chết, ông muốn cho con hiểu rằng ông rất yêu nó, đứa con duy nhất của ông. Ông nhớ đã có lần ông bảo: Thà là không có nó chứ ông không chấp nhận một thằng con hát hỏng. Ông nhớ đã có lần ông bảo: Bao giờ ông chết, ông sẽ không cho Đạt về nhìn mặt. Bây giờ có lẽ con ông đang đi vào cõi chết, ông có được nhìn rõ mặt con đâu! Nước mắt ông lại ứa ra, ruột ông quặn thắt, ông nằm áp sát ngực xuống đất, sát như không thể nào sát hơn được nữa, ông thấy rõ những viên đá nhỏ, sắc đâm qua ngực áo ông, ông nghe cả được tiếng đá dăm lao xạo dưới thân mình ông, ông cúi đầu thật sâu xuống vực:

"Đạt ơi! Con có thể hát cho Bố nghe một bài được không?"

Tiếng Đạt vọng lên yếu ớt nhưng có pha chút thảng thốt, mừng rỡ:

"Hát, hả Bố?"

"Ừ, hát đi con."

Đạt nói nghe như gió thoảng:

"Bố muốn con hát bài gì?"

"Bài gì cũng được con ạ."

Tiếng Đạt từ dưới vực vọng lên:

"Cho tôi lại ngày nào, trăng lên bằng ngọn cau, me tôi ngồi khâu áo, bên cây đèn dầu hao. Cha tôi ngồi xem báo, phố xá vắng hiu hiu. Trong đêm mùa khô héo, tôi nghe tiếng còi tầu... Cho tôi lại tình yêu, tôi không cần khôn khéo, tôi không đòi bao nhiêu. Cho tôi lòng non yếu, dễ khóc dễ tin theo, cho tôi lại ngày đầu.

Cho đi lại từ đầu...

Chưa đi vội về sau...

Ông Tâm mặt đầm đìa nước mắt, lắng nghe từng lời con hát. Tiếng hát bắt đầu rất yếu ớt nghe như từ ngàn xa vọng lại, rồi tiếng hát mạnh như một tiếng chim đập cánh, con chim hồng đang vỗ cánh bay ra (từ thanh quản của Đạt), đôi cánh thanh xuân tràn đầy nhựa sống, tiếng hát véo von, thánh thót, rồi đầm ấm, nồng nàn. Cứ thế tiếng hát bay tung lên miệng vực, bay lan một vùng núi, bay cao, bay cao lên đỉnh núi rồi nó biến vào trời cao. Bầu trời đen sẫm những đốm sao lung linh đến mang tiếng hót của con chim hồng ra khỏi vực, mang lên chín từng mây. Từ nay chim tha hồ ca hát không còn vách đá nào ngăn lại được.■

Tháng 8/94

1. Kahlil Gibran, tmt lược dịch
2. Từ Công Phụng
3. Kỷ Niệm — Phạm Duy

CÔ BETSY

NGUYỄN ANH TUẤN

Vào một buổi sáng mùa Xuân ở London, tôi nhận được một cú điện thoại của một người chưa hề quen biết. Người con gái này tự giới thiệu là Betsy, một cô gái Mỹ vừa vượt Đại Tây Dương sang London, Anh quốc. Cô ngỏ ý muốn học tiếng Việt Nam với sự hướng dẫn của tôi. Buổi đầu gặp gỡ, cô đã nói chuyện rất cởi mở về mục đích học tiếng Việt của cô.

Cô nói: "Ông biết tôi sang Anh làm gì không?" Dĩ nhiên là cô chỉ hỏi lấy lệ và cô tự trả lời ngay: "Tôi sang London để lấy chồng!" Riêng câu chuyện mở đầu ấy đã chứng tỏ cô là một cô gái Mỹ một trăm phần trăm. Con gái Anh ít có ai nói như vậy với một người vừa quen biết, thứ nhất người đó lại là một người nam giới nước ngoài.

Cô bắt đầu học tiếng Việt với tôi ba ngày một tuần. Và mỗi lần đến học cô lại tâm sự với tôi về cuộc đời cô trong những lúc nghỉ giải lao uống cà phê. Cô kể:

"Tôi là một người Mỹ gốc Do Thái ông ạ. Ông bà tôi là người Do Thái chạy tị nạn từ Đức sang Mỹ. Cha mẹ tôi và chúng tôi sinh trưởng ở Mỹ. Tôi là người Do Thái mất gốc vì tôi không biết nói tiếng Do Thái, tôi cũng không theo phong tục tập quán người Do Thái. Tôi là Mỹ một trăm phần trăm nên tôi không dám làm quen với cộng đồng người Do Thái. Họ ghét những ai mất gốc như tôi."

"Ở London, cô có đi qua vùng dân cư của người Do Thái ở Hackney bao giờ không? Tôi vẫn thấy các ông thày tu người Do Thái đi hành lễ, và người Do Thái có cái gì đó rất dễ nhận ra." Tôi nói.

"Vâng, tôi cũng biết ở Hackney có cộng đồng người Do Thái nhưng không dám vào và không dám nhận mình là gốc Do Thái. Vì họ sẽ khinh tôi chứ không quý trọng gì đứa con mất gốc của dân tộc. Tôi rất buồn về chuyện đó. Nhưng biết làm sao được."

"Một số trẻ em Việt Nam của chúng tôi cũng đang ở trong tình trạng như vậy. Khi mới đến nước Anh, có những cha mẹ đã không chú ý bảo vệ văn hóa dân tộc, cho rằng sống ở nước Anh thì chỉ cần giỏi tiếng Anh, nên lơ là không giáo dục con em học lễ giáo và văn hóa dân tộc. Nên có một số cháu bây giờ thành những tây đầm tóc đen mũi tẹt. Anh chị em chúng cãi nhau bằng tiếng Anh và bố mẹ ngồi trơ ra không hiểu gì cả."

"Gia đình tôi thì lại khác. Ông bà tôi thỉnh thoảng lại tâm sự với nhau bằng tiếng Do Thái và các con cháu ngồi vểnh tai lên nghe mà chẳng hiểu gì cả."

"Cô có tự hào khi thấy người ta nói rằng dân tộc Do Thái là dân tộc thông minh vào bậc nhất trên thế giới không?"

"Dân tộc nào cũng có người thông minh, cứ gì là dân Do Thái. Nhưng cái mà chúng tôi quan tâm hơn là xem họ chê mình cái gì để sửa chữa. Chứ không phải muốn nghe người ta rót đường vào tai để rồi điếc đặc."

"Tôi nghĩ dân Do Thái rất đoàn kết và rất thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu vì sao người ta rất thành kiến với dân Do Thái. Và trong lịch sử đã diễn ra những cuộc khủng bố giết hại người Do Thái. Thật là tàn nhẫn và khủng khiếp."

"Họ ghét người Do Thái vì họ cho rằng người Do Thái tinh ma, quỷ quyệt."

"Cô nghĩ như thế nào về định kiến đó?"

"Vì người Do Thái rất giỏi kinh doanh và rất cần cù, thực tế nên họ đã thành đạt. Nhiều người trở thành giàu có. Trong lúc đó họ lại không có tổ quốc, nên họ rất dễ bị nhiều kẻ tị hiềm, ghét ghen và tìm cách làm nhục. Tổ quốc... tổ quốc... phải rồi, ông cha tôi cũng không có tổ quốc, phải lang bạt đi khắp mọi nơi, chịu đựng biết bao nhiêu là tủi nhục.

XUÂN BÍCH

MÙA CHÍN BIỆT LY

Chất nắng tan vào đêm lạc phận,
mưa bay nhè nhẹ ướt ngày mai,
Đêm xanh mùa hẹn tình rao bán,
góp nhặt từng môi má lạc loài!

Có phải ngày xưa ta biết em
bão mùa thao thức, gió buông rèm,
nên bao thơ ấu còn che giấu,
giấu cả đường đi, giấu cả tên.

Em đã là em như ước mơ,
sao còn dăn díu với nghi ngờ,
đổi bao nhiêu tuổi hiền con gái,
để kết se đời duyên tóc tơ.

Lớp váng ân tình trong khoé mi,
từ bao gian dối lãng trôi về,
Những chùm thương nhớ trong buồng máu
đã rụng theo mùa chín biệt ly!

Thương nhớ nào gieo trên đỉnh đồi,
lan theo triền giốc của lòng tôi,
Bâng khuâng vào nẻo chiều ngơ ngác,
cuộc "trốn-tìm" nhau đã lỡ rồi.

Chúng tôi đã đến nước Mỹ như những người tị nạn và cũng phải kinh qua một chặng đường phấn đấu dài lâu mới có được chỗ đứng như hiện tại. Xin lỗi ông, ông có phải là một người tị nạn hay không?"

"Tôi cũng là một trong số những người Việt tị nạn đến nước Anh. Và tôi cũng bị người ta coi thường vì Việt Nam là một nước còn nghèo trên thế giới."

"Cái đó cũng chỉ là một phần. Cái chính là cộng đồng các ông còn chưa mạnh, còn phân hóa, không đoàn kết. Người này nói xấu người kia, đó là điểm dở làm cho người ta khinh mình. Người Do Thái thì được cái không như vậy, họ biết bảo ban nhau và bảo vệ nhau."

"Vâng, tôi được biết có vài người Do Thái bị bọn phân biệt chủng tộc ở London tấn công. Cả cộng đồng người Do Thái đã có ngay những biện pháp tự vệ chống trả. Và họ đã thắng lợi."

"Tôi có hơi buồn cho người Việt các ông. Khi tôi ở Mỹ, tôi thấy họ giết nhau chỉ vì không đồng nhất về quan điểm chính trị. Người Việt các ông chưa mạnh ở Mỹ, nhưng đã sớm có nội chiến ngay trong lòng cộng đồng. Một cộng đồng là sự thu nhỏ của một dân tộc. Toàn là những người tị nạn như nhau nhưng người Việt Nam của các ông cũng phân biệt đối xử và chống đối lẫn nhau. Như vậy còn mong gì người ta kính trọng, vị nể mình. Có một lần tôi được nghe ba người Việt Nam nói chuyện với nhau. Một ông cỡ trí thức gì đó nói: 'Thằng ấy còn thì tôi còn chửi, chửi cho đến già, đến chết. Tôi không thể tha thứ cho cái loại người sâu bọ ấy!' Ông thứ hai, nghe đâu cũng là một người lãnh đạo cộng đồng, nói: 'Tôi thì không thèm chửi. Nếu thằng nào chửi, tôi chứ cho mặc sức chửi. Tôi không thèm chửi lại, nhưng hãy coi chừng, khi nào quá đáng quá thì tôi giết.'"

"Còn ông thứ ba thì sao?" Tôi vội hỏi tiếp.

"Ông thứ ba thì ngồi im không nói gì."

"Vì sao vậy?"

"Ông ấy bảo tốt nhất là không có dính vào bất cứ vụ tranh chấp cãi vã nào. Không bộc lộ quan điểm là tốt nhất. Cứ an phận làm ăn. Không có chính trị chính em, cãi vã làm gì cho mệt."

"Vậy cô nghĩ ai đúng ai sai?"

"Ai cũng đúng và ai cũng sai. Họ có cái đúng cho riêng họ, nhưng họ không đúng vì cái chung."

Cô Betsy thích kể về cuộc viếng thăm Việt Nam đầu tiên của cô. Cô nói: "Tôi rất ngạc nhiên là người Việt Nam ở trong nước không ghét người Mỹ chúng tôi, mà họ lại ghét lẫn nhau. Nếu như tôi là người Việt Nam thì tôi ghét Mỹ lắm. Ba người Việt Nam ngồi với nhau không cẩn thận là tranh luận rồi cãi nhau về đủ mọi thứ chuyện. Nhưng họ lại rất lễ phép và tế nhị khi nói chuyện với người Mỹ. Dù sao tôi cũng thấy việc lính Mỹ giết hại người Việt Nam vô tội là tàn ác và chúng tôi rất xấu hổ về việc đó. Nhưng sao người Việt Nam lại không oán Mỹ mà lại còn rất thân thiện là khác."

"Người Việt Nam chúng tôi cũng dễ tha thứ, hơn nữa cái gì đã qua rồi thì hãy quên đi."

"Nhưng sao các ông không quên những hận thù giữa người Việt Nam với nhau và tha thứ cho nhau?"

"Chúng tôi đang cố gắng!"

"Ông biết tôi học tiếng Việt để làm gì không?"

"Chắc cô định sang Việt Nam buôn bán."

"Vì tôi rất quý người Việt Nam và muốn làm cái gì đó để tạ lỗi với người Việt Nam."

"Cám ơn cô. Nhưng cô có lỗi gì đâu?"

"Nước Mỹ rất có lỗi với dân tộc Việt Nam. Tôi muốn đóng góp phần mình để chuộc lỗi lầm của nước Mỹ." ■

CHUYỆN TÌNH

TRỊNH Y THƯ

Tôi yêu cô bé quá mất thôi!

Lần đầu gặp cô gái, tôi bị cô "khống chế" ngay:

"Xin lỗi anh nhà văn, em có mấy điều thắc mắc về tiếng Việt muốn hỏi."

Tôi nhớ hôm đó tôi có cuốn sách mới in và lũ bạn văn nghệ hè nhau tổ chức ra mắt sách cho tôi. Tự thâm tâm tôi biết cuốn sách chẳng ra gì, một thứ văn nghệ thời thượng lòe thiên hạ nhưng cái nếp ra mắt sách đã thành thông lệ ở nơi đây và phần thưởng duy nhất cho người viết sách là những lời tâng bốc lên tận mây xanh nhưng cũng đầy giả trá từ đám hư ngụy giả trí thức. Cô gái đợi mọi người ra về gần hết mới mon men đến hỏi tôi.

"Vâng, cô cứ hỏi." Tôi đáp lời cô như thể tôi là vị giáo sư đang chờ đợi câu hỏi từ cô sinh viên ngơ ngác hôm đầu tiên ôm sách đến giảng đường đại học. Không gì tôi hơn cô dễ chừng đến chục tuổi. Có trịch thượng một chút chắc cũng chẳng sao. Cô gái trông như con trai, tóc cắt ngắn, khuôn mặt sáng sắc lẻm, đeo kính trắng gọng tròn. Tôi bị khuôn mặt đó thu hút ngay lập tức.

"Em phải nói trước với anh là em qua Mỹ khi mới năm tuổi nên tiếng Việt em dở lắm..."

"Cô đừng ngại. Tôi sẽ cố gắng trả lời cô bằng tất cả kiến thức tôi có."

Cô không ngập ngừng, hình như đã chuẩn bị sẵn câu hỏi trong đầu, "Điều em thắc mắc là trong tiếng Việt, khi nói một đồng năm mươi xu người ta nói một đồng rưỡi, rưỡi dấu ngã, còn khi nói một trăm năm mươi đồng hay một ngàn năm trăm đồng người ta lại nói một trăm rưỡi, một ngàn rưỡi, rưỡi dấu hỏi. Người nói tiếng Nam và tiếng Trung không phân biệt nhưng tiếng Bắc và nhất là chữ viết, rưỡi và rưỡi không được quyền tùy ý. Em thắc mắc hoài về điều này từ khi bố em dạy em tiếng Việt ở nhà. Em hỏi thì bố em bảo ông bà mình xưa nay vẫn nói thế, mày thắc mắc làm gì. Em không thích lối trả lời kiểu áp chế nửa mùa đó của bố em nên định bụng khi nào gặp một nhà văn Việt Nam đem ra hỏi..."

Tôi ngớ ra. Mang tiếng là người cầm bút nhưng có bao giờ tôi để ý đến chi tiết cỏn con đó không nhỉ? Trời ạ, vị giáo sư khả kính của chúng ta mặt đỏ lên như gấc chín, tai nóng như hơ lửa và mồ hôi tươm ra ướt đẫm hai bàn tay. Tôi lúng búng mấy tiếng không thành nghĩa trong miệng rồi đành thú nhận với cô là mình cũng không hiểu rõ lắm tại sao người Việt nói như vậy. Tôi vớt vát thêm cho đỡ ngượng, bảo người Việt Nam xưa nay không quen óc phân tích như người Tây phương nên ít khi thắc mắc tại sao thế này tại sao thế nọ. Cô mỉm cười nhìn tôi và tôi thấy đôi mắt cô cũng cười theo.

"Em nghĩ như vầy không hiểu có đúng không. Khi đứng cạnh đơn vị, rưỡi phải là rưỡi dấu ngã như khi người ta nói một đồng rưỡi, một giờ rưỡi. Đồng, giờ ở đây đều là đơn vị. Còn một trăm, một ngàn không phải đơn vị nên rưỡi dấu hỏi để phân biệt..."

Tôi lại ngớ ra. Bán tín bán nghi nhưng không bắt bẻ vào đâu được. Thôi đành nói bừa một câu vô thưởng vô phạt chứ chẳng lẽ độn thổ mà trốn đi sao?

"Ừ, cô nói vậy nghe cũng có lý đấy. Sao tôi chẳng bao giờ thấy sách vở nào nói về cái qui luật này cả."

Cô gái không tha mà còn bồi thêm một nhát chí tử, "Theo em không sách vở nào nói hết được những kẽ ngách của ngôn ngữ. Chỉ có một số qui luật tổng quát gói ghém chung trong cái gọi là văn phạm. Còn ngoài ra, ngôn ngữ là những gì được đồng ý qua không biết bao nhiêu thế hệ mà thành. Em nghĩ như vậy không hiểu có gì quá đáng không? Ngôn ngữ là sự đồng thuận vì vậy có nhiều điều trái với qui luật mà vẫn được số đông chấp nhận như thường. Chẳng hạn, cách đây ít lâu một tờ báo văn nghệ bên Canada cứ bắt người ta phải viết chữ chúng cư thay cho chung cư. Họ viện dẫn cư là Hán Việt còn chung là chữ Nôm. Hán Việt

không thể ghép chung với Nôm được và vì thế phải viết là chúng cư mới đúng. Em thấy lý luận như vậy hẹp hòi lắm, chỉ khiến ngôn ngữ đứng ì ra một chỗ thôi. Mà ngôn ngữ thì năng động vô cùng, mỗi thế hệ mỗi đổi mới hoài hoài. Bố em cũng đồng ý với em như thế. Bố em còn nói trong Việt ngữ, ở môn Hóa học người ta còn dùng những từ như Acít hóa, Ba-dờ hóa. Tiếng Pháp còn ghép chung với Hán Việt được huống chi là Nôm và Hán Việt. Ghép chữ để tạo thành từ mới là sinh hoạt thường xuyên của ngôn ngữ. Mỗi thế hệ, tiếng Anh có thêm chừng mười ngàn từ mới, hầu hết do ghép chữ . . ."

Tôi trở thành gã sinh viên ngờ nghệch ngồi há hốc mồm nhìn lên bục giảng nơi người nữ giáo sư trẻ đẹp đang thao thao bất tuyệt và chỉ biết cười trừ:

"Hình như cô còn thạo tiếng Việt hơn tôi nữa đấy."

Chúng tôi trở thành đôi bạn thân thiết từ dạo đấy.

*

Cô gái bố trận đánh tôi bằng những đòn "chính qui" như vậy. Còn tôi chỉ lâu lâu "du kích" được một cú chẳng ra gì. Một lần, khi đã thân nhau hơn, trong lúc ngồi ăn cơm tối ở tiệm ăn, cô hỏi tôi lúc này làm gì. Tôi bảo đang cộng tác với mấy tờ báo lá cải ở Bolsa. Cô hỏi, "Anh không viết văn nữa à?" Tôi bảo cô tôi cần tiền để sống.

"Vậy từ nay em phải gọi anh là nhà văn hay nhà báo?"

"Ừm, để xem . . ." Tôi ngập ngừng mấy giây rồi nói thật nhanh. "Em gọi anh là nhà tôi đi." Tôi chụp ngay lấy cơ hội bằng vàng.

Mặt cô đanh lại và cô nhất định không thèm hé môi nói với tôi nửa lời trong suốt thời gian còn lại ngồi trong tiệm ăn mặc cho tôi hết lời xin lỗi.

Cô giận tôi đúng một tuần.

Lần khác tôi vô duyên nắng nặc đòi nắm tay cô. Cô bảo, "Em và anh chỉ có thể cầm kỳ thôi chứ không cầm tay được." Tôi bật cười vì lối nói ngộ nghĩnh đó và đành từ bỏ ý đồ đen tối của mình.

Lần này cô chỉ giận tôi khi tôi dồn cô hơi quá.

Tôi hỏi, "Cầm tay có gì đâu mà em khó thế?"

"Cầm được tay em rồi anh sẽ đòi cầm nhiều thứ khác nữa."

"Thí dụ như thứ gì?"

Cô hứ lên một tiếng rồi ngồi im, thân hình ép sát về phía cửa xe bên kia, hai tay thu lại như thể sợ tôi bất thình lình thò tay ra chụp.

Vậy mà tôi vẫn cứ yêu cô.

*

Học xong hai năm đầu ban Tâm lý học, cô bảo tôi cô sẽ thi vào trường Luật.

"Anh ghét trạng sư lắm." Tôi bảo cô.

"Tại sao?"

"Trạng sư ăn nói giỏi, kẻ có tội cãi thành vô tội."

"Vậy em sẽ làm bên công tố trừng trị bọn tội ác cho anh vừa lòng nhé."

"Cũng không được. Dưới tay người công tố, người vô tội biến thành có tội."

"Làm trạng sư biện hộ không được, công tố cũng chẳng xong. Ý anh khuyên em nên vào làm cho các đại công ty tư bản?"

"Lại càng không được. Công ty

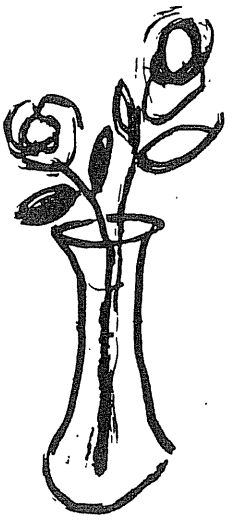

TUẤN HUY

TÀU ĐÊM

Tàu đi đêm ấy trăng tàn
Trong toa súc vật ngổn ngang lũ người
Tàu đi nghiến sắt rụng rời
Nghiến tan giấc ngủ nghiến tơi linh hồn
Lưng đau sàn nhảy dập dồn
Vùi thân Do Thái mặc cơn sóng đời
Quê hương xa lạ bồi hồi
Giơ tay xiềng xích đón người tù xa
Tàu đi tiếng sắt khóc òa
Núi rơi biển vỡ nhấp nhô đường rầy
Rập rình ngọn súng lưng vai
Bóng người hay quỷ diêm đài theo chân
Ga nào rờn rợn mộ phần
Đèn riu riu gió âm âm nửa vời
Tàu đi lê bánh mệt nhoài
Ai xô một lũ quan tài xuống thang
Hồi còi đồng vọng đau thương
Sao rơi buốt lạnh bụi sương nặng nề
Tàu đi hun hút li bì
Hận thù dằng dặc chạy thi với tàu
Tàu đi tuột khỏi địa cầu
Đêm sâu há miệng cuốn tàu nuốt trôi.

1977

lớn bỏ cả đống tiền mướn luật sư để tìm ra kẽ ngách lươn lẹo qua mặt nhà nước và bóp chẹt các công ty nhỏ khác. Làm nghề đó không . . . văn nghệ chút nào."

"Trời đất! Vậy anh bảo em phải làm gì đây sau khi ra trường?"

"Theo anh em nên chọn làm luật sư lo thủ tục giấy tờ ly dị là nhất." Tôi làm mặt nghiêm gật gù bảo cô. "Luật sư loại này sống nhờ người ta bỏ nhau. Xã hội chưa bao giờ chứng kiến người ta bỏ nhau nhiều như bây giờ. Em làm nghề đó bảo đảm không ngồi không ngày nào lại còn giúp người ta đạt được ý muốn dễ dàng."

"Anh khuyên em làm nghề chi thất đức vậy! Nghề gì mà chỉ mong cho người ta bỏ nhau để mình có tiền đút túi? Em chẳng thích chút nào."

"Ừm . . . Anh nghĩ em làm nghề đó riết rồi xem chuyện ly dị không có chi quan trọng . . . Mai mốt lấy chồng biết đâu em cũng sẽ ly dị . . . Chỉ lúc đó anh mới có chút hy vọng được em ra đường nhặt về."

Tôi nói như thằng điên thằng khùng như vậy mà cô lại có vẻ cảm động. Hình như lần đó cô chịu cho tôi nắm tay lúc ra về. Tay cô lạnh và xương xẩu chứ không mềm mại nồng ấm như tôi vẫn mơ tưởng.

*

Đời sống là cái sàng khổng lồ trên đó kẻ khôn ngoan là kẻ mọc ra các góc cạnh để tồn sinh còn những tên tròn trịa ngu muội như tôi thì rơi tõm xuống lớp ngóp không phải dưới nia mà dưới vũng bùn đen tăm tối. Một trong những ngu muội ở con người tôi là chứng lý tưởng một cách ngây thơ nửa mùa. Có dạo tôi nhận viết bài quan điểm cho một tờ báo ở Bolsa. Kiến thức chính trị của tôi thuộc loại hạng bét nhưng tờ báo tôi cộng tác thuộc loại áp bét nên bài tôi viết đôi khi được đem ra chình ình nơi trang nhất. Người chủ báo không có tài viết nhưng nói chuyện rất hay. Ông ta hăng say nói đến văng bọt mép những khi ngồi luận bàn về chủ nghĩa này hay triết thuyết nọ. Tôi phục ông lắm mặc dù mơ hồ tôi thấy những điều tuôn ra từ cửa miệng ông có vẻ như cóp nhặt từ các bài tựa in ở tờ bìa đầu và bìa cuối sách vở nhập môn khoa Chính trị học. Nhưng người ông tua tủa những góc cạnh, góc nào bề dầy cũng cả thước nên không chiếc sàng nào, dù là sàng thưa như lưới vớt cá vọi, có thể sàng sẩy ông rớt xuống vũng bùn đen được.

Có lần ông bảo tôi, "Này, tôi đưa cậu xấp tài liệu này về viết bài đánh thằng Đại tá Chu nhé. Hắn đang đu dây với Cộng sản. Về Việt Nam hai lần rồi đấy."

Tôi hăm hở cầm xấp tài liệu về viết bài "đánh thằng Đại tá Chu" một cách ác liệt tận tình. Bao nhiêu khẩu hiệu ồn ào nẩy lửa, bao nhiêu lý tưởng trống rỗng sáo mòn tôi quơ hết đem vào bài viết, đâu biết "thằng Đại tá Chu" chính là ông già thân sinh cô gái tôi đang yêu say đắm kia và người về Việt Nam hai lần "đu dây với Cộng sản" không phải ông mà chính là bà vợ ông chủ báo tôi vẫn hằng kính phục!

Cô gái không biết tôi là tác giả bài báo nhưng một hôm tôi thú nhận với cô về cái tội "có mắt như mù" đó. Tôi nghĩ thà mình thú nhận trước biết đâu được "khoan hồng" còn hơn đợi đến lúc cô khám phá ra sự thật. Nhưng trái với dự đoán của tôi, nghe chuyện xong cô cười lớn rồi bảo tôi, "Tiếc quá! Biết vậy hồi đó em thu băng lại những lời nhà em chửi anh, bây giờ cho anh nghe thì vui biết mấy." Nhưng cô cũng nói thêm, "Lúc đọc bài báo nhà em không ai nghĩ tác giả là một tên nhãi ranh ba mươi tuổi chưa ráo máu đầu cả."

Thái độ đó của cô chỉ làm tôi yêu cô thêm thôi.

*

Đi chơi riết với nhau có lần tôi thu hết can đảm hỏi thẳng cô một cách rất ngố rừng, "Em có bạn trai . . . ở lứa tuổi em không?"

"Có." Cô trả lời gọn bâng. Tim tôi nghe như có sợi dây thằng xiết mạnh. "Nhưng tụi nó trẻ con lắm. Đi chơi với anh vui hơn."

À, có thế chứ. Nhưng chỉ vui thôi à?

"Vui là thế nào?" Tôi hỏi một câu vớ vẩn cốt chỉ để nghe cô tán thêm về nỗi vui sướng khi đi chơi với tôi.

"Anh làm em cười."

Trời! Hóa ra tôi chỉ là thằng hề hay thằng lẻo mép tán dóc giỏi bấy lâu nay thôi sao? Sao cô ác với tôi thế? Nhưng đã hết đâu, cô còn ác hơn một bậc khi nói tiếp, "Đi chơi với anh nói được nhiều chuyện, từ chuyện đứng đắn cho đến chuyện tào lao. Anh hợp với em nhiều thứ. Những cuối tuần bận học thi không đi chơi với anh, em thấy nhớ . . ." Nỗi đau khổ nhất của kẻ đang yêu là trò mèo vờn chuột này. Nhưng tôi không oán trách con mèo, nó đang vờn mà không biết mình đang vờn trong khi con chuột thì cứ lăn xả vào để được mèo vờn.

"Anh và em chỉ không hợp nhau ở chỗ anh thuộc trường phái cầm tay còn em thì trường phái cầm kỳ." Tôi vừa nói vừa cười.

Cô lại đanh mặt. Nhưng chỉ một chút thôi vì có lẽ cô đã quá quen với trò cù nhây đó của tôi.

*

"Anh cần lấy vợ. Ba mươi mấy tuổi đầu rồi. Sống như vầy mãi đâu được." Lần khác cô bảo tôi vậy. Mẹ tôi dưới suối vàng nghe được câu nói này chắc hẳn bà sẽ mỉm cười sung sướng thầm cám ơn cô.

"Chó nó lấy anh." Tôi khật khừ trả lời.

"Em làm mai anh chịu không?"

"Ai thế?"

"Dì em."

"Dì em? Em có điên không đấy?" Tôi kêu lên.

"Thật mà, em không đùa đâu, dì em mới ngoài ba mươi, còn độc thân, mới ở Việt Nam sang, không đẹp lắm nhưng người hiền thục, đảm đang. Anh còn đòi hỏi gì hơn nữa!"

"Anh đòi em."

"Anh đừng có đùa! Em đang nói chuyện đàng hoàng." Cô quát tôi như những lần khác tôi giở trò cù nhây.

"Lấy dì em anh sẽ phải gọi em bằng . . . cháu à? Còn bố em. Anh phải gọi ông ấy bằng anh? Eo ơi. Chịu thôi."

"Muốn được vợ anh phải về quì gối chịu tội trước mặt bố em về tội đám viết báo phỉ báng ông già. Có em đứng sau lưng nói thêm chắc ông không đến nỗi cố chấp làm lỡ làng duyên phận người em vợ mình. Anh coi vậy chứ em biết anh là người lương hảo, xứng đáng làm . . . dượng em."

LÊ VĂN LÂN

HƯƠNG TRINH

Em cô gái nhỏ tuổi ô mai
Tóc xõa chấm lưng mới kẹp cài
Giúp mẹ cô ra quầy tính sổ
Học bài, làm toán, kẹo mè nhai.

Sài gòn mùa bức hai ngày gội
Tóc lụa thả dài quạt máy hong
Dậy thì tơ mướt trau đường lược
Gỡ nhẹ, hương trinh dậy nức phòng

Tôi người khách mới cửa hàng em
Đều đặn hai ngày mướn truyện xem
(Mướn hoài bỏ xó đâu thèm đọc)
Kín đáo... thở nhiều hương tóc men

Tương tư hương tóc qua ngày tháng
Tình khiết tình thương chỉ bấy thôi!
Bẩy lăm (75) ly loạn lâu rồi nhỉ
Mãi tưởng hương trinh mất cuối trời.

Mạnh thu Đinh Mão

"Dượng yêu cháu vẫn được chứ?"

"Anh đừng có loạn luân!"

Tưởng đùa mà hóa thật. Một hôm tôi thấy tôi lái xe chở hai dì cháu ra bờ biển uống cà phê.

Chuyện trở nên rắc rối to khi "bà dì" chịu tôi ngay từ giờ phút đầu gặp gỡ, có lẽ chỉ vì cô tán hươu tán vượn thêm vào và dăm ba bài thơ cóc nhái của tôi "dì" đọc được trên mấy tờ báo vứt la liệt như giấy lộn ngoài quán phở, chợ búa ngoài Bolsa. "Dì" không đẹp như lời cô nói nhưng nhìn nét mặt, chẳng phải thầy tướng tôi cũng đoán biết "dì" thuộc loại con gái "yêu văn nghệ" và "dám sống chết cho tình yêu".

Tai hại là chỗ đó.

*

"Anh không được đùa nữa. Dì là người chân tình. Mẹ em thương dì nhất nhà. Em sẽ không tha thứ cho anh nếu anh làm dì khổ."

"Em thông minh như vậy mà không nhìn ra điều giản dị đó sao? Anh đang yêu em đời nào anh đi yêu người khác được cho dù người đó là . . . dì em."

"Nếu vậy em sẽ đi xa."

Cô bỏ đi xa thật. Cô sang tận miền Đông nước Mỹ vào học tại một trường Luật khoa danh tiếng bên đó. Cô xa tôi thực sự rồi vì đối với tôi miền Đông nước Mỹ là ngoại quốc. Biết bao giờ tôi mới có khả năng sang tận bên đó thăm cô?

*

Coi vậy mà tôi cũng chóng quên, quên cô và quên luôn cả "bà dì." Tôi lao đầu vào những thú vui tầm thường, sống như hòn sỏi nằm lăn lóc bên bờ dòng sông chảy xiết. Nhưng bạn đừng trách tôi thiếu chung thủy. Tôi sẽ nhờ khoa học biện hộ giùm. Vâng — khoa học — bạn không nghe lầm đâu.

Khoa học ngày nay còn dám giở trò mô phỏng Thượng đế thì ba chuyện tình yêu làm gì chẳng có kẻ ngồi phân tích chẻ sợi tóc ra làm tư làm tám. Dưới mắt nhà khoa học, tình yêu chẳng qua chỉ là những phản ứng của các hóa chất tự nhiên trong cơ thể con người! Mấy ông ấy cho tôi biết chất nhiều kích thích tố làm người ta trở nên yêu nhau thắm thiết có cái tên khoa học dài ngoẵng là *Phenylethylamine*. Nhưng tiếc thay hóa chất này sút giảm từ từ theo năm tháng. Và khi dung lượng nó chỉ còn sót lại vài micrô-lít thì tình yêu cũng "chắp cánh bay cao" như lời hát bài ca cải lương nào đó. Vì thế giả như một ngày đẹp trời, bạn bị người yêu oán trách là bạn bạc tình, bạn không còn yêu thương người đó như thuở ban đầu nữa thì bạn cứ việc lôi tên cái hóa chất đó ra mà đổ thừa. Bạn bán tín bán nghi ư? Tôi đưa ra bằng chứng đây. Hóa chất tôi nói có nhiều trong kẹo sô cô la và đó là lý do vì sao người ta tặng nhau kẹo sô cô la vào ngày lễ Tình yêu — ngày thánh Valentine — hằng năm với niềm hy vọng người kia mãi mãi ấp ủ mối tình nồng cháy như "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy." Nhưng trước khi bạn vội vội vàng vàng chân không kịp xỏ giày chạy bay ra tiệm kẹo có bao nhiêu sô cô la hốt hết đem về thì tôi cũng xin tiết lộ cho bạn thêm một chi tiết nữa là khoa học vẫn chưa hiểu tại sao hóa chất này trong cơ thể con người thì có công dụng tốt còn trong kẹo sô cô la thì nằm đâu nằm đó, án binh bất động như ngọn núi nằm chờ trăng rơi. Điều này được chính tôi kiểm chứng đàng hoàng với không biết bao nhiêu kẹo sô cô la tôi mua tặng cô gái.

Nhưng ông khoa học ơi! Lần này ông hố to rồi. Cái hóa chất quỉ quái kia chẳng tan biến chút nào trong người tôi (và tôi rất kỵ kẹo sô cô la) khi sáu năm sau tôi nhận được lá thư cô gửi từ thành phố đẹp Santa Barbara cách nơi tôi ở trên trăm dặm đường. Hình như cô vẫn nghĩ đến tôi và theo dõi việc tôi làm vì lá thư được gửi về địa chỉ tờ báo tôi đang cộng tác. Thường thư từ về tòa soạn ít khi đến tay người nhận. Nhưng lần này trời thương tôi, thương cái thằng bị sàng sẩy lọt xuống lóp ngóp dưới bùn đen. Tôi vứt ngay mấy bài viết lăng nhăng đang viết dở, phóng xe lên gặp cô.

Bạn đừng bắt tôi phải kể ra những chi tiết dư thừa. Tôi không những được nắm bàn tay xương xẩu của cô dung dăng dung dẻ khắp phố phường, bờ biển Santa Barbara mà còn hôn cô thắm thiết nữa. Bạn tin không? Tôi hôn cô ngay tại công viên thành phố thơ mộng nhất thế giới này. Vì lúc đó quanh tôi chỗ nào cũng chao ơi tràn đầy thơ mộng. □

ĐÔNG TÂY GIAO HÒA

PHAN SINH
Hình: LÝ KIẾN TRÚC

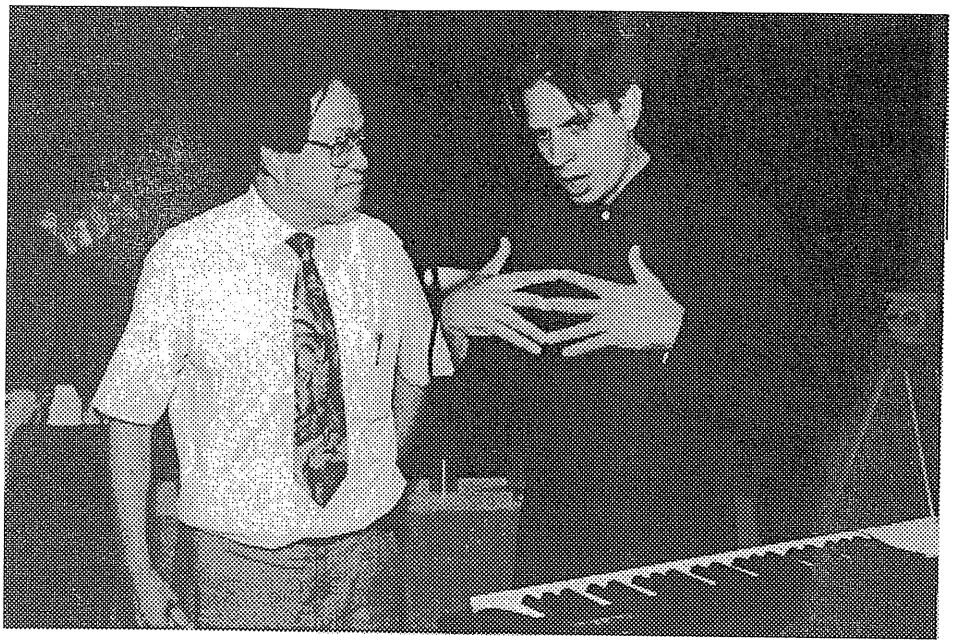

Hai nhạc trưởng Lê Văn Khoa và Elliot Goldenthal thảo luận về khả năng "ghép" hai dòng nhạc Mỹ và Việt trong một khúc giao hưởng.

"Đây mới chỉ là cái bắt tay sơ giao âm nhạc Việt Mỹ. Nhiều buổi hội học khác sẽ diễn ra trong tương lai để tìm sự hòa hợp âm nhạc Đông-Tây. Và đây cũng chỉ là bước đầu của sinh hoạt văn hóa chung..." Elliot Goldenthal, nhà soạn nhạc chiếm nhiều giải thưởng và là người viết nhạc cho nhiều phim như "Alien 3", "Drugstore Cowboy", đã tuyên bố nhân buổi hội học âm nhạc Việt Nam tại South Coast Repertory tại Costa Mesa, California, tối thứ Ba 30 tháng Tám 1994.

Buổi hội học nhạc cổ truyền Việt Nam và Hoa Kỳ được tổ chức với mục đích giúp nhà soạn nhạc Goldenthal tìm chất liệu cho đại tấu khúc hợp ca (Choral Symphony) mà ông nhận lời viết cho Pacific Symphony Orchestra (PSO) trình diễn vào ngày 26 và 27 tháng Tư 1995, để đánh dấu 20 năm sau khi dứt chiến tranh Việt Nam.

Đây là nỗ lực chung của PSO và "Dự Án 20" cho nhiều sinh hoạt trong năm 1995. Vì tính chất đặc biệt của nó nên buổi hội học đã thu hút một số báo chí Việt Mỹ và khách dự thính cả Việt Nam cũng như Hoa Kỳ.

Dưới tựa đề "Symphony Learns Vietnamese Music" báo Register ghi nhận: "Đó là cuộc đối diện giữa hai nền nhạc: một bên năm nhạc sĩ của Pacific Symphony Orchestra, bên kia bốn nhạc sĩ Việt Nam với nhạc cụ cổ truyền như đàn tranh, đàn nhị... Soạn nhạc gia Lê Văn Khoa đã giúp đỡ Elliot Goldenthal và các nhạc sĩ của PSO.

"Văn hóa của chúng ta cách biệt bằng cả đại dương," ông Lê Văn Khoa nói với nhạc sĩ, "nhưng chúng ta có điểm giống nhau trong âm nhạc." Ông Khoa giải thích phần lớn nhạc Việt dựa trên âm giai ngũ cung.

"À, đó cũng chính là âm giai mở đầu của "Amazing Grace," Goldenthal đáp.

Ông Lê Văn Khoa trích dẫn những ca khúc bình dân của Hoa Kỳ đã dùng âm giai ngũ cung, như bài "I'm Coming Home" chẳng hạn. Sự đối chiếu này đã giúp cho nhạc sĩ Hoa Kỳ bớt căng thẳng Việt và Mỹ có điểm giống nhau chứ không phải bị ném vào một thế giới âm thanh khác biệt hoàn toàn.

Thiếu nhi Ngàn Khơi

Thiếu Nhi Ngàn Khơi mở đầu buổi hội học bằng bài dân ca miền Bắc "Trống Cơm" dưới sự hướng dẫn của ca sĩ Bích Liên. Các em được tán thưởng nồng nhiệt. Sau đó Elliot Goldenthal yêu cầu các em hát lại với đàn bầu, và sau đó nữa hát với phần

đệm của các nhạc sĩ Hoa Kỳ. Các em đã làm tròn bổn phận đáng khen và nhất là đã ngồi yên theo dõi buổi hội học này. Hy vọng trong tương lai các em sẽ làm được nhiều việc lớn cho nhạc Việt.

Đàn bầu quyến rũ

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa dẫn giải, đối chiếu những điểm dị đồng với loại Musical Saw của Hoa Kỳ. Tiếng đàn bầu (độc huyền) của Kim Đồng nổi lên từ điểm lạ mắt mà ở âm điệu đặc thù của hai nhạc cụ này. Họ cũng ngạc nhiên thích thú với khả năng đàn cổ nhạc Việt của chiếc đàn guitar quen thuộc của họ.

Vọng cổ lôi cuốn

Giọng ca Việt Hùng vẫn sung mãn dù ông đã 73 tuổi. Người Mỹ, từ nhạc trưởng Carl St. Clair tới các nhạc sĩ, suốt đời quen nghe các giọng ca opera đã tìm thấy tính chất mới lạ lôi cuốn của giọng ca cải lương Việt Nam. Họ

Không khí sôi động và vui nhộn hẳn lên khi các nhạc sĩ Việt và Mỹ chấp nhận cuộc thí nghiệm sử dụng nhạc khí quen thuộc "chơi mò" bài bản mình chưa từng nghe qua và hoàn toàn ra ngoài cung bực quen tay và quen tai của mình.

Bài "Tử Quy Từ" được thí nghiệm trước hết. Tiếng violin, clarinet, bass và trống Mỹ "mò" theo sến, tranh, nhị, guitar của Việt Nam. Dĩ nhiên là quờ quạng, âm thanh hỗn loạn, nhưng

Cô Bích Liên đang điều khiển các em Thiếu nhi Ngàn Khơi hát bài "Trống Cơm"

từ đưa không khí vui động của phòng hội học lắng dịu đến yên lặng tuyệt đối. Những lời nói nhỏ bên ngoài phòng hội cũng được người trong phòng bước ra yêu cầu giữ im lặng.

Bài dân ca "Ru Con" miền Nam có lẽ thích hợp với đàn bầu hơn hết do tính chất đơn điệu, ngân dài uyển chuyển như giọng người khi ngân chữ "ù ơ" hay "à ơi."

Người Mỹ đặc biệt chú ý đến đàn bầu. Họ không thể ngờ đến khả năng diễn tấu, tính chất linh động và âm sắc thay đổi lớn lao bởi kỹ thuật trình tấu, có thể thoát ra từ một sợi dây đàn đơn độc.

Đàn tranh và đàn nhị cũng được ưa thích nhiều, không phải ở nhìn nhận Thu Hồng xinh đẹp, giọng ca dễ thương nhưng cần được khuếch thanh.

Có lẽ Elliot Goldenthal tìm được điều ông muốn, nên ông yêu cầu Việt Hùng trở lại hát với đàn nhị của Tám Trí và violin của Norman Hughes nháy theo đàn nhị. Đây là cuộc thí nghiệm khó khăn mà Norman Hughes ngoài khả năng cơ bản của nền nhạc classic Tây Phương, ông còn là tay chơi thành thạo loại nhạc Jazz và Country music, người có tài quyền biến và "bắt chước" hơn hết của PSO, cũng cảm thấy khó kham nổi.

Nhạc Việt-Mỹ — Mỹ-Việt tương giao

tinh thần cởi mở thân thiện, vui nhộn. Để thử hòa nhập hai dòng nhạc Việt Mỹ làm một, trong lần đàn lại, Norman Hughes sử dụng violin của mình theo điệu Jazz Mississippi hòa với Tử Quy Từ của Việt Nam. Một thí nghiệm đáng khích lệ dù quãng ba Tây phương hơi lạc lõng nếu không nói là chỏi. Những lạc lõng này có thể điều chỉnh được để khai sinh ra một nét nhạc mới, lạ và hấp dẫn.

Đáp lại, nhạc sĩ Việt Nam được yêu cầu "mò" theo nhạc sĩ Mỹ. Một khán giả Mỹ, bà Barbara Johnson, tình nguyện ra hát với nhạc sĩ Elliot Goldenthal bài Amazing Grace. Không tệ lắm vì dù sao dây cũng chỉ là những thí nghiệm bước đầu.

Để kết thúc, các nhạc sĩ Việt Nam hòa tấu bài Lý Mỹ Hưng và hai câu Vọng Cổ. Lần này nhạc sĩ Tám Trí sử dụng violin của Norman thay cho đàn nhị của ông, làm cho mọi người Mỹ trố mắt ra nhìn, vừa lạ vừa thán phục. Tám Trí không gác violin lên vai như người Tây phương mà để ngang ngực và bấm đàn cách nhuần nhuyễn.

Ý kiến của tham dự viên

Chúng tôi có gặp một số tham dự viên người Mỹ, hỏi cảm nghĩ của họ về buổi hội học này, và ghi vội được vài điểm sau đây:

Pamela Sezzin: "Tôi học hỏi được rất nhiều. Thật hấp dẫn và bổ ích. Tôi cố dàn xếp để mời các nhạc sĩ Việt Nam đến biểu diễn ở La Quinta High School, nơi tôi đang dạy học."

Elliot Goldenthal: "Tôi học được rất nhiều, và khám phá ra lắm điều hay. Tôi có nghiên cứu về nhạc Á Đông, nhận thấy nét nhạc Việt Nam rất độc đáo, trữ tình, xuất sắc. Tôi sẽ còn học hỏi nhiều để đưa dòng nhạc Việt và Mỹ hòa hợp nhau."

Louis Spisto, Giám đốc điều hành PSO: "Một buổi hội học vô cùng bổ ích. Lê Văn Khoa quả là con người tài ba, nếu không có ông buổi hội học này sẽ không thành tựu viên mãn. Tôi rất ngạc nhiên mà thấy Carl St. Clair phấn khởi, hào hứng hơn tôi nghĩ. Giọng ông già (Việt Hùng) thật đặc biệt. Tôi hiểu tại sao ông Khoa giới thiệu cô gái (Thu Hồng). Trẻ trung, thùy mị, duyên dáng. Còn các nhạc sĩ Việt Nam là những người có khả năng và chúng tôi cần họ cộng tác sau này."

Carl St. Clair, Nhạc trưởng Pacific Symphony Orchestra: "Tuyệt hảo, thoải mái, linh động, hữu ích. Tôi rất thích ông già đơn ca (Việt Hùng) và cả cô gái nữa (Thu Hồng). Tôi thích điệu bộ của họ. Âm thanh của nhạc cụ Việt Nam ly kỳ lắm. Tôi cần tìm hiểu thêm."

Một bà Mỹ có tuổi mà tôi quên ghi tên: "Tôi có hướng dẫn phái đoàn nhạc sĩ Mỹ đi Việt Nam cuối thập niên 60. Tôi có mua một bộ nhạc cụ Việt Nam rút nhỏ để trang trí trong nhà. Có mua một cây đàn nhị mà tôi đến bây giờ vẫn chưa biết sử dụng. Được nghe lại nhạc cổ truyền Việt Nam, tôi thích thú vô cùng."

Linda Wells Sholik, soạn nhạc gia: "Nghe những tiếng đàn của nhạc sĩ Việt Nam nhập vào nhau mà tràn ra tôi hình dung một bầy ngựa từ trên đồi chạy xuống đồng cỏ bát ngát. Tôi hy vọng có thể dùng chất liệu nhạc Việt cho tác phẩm mới của tôi. Tôi thích nhất đàn độc huyền và đàn tranh."

Lê Văn Khoa, người phối hợp và giới thiệu chương trình cho biết: "Chúng tôi không có tham vọng đưa nhạc truyền thống ra giới thiệu với người Mỹ, mà chỉ giới thiệu các điệu dân ca, lý, cổ truyền, vọng cổ thôi. Cái truyền thống nó cao và rộng lắm. Không phải cứ chơi cổ bản trên đàn cổ là thành nhạc truyền thống. Hơn nữa mục đích chính của buổi hội học này là tìm cách dung hợp giữa hai dòng nhạc Việt Mỹ, làm thế nào để giúp Elliot Goldenthal viết được nhạc để nhạc sĩ Mỹ chơi có âm điệu Việt Nam là quý rồi. Những điểm khác sẽ tính sau."■

Học nhạc bằng phương pháp tầm xa

Trung Tâm Giáo Dục Âm Nhạc Việt Nam hân hạnh giới thiệu phương pháp tầm xa, một phương pháp học nhạc dân tộc hiệu quả và không đòi hỏi phải đến trường.

Hát dân ca • Đàn tranh • Đàn nguyệt • Đàn bầu • Văn hóa âm nhạc

Thực tập bằng băng cassette, video, và các tư liệu in ấn công phu.

Để đáp ứng thực tế sinh sống của người Việt ở khắp nơi tại hải ngoại, một nhóm giáo sư đại học Hoa Kỳ, chuyên gia âm nhạc, và nghệ sĩ Việt Nam nồng nhiệt tham gia chương trình huấn luyện hàm thụ. Học viên có thể tham gia trại thực tập và sáng tác âm nhạc (music camp) và thực tập trình diễn cùng giảng viên.

Để biết thêm chi tiết, xin liên lạc:
Center for Vietnamese Music Studies
PO BOX 16, KENT, OHIO 44240, USA

NHỮNG BÀI THƠ IN LẠI

LTS- Trong số báo tháng Chín vừa qua Tòa Soạn đã phạm một sơ suất là không đăng bài thơ tiếng Anh của Hằng Hà Lệ và các bài Xem Múa Lân, Nỗi Khổ của Nguyễn Hoàng Nam đúng như hình thức mà các tác giả đã trình bày. Khi nhận được lời than phiền của các tác giả chúng tôi mới ý thức rõ hơn rằng, đối với một số nhà thơ, hình thức sắp xếp của các câu thơ quan trọng không kém nội dung mà nó đem lại. Vậy chúng tôi xin đăng lại một số bài thơ ấy đúng với hình dạng của chúng và xin mời độc giả "thưởng thức lại" chúng như một toàn thể. Chúc độc giả cảm nhận được những điều mới lạ và xin có lời xin lỗi các tác giả vì sự sơ xuất của chúng tôi.

XEM MÚA LÂN

cắc
cá lắc
cắc cắc
(lắc)
tùngxà
càlùng
tùngxà
(nhoài)
tùngxà
càlùng
tùngxà
(lắc lắc)
tùngxà
càlùng
tùngxà
(lạy)
tùngxà
càlùng
tùngxà
(chồm)
kìa! lơ lửng
bao lì xì
đỏ tùngxà trời
tùng lòa nhòa xà
càlùng
ập
vào tùng tôi
xà bặt âm điếc
tai bặt âm nhảy
múa mùa xuân tuổi
nhỏ đã trôi mất
hút từ bao giờ
tôi thẫn thờ
nhìn ảo dạng
của giòng
sông
uốn
éo

NHÂN TIỆN

Lúc mồi xong điếu thuốc, nhân tiện que
diêm còn cháy, tôi châm vào miếng
giấy bạc dính chùm với bao giấy kiếng
co rúm trong cái gạt tàn. Ngọn lửa

nhỏ nhoi tội nghiệp thoi thóp cháy.
Tôi xoay cái gạt tàn, khều khều, cố níu
kéo từng giây vô nghĩa của niềm hy vọng

lụn
dần
dần
rồi

đành tắt ngúm. Một sợi khoi cuối cùng
thở dài. Tôi giở điện thoại, ngón trỏ
máy móc bấm số, và nói vào answering machine:

Thôi
anh không muốn gặp em nữa.

THƠ HẰNG HÀ LỆ

From the Beautiful One
I am made
From her tender face and hands
I am made
From smiles of mother
I am made
From sobs of infants
I am made
From touch of lover
I am made
From silence of Old Woman
I am made

From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made

From seering lightening
I am made
From furious thunder
I am made
From blazing sun
I am made
From new moon darkness
I am made

From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made

From earthy dampness
I am made
From rocks and roots
I am made
From saplings and forests
I am made
From prairies and deserts
I am made

From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made

From rushing rivers
I am made
From clay and mud
I am made
From dry, hot winds
I am made
From early spring rains
I am made

From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made

From crawling creatures
I am made
From buzzing insects
I am made
From soaring ravens
I am made
From songs of frogs
I am made

From the Beautiful One
I am made
From the Beautiful One
I am made

From everything that lives
I am made
From everything that dies
I am made
From everything that is reborn
I am made

From the Beautiful One
I am made
In the Beautiful One
I am.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

LÊ TAM CA & PHẠM XUÂN ĐÀI

(giới thiệu những ấn phẩm nhận được trong tháng qua)

LTS.- Lâu nay TK 21 vẫn có mục "Sách Báo Trong Tháng" để giới thiệu ngắn gọn những ấn phẩm (sách, báo, băng, đĩa...) của các nhà xuất bản hoặc các tác giả gửi tới.

TK 21 chưa đủ điều kiện để giới thiệu "tất cả" các ấn phẩm *thực sự* xuất hiện trong tháng. Xin quý độc giả, các nhà xuất bản và các tác giả tiếp tay với TK 21 bằng cách gửi cho tòa soạn các ấn phẩm đó - mỗi thứ hai bản càng tốt.

Trường hợp cần quảng cáo các ấn phẩm đó, xin liên lạc với ông Vũ Duy Tự.

SÁCH

MỜI EM LÊN NGỰA của **Luân Hoán,** tuyển tập thơ, Sông Thu xuất bản, 126 trang, giá $10.00 (514-739-9039).

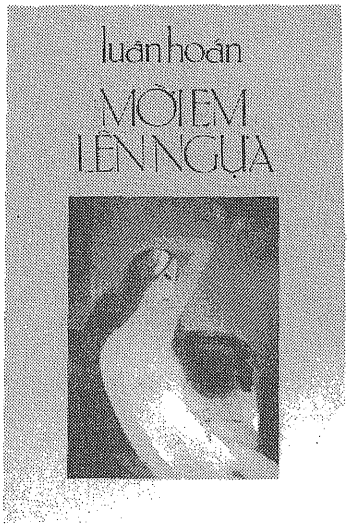

Với bìa và phụ bản của Đinh Cường, tập thơ gồm 31 bài, là ấn phẩm thứ 17 của Luân Hoán, một nhà thơ đang sống tại Montréal, Canada.

Mời Em Lên Ngựa, tên tập thơ, cũng là tên một bài trong tập, gói ghém tâm sự của nhà thơ — một tâm sự u uất giấu trong cái vỏ ngôn ngữ phiêu bồng. Chưa già, nhưng nhà thơ đã muốn "di chúc" (Bài Di Chúc, tr. 115): Khi tôi chết quyết không ăn cháo lú/để hoài hoài thương tưởng cuộc đời tôi. (LTC)

BIỂN NHỚ của **Thanh Hiền,** tuyển tập thơ, tác giả xuất bản, 186 trang, giá $10.00. Liên lạc: 7743 Murcott Circle, Orlando, FL 32835.

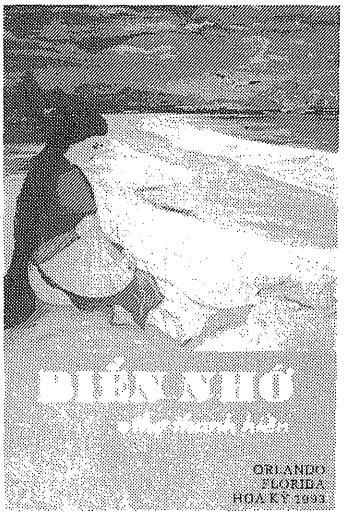

Khoảng 150 bài thơ ngắn, phần lớn làm theo thể lục bát, tuyển tập thơ Biển Nhớ cho thấy tác giả có sức sáng tác mạnh, dù mới cầm bút gần đây. "... Một nén tâm hương cho nhà văn quá cố Thanh Nam, anh đã tặng cho Thanh Hiền tập thơ Đất Khách năm tám mươi ba, nhờ tập thơ đó mà Thanh Hiền mới bắt đầu tập tành làm thơ." (Lời Tác Giả, tr. 1)

Tác giả cũng còn là họa sĩ, nên bìa và phụ bản đều do tác giả sáng tác. (LTC)

CHINH CHIẾN ĐIÊU LINH của **Kiều Mỹ Duyên,** bút ký của Kiều Mỹ Duyên, tác giả xuất bản, 392 trang, giá $18.00. Liên lạc: An Nguyễn, 14411 Brookhurst St, #A, Garden Grove, CA 92643. (714) 775-7786.

Kiều Mỹ Duyên (An Nguyễn), trước 1975 viết báo, cộng tác với các báo Công Luận, Hòa Bình, và Trắng Đen. Từ 1984, kinh doanh ngành địa ốc và tài chánh ở Orange County, California, được mô tả là thành công, nhưng bà vẫn tha thiết với "nghiệp" viết văn làm báo — viết tin cho nhiều báo Việt ngữ hải ngoại.

Tập bút ký **Chinh Chiến Điêu Linh,** với 22 đoản văn, đề cập nhiều nơi và nhiều người mà bà đã đến, đã gặp, với bút pháp sắc sảo, giọng kể chuyện hấp dẫn — khác hẳn những bài báo viết vội mà bà gửi đăng bấy lâu.

Bìa sách là một họa phẩm của Tạ Tỵ, rất bắt mắt. Những ảnh trong sách cũng là những tài liệu quý. Một cuốn sách cần có, không những cho những người một thời cầm súng, mà cho cả những người muốn tìm hiểu về một giai đoạn của cuộc chiến tranh Việt Nam. (LTC)

XUÂN HỒNG của **Nguyễn Huy Thiệp**, tuyển tập Kịch, Tân Thơ xuất bản, 238 trang, giá $12.00. Liên lạc: P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. (714) 537-2468.

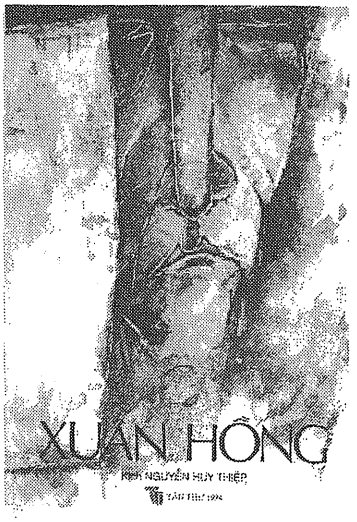

Theo giới thiệu ở đầu sách, của Thụy Khuê, đây là những Kịch bản văn học — phải chăng là Kịch để đọc chứ không phải Kịch để diễn?

Quả thật, khi đọc, Kịch của Nguyễn Huy Thiệp không khác truyện của ông bao nhiêu. Văn ông vốn sắc, gọn, nhiều đối thoại. Tự nó, mỗi truyện ngắn đã có dáng vẻ một vở, hay chí ít, một màn kịch. Trong tuyển tập Xuân Hồng, vở kịch đầu tiên là vở Gia Đình chính là chuyển thể của truyện ngắn Không Có Vua.

Tính ẩn dụ hiện rõ trong các vở kịch, nhưng không phải là điểm đặc thù của Nguyễn Huy Thiệp. Vũ Khắc Khoan cũng đầy ẩn dụ (và khó diễn). Lưu Quang Vũ viết kịch ngụ ngôn — nhưng dễ lên sân khấu hơn.

Đặc thù của Nguyễn Huy Thiệp là sự pha trộn cổ, kim, đông, tây mà tự nhiên, không thấy chướng; là những khẳng định "trái khoáy" thật bất ngờ, thật chói tai, nhưng cũng thật (làm cho người đọc) khoái trá. (LTC)

BÍ MẬT của **Phan Thiên Ân,** người giầu nhất thế giới. Tác giả: Vô Danh. Nhà xuất bản: T.A. Phan, 110 trang, không đề giá bán (theo lời tựa, ai muốn có sách miễn phí, xin liên lạc T.A.Phan, P.O.Box 915, Los Angeles, CA 90720).

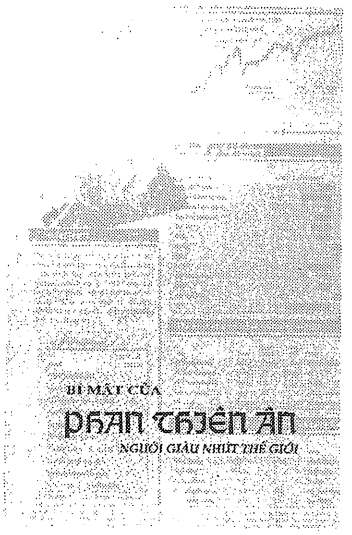

Cuốn sách mỏng này là một "cẩm nang" (thuộc loại "Học Làm Người" ở Saigon trước 1975) ghi những "bí quyết" để làm giầu. Thực ra, đây là những lời khuyên và những chỉ dẫn phương pháp rèn luyện ý chí để đạt những mục tiêu hay hoài bão trong đời sống.

Với lối văn giản dị, đầy tính thuyết phục (của những tay "bán hàng" lão luyện), lại mở đầu và kết thúc như một tiểu thuyết, cuốn sách có thể sẽ trở thành một "best seller" hiểu theo nghĩa nhiều người tìm đọc, vì sách... biếu không! (LTC)

MONG MANH của **Mùi Quý Bồng,** tuyển tập thơ, nhạc và họa, tác giả xuất bản, 162 trang, giá $10.00. Liên lạc: 14401 # Chef Menteur Hwy, New Orleans, LA 70129, (504) 254-3701.

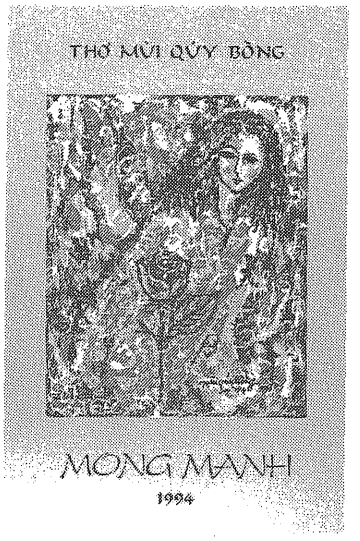

Tác giả vốn là một y sĩ, có tâm hồn nghệ sĩ. Bắt đầu vẽ từ khi còn học bậc trung học ở Saigon. Nhưng chỉ bắt đầu làm thơ (hoặc có thơ đăng báo?) sau 1975, khi đã định cư ở Hoa Kỳ.

Gần 40 bài thơ trong tập **Mong Manh**, trừ một vài bài dành cho bằng hữu, toàn là thơ tình - tình yêu. Tưởng như nhà thơ họ Mùi có nhiều mối tình. Nhưng theo những lời tựa, lời bạt, và những... lời thơ, dường như tác giả chỉ dành tình yêu cho một người.

Nếu những tác phẩm (dù bằng đường nét, mầu sắc hay âm điệu, câu chữ) là biểu tượng của con người, thì qua những bài thơ, những bức họa của tập Mong Manh, người đọc được gặp và làm quen với một người nhiều đam mê, nhưng giản dị, thật thà... Thơ của ông không cầu kỳ nhưng giầu nhạc tính. Và người ta không lạ khi thấy rất nhiều nhạc sĩ đã phổ nhạc các bài thơ của ông (trong đó có Phạm Duy, Đan Thọ, Nguyên Bích, Phạm Anh Dũng và Thanh Bình). (LTC)

MÙA HOA TRÊN THÁNH GIÁ GÕ của **Nguyễn Tầm Thường,** tuyển tập thơ, tác giả xuất bản, 100 trang, giá $7.00. Liên lạc: Mr. & Mrs. Nguyễn Văn Nhuệ, 22277 Modina, Laguna Hills, CA 92653, (714) 830-0208.

Nếu biết tác giả là một linh mục, chúng ta

sẽ không lạ khi đọc nhan đề cũng như hầu hết các bài trong số 30 bài thơ của tuyển tập này.

Nhưng chúng ta sẽ lạ, sẽ thắc mắc về những câu thơ rất "tình tứ," rất "đời thường" mà chúng ta vẫn nghĩ không thể được viết bởi một... nhà tu. Chẳng hạn:

... Em hiền mắc cỡ yêu đương
Tôi thương guốc nhỏ con đường tuổi hoa.
(Diễm Xưa, tr. 11)

hoặc:

... Hễ biết thương nhớ là có xót xa
Tôi biết thế, biết mình sẽ đau khổ
Vẫn không muốn trái tim tôi là gỗ.
(Tôi không muốn trái tim gỗ, tr. 30)

Với những minh họa dịu dàng của Nguyễn Thị Hợp, bìa mầu tím hoa cà, và những dòng thơ trữ tình mượt mà, ướt át, Mùa hoa trên thánh giá gỗ là một "tuyên ngôn" cho một cuộc "giải phóng" (hay "phá chấp"?) tư duy và sáng tạo. (LTC)

MẸ, QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MẮT của **Vĩnh Hảo**, tập truyện, Chiêu Hà tái bản, 216 trang, giá $10.00. Liên lạc: P.O.Box 2303 North Hills, CA 91393-0303, (818) 830-1059.

Tựa của tuyển tập đã tóm lược chủ đề của tất cả tám câu chuyện được Vĩnh Hảo kể lại một cách dung dị, nhưng gây xúc động mạnh nơi người đọc. Chủ đề có thể là ba mặt: mẹ, quê hương và sự đau khổ. Nhưng cũng có thể chỉ là một: người mẹ — mẹ cũng là biểu tượng của quê hương, và mẹ là người chịu nhiều đau khổ, thiệt thòi nhất trong thời loạn, mẹ cũng là nước mắt.

Các câu truyện và văn phong của Vĩnh Hảo trong tuyển tập này cho thấy tác giả đã đạt được mục tiêu gửi một thông điệp tới người đọc — ghi trong lời Nhà xuất bản — "Nước mắt của mẹ và Quê hương chỉ ngưng chảy khi nào những người con biết hối lỗi ăn năn, biết tha thứ, và thương yêu nhau thực sự." (LTC)

VŨ ĐIỆU LOÀI LAN TÍM HOANG của **Thái Thụy Vy**, tuyển tập thơ, Sông Phố xuất bản, 100 trang, không đề giá bán. Liên lạc 600 N. Madison St., #232, Arlington, VA 22203. (703) 534-0724.

Thái Thụy Vy là bút hiệu của Đỗ Khoa Luật, một người trẻ, đã có tác phẩm xuất bản — thi tập "Nụ hôn loài lan tím dại."

Tác giả tỏ ra cố ý nhấn mạnh mầu tím bằng cách đặt tên cả hai tập sách có chữ tím, cũng như in trên giấy mầu tím, bằng mực tím. Ngoài việc tôn trọng một ý thích riêng của tác giả, người đọc không tìm thấy trong sự nhấn mạnh này một ý nghĩa nào làm thay đổi nội dung những bài thơ.

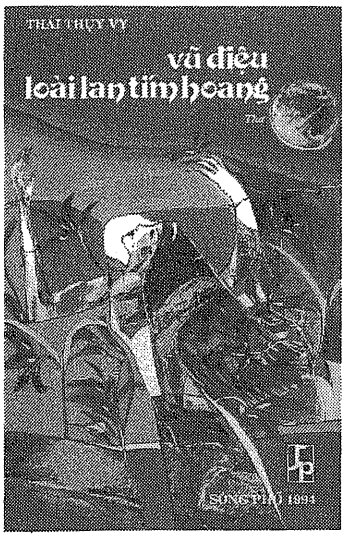

Một tập thơ dễ thương, như một cuốn lưu bút ngày xanh của tuổi học trò. (LTC)

SỰ CHUYỂN ĐỘNG TOÀN DIỆN CỦA TÂM THỨC TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO: NHỮNG BƯỚC CHÂN NHẸ NHÀNG TRỞ VỀ SỰ IM LẶNG, của **Phạm Công Thiện**, do Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, 260 trang, giá $14.00.

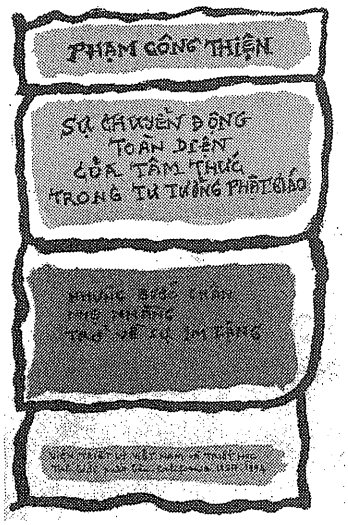

Phạm Công Thiện là một "hiện tượng Văn học" của Việt Nam, khi mới 15 tuổi ông đã soạn tự điển, và viết ít nhưng sách của ông để lại dấu ấn rất sâu đậm cho cả một thế hệ. Bùi Bảo Trúc nhận xét: "Những tác phẩm của (Phạm Công Thiện) luôn luôn được đón nhận bằng hai cách rất trái ngược nhau. Ông có thể rất được yêu mến bởi một số người hiểu ông. Nhưng đồng thời cũng có thể bị ghét bỏ bởi những người không hiểu ông."

Vài năm gần đây ông sống ở Úc, không xuất bản và cũng không đăng báo bài viết nào. Nhưng ông vẫn viết trong "im lặng." Và nay ông "nói" về "sự im lặng" đó. (LTC)

ĐẠO ĐỨC KINH CỦA LÃO TỬ, bản dịch của **Huỳnh Kim Quang,** Việt Triết lý Việt Nam & Triết học Thế giới xuất bản, 286 trang, giá $12.00. Liên lạc: 424 S. Ramona Ave., Monterey Park, CA 91754, (818) 288-5359.

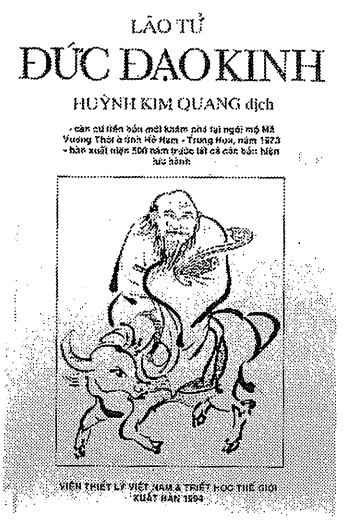

Ngay trên bìa sách, dưới tên của dịch giả, có hàng chữ in đậm: "căn cứ trên bản mới khám phá tại ngôi mộ Mã Vương Thôi ở tỉnh Hồ Nam - Trung Hoa, năm 1973 - bản xuất hiện 500 năm trước tất cả các bản hiện lưu hành."

Cái mới của một cuốn sách cũ nằm ở chỗ này.

Một tài liệu cần cho những nhà nghiên cứu. (LTC)

LUẬN NGỮ, Nguyễn Hiến Lê dịch, chú, 280 trang, Văn Nghệ xuất bản 1994, bìa của Khánh Trường. Giá $13.00. Ngoài Hoa Kỳ $15.00.

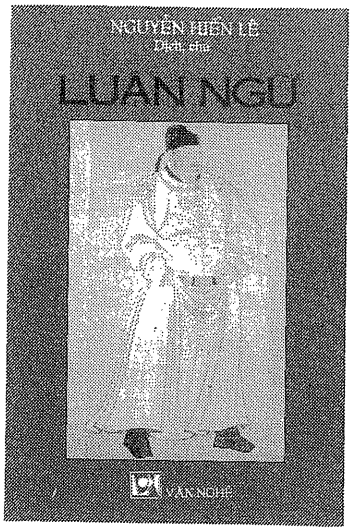

Luận Ngữ là tập sách đứng đầu Tứ Thư của Trung Hoa, ghi chép lời của Khổng Tử dạy học trò, do học trò của ông và người đời sau thu thập lại. Đây là tập sách chứa đựng tinh túy học thuyết của Khổng giáo, phản ảnh trung thực tư tưởng của Khổng Tử. Học giả Nguyễn Hiến Lê đã nghiên cứu kỹ để trình bày rõ nguồn gốc của sách, các bản ghi chép khác nhau cùng các sách bình giải của người đời sau v.v... đã cho thấy rằng rất nhiều câu chữ Hán mà phần đông chúng ta tưởng là tục ngữ, như: dục tốc bất đạt, danh chính ngôn thuận, hòa nhi bất đồng, ôn cố tri tân, hậu sinh khả úy v.v... lại chính là lời dạy của Khổng Tử đã được ghi lại trong tập Luận ngữ này.

Trong phần dịch và chú thích, dịch giả đã đi từ Thiên I (Học nhi) đến Thiên XX (Nghiêu Viết), trong mỗi thiên dịch từng "bài" (thường chỉ là một câu nói ngắn của Khổng Tử) theo cách: phiên âm chữ Hán, dịch nghĩa rồi chú thích. Sau phần dịch, có phần Phụ Lục rất quan trọng, trong đó dịch giả có công phân loại các bài vừa dịch (ví dụ thuộc về các vấn đề Học và tu dưỡng, xử thế, chính trị v.v...), lập một bảng tên người, tên đất, tên triều đại đã nêu trong sách, và sau cùng lập một bảng sưu tầm các câu thường dẫn của Khổng Tử.

Ai cũng nhận rằng đối với người Việt Nam hiện nay cái học xưa của Trung Hoa ngày càng trở nên rất xa lạ, mặc dù ảnh hưởng tiềm tàng của nó trên văn hóa dân tộc vẫn còn đó. Nhờ những cuốn sách như "Luận Ngữ dịch và chú" của Nguyễn Hiến Lê, chúng ta tiếp cận được dễ dàng với nền học cổ ấy, và thấy rằng nó không phải hoàn toàn trở nên xa lạ như chúng ta tưởng, có thể hằng ngày chúng ta vẫn suy nghĩ, vẫn cư xử với các châm ngôn Khổng Tử nêu ra mấy ngàn năm trước mà ta không hay. Xem lại các gốc gác và nền tảng ấy là một điều rất nên làm, chúng ta sẽ gặp lại rất nhiều khi đọc Luận Ngữ. (PXĐ)

SAIGON TẠP PÍN LÙ bút ký của **Vương Hồng Sển**. Sách dày 344 trang, do Văn Nghệ xuất bản 1994, Khánh Trường trình bày bìa. Giá $15.00. Ngoài Hoa Kỳ $17.00.

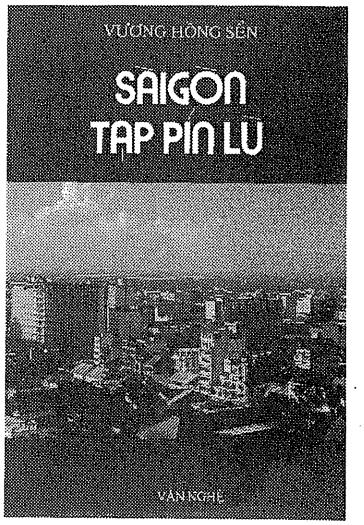

Đây là tập bút của nhà văn lão thành Vương Hồng Sển viết tại Sài Gòn từ năm 1982 đến năm 1989, để nối tiếp cuốn Saigòn Năm Xưa của tác giả đã xuất bản tại miền Nam từ lâu trước năm 1975. Saigon Tạp Pín Lù gồm hai tập, mà tác giả ghi chú đó là Saigòn Năm Xưa II và III, tiếp theo tập I xuất bản ... năm xưa.

Vẫn là các chuyện cũ của đất Saigon, và còn lan man ra nhiều nơi của Nam Kỳ Lục Tỉnh. Cuốn II có nội dung độc đáo vì kể lại đời của hai người đàn bà — hai nàng Kiều — nổi danh tài sắc một thì của Saigon thời thập niên 20, 30, và 40. Cũng vẫn là chuyện của hai cô con gái xuất thân quê mùa, nghèo khổ rồi dần dần ngoi lên giữa ánh sáng kinh thành, thành những gái điếm thượng lưu, chuyện do tác giả viết theo chính lời các đương sự kể lại, có nhiều chi tiết rất lý thú, khiến người đọc tưởng như đang xem lại một cuốn phim Trà Hoa Nữ Việt Nam với khung cảnh một Saigon từ thời còn đi xe song mã và còn thắp đèn khí, có các ông Tây thực dân, những ông hội đồng và các cậu công tử đất ruộng cò bay thẳng cánh...

Tập III đúng nghĩa là tạp pín lù, như tác giả đã nói ở "Thay lời tựa":

"Một cái bánh ngon, là cái bánh nguyên, vừa mới ra lò, còn nóng hổi 'vừa thổi vừa ăn', tôi muốn nói 'tập 1', đến như tập 3 nầy, vì còn chút đường dư bột vụn, tôi chế lại cho đỡ cơn đói lòng, quí vị thương tình, xin bớt hay đừng cố chấp."

Tuy tác giả nói một cách khiêm nhường là "đường dư bột vụn" nhưng với tài của mình, Vương Hồng Sển vẫn làm nên những cái bánh ngon lành, mỗi cái là một kho tư liệu của Saigon xưa, loại tư liệu tản mạn rải rác trong cuộc sống, không sách vở, thống kê nào nói tới. Đó là sinh hoạt muôn màu muôn vẻ của Sàigòn, một thành phố luôn luôn ngồn ngộn sức sống từ ngày xửa ngày xưa cho đến cả những năm tác giả viết sách, dù chế độ cộng sản ra sức o ép, vẫn không sao dập tắt được cái đời sống sung mãn dị kỳ, của một đô thị, có lẽ là trẻ tuổi nhất của Việt Nam. (PXĐ)

(Liên lạc: Văn Nghệ P.O.Box 2310, Westminster, CA 92683, USA. Phone (714) 527-5761.)

AKA và THẬP GIÁ, AI THẮNG AI của Linh Mục Phan Phát Huồn, The Vietnamese Redemtorist Mission California USA xuất bản 1994, dày 300 trang, giá $20.00.

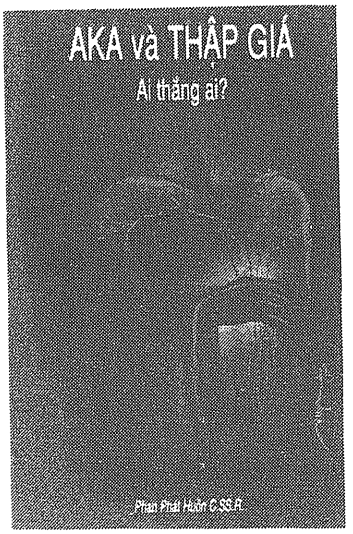

Đây là một tập hồi ký cải tạo, tác giả là một linh mục, cha Phan Phát Huồn, nguyên Phó Giám Đốc nha Tuyên Úy Công Giáo Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Cuốn sách ghi lại đoạn đời 13 năm của tác giả trong các trại tù cộng sản, cũng là ghi lại cuộc tranh đấu giữa đức tin Thiên Chúa giáo (tượng trưng là Thập Giá) và bạo lực của cộng sản (tượng trưng là súng AK).

"Ai Thắng Ai" là một chủ đề học tập của cộng sản Việt Nam năm 1975 sau khi chiếm được miền Nam Việt Nam, trong đó chứa đựng các phân tích và lý luận rằng chiến thắng của phe Cộng sản đối với phe tư bản, tại Việt Nam cũng như trên thế giới, là một điều tất yếu. Tác giả đã dùng chính câu "Ai Thắng Ai" đó trong tựa đề cuốn sách như nhắc lại một trang sử đau thương của dân tộc Việt Nam, và để xác định rằng bạo lực của cộng sản không bao giờ thắng được đức tin Thiên Chúa giáo.

Trong 300 trang sách Linh Mục Phan Phát Huồn đã ghi lại một cách tỉnh táo và trung thực nhiều sự kiện, nhiều câu chuyện chính mình đã sống hoặc chứng kiến trong trại cải tạo. Giọng văn và sự kiện hấp dẫn và khách quan, đôi lúc dí dỏm, khiến cho người đọc cảm thấy vui và lôi cuốn khi đọc, mặc dù toàn bộ cuốn sách nói về một giai đoạn rất đau thương của tác giả và các bạn đồng cảnh. Trong tương lai đây sẽ là các sử liệu giúp cho các thế hệ mai sau hiểu đặc tính của chế độ và con người cộng sản đã một thời chiến thắng và ngự trị nước Việt Nam bằng bạo lực, và cuộc chiến của cả tinh thần dân tộc chống lại chủ thuyết ngoại lai xa lạ ấy, trong đó có đức tin tôn giáo và trong đức tin tôn giáo ấy có đức tin Thiên Chúa giáo mà tác giả là một chức sắc trong hàng giáo phẩm. (PXĐ)

Ở ĐIỂM KHỞI HÀNH, tập truyện của **Lê Thị Hàn,** Sông Thu xuất bản 1994, trình bày và phụ bản: Đinh Cường. Sách dày 150 trang, giá bán $12.

Sách gồm 15 truyện và ba bài thơ. Trừ bài thơ Xin Cám Ơn viết vào tháng Năm 1994, tất cả đều được sáng tác trong thập niên 60, từ 1964 đến 1968, tại Nhật Bản. Thời ấy tác giả là một sinh viên du học ở Nhật, các bài viết đều là những hoài niệm và tâm tình về tình yêu, gia đình, bạn bè và về đất nước của một người con gái đang rời xa xứ sở.

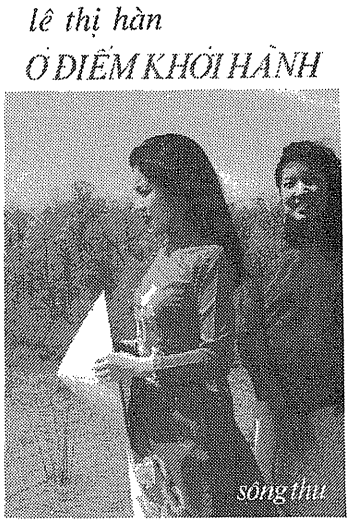

Tất cả mang hơi hướng của một thời đã qua. Người ta thấy ở đó chí hướng của một người trẻ ra đi du học, các nỗi buồn nhớ gia đình và bè bạn, các thống khổ ray rứt khi nghe tin những mất mát tàn phá vì cuộc chiến ở nhà, và các xao động về cuộc sống trên xứ người...

Trong lời giới thiệu ngắn ở đầu sách, nhà văn Võ Phiến viết: "... Nhưng các thế hệ nam nữ sinh viên Việt Nam du học từ bốn chục năm trước họ đã sống thế nào? Đã cảm nghĩ ra sao? Cho đến nay tiếng nói của họ còn hiếm lắm. Tác phẩm của Lê Thị Hàn là một trong những tiếng nói hiếm hoi ấy. Có lẽ là độc nhất, cất lên từ phái nữ."

Ở Điểm Khởi Hành, do đó, trước hết là một loại tài liệu, là chứng tích một thời nhưng ghi lại không phải bằng phương pháp sử học mà dưới dạng văn học. (PXĐ)

(Mọi liên lạc: Lê Thị Hàn, 1 Wagner Place, Hastings-on-Hudson, N.Y. 10706. Điện thoại (914) 478-2597).

ĐĨA VÀ BĂNG

Thế Kỷ 21 số này có một loạt bài nghiên cứu, nhận định về nhạc cổ truyền Việt Nam, do các nhà nhạc học, các nhạc sĩ và các nhà nghiên cứu viết. Để minh họa cho các bài biên khảo, không gì hơn là nghe những đĩa hoặc băng trình diễn các thể điệu dân ca, dân nhạc và cổ nhạc. Thế Kỷ 21 nhận được và giới thiệu trong số này ba đĩa (hoặc băng) trong chủ đề này: 1. Dân ca Cổ truyền Việt Nam của Hoàng Oanh; 2. Eternal Voices của Nguyễn Thuyết

Phong; và 3. Bên Kia Sông Đuống của Kiều Loan.

DÂN CA CỔ TRUYỀN VIỆT NAM của **Hoàng Oanh**, H.O. Music Center phát hành, Compact Disc giá $12.00. Liên lạc: P.O.Box 9541, Fountain Valley, CA 92728, (714) 964-7591.

Hoàng Oanh có giọng hát ngọt ngào, lại có tài phát âm theo cả ba giọng Nam, Trung, Bắc, nên đĩa nhạc "Dân Ca Cổ Truyền Việt Nam" là một thành công: vừa là một phương tiện giải trí, vừa là một tài liệu cho các nhà nghiên cứu âm nhạc sắc tộc (ethnomusicologist).

ETERNAL VOICES (Traditional Vietnamese Music in the United States) của **Nguyễn Thuyết Phong và Terry E. Miller,** đĩa đôi (double CD), giá $19.50. Liên lạc IARVM, P.O.Box 16, Kent, OH 44240.

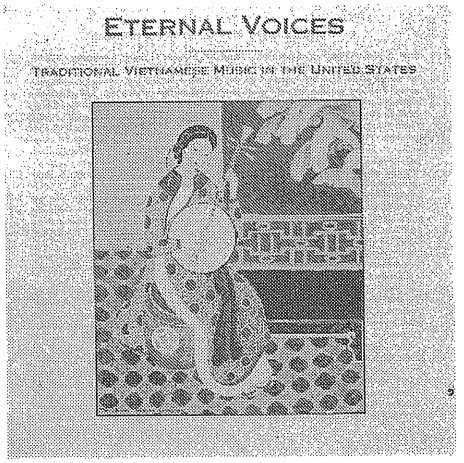

Được tài trợ bởi hai cơ quan chuyên về văn hóa xã hội, là National Endowment for the Arts và Social Science Research Council, bộ đĩa nhạc Eternal Voices không những là một sản phẩm văn nghệ phục vụ quần chúng trong nhu cầu giải trí, mà còn là một công trình sưu khảo, minh họa cho một loại hình nghệ thuật sẽ đóng góp cho nền văn hóa đa dạng của nước Mỹ, cũng như của cả nhân loại.

Hai đĩa **Eternal Voices** ghi lại nhiều làn điệu dân ca (như Quan họ, Kể Kiều, Ru con, v.v...) nhiều điệu cổ nhạc Bắc, Trung, Nam, và cả những biến tấu của các làn điệu dân tộc.

BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG thơ của **Hoàng Cầm,** do Kiều Loan và Quốc Chính ngâm, băng cát-xét. Liên lạc: 204 2nd Ave., Box 728, San Mateo, CA 94401. (408) 259-8608.

Ngâm thơ là một loại văn nghệ trình diễn rất độc đáo của Việt Nam. Mỗi "ngâm sĩ" là một nhà sáng tác nhạc, đưa vào bài thơ một hơi thở mới, một rung cảm mới.

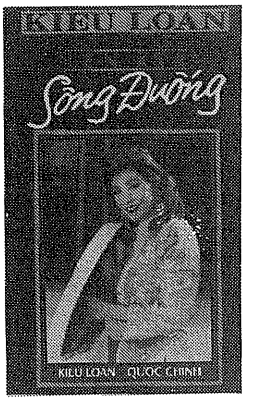

Từ khi có mục "Tao Đàn" trên đài phát thanh Saigon (1954-1975), người yêu thơ được nghe thơ ngâm bằng nhiều thể điệu khác nhau, nhưng thường có tiếng sáo trúc phụ họa. Sau có những chương trình được ghi-ta, hay đàn tranh, đàn bầu, dương cầm phụ họa.

Nhưng những nhạc khí "phụ họa" nói trên vẫn chỉ làm được vai trò là... phụ họa, nghĩa là "đi theo" - nương theo sự lên xuống của người ngâm.

Băng thơ **"bên Kia Sông Đuống"** đưa ra một cái mới: nhạc đệm cho ngâm thơ là những đoạn nhạc được soạn và được hòa âm để làm nổi bật ý của bài thơ, chứ không "đi theo" người ngâm.

Kiều Loan đã cống hiến cho chúng ta một băng thơ có tính sáng tạo. (LTC)

Bạn đã nồng nhiệt đón nhận những cuốn "đầu tay" của nhà Xuất Bản **Thế Kỷ:**

THƠ BÙI GIÁNG, của *Bùi Giáng*
NỬA ĐỜI NHÌN LẠI của *Tiêu Dao Bảo Cự*
HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI của *Phạm Xuân Đài.*

Bạn không thể không đón đọc những cuốn sắp ra:

1. **CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG,** tập truyện của *Trần Mộng Tú.* Với bìa của *Khánh Trường*, tựa của *Nguyễn Xuân Hoàng* và bạt của *Nguyễn Mộng Giác.*
2. **ĐÀN BÀ**, tập truyện của *Hải Vân.* (Với truyện ngắn "Đàn Bà" đã đăng, và đã gây sôi nổi một thời, trên *Thế Kỷ 21* số ra mắt).
3. **VÙNG ĐÁ NGẦM**, tập truyện của *Hà Kỳ Lam*, bìa và phụ bản của *Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng.*
4. **ĐẤU CỜ TƯỚNG**, truyện vừa của *Stefan Zweig, Đỗ Quán Anh* phóng tác, đã đăng trên TK 21 năm 1989. Bìa và phụ bản của *Nguyễn Trọng Khôi.*

Nhà Xuất Bản và Phát Hành **Thế Kỷ**
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE, CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

VNI-WORD TÂN KỲ

VŨ TUY HÒA

Công ty điện toán VNI vừa cho ra đời một bộ nhu liệu (*software*) tiếng Việt mới giúp đánh chữ Việt trên máy IBM PC thêm dễ dàng và nhanh chóng: Bộ biên soạn VNI-Word Tân Kỳ.

Đây là một bộ biên soạn (*word processor*) hoàn toàn bằng tiếng Việt, với những chỉ dẫn tại chỗ (*on-line help*) và mệnh đơn (*menu*) bằng tiếng Việt trên màn ảnh, và hai cuốn sách chỉ dẫn rất chi tiết cũng bằng tiếng Việt.

Với VNI-Word Tân Kỳ, người sử dụng đánh chữ Việt thành những hồ sơ rồi in thẳng ra máy in.

Khả năng mới mẻ nhất của bộ biên soạn VNI-Word Tân Kỳ là nó giúp bạn đánh dấu chữ Việt luôn luôn đúng chỗ. Nó có thể tự động sửa lỗi chính tả trong khi bạn đang đánh chữ; thí dụ, bạn đánh chữ "Gnũiên", bạn sẽ thấy chữ được đánh vào đổi ngay lập tức thành "Nguyễn".

Sau khi đánh xong một văn bản, bạn có thể xét lỗi chính tả trong toàn bài bằng cách nhấn một nút. Chữ nào VNI-Word Tân Kỳ có thể đoán ra cách sửa, nó sẽ tự động sửa; chữ nào không đoán ra, nó sẽ dừng lại hỏi bạn.

Phương pháp đánh chữ Việt mới có tên là "VNI Tân Kỳ" để phân biệt với phương pháp đánh chữ cũ của VNI nay gọi là "VNI Căn Bản". Với phương pháp VNI Căn Bản, bạn đánh mẫu tự chính trước rồi đánh dấu sau. Với phương pháp VNI Tân Kỳ, bạn đánh dấu trước hoặc sau đều được.

Bạn có thể thay đổi vị trí các nút dấu chữ Việt trên bàn chữ. Như vậy, với những khả năng mà nó có, VNI-Word Tân Kỳ có thể đáp ứng mọi sở thích về cách đánh chữ của bạn, từ cách đánh dấu trước chữ sau thời giữa thập niên 1980 tới cách đánh chữ Telex phổ biến ở trong nước.

Nhiều tòa báo Việt ngữ ở Nam California và một số nơi trong nước Mỹ đã có dịp dùng thử bộ biên soạn VNI-Word Tân Kỳ khi bộ nhu liệu này còn trong giai đoạn phát triển thử nghiệm. Hầu hết đều thích.

"Trước kia tôi đánh máy tới 6 giờ chiều thì quá mệt. Từ hồi xài bộ này, tôi đánh máy tới 3-4 giờ mà vẫn khỏe re, bởi vì mới tới 3-4 giờ là đã hết bài để đánh rồi!" cô Bình, một người đánh máy trong tòa soạn *Việt Báo Kinh Tế*, cho biết.

"Tôi là người chả biết tí gì về máy điện toán cả," ông Nguyễn Văn Khanh nói, "nhưng cái nhu liệu này quả là dễ dùng: đánh dấu trên chữ M là một phụ âm, mà dấu cũng rơi đúng vào nguyên âm!" Ông Khanh hiện cư ngụ tại vùng Washington D.C. và làm đặc phái viên tại thủ đô cho hai trong số những cơ quan truyền thông ở Nam California là nhật báo *Người Việt* và đài phát thanh *Little Saigon*.

Ông chỉ vừa mới "khám phá" ra bộ nhu liệu điện toán tiếng Việt này nhân chuyến sang thăm quận Cam hồi cuối tháng Bảy. Trong chuyến đi này ông có ghé thăm cửa tiệm của VNI tại thành phố Westminster.

Giải thích tại sao mọi người đều cảm thấy "mát tay" khi đánh chữ với bộ nhu liệu này, ông Hồ Thành Việt, giám đốc công ty VNI, nói, "Có lẽ tại vì phương pháp VNI Tân Kỳ làm cho mọi người bớt căng thẳng, nó làm cho việc đánh chữ trở nên giống như viết tay."

"Thí dụ như tôi có thói quen viết các mẫu tự trong một âm tiết rồi mới đánh dấu nhưng có khi lại đánh dấu ngay sau một mẫu tự nào đó; nghĩa là khi viết tay, tôi gần như không đánh dấu theo một thứ tự nào nhất định. Tôi nghĩ hầu hết mọi người đều viết chữ Việt như vậy. Phương pháp đánh chữ này, bỏ dấu bất cứ lúc nào mà dấu vẫn rơi đúng vào nguyên âm chính, bù đắp cho thói quen tự nhiên vốn không chính xác của chúng ta."

Được biết tiền thân của bộ nhu liệu VNI-Word Tân Kỳ chính là bộ VNI-Word hiện đang được rất nhiều người sử dụng cả ở trong lẫn ngoài nước Việt Nam.

So với bộ nhu liệu tiền thân của nó thì ngoài phương pháp đánh chữ Việt mới, VNI-Word Tân Kỳ còn có nhiều khả năng khác nữa. Một trong những khả năng quan trọng là có thể in văn bản với nhiều hình thức trang và kiểu chữ khác nhau. Trước kia, người sử dụng thường đánh chữ bằng VNI-Word (cũ) rồi chuyển qua một bộ nhu liệu trình bày ấn phẩm để trình bày từng trang rồi mới in ra máy in.

Những bộ nhu liệu trình bày ấn phẩm (tiếng Anh) thịnh hành như Ventura Publisher, PageMaker, QuarkXPress, FrameMaker, v.v. đều phức tạp và khó sử dụng đối với người không chuyên nghiệp, lại đòi hỏi máy PC phải chạy nhanh và có bộ nhớ (*memory*) lớn. Đó là chưa kể tới giá cả rất cao của những bộ nhu liệu này: trung bình 500 Mỹ kim (giá bán tại tiệm của FrameMaker vào khoảng 800 Mỹ kim).

VNI-Word Tân Kỳ là một bộ nhu liệu vừa túi tiền, dễ hiểu, chỉ cần máy PC với hệ điều hành DOS và màn ảnh EGA hoặc VGA là có thể chạy, mà vẫn có khá nhiều khả năng in và trình bày văn bản, chẳng hạn: in nhiều kiểu chữ như thường, nghiêng, đậm; in nhiều cỡ chữ từ 8 tới 36 chấm (*point*); in được nhiều phông (*font*) chữ trong cùng một trang, thậm chí trong cùng một dòng chữ; chia trang thành nhiều cột; sắp dòng qua trái, qua phải, vô giữa, bằng lề; sắp đặt khoảng cách giữa các dòng và giữa các đoạn; v.v.

VNI-Word Tân Kỳ có thể in được chữ Việt ra hầu hết mọi loại máy in đang có bán trên thị trường. Chẳng hạn như các máy in Laser tương đương với HP LaserJet Series II, các máy in Desk Jet tương đương với HP Desk Jet 500, các máy in Ink Jet tương đương với Epson Stylus, các máy in Bubble Jet tương đương với Canon BJ Series, các máy in hạt chấm (*dot matrix*) 24 kim tương đương với Epson LQ, và các máy in hạt chấm 9 kim tương đương với Epson FX.

Có một điều lạ là văn bản được in trên một máy in rẻ tiền hơn như những máy in hạt chấm 9 kim cũng có thể được VNI-Word Tân Kỳ chia cột sắp dòng và in với nhiều kiểu chữ y hệt như trên những máy in đắt tiền như LaserJet. Dĩ nhiên, in bằng máy đắt tiền thì chất lượng bản in vẫn cao hơn, nét chữ vẫn mịn hơn.

Trong cuộc nói chuyện với *Thế Kỷ 21*, ông Hồ Thành Việt cho biết: "Đi kèm theo bộ biên soạn VNI-Word Tân Kỳ là hơn 150 phông chữ Việt thuộc mười bốn mặt chữ thông dụng như Courier, Times Roman, v.v." Đây là những phông chữ đẹp được gọt giũa tỉ mỉ công phu từng giúp VNI nổi tiếng với bộ VNI-Ventura cách đây vài năm.

Hỏi về giá cả, ông Việt nói: "Công ty VNI lâu nay luôn dành cho khách hàng cũ giá cả đặc biệt. Nếu quý vị từng mua một hoặc nhiều nhu liệu của VNI, quý vị có thể mua VNI-Word Tân Kỳ với giá 75 Mỹ kim thay vì với giá chính thức 145 Mỹ kim."

Khi VNI thông báo sẽ phát hành bộ nhu liệu mới này, một số tác giả sách kỹ thuật cho biết họ sẽ xuất bản sách nhằm giúp người dùng làm quen nhanh hơn với bộ nhu liệu và áp dụng những mẹo vặt làm tăng hiệu quả của bộ nhu liệu. Ngoài hai cuốn sách chỉ dẫn đi kèm với VNI-Word Tân Kỳ, bạn có thể tìm hiểu cách sử dụng bộ nhu liệu này qua cuốn *Sử Dụng VNI-Word Tân Kỳ* của kỹ sư Trần Trung Nhã sắp sửa ra nay mai.

Được hỏi khi mua bộ nhu liệu này về, gặp trở ngại thì sao, ông Việt nói: "VNI là một cơ sở của người Việt phục vụ khách hàng theo tiêu chuẩn của những hãng nhu liệu Mỹ. Nếu gặp bất cứ trở ngại nào trong khi sử dụng hoặc gắn vào máy một bộ nhu liệu của VNI, khách hàng chỉ cần nhấc điện thoại gọi ban hướng dẫn kỹ thuật (*tech support hotline*) thì sẽ được giải đáp và, nếu đang ngồi tại máy, quý vị sẽ được chuyên viên của VNI tận tình chỉ dẫn từng bước."

Nâng cấp lên VNI-Windows 1.2

Song song với việc phát hành bộ nhu liệu mới VNI-Word Tân Kỳ, công ty VNI còn thông báo nâng cấp (*upgrade*) một bộ nhu liệu đang được sử dụng rất rộng rãi là bộ VNI-Windows. Ấn bản của VNI-Windows trước nay là 1.1 từ bây giờ sẽ là 1.2.

VNI-Windows là một bộ nhu liệu giúp người sử dụng hệ điều hành Microsoft Windows trên máy IBM PC có thể đánh, thấy, và in được chữ Việt trong hầu hết mọi nhu liệu tiếng Anh họ đang dùng để làm việc, bất kể nhu liệu đó thuộc loại biên soạn (tức *word processor*, như MS Word, WordPerfect, Ami Pro), kho dữ kiện (tức *database*, như Access, Foxpro, Approach), bảng tính (tức *spreadsheet*, như Lotus 1-2-3, MS Excel), trình bày ấn phẩm (tức *desktop publisher*, như Ventura, PageMaker, QuarkXPress, FrameMaker), vẽ hình kẻ chữ mỹ thuật (như CorelDraw), hay kẻ bản nhạc (như Finale, MusicTime); nghĩa là, trong hầu hết mọi nhu liệu tiếng Anh, bạn có thể đánh chữ Việt thẳng vào đó rồi in ra theo kiểu "Thấy Sao In Vậy" (*What You See Is What You Get*).

Được biết lần nâng cấp này nhằm làm cho việc cài đặt bộ nhu liệu VNI-Windows vào hệ điều hành Windows for Workgroups, còn gọi là Windows 3.11, được dễ dàng hơn.

Để biết thêm chi tiết về các sản phẩm VNI, có thể liên lạc với công ty VNI ở địa chỉ sau: 15103 Moran St. Westminster, CA 92683. Điện thoại (714) 891-7656. Fax (714) 891-1757.■

Tìm đọc:

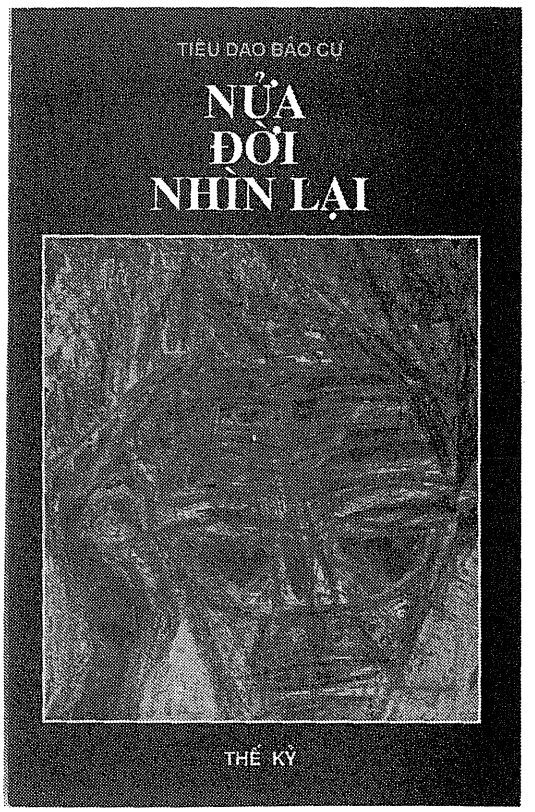

Nhà Xuất Bản và Phát Hành Thế Kỷ
11022 ACACIA PARKWAY # A
GARDEN GROVE, CA 92640 - USA

TEL (714) 638-9510

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

"Những dòng văn học bị bỏ quên", đề tài diễn thuyết của GS Phạm Cao Dương tại Trụ sở Văn Bút Hải Ngoại hôm 28 tháng Tám 1994. Trên bàn diễn giả (từ trái qua): Nhà thơ Vô Ngã, các giáo sư Phạm Cao Dương, Lưu Trung Khảo và Tiến sĩ Trần Huy Bích.

Văn Bút diễn thuyết về "Những Dòng Văn Học Bị Bỏ Quên"

"Có ít nhất ba Dòng Văn Học VN bị bỏ quên khi nhìn từ khía cạnh Sử học và Giáo dục, là dòng văn chương chữ Hán, văn học Yêu nước và những lời nhạc thực sự là những bài thơ giá trị" — GS Phạm Cao Dương, Phó chủ tịch Văn Bút VN Hải ngoại, nói đại ý như trên trong cuộc nói chuyện hàng tháng tại Trung Tâm Văn Bút VN ở Westminster hôm Chủ Nhật 28 tháng Tám 94.

Ông nói rằng dòng Văn học chữ Hán của ta rất phong phú, nhưng đã bị Tàu tiêu hủy gần hết. Lệnh tiêu hủy chữ nghĩa văn thơ VN, kể cả trên bia, do Minh Thành Tổ truyền cho quân lính khi qua xâm lăng Việt Nam đã được đưa ra để chứng minh. Còn văn thơ yêu nước thì hết đời này qua đời khác, từ Tàu đến Pháp, chỉ được lưu truyền bí mật, đương nhiên không được đem giảng dạy ở nhà trường. Dòng Văn học thứ ba chính là những lời bài hát có giá trị như những bài thơ hay mà chưa được ai đưa vào văn học sử.

Cùng với GS Dương, nhiều nhà thơ, nhà giáo đã lên diễn đàn, trong đó có tiến sĩ Phạm Khắc Hàm, giáo sư Lưu Trung Khảo, tiến sĩ Trần Huy Bích, giáo sư Nguyễn Sĩ Tế, và các cụ Lợi, Đại, các nhà văn thơ Duy Lam, Hà Văn.

Club O'noodles trình diễn ra mắt vở "Miss Little Saigon-95"

Nhóm kịch trẻ Club O'Noodles sẽ trình diễn vở hài nhạc kịch "Hoa Hậu Áo Bà Ba-95" (Miss Little Saigon 95), tại Little Saigon, qua bốn buổi vào tháng Mười 1994, tại rạp Ebell Society Theater, 625 N. French St., Santa Ana, CA 92701.

Nhóm Club O'Noodles là một ban nhạc kịch trẻ, gồm đa số là sinh viên, được thành lập từ năm 1992, và gây được nhiều sự chú ý do phong cách trình diễn độc đáo.

Vở hài nhạc kịch "Hoa Hậu Áo Bà Ba," được quy tụ nhiều nhân vật hài hước dí dỏm như

Mister Mikey Vu, Vanna Yellow, Đon Móm, Rice Boy Rapper...

Hùng Vương: Một tác phẩm điện ảnh đúng nghĩa?

Một nhóm trẻ gom góp tiền của người trong gia đình để "phiêu lưu" vào việc làm phim Việt tại Mỹ.

Đại diện cho cả nhóm là Charlie Nguyễn. Đúng ra anh tên là Nguyễn Chánh Trực, 25 tuổi. Ba của anh là Nguyễn Chánh Sử, anh ruột của Nguyễn Chánh Tín, một tài tử điện ảnh nổi tiếng của Việt Nam. Anh tới Mỹ cùng với ba sau một chuyến vượt biên thành công vào năm 1981.

Khi Trực tốt nghiệp trung học, ba má anh muốn anh học một nghề thực dụng, nhưng anh say mê điện ảnh nên cuối cùng vẫn đi... quay phim.

Sở dĩ anh chọn quay phim **"Thời Hùng Vương thứ 18"** vì anh cho đây là phim dã sử, võ hiệp. Anh coi đây chỉ là một phim anh *thực tập* cho vững tay nghề trước khi thực sự bước vào những tác phẩm nghệ thuật anh ấp ủ trong đầu.

Miss UCLA và Vanna Yellow, một cảnh trong "Hoa Hậu Áo Bà Ba 1995"

Vừa nghe "Hà Nội Trong Mắt Tôi" vừa nói về "Dự Án 20"

Buổi ra mắt sách "Hà Nội Trong Mắt Tôi" của Phạm Xuân Đài tại San Diego vào lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 11 tháng Chín 1994 có cái may mắn là sinh hoạt đầu tiên tại trụ sở mới mua của Hiệp Hội Người Việt San Diego. Ông Bùi Quang Tiến, Chủ Tịch Hiệp Hội Người Việt San Diego, trong lời chào mừng đã nói rằng đây là kết quả của mười năm hoạt động của Hiệp Hội, và cũng cho thấy khả năng kết hợp của tổ chức này khi cho biết các thành phần bảo trợ buổi sinh hoạt ra mắt sách có Tuần báo *San Diego Thương Mại*, tuần báo *Thời Mới*, tuần báo *Chính Diện*, Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam CH, Hội Phụ Huynh và Giáo Chức San Diego, Hội Dược Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ, Hội Dược Sĩ Việt Nam tại San Diego, các cá nhân: bác sĩ nha khoa Nguyễn Quốc Bảo, giáo sư Nguyễn Thanh Trang cũng như chính ông Chủ tịch Hiệp Hội Người Việt San Diego.

Sau khi ông Trưởng ban tổ chức Nguyễn Tấn Thọ ngỏ lời cùng cử tọa, ông Lê Phục Thủy giới thiệu tác giả bằng cách ôn lại các kỷ niệm khi hai người cùng học tại trường Chu Văn An, ông Lê Đình Điểu đại diện nhà xuất bản Thế Kỷ nói về "lai lịch" của cuốn "Hà Nội Trong Mắt Tôi", giáo sư Tô Đồng đã mở đầu phần chính của buổi ra mắt sách với bài nói về các cảm nghĩ của mình khi đọc tác phẩm này. Sau đó, bà Hoàng Hương Thủy và ông

Nguyễn Chánh Trực trong phim "Thời Hùng Vương thứ 18"

Lê Phục Thủy và Phạm Phú Minh (tức Phạm Xuân Đài) bạn học cũ 35 năm trước, gặp nhau trong buổi ra mắt sách

Trương Toàn nhận xét về văn phong và ý nghĩa của tác phẩm. Nhạc sĩ Phạm Duy tỏ ra rất thích những tâm tình của Phạm Xuân Đài về quê hương.

Nhân dịp này, ban Tổ chức cũng cho phổ biến "Bản Tin" của Dự Án 20, để bà con San Diego tham gia các chương trình tại địa phương.

Mãn khóa lớp ảnh nghệ thuật

Hội Ảnh Nghệ Thuật đã làm lễ mãn khóa lớp ảnh thứ 33 của Hội tại Westminster sáng thứ Bảy 10 tháng Chín 1994. Đây là lớp ảnh mà Hội đã hướng dẫn miễn phí theo truyền thống của Hội từ 16 năm qua.

Lớp ảnh thứ 33 này đã khai giảng hôm 14 tháng Năm 1994, đón nhận 85 học viên. Suốt bốn tháng học tập và thực hành, có 26 học viên đã hội đủ điều kiện để nhận cấp bằng của Hội Ảnh Nghệ Thuật. Lớp ảnh này thuộc cấp 1. Học viên tốt nghiệp sẽ được lên cấp II.

Trong buổi sinh hoạt mãn khóa, các học viên đã nộp một số lượng đáng kể ảnh thực hiện trong thời gian học tập qua. Ban giảng huấn đã thực hiện một cuộc tuyển lựa tại chỗ và cấp phát một số giải thưởng như sau:

Giải nhất: "Hoa" của Bùi Ngọc Toại.

Giải nhì đồng hạng: "Hướng Thượng" của Trần Thị Kim Cúc, "Chiều Xuống" của Nguyễn Ái Quyên Quyên.

Giải ba: "Chân Dung" của Lưu Thanh Vương; "Chân Dung" của Nguyễn Hữu Quỳnh Trâm.

Giải năm: "Đèn" của Nguyễn Hữu Quỳnh Trâm.

Ngoài ra các học viên Nguyễn Ái Quyên Quyên, Nguyễn Hữu Quỳnh Trâm, và Benjamin Vũ đã chiếm thêm năm bằng Tưởng Lệ Danh Dự.

Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật- Thi Đàn Lạc Việt tổ chức thi thơ

Nhằm mục đích thúc đẩy sáng tác Thơ và khích lệ những cây bút mới, Hội Trao Đổi Văn Học Nghệ Thuật, địa chỉ 1923 Mt. Pleasant Rd, San Jose, CA 95148

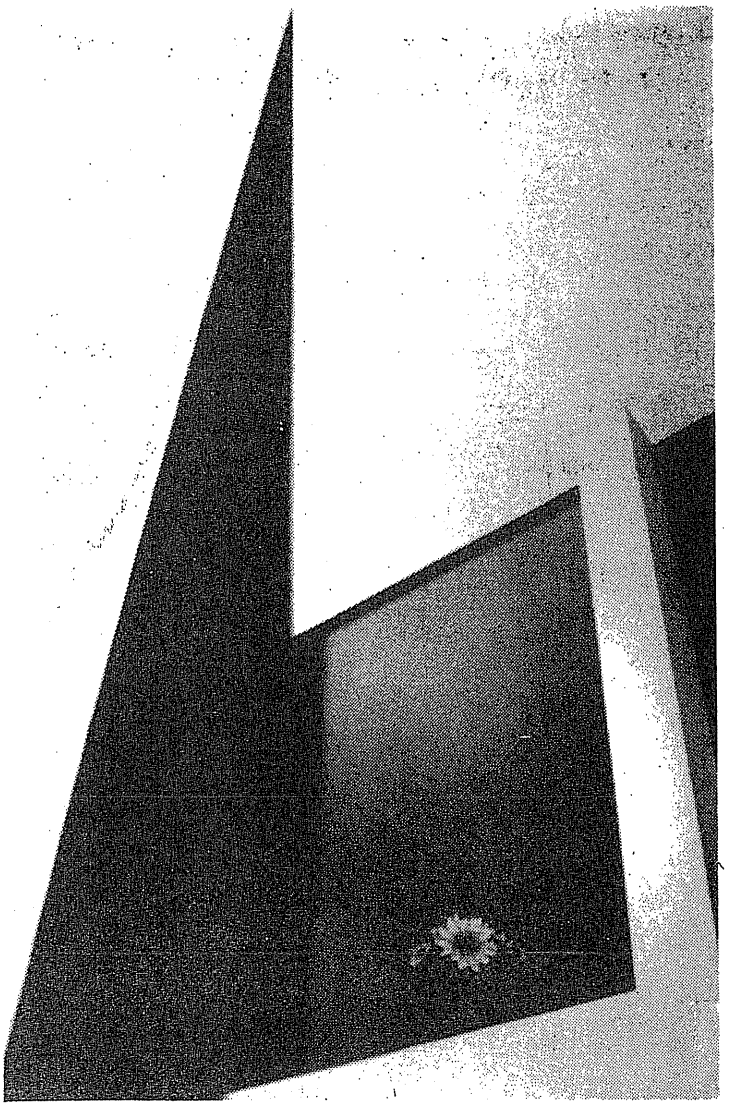

Hướng Thượng: Trần Thị Kim Cúc, Giải nhì đồng hạng

USA; Điện thoại và fax (408) 223-1983 sẽ tổ chức một cuộc thi thơ với chi tiết như sau: (có thể thay đổi, nếu cần).

— Đề tài: Tự do (trừ đề cao tư tưởng độc tài, phong kiến phản tiến bộ).

— Tham dự: Mọi người (trừ nhân viên Ban Quản Trị, Ban Điều Hành Hội, Ban Giám Khảo Thi Thơ...)

— Thể thơ: Mọi thể thơ (Đường luật, Lục bát, Tứ tuyệt, Ngũ ngôn, Thơ mới...)

— Số lượng bài: Từ 5 (năm) đến 10 (mười) bài, chưa đăng báo, làm theo nhiều thể khác nhau.

— Hạn gửi và cách gửi bài: 15-11-94. Xin bỏ bài thi vào một bao thư riêng, ghi tên, họ thực trong một bao thư riêng dán kín bỏ chung vào một bao thư. Gửi đến địa chỉ Hội, nêu ở trên.

— Công bố kết quả: Dịp Tết Âm Lịch Ất Hợi 1995.

— Giải thưởng gồm có:

* Giải danh dự: Hiện kim, hiện vật: 300US

* Giải khuyến khích: Hiện kim, hiện vật 100US (mỗi giải).

— Ban Giám Khảo: Sẽ gồm có một số nhân vật tên tuổi với sự cố vấn và tham gia của Thi Sĩ Trình Xuyên, Hà Thượng Nhân, Cao Tiêu, Viên Linh, Duy Năng, Minh Viên, Ngô Đình Chương, Dương Diên Nghị, Huệ Thu...

Triển lãm họa phẩm "Hôm Qua Và Hôm Nay" của Nữ Họa Sĩ Ann Phong

"Yesterday and Today" là đề tài của cuộc triển lãm những họa phẩm do nữ họa sĩ Ann Phong sáng tác. Phòng tranh được khai mạc hôm 17 tháng Chín và sẽ tiếp tục mở cửa trong sáu tuần lễ đến 23 tháng Mười vào những ngày Thứ Năm (6pm-10pm)- Thứ Bảy (10am-5pm) - Chủ Nhật (12pm-5pm) tại trung tâm Griffin Fine Art, 1640 Pomona Avenue, Costa Mesa (điện thoại 714-646-5665).

Tên tuổi Ann Phong đến nay chưa được quen biết nhiều, nhưng một lần xem qua những họa phẩm của cô mọi người đều nhận thấy ngay điểm nổi bật ở cả hình thức và nội dung mang những sắc thái riêng biệt chắc chắn không thấy nơi ai khác. Trong chủ đề bao quát về cuộc sống, cô trình bày

ĐIỆN ẢNH

Hội Điện Ảnh và Truyền hình Việt Nam Hải Ngoại thông báo về cuộc thi "Viết truyện phim"

Nhằm góp phần giải tỏa bế tắc vấn đề sản xuất phim Việt tại hải ngoại, và để giới thiệu truyện phim về đề tài Việt Nam đến các nhà sản xuất Việt Nam và ngoại quốc, tạo cơ hội cho những người muốn cống hiến những câu chuyện từ vốn sống của chính mình hay qua những câu chuyện thương tâm cay nghiệt mà mình được biết, Hội Điện Ảnh và Truyền Hình Việt Nam Hải Ngoại với sự cộng tác và bảo trợ của Nhật báo *Người Việt* và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) sẽ tổ chức một cuộc thi "Viết Truyện Phim."

Quan niệm Truyện phim là nguyên liệu ban đầu gây sự chú ý và quyết định cho những nhà sản xuất hay những người có vốn muốn đầu tư vào ngành phim ảnh và cũng là một trong những yếu tố đem lại sự thành công hay thất bại cho một cuốn phim, Hội Điện Ảnh và Truyền Hình Việt Nam Hải ngoại tổ chức cuộc "Thi Viết Truyện Phim" với những qui định như sau:

1) Hình thức và thể loại: Viết dưới dạng truyện phim tóm lược. Dài độ ba trang đến 10 trang đánh máy. Bất cứ thể loại gì. Một người có thể gởi tham dự nhiều truyện nhưng mỗi truyện phải bỏ vào riêng một phong bì. Tác giả có thể để tên thật hay bút hiệu. Phải ghi rõ địa chỉ và điện thoại liên lạc. Phải giữ một bản sao đã gởi Ban Tổ Chức có ghi ký hiệu riêng để làm bằng khi cần đối chiếu.

2) Thời hạn: Cuộc thi được tổ chức làm nhiều đợt. Đợt thứ nhất bắt đầu từ ngày 15/9/94 và chấm dứt vào 15/12/94. Các đợt khác sẽ thông báo sau. Sau mỗi đợt Ban Tổ Chức chọn và trao ba giải. Ban Tổ Chức dành quyền từ chối đăng những chuyện phim không hội đủ tiêu chuẩn.

3) Ban Giám Khảo: Gồm các nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động điện ảnh: Bùi Sơn Duân, Võ Doãn Châu, Lê Hoàng Ân, Lê Đình Điểu, Nguyễn Xuân Hoàng.

4) Giải thưởng: Trong điều kiện hiện tại, giải nhất sẽ tặng thưởng 300$, giải nhì 200$, giải ba 100$. Ngoài những truyện phim trúng giải, tất cả những truyện phim được chọn đăng sẽ được cấp phát một giấy "Chứng Nhận Tham Dự Cuộc Thi Viết Truyện Phim" (Certificate of participation).

5) Quyền lợi: Truyện phim trúng giải được nhà sản xuất hay những người có vốn muốn đầu tư sản xuất chú ý hay muốn chọn để thực hiện, Hội Điện Ảnh và Truyền Hình VN Hải Ngoại sẽ tạo điều kiện cho hai bên gặp nhau xúc tiến thủ tục hợp tác hay thực hiện. Bản quyền Truyện phim trúng giải thuộc Ban Tổ Chức 50%, tác giả 50%.

Chúng tôi rất hoan nghênh sự hưởng ứng đông đảo của bạn đọc và những người yêu điện ảnh muốn thấy phim Việt có một chỗ đứng trên thị trường phim ảnh quốc tế.

Ý truyện và cách trình bày câu chuyện là phần quan trọng, nên phần văn viết nếu chưa được vừa ý xin các tham dự viên đừng ngại.

Chúng tôi đón nhận mọi nguồn tài trợ để cho cuộc "Thi viết Truyện phim" được thành công và những người trúng giải được thêm phần khích lệ.

Truyện phim dự thi xin gởi về Nhật báo *Người Việt* , 14891 Moran St, Westminster, CA 92683. Ngoài phong bì xin đề: "Dự Thi Viết Truyện Phim."■

Nữ họa sĩ Ann Phong tại phòng tranh Coriffin

không chỉ những vẻ đẹp hay cái xấu mà còn muốn phản ánh nỗi thất vọng, niềm đau, những khắc khoải của tình cảm và tâm hồn. Dù có thể không hiểu hoàn toàn những gì cô muốn diễn tả, nhưng người ta vẫn bị tác động với một ấn tượng sâu sắc trước những suy tư phức tạp ẩn trong tác phẩm, được thể hiện bằng những đường nét và mầu sắc mạnh mẽ sống động vốn là đặc điểm nơi người họa sĩ này.

Tác phẩm của Ann Phong đã tham dự trong nhiều cuộc triển lãm mà gần đây nhất là ở Sacramento và đại học Fullerton-cuộc triển lãm "Thế hệ mới." "Today and Yesterday" là cuộc triển lãm riêng đầu tiên — bao gồm riêng 14 họa phẩm do Ann Phong sáng tác từ 1992 đến 1994. Sắp tới đây cô dự định triển lãm ở San Francisco. Là một thuyền nhân vượt biên đến Hoa Kỳ năm 1981, nhiều tác phẩm của Ann Phong ghi dấu hình tượng và cảm nghĩ về những nỗi gian truân của con người đi tìm tự do.

Có lẽ ưu điểm của Ann Phong là sự thấm nhuần sâu sắc đồng đều cả hai nền văn hóa đông tây. Tốt nghiệp mỹ thuật tại đại học Pomona, đang theo ngành cao học mỹ thuật đại học Fullerton, cùng với những năng khiếu và tinh thần cầu tiến trong lý tưởng nghệ thuật, Ann Phong có đầy đủ những điều kiện sẽ là một họa sĩ tiêu biểu của cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Hiện nay Ann Phong là thành viên Hội Đồng Quản Trị hội Văn Học Nghệ thuật Việt Mỹ (VAALA).

Sinh viên Mỹ thăm Little Saigon

Mười hai sinh viên UCI-Mở rộng (UCI-Extension), dưới sự hướng dẫn của giáo sư Jeffrey Brody, đã đi thăm khu Little Saigon, ngày Thứ Bảy 17 tháng Chín 1994.

Là một phần của khóa học về văn hóa Việt Nam, cuộc viếng thăm Little Saigon giúp các sinh viên tiếp cận với đời sống người Việt trên đất Mỹ, về mọi mặt.

Mở đầu cuộc viếng thăm Little Saigon, sáng thứ Bảy, các sinh viên Mỹ đã đến Phòng Sinh Hoạt VAALA và được lược thuyết về tình hình cộng đồng, báo chí Việt ngữ và "Dự án 20."

Các ông Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu và Lê Văn Khoa đã lần lượt trình bày các đề tài, và trả lời các câu hỏi của sinh viên.

Điều đáng chú ý là một học viên thắc mắc "không hiểu người Mỹ đi lại trong khu Little Saigon có gì nguy hiểm không (?!)" Giáo sư Jeffrey Brody đã chứng minh bằng chính bản thân ông, suốt mười năm qua, chưa hề gặp rắc rối nào khi đi lại, tiếp xúc, viết tin v.v... trong khu vực có hàng trăm ngàn người Việt cư ngụ.

Nhóm sinh viên này, sau đó, đã đi thăm các khu buôn bán, thăm Chùa Việt Nam, và ăn trưa tại quán Viễn Đông để thưởng thức hương vị món ăn Việt Nam.

Đại Học UCI-Mở Rộng giới thiệu các khóa học mới

Đại học UCI-Mở Rộng (UCI-Extension) liên tiếp mở ra những khóa học dành cho người Việt Nam, đặc biệt về Quản trị Thương mại, và những khóa học về ngôn ngữ, văn hóa Việt, để người các sắc tộc khác và người Việt trẻ lớn lên ở Mỹ, tìm hiểu về Việt Nam.

Trong ý hướng giới thiệu những khóa học này, và tìm tòi những phương cách đem lại kết quả cụ thể cho các khóa học, bà Quyền Khoa Trưởng UCI-Mở Rộng, GS Jane Welgan, đã hướng dẫn một phái đoàn gồm 10 giáo sư và quản trị viên của trường, đến họp và thảo luận với một số nhà hoạt động trong cộng đồng Việt. Buổi họp diễn ra vào lúc 3 giờ chiều thứ Ba 13 tháng Chín 1994 tại Hội VAALA trên đường Moran, Westminster. ■

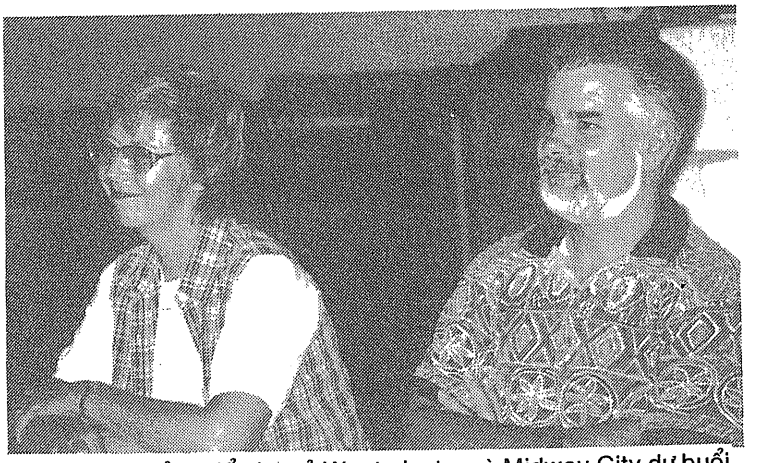

Hai vị hiệu trưởng tiểu học ở Westminster và Midway City dự buổi lược thuyết về Little Saigon

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

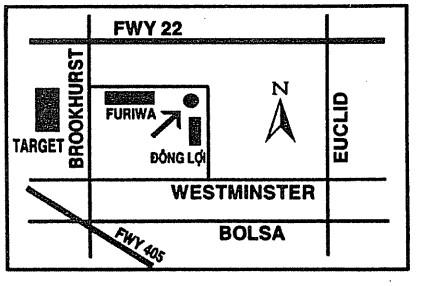

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Nơi tụ hội của văn nghệ sĩ thuộc mọi bộ môn (nghệ thuật tạo hình,
nghệ thuật trình diễn, văn chương và học thuật):
Phòng triển lãm, quầy sách báo, phòng hội thảo, sân khấu bỏ túi...

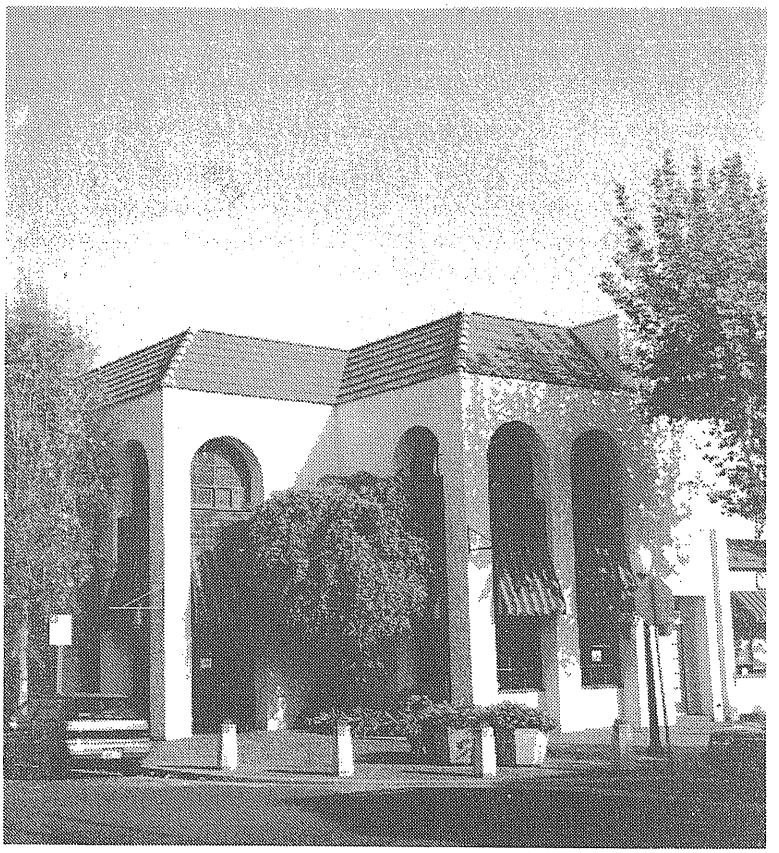

Hội viên* được đọc sách báo Việt, Anh, Pháp (tại chỗ) miễn phí; mua các sản phẩm và dịch vụ của Hội được bớt 10%. Uống cà-phê, nghe nhạc, và chuyện trò với bạn bè trong không khí văn nghệ, thanh lịch, và ấm cúng.

11022 ACACIA PARKWAY #A,
GARDEN GROVE CA 92640 USA
(góc đường Main, gần ngã tư Euclid và Garden Grove,
đậu xe ở Public Parking phía sau — vào lối đường Main.)

TEL (714) 537-8352

* Hội viên đóng niên liễm $30.00 (sinh viên và cao niên $20.00).
Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 nhập Hội được trừ 10% trên tiền mua báo.

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Hân hạnh giới thiệu các CD, Video, Băng Thơ, Băng Nhạc đã phát hành

Compact Disc:
CD 01: Nhạc Vàng Tuyển Chọn
CD 02: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
CD 03: Ave Maria
CD 04: Sao Chưa Thấy Hồi Âm
CD 05: Hòn Vọng Phu
CD 06: Cô Lái Đò
CD 07: Đêm Đông Chúa Sinh Ra Đời
CD 08: Dân Ca Ba Miền
CD 09: Chúa Là Nơi Con Nương Tựa
CD 10: Đi Trên Cỏ Non
CD 11: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển, Tỵ Nạn.

Video 1 Hai Vì Sao Lạc

Băng Thơ:
Băng Thơ 01: Tiếng Thơ
Băng Thơ 02: Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi
Băng Thơ 03: Đôi Bờ Nhớ Thương
Băng Thơ 04: Hai Sắc Hoa TyGôn
Băng Thơ 05: Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau
Băng Thơ 06: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển Tỵ Nạn

Băng Nhạc:
Hoàng Oanh 06: Dân Ca Ba Miền
Hoàng Oanh 07: Buồn Trong Kỷ Niệm
Hoàng Oanh 08: Ai Ra Xứ Huế
Hoàng Oanh 09: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
Hoàng Oanh 10: Tuổi Học Trò
Hoàng Oanh 11: Về Đâu Mái Tóc Người Thương
Hoàng Oanh 12: Hòn Vọng Phu
Hoàng Oanh Xuân: Rước Xuân Về Nhà
Hoàng Oanh 14: Đi Trên Cỏ Non

GIÁ TIỀN:
* $US 7.00
1 Cassette
* $US12.00
1 CD
* $US 15.00
1 Video

P.O. Box 9541
Fountain Valley
CA 92728
(714)
964-7591

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + 67 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chẩn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- ** Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- ** Máy lạnh thổi không ra hơi*
- ** Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- ** Hệ thống lạnh bị xì*
- ** Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- ** Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9622 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: 714-531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lotto LOTTO
California Lotto DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Triển Lãm • Hội Thảo • Ra Mắt Sách
Nhạc Thính Phòng • Văn Nghệ Thân Hữu • Câu Lạc Bộ
Quán Sách Báo Băng và Mỹ Nghệ Phẩm...

11022 ACACIA PKWY # A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944

Giá: US $ 3.00